



# CÔ MAI

(Scènes de la vie annamite)

par Georges SEILER

Traduit en annamite avec l'autorisation de l'auteur

par VŨ-VĂN-LỄ

(Reproduction formellement interdite)

## Truyện CÔ MAI

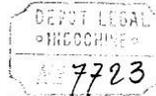
(Cuộc sinh-hoạt của người Nam-Việt)

Georges SEILER tiên-sinh  
soạn bằng chữ Pháp.

VŨ-VĂN-LỄ

đã xin phép tác-giả dịch ra Quốc-ngữ

(Không ai được in lại)



## **Giới thiệu của nhóm số hóa tác phẩm này**

“*Cô Mai – cuộc sinh hoạt của người Nam Việt*” là truyện của nhà văn Pháp Georges Seiler xuất bản năm 1923. Câu chuyện không có gì li kỳ, nhưng có rất nhiều chi tiết mô tả đời sống thường ngày của người Việt Nam ở Hà Nội vào đầu thế kỷ XX, do đó là nguồn tư liệu quý cho những ai tìm hiểu về văn hóa và đời sống Việt Nam. Truyện được vẽ bìa và minh họa bằng nhiều ký họa của họa sỹ Nam Sơn.

Truyện được Vũ Văn Lễ dịch ra tiếng Việt và in trên *Bulletin de la Societe d'enseignement mutuel du Tonkin* (Bản tin của Hội Tương tế Giáo dục Bắc Kỳ) các năm 1927-1931). Các bản tin này có thể truy cập xem tại website gallica.bnf.fr (Thư viện Quốc gia Pháp).

Nhận thấy đây là tư liệu quý và nên được thể hiện dưới dạng dễ đọc hơn, chúng tôi đã gỡ lại thành văn bản từ nguồn trên. Nay xin giới thiệu tới các độc giả. Trong quá trình số hóa, chúng tôi nhận thấy một số xưng hô của các nhân vật không giống với cách nói của người Việt, có lẽ là do sách được dịch ngược từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Tháng 8/2023

Nhóm số hóa: Phan Phương Đạt và Lâm Việt Hoa

## CÔ MAI

(Cuộc sinh hoạt của người Nam - Việt)

### I

Bấy giờ đã bốn giờ chiều. Trong chợ Đồng Xuân, người bán hàng còn gì bán tống táng đi cho hết, vì sắp đui chợ. Các bà hàng támm là những bà đài các nhất trong chợ, đã sai đầy tớ dọn hàng, xếp từng chồng vải vóc nhiều lụa vào bồ đại, sắp sửa quang gánh để quẩy về nhà. Tuy chợ gần tan, khách mua hàng bị mắng soi soi, mà vẫn cứ đứng đĩnh, thấy hàng hoá thập vật bày la liệt, nom thích mắt, ngòì xòm, dờ dẫm, xem đi xem lại, ung dung như không, chẳng hề vội vã, mà cả tám mươi trổng canh để cò kè bớt vài ba đồng kềm.

Trên mái chợ, giờ nắng như thiêu mà trong chợ có kể đến mấy nghìn con người nói lao nhao, nghe ồn ào như ong vỡ tổ.

Duy còn khu hàng quà, là tấp nập, rộn rã hơn cả; người ăn quà đông nghìn nghịt; giờ nóng sốt, bánh trái đã thiu. Trong khu này, mùi thịt quay đưa lên thơm ngào ngạt lại lẫn cả mùi mắm tôm, lấm ông tây tuy các thực phẩm An Nam xoi được cả mà ngửi thấy mùi mắm này cũng phải lánh cho mau, lại có mùi nước mắm, mùi cá rán, mùi tương gừng, mùi dưa muối. Người đi chợ kéo nhau lũ lượt đến xúm quanh hàng quà. Quà bánh chẳng thiếu thức gì: nào bánh trôi bánh chay, nào giò bì giò lụa, nào bánh đúc sốt, nào lòng lợn luộc, nào bánh ngô bánh khúc, nào xôi lạc xôi dừa, kể sao cho xiết; (có thức trắng chợ, có thức sẫm mùi, có thức bèo nhèo, có thức rắn chắc, có thức đông có thức dẻo) người bán xú thêm vào biết bao nhiêu là đồ gia vị cực kỳ lạ lùng, để cho ăn đậm đà ngon miệng.

Nhà hàng bày riêng một cái chõng hàng xa xa, bên cạnh để cái ghế dài con; mấy cậu bếp đương ngòì ngát ngưỡng, cậu thì nhờn nhờ uống nước chè bằng cái chén tí hon, cậu thì húp cháo soàn soạt. Cứ nom “còn” là bóng nhoáng, tất lụa giầy tây, cũng đủ biết các cậu làm bếp những nhà hàng sang trọng.

Cạnh các cậu bếp có mấy anh sà ích, nom mặt du côn, đánh cái áo chèn, ra dáng tự đắc, kiêu căng, mắt thì nháy gái.

Một con mụ ăn nói rảo hoạt, lễ phép, thỉnh thoảng lại bung đĩa giàu đầy hay cái điều đưa mời chú bồi ngựa nhiều tuổi hơn cả.

Các cậu bồi bếp nói chuyện như pháo rạn, hét kháo nhau công cao công hạ lại bình phẩm chủ đỡ chủ hay, ăn giàu như mỏ khoét, quét giàu nhỏ ra đồ loè cả đất chung quanh.

Chợt có chú xâm đi qua, thằng bé con dốt, vai đeo cái đàn bầu, tay cầm cái gậy tre, vừa đi vừa rờ rẫm chõng xuống đất.

Một cậu sà ích trẻ tuổi gọi:

- Ở lão xâm lại đây hát chúng tớ nghe một bài!
- Bẩm vâng.... Các ngài muốn nghe bài nào?
- Hát cho anh em nghe bài:” Gái chề chõng”.

Bấy giờ xâm ta; ngòì trên cái chiếu của con đồ cho mượn, vắn dây đàn kèn kẹt, dạo mấy tiếng từng từng, rồi lên giọng hát rằng:

“Một liều ba bốn em cũng liều; đã trót yêu nhau sống thác em cũng liều; thất bát giang em cũng lội, tam thập lục đèo em cũng trèo qua. Hữu tình ta lại với ta, em đến đây tìm người tri kỷ để mà thổ than. Em nay là phận hồng nhan, cũng môi son má phấn, sao chịu để thanh xuân

em lỡ thì. Tiền của em nhiều mà em lấy phải cái thằng bé tí tí ti<sup>1</sup>. Làng trên chạ dưới gì giai tơ! Em đem thân cho thằng bé nó rầy vò, trời đông tháng giá, nó để nằm co trong cái xó giường. Nghĩ đến bao nhiêu em lại chán chường! Đêm năm canh em rờ bụng nó xem nó có đoái thương đến chút nào... Ôi chao ôi! mới ngán nổi làm sao! Nó đặt mình là ngủ tít, chứ có biết bận đào là cái chi chi. Suốt năm canh nó ngủ khi khi, ngáy như con bò rống cho chí kì đến tận sáng mai. Trời ơi! tuy năm tháng có dài, năm kia là mười hai tháng, mỗi ngày chỉ có được một đêm... Trông thấy chị em mà lại càng thèm. Thôi em đành vuốt bụng ngày đêm thờ dài. Anh có yêu em xin anh quyết một lời, để em đành dạ đã được người tri âm. Đồi ta kết nghĩa sắt cầm, để em khỏi nổi khốn tâm mãi thế này. Em phiền về cái thằng chồng ranh con đã bấy lâu nay, hoạ là bây giờ mới có thể làm khuấy cái mối sầu.”<sup>2</sup>

Anh nào cũng làm bộ để lấy sĩ diện với bà con, trước còn thương tiền kẽm sau thương đến xu, thi nhau quẳng mãi vào thau chú xắm. Xắm ta cứ cảm ơn hoài. Hát xong xếp đàn lại, cầm lấy gậy, đi nơi khác.

... Thị Thuận, bụng chửa vượt mặt, gần đến tháng đẻ, đi ậm ạch, lại quẩy hai cái thúng to kênh cang, cố len qua dãy hàng thịt sang khu hàng hương. Nom thấy bà lão vừa coi hàng vừa xem sách, chị ta chào một cách lễ phép rằng:

- Chào bà Cuội ạ!

Bà lão ngắm nghía hình dáng chị Thuận, rồi đáp rằng: Ô, chị lại sắp sửa năm bếp đầy chứ? Chị mua gì?

- Bà bán cho cháu bốn thẻ hương. Bà lão bán hương thò tay vào đồng hương xếp ở bên tả.

Chị Thuận vội vàng kêu rằng: Không, Không! tôi không mua hương ấy: đốt cháy vèo vèo mà không được thơm. Tôi mua đàng nhất hạng, có cái ảnh dán ngoài kia... Rồi trở vào quyển sách cáu ghét mà bà hàng để bên cạnh mình, hỏi rằng:

- Ban nãy bà đọc truyện Kiều phải không?

- Phải. Lúc vắng khách cũng phải làm cái gì chứ. Hàng ở đây cũng ế như ở nhà, dọn ra chỉ để xua ruồi.

Chị Thuận nói: Bà cho cháu bói một quẻ.

Bà lão đưa cho quyển truyện, bảo rằng: Này bói đi, tôi chúc chị bói được chỗ hay.

Chị Thuận nghiêm ngay nét mặt lại hai tay cầm quyển truyện, giơ lên trước ngực, lẩm bẩm khấn rằng: “Tấu chư vị trong truyện Kiều, lạy các ngài muôn lạy. Tên tôi là Trần Thị Thuận, 25 tuổi, có mang, gần đến ngày ở cữ, không biết sinh giai hay gái, xin các ngài báo ứng cho tôi biết ở trong mấy dòng truyện này. Tôi cảm tạ các ngài, lạy các ngài muôn lạy. Tấn các vị trong truyện Kiều, lạy các ngài muôn lạy.”

Bấy giờ chị ta ngoảnh mặt đi, mở quyển truyện ra, bất kỳ chỗ nào, mắt vẫn không nhìn, lấy tay chỏ vào một đoạn, nói:” Nhờ bà xem hộ tôi chỗ này.” Bà Cuội lên giọng ngâm nga, đọc rằng:

*“Đường đường một đấng anh hào.  
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài”*

---

<sup>1</sup> Xắm thường hát:” Bác mẹ em tham giàu đem gả em cho cái thằng bé tí tí ti” ý giả nói cô này có ý oán bố mẹ tham của ép duyên mình vào nơi không xứng đáng.

Cũng có người hát “Em tham giàu nên em lấy phải cái thằng bé tí tí ti” Nghĩa là cô con gái này than rằng vị mình tham của để đến nỗi thân làm tội thân, không sánh duyên được với người bằng vai phải lứa. (Lời chua của dịch giả)

<sup>2</sup> Bài hát xắm này chúng tôi chỉ sao cho được có ba bốn câu nguyên văn, còn bắt đắc dĩ phải dịch nốt cho đủ bài.

Bà lại giảng rằng: Đoạn này là chỗ Từ Hải đây. Cứ suy ra mà đoán thì chị đẻ con giai...  
Này hương đây, 8 xu.... Thôi nhưng mà thoáng đi chị, phải về chứ.

Người canh chợ vừa mới nện mấy dùi vào cái trống cái, các cửa chợ, kẻ mua người bán chạy tấp nập như đàn chim sẻ bay đi. Ba bốn thằng rửa chợ, tay cầm gậy, dọa đánh những người chậm chạp, còn những thằng quét chợ, chẳng hề nề chân kẻ đồng bào, cứ việc quét bừa rác rưởi.

Chị Thuận vội vàng thu xếp quang gánh, nhưng bụng to nên làm lụng, cất nhắc việc gì cũng khó nhọc.

Một thằng cu li quét chợ quát lên rằng:

- Này con mẹ mang trống cà đùng kia, mày có bước ngay đi không? Bụng nào lại có bụng thế kia bao giờ? Mày tội tình gì mà đến nổi thảm hại thế? Nom khốn nạn chưa!...

Chị ta giận đỏ mặt tía tai, mắng rằng:

- Câm họng đi, đồ quạ mữa ạ! Mày còn nói nữa, bà kẹp vỡ đầu mày ra bây giờ...

Chị ta chạy thì thằng vũ phu ấy chực lấy cái chổi vục theo. Ai nấy điều cười ồ cả lên.

Thằng quét chợ tức lắm. Có một đứa chế nó rằng: Kháu chữa! Con mẹ ấy nói thế mày lại câm họng ư. Mày cũng muốn làm bộ ra điều giỏi giang lấu linh; thôi mày cũng chỉ là thầy ký bốn giờ sáng nhi dĩ!

Mọi người cùng cười ầm cả lên.

Chị Thuận bước rảo cẳng, bấy giờ đã xuống đến phố Hàng Gạo, rồi đến phố Hàng Đường; sau quay ra đến phố Hàng Buồm để ra bến tàu.

Chị Thuận khi lấy chồng đã nổi tiếng là người con gái đẹp nhất vùng Sơn Tây. Người nhỏ nhắn thì mịn lấm (Người An Nam ghét những người đàn bà cao như sếu vườn). Lúc chị ta đi, lưng ong yểu điệu, khiu tay đưa ra đằng sau, chân bước dịu dàng, dáng điệu nom không phải là không mỹ miều khả ái. Ngực mặc yếm trắng, chỉ hở ra một ít thôi, nhưng rõ ràng xinh xắn lắm, chân nom cũng đẹp, mắt cá nhỏ nhắn, vận cái quần mềm mại, sát vào ống chân, coi chẳng khác gì bức tranh vẽ tuyệt khéo. Cánh tay tròn trặn mẫm mạp, bàn tay nhỏ bé, ngón tay thấp bút, nét mặt bầu bầu, chán nở nang, mi mắt đầy, mắt lá dăm đen nhay nháy, sắc như dao cưa, lông la lông lánh, nên diện mạo lại càng có dáng tinh khôn vui vẻ. Người đậm đạp, mặc cái áo lụa dài, tóc mây rườm rà, đầu vấn khăn. Đuôi gà bỏ xuống sau vai, cạnh cổ. Cái đuôi gà ấy chải chuốt tuyệt trần. Lúc cô ngậm miệng, dù mắt chúng ta mọi rợ đến đâu cũng biết là cô đẹp. Nhưng mà khi cô cười, để hở bộ răng đen ra thì cái xinh đẹp bay đi mất cả. Những hòn ngọc trắng toát kia, chẳng thấy đâu nữa, chỉ thấy những hòn than đen thui thui. Cái miệng cười hoa nở kia, đáng nhẽ lộ ra những miếng xà cừ sáng nhoáng ở giữa cặp môi son lại thành ra cái lỗ hồng, hang sâu, tối tăm mù mịt. Bởi vậy cái vẻ khả ái kia, chạy đi đâu mất sạch. Tuy vậy, chị Thuận, các vàng cũng không muốn bắt chước những đàn bà âu châu răng trắng nhờn như răng chó, da hồng hồng như hoa khoai.

Chị ta cũng như các người con gái An Nam khác, nghĩa là vô học; cái túi văn tự chỉ có mấy câu ca dao mẹ dạy và mấy câu cổ tích học lỏm buổi chiều. Chỉ lo về đường vật chất, nghĩ là làm thế nào cho no lành, sung sướng, chứ cái trí khôn ngoan của chị không lạc vào những vấn đề phiền phức của tâm lý học hay là bay bổng lên những cái luân lý cao siêu. Hiếu với cha mẹ, trọn đạo thờ chồng, vâng lời chồng như tuân mệnh ông thầy; quý mến con cái, trông nom việc gia đình, đó là bổn phận suốt một đời chị ta. Chị ta cũng ít khi làm phúc, mà có làm phúc ra chẳng nữa, cũng không phải vì lòng thương người đâu, chỉ vì hi vọng rằng nhờ khi mình túng đất sây chân cũng được người cứu vớt. Sợ người ta bình phẩm nên phần nhiều việc làm chỉ lo sao cho hợp với dư luận và ăn ở thực thà đức hạnh.

Đừng bảo chị ta không có tín ngưỡng đâu: tối đến, tâm thành đốt mấy nắm hương, chắp tay lạy các ông bà mười trấn phủ, ngũ phương, xong đầu vào đây rồi, cắm hương vào khe cột hai bên cạnh cửa. Thế là ma quỷ không dám bén mảng đến nhà mà ai lại còn lạ gì ma quỷ vẫn thường thường rình ở chung quanh người trần.

Người bình dân An Nam, cả đàn ông, cho chí đàn bà, mà nhất là đàn bà, suốt đời vẫn sợ cái mãnh lực vô hình của tạo hoá, cho ma quỷ vào bậc thánh thần. Muốn cho những ác thần ấy khỏi quấy nhiễu, họ si sụp lạy dưới chân những pho tượng sù si bày ở chùa, hay lạy những bức tranh vẽ quệch quạc dán trong túp nhà, làm bằn khăn vái kêu cầu.

Người bản xứ cả quyết rằng: chiều đến thường nghe thấy những âm hồn rên rỉ, những con ma không có mồ mả, kêu ca. Vì thế nên người bạo nhất mà đến gần rừng núi cũng run, mới tưởng đến lúc qua đèo sang sông đã sợ vì đầu đầu cũng đầy những ma quỷ, nó những nhiều người ta, làm cho khốn nạn, mà ai kháng cự với nó tất cũng bị tai hại.

Thường thường ban đêm, khi gió rung những bức tranh treo trên tường nhà hay thổi rì rào trên mái gianh, chị Thuận đưa mắt nhìn những số tội một cách kinh ngạc. Chị ta định ninh trong bụng rằng: tiếng động đấy báo có một vật vô hình đã đến. Mà ma quỷ nhiều thật... nào con quỷ, đêm đến, tha người đi khắp mọi nơi bất cứ chỗ nào; nào con ranh bóp cổ trẻ con; nào con tinh hoá ra con giai con gái để quyến rũ đàn ông đàn bà, rồi làm cho say mê mà chết... Sau nữa đến ma só, ma ngã ba ngã bảy, ma rừng, còn biết bao nhiêu là ma khác nữa. Song quỷ thần không những chỉ báo điềm rui thôi đâu, cũng báo cả điềm lành nữa, ban này bà lão bảo chị ta sắp đẻ con giai là gì?

Thị Thuận nghĩ bụng rằng:

- Con giai... đại phúc... À, thằng bé con giai ấy, ta không cho nó đi bời, đi bép hay làm sà ích nữa... trong nhà đã có nhiều người đi làm việc ấy rồi. Ta cũng không chịu mất tiền chạy chọt lo lý trưởng hay chánh tổng cho nó đâu. Không, không ta cho nó đi học để thi đỗ trường Nam, Con tôi đỗ Cử nhân kia. Con tôi là ông Cử, đến ngày hội ngòi chiếu nhất trong đình...

Còn ta thì ai cũng gọi là cụ cố, mẹ ông Cử. Con mẹ Phạm hợm hĩnh, vẫn khoe con làm đội khó xanh, đến tức rục ruột lên mà chết mất...

Được vậy thì còn gì sướng bằng... mà dù con ta đỗ tú tài thôi cũng được trừ phu sai tạp dịch suốt đời...

Mà lại nghĩ cho cùng thì giá con ta được làm thông phán phủ Toàn quyền... hay toà Sứ Hà Đông lại tiện lắm mà chả hay hơn ư. Người ta đồn rằng: làm việc các toà ấy, lương bổng cao lắm và nếu kết bạn được với mấy thầy trong toà thì cậu Nghĩa, cậu Ba nó, một người xin được chân bép quan Sứ, một người xin được chân bồi ngựa. Còn bố nó lờ đờ như thế thì xin làm việc gì được? Bố nó thân vô nhất nghệ, trước hết hãy xin làm cu li, rồi làm bồi phụ hay làm vườn cày hay. Giá xin được chân chạy giấy thì còn gì bằng: cứ hết tháng là có tiền. Dù mưa dầm, đại hạn cũng chẳng lo sợ gì nữa... Không phải làm ăn vất vả ở ngoài đồng, nắng xém lưng nữa. Đó là còn chưa kể rằng đến bấy giờ công việc trong làng để thu xếp đầu vào đây. Các ông kỳ mục cũng phải khiếp nhà ta, đến khi chia công điền, ruộng nào tốt phải để phần ta; vả lại nhà ta... Chợt có cái xe hai con ngựa con kéo chạy lại, thằng đánh xe kêu ếp ếp ra dáng kiêu ngạo lắm. Chị Thuận tránh vội vào bên hè để xe ngựa đi. Quay lại đã thấy đèn trước đèn Bạch Mã.

Chị ta nghĩ bụng rằng: Nào ta vào xin một quẻ thẻ nữa xem sao. Vào đền đi qua gian ngoài thấy bốn góc có bốn con hạc to là cái biểu hiện về sự trường thọ.

Trong đèn khói hương bốc lên khó chịu, tối om om, ở trong thẳm cùng chỉ nom thấy lơ mờ những nét vàng thép nhấp nháy, những điểm sáng lóm đóm, là những hương thơm đốt cháy từ từ.

Chị Thuận vào đèn trong thấy uy linh mà rợn cả người sẽ để quang gánh một chỗ, đi lại ban thờ, tay cầm thẻ hương.

Châm hương vào đèn treo, gior lên trên chán mấy lượt, rồi quỳ xuống, hai tay chấp lại gior lên đầu khăn rằng:”Lạy Phật, lạy Thánh, lạy đức Phật Bà. Tên tôi là Trần Thị Thuận, 25 tuổi, người làng Yên Hoà. Tôi gần đến ngày ở cữ, lạy đức Phật Quan Âm Tống Tử, xin ngài phù hộ độ trì cho tôi. Xin ngài cho tôi sinh nở được chóng vánh, mẹ tròn con vuông.

Trong quẻ thẻ tôi sắp rút ở trên ban thờ này, xin ngài báo cho tôi biết sẽ đẻ con trai hay con gái. Nam mô A di đà phật!”



Chị ta thì thụp lễ xong rồi, đứng dậy cắm hương vào bát hương, để mấy đồng kẽm lên trên ban thờ, rút một cái thẻ gỗ sơn đỏ có chữ nho cắm ở trong ống thẻ.

Rồi đưa cái thẻ gỗ ấy cho ông từ, ông từ cầm lấy, không hề ngừng đầu lên đọc to lên rằng: số 60. Rồi ông ấy lại đem cắm vào trong ống thẻ.

Bấy giờ ở góc đèn có ông sư cụ đứng dậy, tìm một tờ giấy trong chõng giấy cao. Chị Thuận lại phải đưa 6 đồng kẽm nữa, ông từ đọc:” Thẻ số 60 nói về việc cầu tài gia sự”.

*Bồng lai có Đức Thánh,  
Ngoài nghìn dặm lại đây.  
Qua thiên sơn vạn thủy,  
Đi giữa giăng cùng mây.  
Giăng thu vàng vặc chiếu,  
Ánh sáng núi non đây.  
Thành tâm cầu tất ứng,  
Ngài xuống báo cho hay.*

Thánh dạy rằng:

*Cử tính Can Chi khắc biết là,  
Động tiên nay ở thế gian mà.  
Mùa xuân trăm thức hoa đua nở,  
Cây cối muôn loài nụ mọc ra.  
Hạt ngọc kim cương rồi xuất hiện,*

*Nghìn vàng đáng giá thiệt không ngoa.  
Tay thân vun bón cảnh châu báu,  
Trời bẻ công trình xiết kể a!*

Ông sư lại nói thêm rằng:”Cô ơi, chắc thế nào rồi cô cũng để con giai.”

Ông sư lại bỏ tiền vào hộp gỗ, rồi lại cúi xuống đọc kinh.

Thị Thuận mừng rỡ bước ra. Tuy đã hơn năm giờ chiều rồi mà ngoài đường còn nóng lắm, những người đàn bà bán hàng giông, đòn gánh đè vai, chân bướt ton tốt, hai cái thúng đưa đi đưa lại dụi dằm. Đằng sau có một rầy xe cút kít đi ậm ạch, bánh bằng gỗ, làm vụng về, kêu rít lên như còi.

Con bò cái nghe thấy tiếng còi xe ô tô, sợ quá, chạy qua đường, ngã lẩn chiêng. Vì thế mà chị Thuận cũng xuýt nữa ngã.

Chị Thuận vội vàng đọc luôn mấy lượt:

“Nam mô Quan thế âm bồ tát” vì đàn bà có thai mà thấy thế là cái điềm gỡ lắm.

Chị ta lẩm bẩm rằng: Mệt quá...

Đường càng đi càng thấy dài...

Bao giờ mới đến nơi cho...

May lại vừa trông thấy mấy hàng nước, bèn vào uống mấy bát nước nóng và thơm cho đỡ mệt.

Một người ăn mày, bò cả chân tay kêu van hoài: “Lạy các ông, lạy các bà. Lạy các thầy, lạy các cô. Khốn nạn thân tôi, mắt thì loà, chân thì chậm. Không biết xin vào đâu, tôi phải kêu van giữa đường, giữa chợ...” Cứ tiếng mũi, kêu mãi:” Các ông, các bà thương tôi với! Thí cho tôi bát cơm, đồng cháo. Tôi đói, tôi đói lắm!”

Thị Thuận vừa giả tiền nước chè xong, đếm xem còn bao nhiêu, vất cho người ăn mày hai đồng kẽm thì có một con quạ đậu trên mái nhà tranh, kêu: quạ, quạ, quạ, quạ!

Thị Thuận nghĩ bụng rằng: thật là không may, lại một cái điềm gỡ nữa.

Chị ta lại cúi mặt để khỏi trông thấy con chim quái gỡ ấy, rồi vội vàng đi ngay. Tuy mệt lắm mà vẫn gượng đi, thỉnh thoảng phải dừng chân lại nghỉ. Cố đi như vậy được ít lâu, sau phải ngồi lại ở đồng đá sỏi bên vệ đường. Làm thế nào bây giờ đây? Làng thì còn xa; chắc đi một giờ nữa mới tới nơi...

Đương lo phiền như thế thì trông thấy một cái xe ngoại ô, không có người ngồi, kéo đi qua.

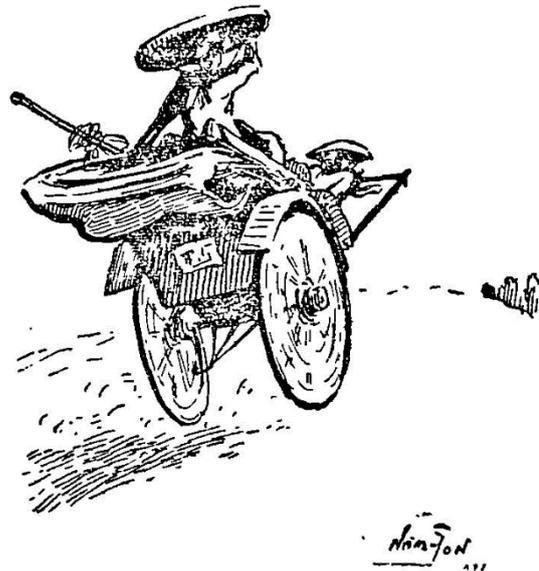
Chị ta bảo thằng phu xe rằng: Anh kéo tôi về Yên Hoà, lấy bao nhiêu tiền?

- Thôi tôi lấy rẻ chị một hào...
- Tôi giả anh hai xu cũng là quá phải rồi...

Thằng kéo xe nói giễu rằng: Ôi chà chà! Bụng to bằng cái vựa thóc thế kia mà giả được hai đồng xu. Giá cứ kéo những cái bụng chị, hai xu cũng không được...

- Thôi! anh cũng đừng tru học lên như con mẹ hàng tôm hàng cá nữa... Tôi giả thêm cho anh một xu nữa cho êm truyện.

Chị ta trèo lên, xe chạy gập ghềnh, cứ mỗi một cái xóc lại đau nhẩn mặt lại.



*Nhân Tông*

Mặt giờ bầy giờ đã xuống thấp lắm, chiếu xuống ruộng như thiêu, đất ruộng vàng vàng lấp lánh như một cái gương, nom vào loà cả mắt. Cảnh tượng nơi thôn dã xứ Bắc kỳ như một bức hoạ giải ra giữa cánh đồng bằng; trong có con đường đi ngoắt ngoéo:

Nào đàn ông cởi trần, mùi da, hung hung như sắc đất, cúi xuống ruộng ra sức cuốc đất bằng cái cuốc thô lỗ; nào đàn bà, lưng gầy, ngẩng lên cúi xuống dịu dàng, cấy mạ; nào trâu, sắc sạm, coi hình dáng to lớn, lực lưỡng, ưa đầm bùn ngập mình, chỉ còn thấy trời lên hai cái sừng đẹp cong về đằng cái bươu trên lưng mà thôi.

Đến tối Thị Thuận mới về đến nhà. Vừa đến nơi đã vội vã đi vào bếp lên giường nằm. Lúc vào bếp có mấy bà hàng xóm mà chị ta mời lại, đi theo đỡ. Người nhà cứ theo tục truyền xưa nay vội vàng để một hoả lò than xuống gầm giường, rồi đi mời bà đỡ. Thị Thuận giờ rên rĩ luôn miệng, mồ hôi chảy lên mặt ròng ròng. Thế mà chẳng ai trông nom đến, các bà láng giềng chạy lại, cứ truyện hã, mỗi bà mỗi ý, cãi cọ nhau âm ỹ cả lên.

Bà Phún nói: Khi tôi có mang cháu út là thằng Cu, trước hôm ở cũ, tôi nằm mộng thấy con hùng, mà quả nhiên đẻ con giai thật.

Bà khác nói: Này, muốn đẻ con giai chỉ giấu một cái dùi con xuống gầm giường là được không sai.

Lại còn bà nữa nói: Làm thế cũng có khi không kiến hiệu. Khi tôi có mang lần trước nữa, tôi cũng làm thế mà thành thử lại đẻ con gái là con cháu Lợn nhà tôi bây giờ.

Bà đỡ bước vào, các bà này cũng ngồi im được một lát. Bà đỡ lịch sự lắm, lúc đến có con đỡ đi theo, cấp tráp tròn, sơn son thếp vàng trong đựng một bọc các thứ thuốc, lại có cả thuốc Lào giàu cau: các bà đi đâu cũng không rời được miếng giàu ra bao giờ. Bà đỡ lấy cái chày lăn từ trên bụng chị Thuận, chị ta đau kêu rống lên. Bà đỡ sốt ruột bảo:” Thôi đừng kêu nữa. Cái sự sinh nở chúng tôi cũng đã rõ cả rồi. Không cần phải gào hét lắm chi cho người ta mát cả hồn chín vía đi”.

Rồi bà đỡ trèo lên giường, hai tay niú lấy cái xà nhà, lại xoa bụng người chữa, nhưng mà lần này xoa bằng chân kia và tì cả người lên trên nữa. Bà hi hục làm hết cách như vậy mà chị Thuận cũng chưa đẻ được; sau bà lấy làm lo, lắm bả bả rằng:

- Ta phải cho uống hai vị này mới được. Bà sai con ở: Đứ, chạy mau về lấy cho tao...
- Bà lão tên là Phước nói phất ra rằng: Không cần phải thuốc. Hễ chậm đẻ, chỉ quăng vải là đẻ được ngay: cách ấy tuyệt diệu. Bà lão ấy gào ông chồng đứng đĩnh hút thuốc ở ngoài sân, bà bảo rằng:”Anh Thuận ơi! lại đây sắp sửa dây lưng ra.”

Bà ta đi ra đằng sau nhà, các bà kia đều đi theo, đến cả bà đỡ cũng bỏ người có mang nằm trơ đấy một mình, đi ra xem. Anh Thuận cứ nghe nhờ bà lão bảo, vo tròn dây lưng lại, hết sức ném qua mái nhà.

Cả bọn tới ta tới tấp, loạn xạ, rầm rĩ, đụng cả vào nhau, chạy ra đằng trước nhà. Thấy dâu lưng rơi xuống đất rồi, nên chi ai nấy đều mừng rỡ, reo âm cả nhà. Lúc bấy giờ Thị Thuận đau quá, kêu vang lên, nhưng mà tiếng reo hò át đi, không ai nghe thấy. Lúc các bà trở vào trong nhà, Thị Thuận đã xổ rồi.

Bà đỡ lấy mảnh nứa - dao, kéo, kiềng không dùng cắt rốn cho đứa trẻ lau chùi xong nói rằng:

- Con gái.

Thị Thuận tuy nhọc mệt, đau đớn thế mà cũng ngồi nhồm ngay dậy ở trên giường, than rằng: Chao ôi! lại con gái! thật là không may. Quả là con bò, con quạ làm hại tôi!...

Nói rồi lại nằm xuống giường, mệt thiếp đi.

Ấy chị Thuận để con Him như thế đấy, cái tên ấy chúng tôi không muốn dịch ra tiếng Pháp vì không được nhã.<sup>3</sup>

Ngày hôm sau, đứa bé đại tiện ra cái lót người nhà đem bôi vào 9 đồng kẽm, đóng trên bậu cửa. Giữ gìn cẩn thận như thế nên chỉ có xảy ra sự gì ba hôn chín vía đứa trẻ cũng không sao lìa thoát phần xác được.

## II

Cứ theo sông Nhị Hà, đi trên con đê rộng, hai bên trồng ổi, quả ăn ngon, thơm ngào ngạt khắp đến làng Yên Hoà. Làng ở ngay dưới chân đê, loáng thoáng có mấy túp lều gianh, chung quanh rào giậu bằng cây râm bụt hoa đỏ ôi ôi, bằng cây chuối, cây tre, lá tre gió thổi rào rào. Trong bụi tre nghe có tiếng chim gáy kêu buồn rứt, có tiếng quóc kêu quàng quạc. Một khu đất rộng có đình, có chùa, tên chùa gọi là Hắc Long Tự, phân làng ấy ra làm hai xóm là Thượng Yên Hoà và Hạ Yên Hoà.

Dân đình được 350 người có tên trong sổ đóng thuế, độ một nửa đi đạo; những người đi đạo ở vào giữa xóm dưới, quây quần chung quanh cái nhà thờ nhỏ, mái gianh vách đất.

Đại khái bên thích, bên đạo ăn ở với nhau cũng được hoà hảo. Còn con giai, con gái bên đạo không khi nào lấy vợ lấy chồng người bên lương.

Lại lắm lúc, chẳng ra điều gì mà đàn bà hai bên đánh nhau, chửi nhau, đó là bọn hạ lưu xã hội, chứ những bậc lịch sự, đứng đắn không có thể bao giờ. Tuy vậy, nhờ có các ông kỳ mục khéo xử, nên những cuộc đánh nhau, cãi nhau to thường tránh được cả.

Những người đi đạo cũng không để phải thúc bách lắm mới đóng tiền vào khoản chi tiêu trong làng; cũng nhờ thế mà làng xây được một cái ao (hoặc là ngòi hay rạch) rộng đã mười năm nay rồi, ao ấy ích lợi cho người đi thích hơn hết.

Các ông kỳ mục bên đạo muốn cho hai bên được hoà thuận, nên chỉ khi làng tu bổ đền chùa, hay cúng tế thần thánh là đóng tiền ngay, không hề lưỡng lự. Tuy không đi rước, những cũng ăn cỗ lấy phần.

Còn những trẻ con, không biết điều bằng người lớn, không biết cái nghĩa tôn giáo tự do. hai đứa trẻ đương cùng nhau mãi miết chơi bời vui vẻ, thế mà bất bình một tí là đánh nhau ngay, rồi thành ra cả đám ẩu đả nhau, cho đến khi tuần vác gậy ra mới tan. mỗi lần đánh nhau như vậy, lại gây chuyện lời thòi mất một độ. hễ một lũ trẻ bên thích nom thấy một lũ trẻ bên đạo thì nhạo báng và hát rằng:

*A - di - men, a - di - men!*

*Tôi cầu*

*Đức chúa Giê - su*

*Ngồi trong hang đá*

*Thò ... ra ngoài.*

Những đứa trẻ con bên đạo hát đối lại, to hơn:

*Nam vô! Nam vô!*

*Đức phật Di đà!*

*Cái cuộc để đó,*

*Cả nhà đi đâu?*

Trẻ con bên thích đồng thanh hát đáp rằng:

*Đức cha cơm đánh tì tì*

---

<sup>3</sup> Cái tên con bé này, chúng tôi không đánh dấu vì cũng e rằng không được nhã.

*Ăn tham bội thực cha thì té de  
Của ngọt cha xơi nhiều ghê  
Bụng đau cha bình bát be ra giày.<sup>4</sup>*

....

*A di men!  
Cầu đức chúa lời;  
Muôn kiếp nghìn đời,  
Chúa được vinh quang.*

Rồi sau hai bên hát gào lên, bao nhiêu trẻ con trong làng chạy đến cả. Những trẻ con bên đạo đồng thanh hát thật to:

*Nam vô! Nam vô!  
Đức phật từ bi!  
Cán cán để lại.  
Lưỡi thì giắt lưng.  
Nam vô  
Một đồng láy bốn,  
Ăn hiếp kẻ khôn,  
Miếng vẫn nam vô.*

Rồi hiềm nhau đến nỗi trở mặt, nói một câu, nhìn một tí lại sinh sự đánh nhau...

Họ Trần ở về phía đông trên khu đất rộng, một bên giáp chợ, một bên gần ao sen, lá sen non như nhung xanh. Ngày xưa vào bậc giàu nhất vùng ấy, bây giờ đã sa sút đi nhiều. Tuy vậy cũng còn được mọi người kính trọng vì có ông trưởng tộc là ông Phước, người ta trọng vọng gọi là ông Cai. Ông Cai làm thủ chỉ mới được cái huy hiệu ấy.

Ông thủ chỉ mới 60 tuổi mà đã ra ông lão già lụ khụ, vì ở xứ này, người cùng vạn vật chóng già chóng tiêu diệt hơn mọi nơi. Ông to lớn, xương xương người, lưng hơi gù. Mặt giãn deo, gầy gò xương, lơ phơ đầu bạc, búi tóc củ hành. Ria thưa, râu dê, mũi dẹt, mắt lơ đờ, mi mắt dày; nét mặt người xứ này thường vẫn thế.

Ông vận cái quần dài bạc phơ. Tay áo chật hẹp, hai khuỷu rách tươm, nom thấy cả cái áo cánh “cháo lòng”. Áo dài lê thê, cắt vụn may dối, mặc nom không có vẻ tề chỉnh chút nào. Áo ông Thủ mặc cũng đã cũ lắm rồi. Song tư cách ông chỉ ở như cái dáng bộ ông tất cả. Nói của đáng tội, ông Thủ cũng không phải là một tay túc nhỏ. Nhưng cái túi học thức của ông cũng đủ viết được cái văn tự, thảo được cái đơn lên quan. Trát sức quan trên tư về ông cũng xem nổi, nhưng sự đó ông lấy làm phiền. Ông cũng như các cụ người An Nam, không bị cái phong trào vô tín ngưỡng nó cuốn đi như bọn hậu tiến, ông sùng bái những tập quán phong tục tổ tiên di truyền lại. Ông là thủ chỉ trong làng, ai làm trái những phong tục, tập quán ấy, ông không dung thứ. Từ trong họ cho chí ngoài làng, ai ai cũng phải theo cổ tục hết thảy, không hề được sai. Như thường niên chia công điền, công thổ, phân đẳng cấp các quan và kỳ mục tòng những tiệc mừng thọ, hay khi tế thần thánh, bỏ sưu thuế, bầu cử lý dịch trong làng, những điền lễ phong tục cũ nhất nhất phải theo cả. Đình, chùa là nơi lần lượt hội họp để vào đám hay làm chay, ông tu bổ tử tế cả. Thầy giáo, nhà sư hay ông linh mục đạo sĩ, vị nào ông cũng cấp ruộng phân minh cả.

Ông theo đạo nào? đạo Khổng, đạo Phật, hay đạo Lão? Điều đó không ai biết được. Ông cũng giống như phần nhiều người đồng bang, cái quan niệm về tôn giáo không được phân minh lắm. Ông vừa vào đám tế Thành Hoàng là vị thần có sắc vua phong, lại dự lễ tế các tiên

---

<sup>4</sup> Dịch giả không biết nguyên văn, phải dịch lấy.

nho có chân khoa mục; rồi lại dự vào hội đồng tổ chức việc làm chay trong chùa mà nhiều lần ông đứng làm chủ lễ nữa; thế mà nếu trong nhà có người ốm hay trong làng có dịch tễ, tai họa gì, ông lại rước ngay thầy phù thủy về cúng bái.



Ông là người quê mùa, chất phác thấu hiểu làm sao được những điều mầu nhiệm của đạo Phật. Muốn am tường phải tinh thông kinh kệ nhà Phật. Thế mà chính nhà sư hàng ngày tụng kinh, niệm phật cũng không hiểu nghĩa lý gì cả, thì có lạ lùng không? Cứ hỏi ngay những ông sư tên các pho tượng bày trên ban thờ là những vị nào thì nhà sư cũng không trả lời được rõ ràng, chỉ nói phông chừng: kia ông Hộ pháp, nọ bà Quan âm, này ông Thiện, ông Ác, đây ông Bé, ông Gầy; lại còn Hoà thần, Tài thần, vân vân, chứ không biết tên các Phật đọc ra phạm ngữ thế nào. Các vị thần tạc bằng gỗ, bằng đá hay đúc bằng đồng ngày ngày qui gối, chấp tay si sụp lễ bái mấy lượt, giá có hỏi đến thân thể lúc bình sinh các ngài thế nào cũng ù ù cạc cạc. Suy cho cùng, người An Nam chỉ có đạo thờ phụng tổ tiên. Họ cũng có cái tư tưởng như dân tộc Âu

châu di cư sang Ấn độ ngày xưa: họ không tin rằng người chết là mất hẳn, người chết chẳng qua chỉ thay hình, đổi dạng đấy thôi. Họ bảo rằng: lúc phần xác không sinh hoạt nữa, phần hồn vẫn không tuyệt diệt. Linh hồn người quá vãng cũng không về nơi cực lạc đâu, nhưng hãy còn ở xung quanh người sống. Người sống làm chi cũng biết, người sống buồn cũng buồn, người sống vui cũng vui. Mộ mã chỉ là nhà ở, là nơi trú chân của người mất. Khi hạ huyết, người ta đốt vàng mã trên mộ, những đồ ấy biến thành đồ thực để người chết dùng. Không những thế mà thôi, người sống hằng ngày còn phải dâng đồ ăn, thức mặt, để người chết được no lành trong cái đời thứ hai ấy.

Người nào chết mà không có mộ cao mả ấm, không có bài vị trên ban thờ thì long đong không nơi sở ý, bị đói bị rét, cho nên hay về quấy nhiễu con cháu. Ban đêm thanh vắng tối giời, người ta thường nghe thấy âm hồn không ai thờ tự, rên rỉ khóc than. Bởi vậy đến rằm tháng bảy, có tục vẩy cháo giông đường, gọi là cháo chúng sinh, để cho những kẻ chết đường, chết chợ, ăn cho đỡ đói khát.

Những sự tin đó làm cho con cái nước Việt Nam sống mà vẫn sợ nơm nớp rằng đến lúc từ trần, không ai cúng vái; vẫn sợ người sống sao nhãng, không thờ phụng vong linh mình. Vậy nên phải cần có con giai để nối dõi tông đường. Nếu giời phật bắt tội không có con giai để thừa tự thì đành phải bỏ vợ, phải lấy vợ lẽ, hay phải mua con nuôi để có trưởng nam, đến ngày giỗ, ngày tết, thờ phụng ông bà ông vải.

Ông Thủ là trưởng tộc, phải trông nom việc thờ phụng gia tiên. Vì thế mà nhà ông cũng thêm vẻ tôn nghiêm, dựng ngay ở giữa khu đất là hương hoả đời đời của con cháu họ Trần. Ngày khởi công, ông Thủ theo quy củ tổ tiên truyền lại không giám sai suyển một ly. Ông mời thầy địa lý về xem đất cẩn thận, ông xem ngày sinh, tháng đẻ, rờ cứ chiếu tuổi để định làm nhà, trường khoát bao nhiêu. Tìm được thợ về rồi, giao cho một người tính khí hiền từ ngà vôi. Còn thợ mộc không được dùng một miếng gỗ nào có vết, mục đích là để tránh cho những người ở cái nhà ấy sau này khỏi phải những tai vạ gớm ghê. Đến khi hoàn thành, ông không muốn ở cái nhà mới làm xong sợ độc, nguy đến tính mệnh, ông nhờ một người bạn

thân đến ở mấy tháng. Nhà ông nom phong quang lắm, mặt trước xây gạch, mái lợp ngói đỏ, lâu ngày đã sẫm lại: Các góc nhà đều có con cá bằng gỗ cong cong, sơn then thếp vàng, trên nóc đặt cái thái cực bằng sành sặc sỡ.

Nhà có ba nếp chạy dọc, nếp nọ cách nếp kia có những cái sân con, nếp đầu là phòng tiếp khách hàng ngày vô số người đến kêu van ông. Ông thường ở nếp thứ nhì; ở nếp này, những người có điều gì bất bình đến thưa thì ông phân xử; thường nhật ông vẫn xoi com ở đây. Nếp cuối cùng chia ra làm ba gian, bên hữu là gian ông Cai ở, bên tả là gian bà cụ thân sinh ra ông Cai nghỉ ngơi, còn gian giữa bày bàn thờ tiên tổ mà bổn phận ông là trưởng tộc phải coi sóc. Đến ngày kỵ con cháu họ Trần, nam phụ lão ấu, kéo nhau đến cả nhà thờ để lễ tổ tiên.

Tên các đấng tiên nhân đề trên những bài vị sơn son. Ngoài sân, hai bên tả hữu là những nhà gianh của các con ông Cai. Con trưởng tên là Quý, hiện nay làm phó tổng, con thứ hai là Hiên làm lý trưởng, con út là Riu ở nhà trong nom gia tư điền sản cho bố.

Ở đằng xa kia, về cuối khu đất thì ba người cháu nghèo khổ, túng bán, thuộc về ngành thứ, ở nhà lợp lá gồi.

Hai em ông Cai mất sớm, con cái nghèo khổ phải ra tỉnh kiếm ăn. Một tên là Nghĩa làm bếp cho ông Cát đi ơ (ông bốn mắt) là tham biện ở Đoan (Thương chánh), một tên là Nhung làm bồi ngựa ông Xòm (ông râu xòm) chủ xe tay, còn tên nữa là Thuận là chồng chị chàng vừa mới ở cũ, có một thửa ruộng, đất xấu, và một cái vườn, cây cối trồng trọt, kiếm ăn lần hồi.

Người nào người nấy đã thành gia thất cả. Thành thử kể cả con cháu, đầy tớ là một đoàn chừng bốn chục người, ở chung với nhau, dưới quyền ông Cai. Thường thường ông vẫn phải can thiệp đến cái xã hội nhỏ ấy. Bà Nhung, bà Nghĩa, chồng làm ngoài tỉnh, không gửi tiền về giúp đỡ, nên chi ghen ghét chị em họ, phong lưu hơn mình, bởi thế nên lắm khi cãi nhau kịch liệt. Nhất là bà Nghĩa, có tính hóc hách, lại có sức lực, cho nên càng hay gây sự đánh nhau, chửi nhau lắm.

Ấy con Him phải sinh trưởng ở trong cái hoàn cảnh đó.

Nuôi nó được thành người, thật đã nghiêu khê. Tuy chị Thuận, đẻ được ba ngày đã đun chín cái lá mít để lấy nước rửa vú mà cũng không thấy có sữa. Chị ta lại phải lấy cái lược to gãi vào vú, ăn chân giò lợn đen, ăn hoa chuối hột luộc. Ăn uống đủ thứ mà cũng không thấy công hiệu gì. Sau đành phải theo lệ thường, nhai gạo sống, mớm cho con vậy.

Khi con đầy tuổi tôi, ăn mừng linh đình. Ngoài sân lập một ban thờ nho nhỏ, bày chín miếng vú lợn cái luộc rồi, cua ốc, bánh trái, giò chả, giàu cau, rượu thịt hương hoa, vàng thoi, bạc nén, 12 đôi giày con gái tí hon. Bà đỡ lễ, khẩn rằng: "Lạy bà chúa Cai, mười hai Mụ, phù hộ cho con Him mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn!". Lễ xong, đứng dậy cho thị Thuận ngồi. Chị ta, tay ẵm Him, đến quỳ trước ban thờ, thì thụp lễ, miệng lầm bầm khẩn rằng: "Lạy bà Mụ muôn lạy". Thế là con Him được bà Mụ phù trì. Còn điều này nữa quan hệ lắm là việc bói. Trên cái chiếu rải cạnh bàn thờ đã bày cuộn chỉ, cái kéo, mảnh vải, vòng tay, vòng cổ, cái bút và mẹt gạo. Rồi dắt con bé lại trước các đồ ấy xem nó cầm lấy thứ gì. Nó giơ hai bàn tay lên trời quờ quạng, ai nấy điều nhìn chòng chọc vào tay nó một cách lo sợ, vì cứ xem nó lấy vật gì thì đoán được tương lai nó thế nào... Con bé vơ lấy cái vòng tay! Thím Nghĩa ra bộ lãnh đạm nói rằng: "Con này rồi ra hay làm đáng. Thôi nhưng mà hễ không làm biếng không tiêu hoang là được."

Con Him nom không được hay mắt vì mẹ nó đã cạo nhẵn trụi cả lông mày, đầu tóc nó đi rồi. Đầu nó tròn tròn như quả trứng, mũi nhỏ và tẹt, nom thực buồn cười. Áo xống may bằng quần áo ông Cai thải ra để nó được mạnh khỏe sống lâu. Nó mặc cái áo chèn và cái quần

thùng dít đội cái mũ thóp, để hở cả đỉnh đầu ra, cho hơi nó bốc đi, vì không thoát thì sọ trẻ không sao rắn được.

Con Him đặt nằm trên cái võng, khóc oe oé luôn mồm, còn con nụ tên là Nuôi, thùng thỉnh đưa võng lâu lâu cũng mỗi một ngủ gật. Bỗng chốc con bé hắt hơi một tiếng thật to, con Nuôi giật mình choàng dậy vội vàng nói to rằng: "Mạnh khoẻ sống lâu trăm tuổi". Con bé nghe thấy chúc thế, nào có nín cho đâu, lại càng nhoe nhoe khóc già. Con Nuôi muốn dỗ cho em nín, hát rằng:

*Bao giờ cho đến tháng ba,  
Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng;  
Hùm nằm cho lợn liếm lông,  
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi,  
Năm xôi nuốt trẻ lên mười,  
Con gà be rượu nuốt người lao đao,  
Lươn nằm cho chum bò vào,  
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô,  
Lúa mạ nhảy lên ăn bò,  
Cỏ năn cỏ lác rình mò bắt trâu,  
Gà con đuổi bắt điều hâu,  
Chim ri đuổi đánh vờ đầu bò nông.*

Câu ấy con Nuôi hát ít ra cũng đến vài mươi lượt rồi.

Con Him gầy còm, yếu đuối, vì thế mẹ nó kể với khắp mọi người rằng: tại ngày sắp ở cũ, gặp con bò, con quạ, nên nó mới đến nổi lèo nhèo, ốm yếu như vậy. Khốn nạn! càng ngày cái ý ấy càng như trôn chặt vào trong óc chị ta, gia dĩ mời các thầy lang thuốc men, rước phù thủy cúng bái cũng không có công hiệu gì.

Con bé lên ba tuổi mà chỉ bằng con mèo con, gầy gơ xương, com móm vào lại thổ ra, khóc cả ngày cả đêm ra rả.

May sao bà Tuần đi chợ nghe thấy nói rằng ở xóm Đình hương có cô hồn hay lắm, có phép biến cải được nhân mệnh. Bố mẹ con Him thẳng bộ tịch vào, vội vàng tìm đến ngay nhà cô hồn. Con Nuôi đi trước, đội một mâm đồ lễ. Thế cũng chưa đủ, còn phải đưa cô hồn mấy tiền nữa, để cô xoi nước, cô mới đến thăm con cho.

Cô hồn bảo đem con Him đến trước mặt, rồi cô bày trên giường một bát com, thắp chín nén hương cắm lên. Tay cô cầm một bó hương khác, phù phép để chiêu hồn ông tổ trọng họ. Cô gọi hồn, được một lát hồn về ngay, cô ngồi, tay cầm quạt che mặt, nhỏ nhẹ nói chuyện với hồn.

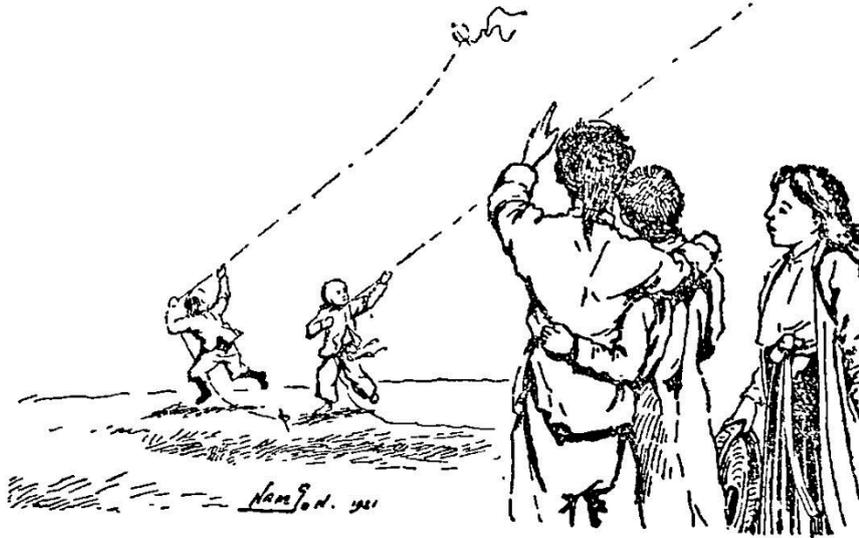
Hồi lâu cô hồn mới báo rằng: Con bé này trong mình có tà, cho nên đau bão, ăn gì vào lại thổ ra. Phải lấy ngay một chai nước dưới lòng thuyền cho nó uống, phải xem tóc người cho nó bú; chắc có những đám tóc dón lại. Phải nhổ bão, nghĩa là cầm lấy những túm tóc ấy, giật mạnh đánh khục một cái thì nó mới khỏi đau bão. Sau nữa, muốn cho nó đỡ khóc, chỉ lấy một miếng gỗ trong chuồng lợn bên cạnh, ném trộm xuống gầm giường nó nằm.

Cô hồn dặn làm thế nào, cứ y như thế, không sai một ly, sau con bé khỏi bệnh, nhưng vẫn yếu đuối, quặt quẹo luôn.

Lúc gần năm tuổi, xem chừng đã hơi khoẻ hơn, song cũng không thể làm được những công việc nặng nhọc trong gia đình. Vả lại chị Được nó, nhớn hơn, phải trông việc cửa việc nhà, thành thử con Him tha hồ chơi đùa cả ngày ở ngoài đường, ngoài ngõ.

Sáng ngày ra, ăn xong buồng đũa buồng bát đã chạy ra nô đùa với trẻ.

Người anh em họ nó tên là Bích, con ông Rừu xướng xuất ra các trò chơi. Mùa xuân chơi đá cầu chân; đến tháng năm chơi thả diều sáo, tiếng sáo kêu vo vo, như ma rên quỷ khóc, trừ được dịch tễ. Diều của thằng Bích bao giờ cũng đẹp hơn nhất; lấm cái diều giống chiếc thùng rượu to, nhiều cái nom như con bướm, con nhạn, con Him tám tắc khen người anh em họ khéo làm diều.



Hễ giờ mưa, cả lũ ẩn trong đình chơi, “nu na nu nong” cứ từng bọn ba đứa một, ngồi xuống đất, ruỗi chân ra. Nhà cái, lần lượt, đọc mỗi tiếng lại mó vào chân nhà con mà hát rằng:

*Nu na, nu nong!  
Thằng bóng, cái vạc,  
Chân vàng, chân bạc,  
Đá xĩa, đá xoi,  
Đá đầu ông voi,  
Đá lên, đá xuống,  
Đá ruộng bò câu,  
Lâu lâu thì rứt.*

Đến tiếng cuối cùng, mó phải ai, người ấy phải rứt chân vào, rồi bắt đầu lại; nếu không rứt kịp, bị trục xuất và phải làm chó.

*Nhà cái lại hát:  
Xĩa cá mè,  
Đè cá chép,  
Chân nào đẹp,  
Đi buôn men;  
Chân nào đen,  
Ở nhà làm chó.*

Lần này tên bị thua làm người bán men, tên thứ ba làm chủ nhân. Chủ nhà và chó ngồi một chỗ, người bán men đi qua, rao rằng:

- Ai mua men ra mua?
  - Men gì?
  - Men vàng.
  - Men vàng, mang ngô khác. Không mua.
- Người bán men, đi một quãng, rồi lộn lại, rao rằng:

- Ai mua men ra mua?
- Men gì?
- Men bạc.
- Vác ngỗ này.

Người bán men quay lại, vừa đi được mấy bước thì con chó nhảy xổ ra sủa, chực cắn. Rồi lại bắt đầu chơi ván khác.

### III

Năm ấy là năm Thân, nhà Thị Thuận làm ăn không được phát đạt. Nghề chần tằm là nguồn lợi thứ nhất mà cũng không kiếm được mấy hột, thuế má lại nặng.

Năm sau chồng lại phải chứa đang cai, nghĩa là những khi hội hè đình đám làng Yên Hoà phải cán biện cả, thế mới lại càng lo lắng. Ước chừng tiêu pha về việc danh giá ấy mất độ một trăm bạc; một trăm bạc là khoản tiêu nặng nề cho cái sổ chi thu nhà chị ta. Thế mà hễ không chu tất được cái chức trách ấy thì mất ngôi thứ trong thôn ấp, không bao giờ còn hi vọng, được làm Thủ chỉ nữa. Nếu đành chịu hèn mặt như thế, không còn gì làm cho họ hàng thân thích xấu bằng! Ông Thủ tất nổi giận lên, đuổi ngay đi lập tức, không bao giờ cho về nữa... Điều đứng biết chừng nào. Ngày giỗ, ngày tết biết đến ban thờ bài vị nào mà lễ gia tiên? Một trăm đồng kiếm đâu được, ai vay được bây giờ? Dù bán hết cơ nghiệp cũng không thu được trăm đồng... Đã toan bán con bé nhón tên là Được đi nhưng nếu bán nó đi lại phải tìm người thay vào việc cấy. Và chẳng nó đã có người hỏi rồi. Con Him đã nhón, cũng muốn cho đi làm thuê làm mướn, song tuy nó đã 16 tuổi mà người nó còn yếu ớt lắm. Thế thì tội gì lại không đem ngay tình cảnh ấy giải bày với ông Cai là người trưởng tộc, xưa nay vẫn giữ quyền tôn trưởng trong nhà.

Hai vợ chồng bàn bạc mãi, sau ông Thủ khuyên anh Thuận nên ra tỉnh làm với Tây. Nếu không làm được bồi hay sà ích, là việc sang trọng và đỡ vất vả, cũng làm được anh đào đất, việc này không cần học tập gì cả.

Ông kết luận rằng: Tây họ giả cao công, nếu mày ăn nhịn để dành thì trong một năm đã kiếm được đủ món tiền để chứa đang cai. Khi mày vắng nhà, tao trông nom vợ con cho mày, ruộng mày tao cho người ta cấy rẽ.

Anh Thuận vâng lời, bước chân ra đi, trong lòng vừa hi vọng, vừa lo sợ. Anh ta sợ Tây lắm, vì ai cũng bảo rằng họ ác. Lúc hãy còn bé đã nghe thấy kể chuyện rằng Tây độc dữ lạ lùng.

Công việc nặng nề: giời nắng chang chang, cuốc đất cả ngày. Cái việc chú khách thuê anh ta làm, là việc thầu lại của người tây, nên chú bắt những cu ly làm như thân thẳng tù, để kéo lại vốn và kiếm thêm lời. Đến tối mịt, anh Thuận trở về nhà trọ nhọc thở hơi tai, cổ nuột lấy bát cơm, rồi nằm dài lên cái phản ngủ chung với bọn người lạ, phần nhiều cũng làm cu ly như mình.

Chả bù với những buổi, giăng thanh gió mát ở chôn quê hương, đêm khuya vắng vẻ, ngồi dưới cây đa, trước cửa chùa, nghe các cụ lão thành, trí thức, kể chuyện cổ tích, những ngày thanh thoi ấy, nay đã xa lác xa lơ.

Sáng tinh sương, người cai cu ly đã gọi dậy đi làm. Có khi anh ta mệt nhọc, thối chí ngã lòng, muốn mau mau trở về làng lập tức, để lại sinh hoạt theo cái cảnh nhàn hạ nhà quê ngày xưa.

Nhưng lại sợ một điều: là sợ bà vợ cùng thân thích mắng rằng đê tiện, làm cho họ hàng nhục nhằn, vì có một người không gánh vác được việc làng đến nỗi mất ngôi ăn chôn ngôi, phải hạ xuống bậc sãi chùa, thằng mõ.

Tuy rằng xa cửa xa nhà, bực dọc trong vài tuần lễ; rồi sau cũng thành quen. Anh Thuận làm được ba tháng, trở về làng đem được 14 đồng bạc. Thôi thì vui mừng quá đổi bỏ ra một phần để rượu chè.

Hôm sau, hai vợ chồng ra công bàn bạc về cách dùng tiền.

Anh chồng thực thà, bàn rằng: Đưa gửi ông Cai quách.

Vợ tức mình mắng rằng: bố nó ngu như con cày. Đưa tiền cho ông Cai à?... ông ấy đem đi đánh bạc hay cho hàng xóm vay lãi. Rồi đến lúc đòi, ông ấy không lấy đâu mà giả được, tất sinh lăm truyện lôi thôi. Nay bố đi phải mua cho tôi cái quần nhiều, cái áo the, để ngày giỗ ngày tết, đi đến nhà bác, tôi ăn mặc không đến nỗi như con ăn mày để người ta chê cười.

- Thôi đừng làm đom nữa, mẹ mày muốn hừng mũi lên có phải không? Ai cũng biết nhà ta không phải là cự phú. Ta cứ để dành tiền, mấy tháng nữa mua cái ao của nhà Liên, mỗi năm đánh được biết bao nhiêu là cá, bán thật lăm tiền.

Vợ phát khùng lên, nói rằng: Để tiền tôi giữ à! Không! Nếu mất trộm thì bố nó chửi mắng rày rà đến ngày tôi xuống lỗ mới thôi.

Cãi cọ mãi sau mới bàn xong: Hai vợ chồng định sắm cho con Him một cái vòng cổ, một cái vòng tay bằng bạc.

Chồng lại ra tỉnh làm chuyen nữa thì chị Thuận ước sao được vậy; quần lụa, áo the có đủ.

Lại có cả đôi dép cong, dây lưng xanh, sau lại có cả đôi hoa tai vàng, thế là mãn nguyện. Chị thấy chồng lo phiền về nỗi mình càng ngày càng trang điểm già, bảo chồng rằng: Bố nó phải biết rằng các đồ này là của cả đây. Khi nào bố nó túng, đem một cái lên Vạn Bảo cầm là có tiền tiêu ngay.

Anh Thuận ngu si, vợ bảo thế cũng nghe, lại ra tỉnh làm ăn lao碌.

Chị Thuận vốn con nhà phong lưu, không biết là chồng chiều, vẫn tưởng chồng quý như thế cũng không phải là quá đáng. Chị là con gái nhà giàu, họ Miêu, năm 14 tuổi, bố mẹ đã nhận nhờ gả cho cậu Phác là thầy đồ nho, chắc mai sau làm nên; đã định rằng thầy đồ đi thi hương, khi đỗ về cho cưới.

Bố Thị Thuận là ông cựu học An Nam, thấy nước mình phải ở dưới quyền nước Pháp bảo hộ lấy làm tức và ghét Tây lắm. Thấy Tây xẻ đường qua rừng có thần thánh ở, đào mò mả để đặt đường hoả xa; cho tàu thủy chạy đêm rúc còi, để những âm hồn kinh sợ; đem tử thi những người chết bệnh thổ tả bỏ vào vôi chôn, ông cho là làm xằng cả.

Cái gì đã dính dáng đến Tây, hoặc nhiều hoặc ít mặc lòng, ông coi không ra gì cả, không có một thứ ngoại hoá nào lọt được vào nhà ông.

Cũng nhiều người An Nam, tuy chịu nước Pháp bảo hộ nhưng không phục bằng văn minh nước Pháp là hơn. Thử bảo họ rằng văn minh nước Pháp hơn mà xem? Họ cũng phục người Pháp khéo léo chân tay hơn một chút, họ lại nói thêm rằng cái khéo ấy cũng chỉ được một việc: là nhanh chóng thôi. Họ lại bảo rằng: Tại sao các người tây làm sự gì cũng cứ học tóc giốc gan như thế? Đòi người có nhờ thế mà dài thêm ra được một ngày nào nữa không? hay là ai cũng có một lần chết cả? Đi từ Hà nội xuống Hải phòng chỉ mất ba giờ chứ không mất một đêm đi tàu hay ba ngày đi thuyền như xưa nữa? Các ông tưởng thế đã hay hóm lăm phải không.

Đi thuyền lại thanh thoi hơn, tha hồ chơi bờ, kê cà, ăn ngon ngủ kĩ, rồi cũng đến nơi.

Lại thử hỏi họ rằng: Như những buru chính, điện báo, điện thoại của người tây thì sao?

Họ đáp, đó là những sự sáng tạo tốt đẹp thật, nhưng ích lợi những gì? Họ lại nói thêm rằng: Tiên tổ chúng tôi không có những cơ khí ấy mà vẫn sung sướng. Lúc đã phải cái cực xa cửa, xa nhà, chờ đợi tin tức của cha mẹ, anh em, trong một giờ hay một ngày nay giả thử phải đợi một tuần lễ, hay một tháng nữa thì có khác chi... Và lại thư từ được việc gì? Những tai nạn bao giờ biết cũng là sớm, còn như những sự vui mừng thực hiếm, mà chả được hưởng bao lâu, thế thì để cho nó chậm đến mà ngồi chờ chả hơn ư? Tất cả cái khoái lạc là ở như trong cái sự chờ đó.

- Còn y khoa của người tây thế nào? Các ông thử nói nghe xem? Họ đáp: Trừ mấy vị thuốc uống kiến hiệu ngay, như thuốc ký ninh, thuốc mửa không kể, thì các ông lang chúng tôi còn giỏi hơn những thầy thuốc các ông nhiều. Đến như ngoại khoa của các ông mới thật là một khoa trị bệnh rất dã man.

Bảo những bác nói bướng ấy rằng: Biết bao nhiêu đồng bào họ đã lợi dụng những sự sáng tạo của chúng ta hưởng những sự tiện lợi mà chúng ta lấy máy móc tinh xảo đem lại cho đời người.

Bảo họ thế thì cũng vô ích, tất họ riều cột rằng: Cái đó cũng như các ông Tây ném quả xoài, ăn quả chuối, hay lấy vợ người bản xứ; hai đàng cũng vậy hễ cái tính hiếu kỳ được thoả mãn rồi thì lại quay về phong tục mình.

Lão Miêu cứ cãi hoài, chẳng e sợ gì cả; những người làm việc tây, ông ta cho là đồ đê mật, là những phường vong quốc, không đáng gọi là người An Nam, còn những tướng giặc như Đốc Tịchs, Đốc Ngữ, Đề Thám thì ông ngợi khen hết sức.

Làng Yên Hoà thuộc về huyện Đan Phượng. Quan huyện Đan Phượng nguyên là chân Thông ngôn, được bổ Tri huyện, vì có công với Chính phủ Bảo hộ, ông quan ấy không ra ý phản đối người Pháp và nền văn minh Thái tây, nhưng cái đó chả biết có thật bụng hay không. Quan Huyện cư xử như vậy, lão Miêu không phục, hễ thấy quan Huyện đi xe ngựa qua, hoặc đi tra xét việc gì, hoặc đi chủ toạ hội hè làng nào, thì ông ta coi ngựa mắt, muốn lặn ngay vào bánh xe cho nó đè chết còn hơn là trông thấy mặt quan Huyện.

Quan Huyện duy tân ấy nghe thấy đồn con gái ông Miêu nhan sắc, mượn người mới lái hỏi cho con giai. Ông ta chối phăng ngay, lấy cớ rằng đã nhận nhời gả cho tên Phác rồi. Quan Huyện nổi giận, dọa dẫm nhà Phác đủ điều. Chỉ vì có thế mà nhà Phác đến nổi hại. Thầy đề nghe thấy không đất nhời quan Huyện, lại gả cho nhà Phác, mặt sai người cho gọi một tên dân làng Yên Hoà bất bình với nhà Phác về việc kiện nhau bờ ruộng năm xưa. Thầy đề bảo cho nó biết rằng: Quan đương cấm như thế, rồi xui nó rằng lúc này chính là lúc lại nên phát đơn kiện. Như vậy thì chắc thế nào cũng được mà chỉ mất có vài quan tiền đãi người mách nước mà thôi. Quả nhiên chả bao lâu có đơn đệ vào huyện. Quan Huyện được cái khí giới ấy để trị nhà Phác lấy làm hả dạ lắm, bèn sai một tên lính lệ về tra xét, chẳng giấu giếm gì cái tâm địa của mình đối với bên bị thế nào, điều đó không cần phải nói.

Chú lính lệ là tay thạo việc quan, lại hay săn sóc đến việc thăng trật của mình lắm, xét ngay ra rằng nhà Phác có lỗi rành rành và phải nộp một khoản bồi thường to. Bên thua làm đơn kêu quan Phủ, nhưng quan Huyện là tay sành sỏi, đưa lên quan trên một cái lễ rất hậu, để xin ngài y cái án mình đã kết, làm cho bố tên Phác ở tù.

Vợ con ông Phác thất vọng, đi kêu hết dinh nọ toà kia, mỗi lần đệ đơn lên lại có cái lễ hậu đưa đi trước, sau cùng kể phải san toà án khiếu oan. Lên toà án, không những phải lễ lạt một thầy thông mà thôi, còn phải đút lót nhiều thầy thông thì các thầy ấy mới dịch cái đơn kiện ra chữ tây cho, lại phải đút tiền các thầy ký thì đơn kiện mới khỏi nhét xó trong cái cặp. Đến sau, được kiện nhưng gia tài đã khánh kiệt.

Cậu Phát muốn giúp đỡ cha mẹ bèn đăng lính khổ đờ, để nhà được mấy mẫu công điền, thế là phải bãi việc kết hôn với nhà Miêu.

Chính lúc bấy giờ ông Thủ có lòng trông nom đến anh Thuận, ông nghĩ bụng rằng: cháu ta lấy được con bé nhỏ nhàng mà còn trẻ tuổi, xinh xắn ấy thì thật là môn đương hộ đối. Ông mượn người làm môi, bà Miêu mừng rằng con gái mình gả được vào nơi sang trọng thì ưng ý ngay. Còn cô ở trong việc gả bán; bố mẹ cũng không hỏi xem có thuận hay không. Cô so sánh anh chồng sắp lấy bây giờ với người đã giạm ngày trước thì cũng có ý tiếc.

Thị Thuận lấy chồng như thế thì cũng chẳng yêu gì chồng; những cũng kính trọng vì chồng là thầy. Bố mẹ đã dạy rằng đời người đàn bà bốn phận cũng nhiều, nhưng trước hết có ba điều:” Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. ( Lúc còn con gái phải nghe lời cha mẹ, lúc lấy chồng phải theo chồng, lúc chồng chết phải theo con trưởng).

Từ khi còn nhỏ, cô ta đã biết rằng: sau này tất có nhiều con mà cái nghĩa vụ trọng yếu thứ nhất của mình là phải có một mụn con trai để nó thừa tự.

Vậy cô ta hết đạo thờ chồng, không phải vì ái tình đâu, nhưng vì chồng là chủ nhân ông trong gia đình mà cô là “phận gái lênh đênh mặt nước cánh bèo” được có nơi nương tựa để khỏi lo lắng mai sau. Đàn bà An Nam vẫn mong chờ chồng như vậy, cô ta cũng chẳng khác gì bạn gái.

Tuy thế cũng không nên kết luận rằng ở xứ này người ta không biết ái tình là cái chi chi. Các nhà thi sĩ ngâm vịnh ái tình chứa chan trong văn thơ, không phải là vu khoát đâu. Cái ái tình nồng nàn, cái ái tình của các giống, các nước, cái lòng hiếu sắc, không gì ngăn lại được, xô đẩy cả đến những bậc hiền triết, đạo đức vào trong con đường rò dại, tất cả những cái tính ham sắc ấy đều có... nhưng ở ngoài vòng giá thú, chứ những gái có chồng không có thói giăng hoa. Thường thấy những tấn ái tình bi kịch diễn ra hằng ngày mà tấn nào kết cục cũng là tự sát, những vai kịch ấy thuộc về các hạng người trong xã hội, nào người nhà quê, nào ông đồ nho, nào các quan lớn, mà những vai nữ bao giờ hầu hết cũng là gái giang hồ cả.

Thị Thuận đành phận thanh bạch, hết lòng trông nom các con. - Nhật tiêm nguyệt tí, dạy cho con Him biết đủ các công việc người đàn bà An Nam, Sáng ngày dậy sớm, không chải chuốt, tắm rửa gì, để khỏi bó phí mất nhiều thì giờ quý báu, con Him chỉ việc chịu khó chăm. Chóng xong cái cửa phen lên rồi thì đóm hỏa lò, lấy quạt, quạt phì phạch để đun nước pha chè buổi sáng. Không phải nước chè ướp hoa thơm đâu, chè ấy để dành đến ngày giỗ ngày tết, còn thường nhật chỉ nấu nước vôi, vị nó đắng đắng chan chát uống vào sắn cả giọng.

Rồi không được trùng trình, phải quét nhà cửa, gánh nước, cho gà ăn và nấu cơm.

Ở nước An Nam, thổi cơm không phải là việc dễ, những tay nấu bếp ở Âu châu, vẫn cậy mình thạo cách nấu nướng lắm, giá bảo rằng họ không biết thổi cơm thì lấy làm ngạc nhiên, không tin, song thật có thế.

Ấy cũng bởi những người vụng nấu cơm mà có câu tục ngữ rằng:” Trên sống dưới khê, tư bề nhào nhoét”.

Thị Thuận dạy con gái nấu cơm, cắt nghĩa cho con nghe rằng: trước hết phải đổ đầy chậu nước, rồi lấy gạo vào trong một cái ráng xuống nước. Lấy tay sè sè vo gạo cho hết cám, hết bụi, nhặt cho sạch trấu thóc, sành sỏi, vo xong lấy một cái nôi, không phải nôi nào cũng được đâu, phải lấy cái nôi đồng điều tốt và mỏng thì cơm mới chóng chín, đun lâu lắm là nửa giờ thôi, chóng được cơm và đỡ củi. Đặt cái nôi vửng vàng lên trên bếp. Đổ nước vào cho vừa vụn, ít nước quá thì cơm rắn, nhiều nước quá thì cơm nát. Kỳ thủy phải đun cho nhiều lửa, rồi tra gạo vào nôi. Lúc nước sôi, lấy hai cái đũa cả, ghé cơm cho chín đều. Hơi bốc dần đi thì nước cạn. Khi cơm sút mặt chạch phải rút bớt củi ra, gạt than ra đằng trước bếp. Thỉnh thoảng

phải vắn nồi com nghĩa là phải xoay dần dần tròn nồi cho nó lần lượt ra chỗ có than. Được ít lâu thì com chín.

Xong công việc nhà thì con Him đi chăn trâu trên dọc đê hay ở gần những bụi rậm cạnh chùa. Những buổi ấy là buổi thanh nhàn. Nó nằm ngủ trên mình con trâu, đánh trâu chạy, rồi cứ thế lang thang chơi khắp trên bãi cỏ, hay buộc trâu một nơi đi đánh ruyền đánh chắt với những trẻ chăn trâu khác.

Những buổi mưa phùn gió bắc, chúng nó khoác cái áo toai to tướng, ngồi xôm quây quần dưới gốc cây đa cổ thụ đốt mấy cành củi khô sưởi, đũa nào tinh quái hơn cả thì kể những chuyện lý thú cho cả bọn nghe.

Tên thuật truyện kể rằng:” Ngày xưa có một thằng bé tên là thằng Cuội, bố mẹ mất sớm, ở với cậu, người đã có tuổi, cậu bắt đi chăn trâu.

“Một hôm, cậu nó ra đồng coi lúa, mợ nó ở nhà làm com. Cuội chạy về nhà thờ không được, bảo mợ rằng:

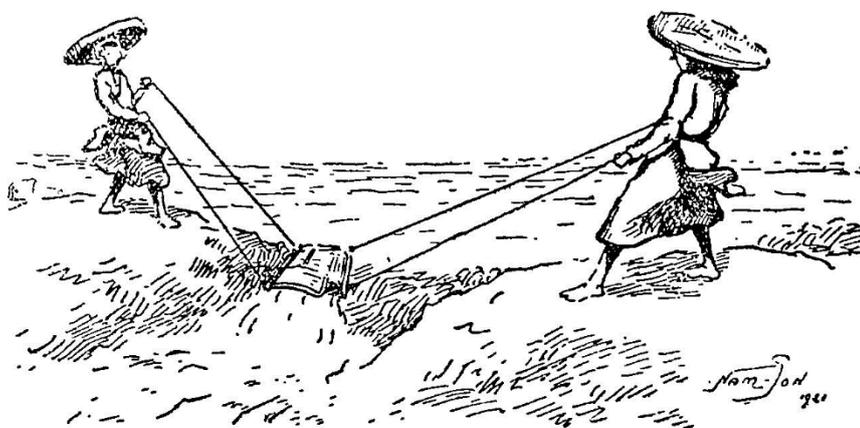
- Mợ ơi, thảm hại chưa! Trâu lồng, đằm phải cậu toạc bụng, sỏ ruột ra. Cậu đương nằm sóng sượt ở ngoài ruộng gần đây”.

Khôn nạn! mợ nghe thấy cháu bảo thế, kêu than kêu vãn, giọt ngắn giọt dài, tuy già nua tuổi tác mà cũng cố chạy ba chân bốn cẳng ra xem còn có cứu được phu quân chăng. Thế là Cuội ta đã đánh lừa được mợ rồi, lấy làm thích chí lắm, lại chạy thật nhanh về bảo cậu rằng:

- Thưa cậu, cháu vội vàng đến báo cho cậu biết cái tin ghê gớm này... sỏ là mợ cháu trèo lên gác, bắt hạnh ngã lăn xuống, vỡ đôi đầu, đương nằm trong bếp...”

Cậu không kịp nghe cháu nói hết nhờ, chạy vội về nhà. Thế nào đi được nửa đường, hai vợ chồng gặp nhau, nom thấy hãy còn sống, không can gì cả, mừng rỡ vô cùng, nhưng trong lòng cảm giận thằng cháu nói điêu.

Không phải lần này thằng ranh mới đánh lừa thế là một đầu, nên cậu mợ nó định lập mưu chực cái quân vô tích dạng ấy đi cho rảnh. Hai vợ chồng bảo nhau đi chặt tre đan rọ, bắt thằng Cuội bỏ vào, rồi khiêng ra bờ sông, nhát định quẳng xuống sông cho nó chết đuối. Đi dọc đường, chú Cuội lạy van như cóc đế, thề sống thề chết rằng hề được tha thì không dám dối trá nữa.



Lúc đến bờ sông, nó lại càng van lạy già, rồi bỗng chốc, nó nghĩ ngay được một kế, không xin tha nữa, nói ngay rằng: Vâng, tôi cũng biết rằng tôi là một thằng hay nói dối, cậu mợ làm ơn cho tôi một điều này nữa thôi. Nguyên tôi có một quyển sách để lừa đảo xỏ xiên giấu ở

trong vựa thóc gần bếp. Xin cậu mợ về lấy cho tôi để tôi xuống âm phủ tôi lấy quyển sách ấy độ thân”

Cậu thấy cháu nói ra giọng thực thà như vậy cũng cảm động, để Cuội ta trên bờ sông, trở về nhà, thi hành cái điều sở ước cuối cùng của nó; mợ nghĩ cháu lại đánh lừa chồng mình, cũng theo gót về xem có xảy ra sự gì thì cấp cứu.

Hai vợ chồng vừa đi khỏi được một lát thì có một chú xẩm đi qua. Cuội gọi xẩm lại bảo:

- Xẩm ơi, nghe tôi bảo câu này hay lắm. Ngày trước tôi cũng mù như anh, sau khi tôi chui vào cái rọ này, mắt tôi mới lại sáng ra được. Anh cứ thử làm như tôi xem; rồi hai con mắt có lại sáng sửa, tinh tươm ngay ra đấy.

Xẩm ta nghe thấy nó nói thế, thích lắm, không lưỡng lự chút nào, rờ rẫm cởi rọ cho nó ra, rồi chui vào. Thằng sở khanh ra thoát, mau mau buộc ngay rọ lại, rồi cút mất.

“Bấy giờ cậu nó về nhà, tìm chán chê không thấy gì, mới trở ra, thế là bị nó đánh lừa lần này nữa, trong bụng căm tức lắm; tay cầm lấy cái rọ, miệng nhiếc rằng rõ quân vô lại, mà chết đến nơi rồi, còn nói dối. Ông cho mày xuống đáy sông này mà nói bẻm với cá. Chú xẩm nghe thấy thế, hồn vía lên mây, van lậy chi chết.

- Lậy ông, ông làm phúc tha cho tôi, tôi có làm gì đâu, tôi mù loà khốn nạn, đi tìm chút ánh sáng chứ tôi có chuyện gì kể cho cá dưới sông nghe đâu.

Bấy giờ đã tối, nom không rõ cái gì nữa, cậu thằng Cuội nghĩ thầm rằng: Cái này lại mưu mô thằng Cuội đây chứ gì.

Rồi nói rằng: Mày mù hay không, ông cũng lặn mày xuống sông.

Lúc lặn xong cái rọ xuống sông, trở về nhà, lấy làm hả dạ lắm.

Còn thằng Cuội mọi sự nguy hiểm tránh được cả rồi, bèn ở trong chỗ ẩn dò ra, đi theo con đường cái lủi xa nhà cậu mợ nó. Đương đi gặp một bà lão quẩy gánh hàng.

Cuội nói:” Tôi không đang tâm để người già cả như bà, gánh một gánh hàng nặng nề như thế bao giờ. Bà đưa tôi gánh đỡ bà nào. Đến chợ, bà già công tôi một bát cơm là đủ”.

Bà lão dịu dàng hỏi rằng:” Anh ơi, anh quê quán ở đâu vậy? - Tôi ở về Bông lông huyện, Bang lang xã, tên tôi là bố cu Phiệu.”

Khốn nạn! bà lão không còn hồ nghi gì nữa, trao ngay gánh hàng cho người bộ hành từ tể ấy. Cuội ta đỡ lấy gánh hàng, đi nhanh tăm tắp. Bà lão đi theo không kịp kêu lên rằng:

- Này bố cu Phiệu ơi, anh đi nhanh quá... Tôi không sao theo kịp anh đâu.

Những khách đi đường thấy thế, phì cười, bảo bà lão rằng:

- Bà ơi, thôi bà mắc lặn rồi!

Quả nhiên thằng Cuội đi gần đến cái rừng sấp sửa mắt hút! Nó rẽ ngay vào rừng, lặn xuống cái suối, đem gánh hàng lờng được nhúng xuống nước, rồi lộn lại, gánh về nhà cậu nó.

Vừa đến nơi, nó đổ gánh hàng xuống, giờ ra; nào vóc nhiều nào lựa the, chẳng thiếu thức gì, cậu mợ nó nom thấy mà ngót của.

Cậu thấy cháu không can gì lại trở về được, đã lấy làm ngạc nhiên, lại thấy nó khuôn về nhiều của cải như vậy, càng lấy làm lạ lắm, hỏi nó những của ấy kiếm ở đâu.

Cuội trả lời một cách hoạt bát tự nhiên, nghĩ cho cùng, cũng không nên trách hẳn là thằng tể, nó nói rằng:” Lúc cậu ném tôi xuống sông, may sao tôi lại rơi ngay vào một cái hố đầy những của báu. Tôi cứ tự do nhặt lấy, đóng một gánh thực nặng, rồi trở về. Nhưng mà những của tôi trông thấy kể hàng nghìn phần, tôi chỉ lấy về được có một phần đấy thôi”.

Cậu nó có tính tham lam, hỏi rằng:

- Tao xuống lấy được không? Tao khoẻ hơn mày, chắc tao lấy được nhiều.

Cuội cả quyết, đáp rằng:” Cậu nói thực thê. Cậu cứ theo y như cái phương pháp cậu làm cho tôi bữa nọ là được rồi”.

Cậu nó ngỡ thật, vội vàng hai cái rọ, đi với vợ và cháu ra bờ sông. Thằng Cuội bảo cậu chui vào rọ, buộc kỹ lưỡng lại, rồi quẳng câu xuống sông. Thế là cậu nó chìm lìm mất, rồi thằng Cuội nom xuống nước thấy nổi tâm lên, cười và nói rằng:

- A hà, Cậu ta đương vớ được nhiều của lắm đấy.

Mợ nó nghe nói thế, máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê, muốn kiếm thêm ít của nữa, vật nài thằng Cuội quẳng cả mình xuống con sông vàng bạc ấy nữa, có ngờ đâu rằng đã xuống đấy, không bao giờ lại lên được nữa; thế mới thực là: tham thì thâm.

Con Him hỏi, rồi sau thằng nói dối ấy ra làm sao? Nó đánh lừa cậu mợ nó thế mà nó không phải tội à?

- Có chứ. Đến sau trời đầy nó lên mặt giăng; bắt nó ngồi dưới gốc đa, đòi đòi kiếp kiếp phải chẵn trâu, không được nghỉ ngơi một chút. Chiều hôm nay lúc giăng mọc, em cứ nhìn kỹ lên thì thấy nó ngồi ở gốc cây đa.”

Rồi cả lũ trẻ đồng thanh hát rằng:

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,  
Thả trâu ăn lúa gọi cha ời ời  
Cha còn mắc việc trên gò...  
Mẹ còn cười ngựa đi mời quan viên  
Tay thời cầm bút cầm nghiên...  
Tay thời cầm tiền đi chuộc lấy trâu.  
..Mẹ thằng Cuội chết trong nhà,  
Làm chay làm tiếu hết ba đồng tiền.  
Đồng thời mua trống mua kèn,  
Đồng thời mua mỡ thắp đèn thờ vong.*

Đến ngày mùa, công việc lại khó nhọc hơn. Việc cày bừa thì đàn ông làm, còn đàn bà tát nước. Đàng đẵng trong mấy mươi ngày, con Him và mẹ con nó lấy gầu giai, tát nước vào ruộng. Hai mẹ con đứng hai bên vũng nước, tay cầm bốn cái dây buộc vào cái gầu, rồi cùng dún mình về đàng trước, lôi cái gầu như thể đưa võng, cho nó chìm xuống nước để vục đầy nước vào. Rồi hai người cùng dịp dàng ưỡn bụng ra, ngựa mình về đàng sau, kéo bốn cái dây để đưa cái gầu lên cao, ngang mặt ruộng. Bảy giờ chỉ kéo hai cái dây dưới, đánh phắt một cái là nước đổ vào ruộng. Lại dún mình một cái thì cái gầu lại đưa về chỗ cũ, và lại rơi xuống vũng nước một lần nữa. Cứ dịp dàng tát nước thế mãi cho đến chiều tối, lưng đau như gãy, tay mỏi như giần, nửa người trên nắng sém da, mồ hôi chảy ròng ròng.

Hễ trong ruộng cấy mạ, lúa mọc xanh rì xin xít, không hở chỗ nào thì lại có việc khác là việc cấy lúa. Cách cấy như sau này: nhổ mạ lên lấy một cái rạ buộc thành từng bó con; rồi lấy ngay nước ở ruộng rửa cho sạch rế, rửa xong cầm bó mạ đập đánh bạch một cái vào chân, rồi ném lên trên bờ ruộng. Hôm sau nhặt lấy những bó mạ ấy, cắt ngọn đi, rồi cấy từng nắm một, cứ mỗi nắm lại cấy xuống ruộng một cái, nắm nọ cách nắm kia vào khoảng 15, 25 phân tây, cấy thành những hàng thẳng băng.

Đến tháng năm tức là vào độ tháng sáu tây, lúa đã chín, mỗi người vác một cái hái ra đồng gặt. Ở nhà thì đập lúa rào rào trên những cái thớt đá, hạt lúa vàng vàng rụng xuống sân, hắt lên sàng sảy.

Sàng sảy xong chứa vào trong một cái sọt gỗ chuyển vận được xung quanh quây cót, cho thóc khỏi ẩm thấp, khỏi sâu bọ. Nào thế đã xong việc đâu. Trước khi đem ra nấu cơm ăn còn phải say thóc, giã gạo, sàng xẩy một lần nữa cho hết tấm cám.

Những ngày mưa hay những độ vắng việc đồng áng, con Him ở nhà mẹ dạy vá may, nhất là may yếm may quần, vì những thứ y phục ấy thợ tài phùng không người nào muốn may cả, nó cũng đã thừa biết.

#### IV

Ngoài đường có một bọn đi qua hát rằng:

*Xin nàng xét kỹ kéo làm!  
Anh đây đã quyết tâm với nàng.  
Đôi ta là ngãi đá vàng,  
Lòng anh vắng vặc giăng rằm mùa thu,  
Giăng thu còn có khi mờ,  
Lòng anh yêu quý bao giờ giám phai.<sup>5</sup>*

Ở Hà nội, chiều hôm ấy, vui vẻ lắm, ngoài đường người đông như nôm cối. Nguyên hôm ấy là rằm tháng tám tục gọi là tết Trung thu, tết này là tết chơi đèn. Người nào người ấy, mặt mũi hớn hở, vì giăng tròn vành vạnh, sáng như ban ngày, thế là điêm được mùa.

Người đông như kiến, ăn mặc như cào cào, chen vai thích cánh nhau, đi lại rộn rịp, người nọ chạm cả vào người kia, đàn bà vận quần áo lịch sự, tay bông tay giắt, riu rít cò con. Những trẻ thì mặc quần lụa xanh lụa đỏ, áo lằng vàng lằng xanh. Những trẻ con đội mũ thóp thêu các mùi sắc sỡ, đầu mới cạo sọ trơ ra nom trắng hếu.

Những người nhà quê đi chân giẫm, mặc áo vải nâu, lững thững dạo chơi, thường hay dừng lại trước các hàng bán quà. Rồi hai ba người trèo lên ngòi chung một cái xe sắt, nó chạy lạch cà lạch cạch, ngoài đường thì kẻ đi người lại đông nghìn nghịt, thẳng cu li xe tránh không kịp “mè nheo” luôn mồm.

Có mấy thầy thông vận áo nhung thâm, dài lượt thướt, mặc quần nhiều thật cao để phô bít tất “phin” giấy “vọc ni” ra, miệng ngậm “sì gà” tay cầm “ba toong”, nom yếu điệu, nhỏ nhắn như đàn bà, đi vào giữa đám đông người, ra dáng mần bộ, khinh đời lắm. Những tay văn minh thượng hạng ấy đi ra nhà hát phố hàng Buồm, anh nào cũng hi vọng rằng: may ra gặp được chị vợ tây nào thì “chip” lấy để làm cánh hầu tri kỷ, mai sau nương nhờ. Trong bọn này thì kiêu căng nhất là tụi Sài gòn, cứ nom khăn nhiều loè loẹt thì nhận ra ngay.

Kìa thằng khách cõi trần, ngòi xỏm ở giữa gánh hàng, nào mùi khói, mùi cháo, mùi nước mắm lẫn lộn bốc hơi lên. Thằng khách bán cháo rao: Cháo gà! Cháo vịt!

Vừa rao vừa gõ hai miếng tre vào với nhau, túc tặc! Người ăn tới tấp, bán không xuể. Lúc nào vắng khách một tí, nó lấy cái khăn mặt bông, vùi vàng lau lưng nhể nhại những mồ hôi, rồi nó lại lấy ngay cái khăn ấy, lau bát để múc cháo cho người ta ăn hay để che thịt gà, thịt vịt cho săn bọ ban đêm khô đến bậu vào.

Nó lại rao: Ngầu nhục phở. Chốc chốc lại cúi xuống, nhặt mấy hòn than ném vào lò, rồi cứ tay đen sì thế cầm bát đông phở bán.

Cháo gà, cháo vịt!

Gánh hàng nặng trĩu, khói lên nghi ngút, vai gánh kiu kịt, tay gõ túc tặc luôn luôn, đi suốt đêm bán hàng.

<sup>5</sup> Bài này dịch giả cũng phải dịch lấy vì không sao được nguyên văn.



... Này những đàn bà tàu, mắt xếch về đấng thái dương, mặt đánh phấn, tóc vấn lên thành búi tóc cao, coi kỳ khôi lắm, bên ngoài bôi dầu, cài không biết bao nhiêu là trâm là lược bằng kim khí tráng men hay mạ vàng. Những thím khách ấy mặc áo, tay rộng lưng thụng, đồ chót hay xanh lè, chân bó trước khùng khiễng.

Đằng sau những thím khách ấy có những trẻ con béo tròn như cối xay đi nháp nha nháp nhô, ra bộ đường vệ đứng đắn, đầu cạo trắng hếu, quần để hở dít.

Chú xẩm ngồi bên hè, dưới cái hiên, ra công kéo nhị, tiếng kêu rít lên, miệng sẽ sẽ hát một bài dài đại đoạn. Có một người đi đường dừng chân đứng lại, nghe hát mấy câu, ném cho vài ba đồng kẽm rồi đi, còn chú xẩm dừng lại cảm ơn hoài.

Những người thương mại An Nam giải chiếu ngoài cửa, ngồi hóng , hút điếu thuốc lào, ra dáng nghiêm trang êm ái lắm.

Bên cạnh họ có những anh khách, mắt lá táo, mặt tròn vành vạnh như giăng hôm rằm, bóng nhoáng như mỡ, cời trần, bụng xệ, ngồi xếp bằng tròn trên cái ghế đầu. Các chú khách ấy có ba cầm, cổ lực lưỡng mình béo núc ních những thịt, mồ hôi chảy xuống ròng ròng, tay phải quạt phi phạch, tay trái gãi huyền thiên. Còn nhiều anh ngồi trên ghế dựa, tay mập mập như tay đàn bà, khoanh lại trên bụng phệ. Mắt lúc thì lim dim, dờ thức dờ ngủ, lúc thì ung dung nhìn khách qua đường. Ngoài đường, kẻ đi người lại rộn rịp, lao nhao, ầm ỹ, nào tiếng những người khách thừa lương nói truyện ồn ào, nào tiếng trống inh ỏi, nào tiếng những người bán hàng cãi nhau, nào tiếng trẻ kêu riu rít, nào tiếng chửi nhau; lại nom thấy ở trên những đầu người, các thức đèn giấy hình dáng cực kỳ lạ lùng, nháp nha nháp nhô, nhẩy lên nhẩy xuống, rập rờ, rập rờn: nào đèn con cua, hai mắt xanh xanh, hai càng dữ dội giơ lên trời, nào đèn con tôm, duỗi ra co vào nhẩy trồm lên như muốn dẩu chiến nào đèn sư tử đầu nom kỳ quái; nào đèn con hổ vận động được, mắt đưa đi đưa lại góm ghê, nào đèn con rồng cuốn khúc, gió thổi các chân lung lay. Có nhiều đèn chạy bằng máy, thực là những công trình kiệt tác. Nó hình dung ra những giống thú quái đản vận động được, mắt long sòng sọc, bơi chèo và đuôi động đậy, hàm dưới lung lay, nom vừa buồn cười vừa ghê sợ.

Dòm vào trong những nhà để ngõ cửa, lại còn thấy những đèn kéo quân nữa. Những đèn này to mà lại có quân bằng giấy chạy. Trên có tán, dưới đốt nến, những quân bằng giấy cứ thứ tự chạy xung quanh các mặt đèn.



Trẻ con đi lũ lượt ngoài đường, hết bọn này đến bọn khác, đưa nọ nắm dây lưng đưa kia; hát âm cả phố. Đưa đi đầu hát rằng:

*Bắt cái! Bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Hoa lý lịch là hoa lý lịch: hồ khoan!*  
*Rồi cả bọn đều hát rằng:*  
*Bắt cái! bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Em là con gái kẻ Mơ, hồ khoan!*  
*Em đi bán rượu tình cờ gặp anh; hồ khoan!*  
*Bắt cái! Bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Ai đem em đến chôn này: hồ khoan!*  
*Bên kia thì núi, bên này thì sông: hồ khoan!*  
*Bắt cái! bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Đi đâu mà chả lấy chồng: hồ khoan!*  
*Người ta lấy hết đưng không mà gào: hồ khoan!*  
*Bắt cái! bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Em là con gái Tràng sinh: hồ khoan!*  
*Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè: hồ khoan!*  
*Bắt cái! Bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Ông Nghè cắt quân ra ve: hồ khoan!*  
*Tôi lấy ông Nghè, tôi đã có con: hồ khoan!*  
*Bắt cái! Bắt cái! này: hồ khoan!*  
*Có con thì mặc có con: hồ khoan!*  
*Thắt lưng cho tròn mà lấy cậu Cai: hồ khoan!*

Anh Thuận ở trọ nhà bà Thục, phố Lò Đúc, cuối tỉnh Hà Nội. Tuy ở xa tỉnh có bất tiện thật, nhưng lại được hai điều lợi: Chủ tiệm là người đồng hương, xưởng làm lại ở ngay bên cạnh. Thục sự thì bà Thục không phải làm nghề bán hàng cơm, bà là vợ người cai ở xưởng anh Thuận, nên bà cho mười người cu li về bọn chồng bà cai, ăn cơm và trọ.

Bà bảo con ở rằng:” Xuân ơi! dọn mâm bát mau lên, khách đã về mà nhà tôi lại nóng tính, không thích chờ cơm”.

Con Xuân độ hai mươi tuổi, người nhỏ bé, nhũn nhĩn mặc cái quần nái thâm, cái yếm nhiều đố, ngực nở, nang. Khách ăn hàng ai là không chú ý vào nó. Mặt nó tròn trặn, da vàng vàng, mắt lá dăm, mí mắt đầy, mũi dẹt, môi thì ăn trầu đỏ chói, tóc đen, vắn khắn. Tổng tích nó đã nhiều người nghị luận đến. Có ai hỏi thì nó nói: Lúc còn bé, bị người ta bắt đi, cũng không biết nhà cửa, quê quán đâu cả.

Dù nó hồi tưởng lại thuở nhỏ cũng vẫn chỉ nhớ rằng mình đi ở. Nhưng ai còn lại gì, nó không chịu nói thật. Cứ xem cái cách nó biết chít khăn vuông mỏ quạ cho ai nom thấy cũng phải xiêu lòng, cái cách nó vận áo thắt lưng, rẽ đường ngôi thẳng băng, chải mái tóc bóng mượt, cái cách nó thích làm đôm, thích đeo đồ nữ trang, cứ nom nó thì biết rằng: không phải xưa nay nó vẫn ở cái cảnh ngộ đê tiện ấy.

Nó làm ăn tươm tất, nhanh nhẹn, khéo léo nên cả nhà không ai còn phàn nàn điều chi. Tính nó âu yếm vui vẻ, nên khách lại trọ nhà bà Thục càng ngày càng đông.

Con Xuân bày một cái mâm đồng ba chân ở trên phản có giải chiếu sạch sẽ. Nó bày những cái đĩa nhỏ đựng cá rán, đựng thịt quay cắt ra từng miếng con, thịt gà nấu gừng và mấy khoanh giò là thứ đồ ăn người An Nam sở thích lắm.

Lại có mấy đĩa đựng nước mắm, hành, mắm tôm, mấy bát chiết yêu vẽ hoa đựng miếng nấu lòng gà và mộc nhĩ, đựng canh nấu các thứ rau thơm, đựng diêu cá. Canh mâm xếp một chồng

bát xú hoa, đũa mun bịt đồng, chén hạt mít như chén của trẻ chơi, và một be rượu, để đợi khách.

Con Xuân lấy lòng bàn đậy mâm cỗ lại; xong rồi sửa soạn hai mâm cỗ nhỏ nữa bày bên cạnh. Hôm ấy không phải là một bữa cơm thường đâu, chính là một tiệc to, làm để thiết bạn đồng sự và những bằng hữu khác.

Chả bao lâu khách đã đến đông đủ. Lúc khách đã ngồi vào mâm rồi, anh Thuận là chủ nhân, biết cách tiếp đãi, rót rượu đầy những chén con rồi quay mặt vào từng người khách, bắt đầu từ người hơn tuổi, mời rằng:

- Mời các bác, các chú xơi với tôi chén rượu nhạt.

Khách đồng thanh đáp lại:

- Không dám, chúng tôi mời bác xơi rượu.

Khách nhấp chén rượu, rồi cầm đũa, nhưng bất cứ là thứ đồ nhắm nào, một tí gì cũng mời mọc chán chê mãi, rồi mới gắp.

Anh Thuận nói: “Tết năm nay linh đình vui vẻ lắm.”

- Phải, giảng tỏ, chắc được mùa.

Lão Cuội nói:” Khi Tây chưa sang, những ngày hội ta còn vui nhiều. Cứ hỏi những ông lão bán bánh, bán đèn, xem ngày xưa buôn bán có phát tài hơn bây giờ không...

Một người nữa nói thêm:

- Bây giờ những người làm việc Tây, quên hết cả những lẽ lối, phong tục ta. Thật là hủ lậu! ... Họ chẳng khác gì cóc đi guốc, kiếm được đồng nào đem mua thuốc lá, sắm mũ tây hết cả. Còn lấy tiền đâu mà chơi đèn?

Chủ nhân là ông Thục vốn người thiên học, hỏi: Nhưng mà sao hôm ấy lại chơi đèn?

- Đó là một truyện khẩu truyền ở nước ta, nhưng xem ra cũng có lý thú. Câu chuyện cổ tích ấy, các cụ ngày xưa lấy làm trân trọng lắm, nhưng cứ xem như cái lối đồng bào ta cư xử ngày nay thì chỉ vài năm nữa, những truyện cũ quên hết cả mà có nhớ ra nữa thì cũng cho là những truyện đã cũ rích, không đáng để vào tao... chúng tôi đã thuật lại những truyện ấy cho con cháu nghe, cũng như ông cha thuở trước đã kể lại cho chúng tôi nghe; nhưng đến khi chúng tôi khuất núi đi rồi thì...

Này tôi kể truyện ấy cho các bác nghe, để các bác lại kể lại cho những người khác nghe, họa chăng thế mới khỏi chóng quên mất.” Vua Đường Minh hoàng là một đấng minh quân, ngài đã có tuổi, làm phúc cho tăng ni nhiều lắm. Đến khi về lão, một hôm ngài đương ngồi tụng kinh với một thầy đạo sĩ, bấy giờ cũng vào độ trung thu như hôm nay. Bỗng dung vua và thầy tăng cuội hạc bay lên cung Quảng hàn ở trên mặt giếng. Đến nơi nom thấy phong cảnh thiệt là ngoạn mục, lại thấy có độ mười người tiên nữ tuyệt đẹp, xách đèn bóng, nhảy múa cực khéo cực xinh, vừa múa vừa hát khúc thiên ca.

Hoàng đế và thầy đạo sĩ ở trên bồng lai tiên cảnh ấy ít lâu, rồi lại có hạc bay qua không gian rước về hạ giới.

Hoàng đế vốn ưa ca vũ lắm, nom thấy tiên nữ múa hát như thế, lấy làm khoái lạc không bao giờ quên. Vừa về đến cung điện, ngài viết ngay ra cái khúc nhạc đã nghe thấy trên cung tiên và đem ra dạy phường ca vũ để bắt chước hát múa như tiên vậy. Ấy chính là cái lối các a đầu, đứng ra hai hàng, đầu và vai đội đèn giấy múa hát ngày nay mà tục gọi là múa bài bông. Tiệc ăn vừa xong, khách và chủ là anh Thuận ai cũng uống rượu cho thoả thích mặt mũi đỏ gay. Nhà chủ sai đưa lần lượt một thau nước nóng với cái khăn mặt bông nhỏ, người nào người ấy rửa tay thoả thích lắm.

Nhà chủ dạy bảo con đồ cũng đã vào nề nếp, lúc khách xơi rượu xong, nó đã tằm sẵn một coi giàu đầy rồi. Trước hết nó chọn một lá trà tươi, rọc mỗi bên một ít, quệt một tý vôi vào,

rồi gấp hai bên lại, cuộn tròn như cái tổ sâu, sau lấy cái đầu nhọn chìa vôi dùi một lỗ vào giữa. Lấy cái cuống giầu gài vào cái lỗ ấy thì thành miếng giầu. Têm xong, xếp giầu không vào trong một cái ngăn tròn, còn những miếng vỏ chay, cau bở tám, thuốc Lào ngon, bày vào các ngăn khác. Dem coi giầu ra mời từng người khách một.

Đằng sau nhà, nghe thấy tiếng đàn hoà với tiếng hát trống quân.

Tiếng đàn đánh phình! phình! phình!

Anh Thuận rượu say lão đảo nói:” Nào! ta ra chợ xem nam nữ hát nào. Có ai đi với tôi không?

Anh ta rủ thế, chẳng thấy ai đi theo cả, bèn loạng choạng bước ra một mình.

Đến chợ, thấy một đám đông người vui vẻ. Anh ta bây giờ choáng chén, nên có ý ngông muốn hát thi với một người con gái. Lập tức chế ra một cái trống, ngồi bên cạnh bắt đầu hát rằng:

*“Đôi ta như lúa đồng đồng  
Yêu nhau nào dám giải lòng cùng nhau.”*

Trống vẫn đánh phùng phùng!... Bên kia giọng kim đã cất lên đáp ngay:

*“Tiếng ai êm ái ngọt ngào,  
Như tiếng chuông bạc gõ vào bên tai?  
“Nếu không phải tiếng chồng tôi,  
Thời còn là tiếng hát ai bây giờ?”<sup>6</sup>*

Anh Thuận vừa nghe thấy hát xong mấy câu đó, giật nảy mình, vì cái giọng người con gái ấy nghe ra quen lắm, nhưng không có thì giờ đâu nghĩ ngợi lâu dài, phải hát tiếp ngay, không thì bị thua.

Anh Thuận hát:

*Đã đi đến đám thời chơi!  
Đã đi đến đám tiệc nhờ làm chi.  
Con gái hát:  
Cất lên một tiếng mà chơi,  
Cất lên tiếng nữa ăn coi giầu đầy.  
Anh Thuận đáp:  
Nhân khi tứ hải giao tình,  
Muốn cho hợp mặt có mình có ta.  
Anh hùng gặp khách hàng nga,  
Rắp mong đây đây, một nhà vui chung.  
Đào ơi, thương lấy liễu cùng,  
Muốn cho đào liễu ở chung một nhà.  
Sao nàng chẳng tỏ tình ta?  
Những là ngơ ngẩn vào ra đêm ngày.  
Bây giờ loan phượng sánh bầy.  
Đào đông ước hỏi liễu tây một nhời:  
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,  
Khách tình sao chẳng vui chơi hồi tình?  
Con gái hát:  
Đêm thu gió mát, giăng thanh,  
Thì em giải tỏ tấm tình cùng anh.*

---

<sup>6</sup> Chúng tôi không biết nguyên văn những câu hát này nên phải dịch lấy

Mối hay duyên nợ ba sinh,  
Đó ai dứt được mối tình cho ra.  
Đôi ta như con một nhà,  
Như vóc một tấm, như hoa một chùm.  
Đôi ta như nước trong chum,  
Như hoa một chùm, như đũa một đôi.  
Ví dù anh có thương tôi,  
Thì anh tỏ lại mấy nhời thuy chung.

Anh Thuận dở tỉnh dở say, vẫn nghĩ thầm trong bụng rằng: cái tiếng hát này, ta nghe quen lắm. Rồi lại hát tiếp:

Được nhời như cời tấm lòng,  
Thì anh tỏ hết thuy chung em tường.  
Nhà anh rút mực giàu sang,  
Quê anh ở huyện Bang lang cũng gần.  
Tên là Trục, học là Trần,  
Cha làm Tổng đốc Đại thần ở kinh.  
Nay anh ra đất Bắc thành,  
Rắp tìm hai chữ ân tình xa xôi.  
Khắp hoà thiên hạ dưới gò,  
Cũng chưa gặp được một người thanh tân.  
Tấm lòng luống những phân vân,  
Qua đây nghe tiếng trống quân anh vào.  
Thấy em là gái má đào,  
Nên anh muốn tỏ thấp cao mấy nhời.  
Cho hay duyên số bởi gò,  
Thế nào em quyết một bài xong cho xong.

Con gái hát:

Tỏ mặt anh hùng,  
Thuyền duyên tỏ mặt anh hùng,  
Mấy khi hội ngộ kỳ phùng thế nay.  
Sự duyên em dám tỏ bày,  
Kéo anh lại nghĩ em nay ngu hèn.  
Bông lông quê ở gần miền,  
Đieu thuyền vốn gọi là tên đó mà!  
Cha em thì đỗ Thám hoa,  
Làm quan Tể tướng, vốn nhà trâm anh.  
Hiếm hoi sinh được một em,  
Kén chồng nay vẫn cảm nghiêm trên lầu.  
Tiếng đồn dậy khắp năm châu,  
Biết bao khanh tướng công hầu ước ao.  
Giời xanh quen ghét má đào,  
Bấy nay chưa được nơi nào xứng cân.  
Bây giờ con tạo xoay vần,  
Xui nên kẻ Tấn người Tần gặp nhau.  
Đôi ta ý hợp tâm đầu,  
Khi thân chẳng lọ là cầu mấy thân.

Đã lòng quân tử đa mang,  
 Trăm năm ghi tạc đá vàng đầy đây.  
 Anh Thuận hát khôi hài:  
 Hát đôi anh đã hát rồi,  
 Bây giờ anh hát khôi hài cho vui.  
 Em đừng khoe sắt khoe tài,  
 Thôi đừng khoe khéo chón này làm chi.  
 Tiếng em đầy khắp chợ quê,  
 Đồn rằng em vẫn cứ đi xoi mày.  
 Bắc Ninh, Hà Nội, Sơn Tây,  
 Em đi xoi mày chẳng thiếu nơi nao.  
 Hình dong yếu điệu thanh tao,  
 Răng đen hột nhót, má hồng tròn niêu.  
 Nón quê em đội trên đầu,  
 Tay mang bị bát, tay đeo áo toi.  
 Miệng kêu ra rả vô hồi,  
 “Lậy thầy, lậy cậu, cho tôi một đồng.”  
 Em ơi có phải thế không?  
 Hay còn già họng toan hồng chổi đi.  
 Con gái hát lại:  
 Kể xấu nhau chi,  
 Ăn đơm nói đặt, chẳng e thẹn mồm.  
 Nói người chẳng nghĩ đến thân,  
 Thử sờ lên gáy xem gần hay xa.  
 Bây giờ mới tỏ sự ra,  
 Người ta vẫn gọi anh là Cai xia.  
 Hôm qua canh hã còn khuya,  
 Vội vàng thức dậy ra đi đổ thùng.  
 Cửa Nam, cửa Bắc, cửa Đông,  
 Anh đi đổ thùng còn sót nhà ai.  
 Nón khăn quần áo tả toi,  
 Một trâu với lại một người một xe.  
 Tay cầm đèn ló lập loè,  
 Cổ đeo cái nắp, tay bê miệng thùng.  
 Đến nơi gõ cửa đùng đùng,  
 Xin bà thức dậy đôi thùng cho con.  
 Thức khuya dậy sớm cần chuyên,  
 Mè đay hạng nhất chủ liền ban cho.  
 Ban thêm vài cái móng giò,  
 Hôm nay mới phải nằm co ở nhà.  
 Truyện anh em kể thực thà,  
 Khôi hài cũng góp một và câu chơi.

Lúc bên nữ vừa hát xong, ai nấy đều khen hát hay, hai người được giải một quan tiền.  
 Sau anh Thuận mới nhận ra rằng: người con gái hát thi với mình, chính là con Xuân, tức là con ở nhà bà chủ, anh ấy, bèn lại gần, bảo nó rằng:  
 “Chị ơi, chị nhận lấy cả cái giải thưởng ấy thì tôi lấy làm hân hạnh vô cùng.”

- Thừa anh, không, em không dám nhận vì anh được giải kia mà...

Nhưng trong khi đối đáp với nhau, lễ phép như thế thì đôi mắt cùng liếc, đôi lòng cùng ưa, rồi hai bên cúi đầu xuống cả, sượng sùng ngoảnh mặt quay lưng, ấy trai gái vẫn hay giữ ý như vậy.

Rồi anh Thuận nắm lấy cổ tay con Xuân, nó cũng để yên không cưỡng, giá anh ta muốn trêu hoa gheo nguyệt, nó cũng chiều lòng. Hai người yêu nhau, cũng không giấu giếm gì cả. Họ là người thật thà thuần phác, hai đấng có cái ái tình nó làm cho khoái trá, cứ việc hưởng, chứ bất luận rằng ái tình là cái chi chi. Hai bên không e lệ điều gì, không thẹn thùng làm chi vô ích, đã yêu nhau thôi cứ thật tình, không cần phải giữ gìn ý tứ. Bấy giờ anh Thuận cứ tuân theo cái tính tự nhiên của trời phó cho, quyết ý giắt con nọ về nhà, nó cũng cứ đi theo, không khăng khịu lôi thôi... Hôm sau anh Thuận thuê một cái nhà cho tiểu tinh ở. Anh ta cũng lo vợ cả biết, nhưng được ít lâu phải bặc bạch cùng kẻ lớn trong nhà, dù người có nổi tam bành lên cũng cam tâm vậy.

## V

Có thằng tuấn đình chân đi nặng nề, kéo lê sèn sệt như người buồn ngủ, bước qua các ngõ hẹp trong làng chốc chốc lại gõ cái mõ tre.

Cốc cốc!...Cốc!

Bấy giờ vào đầu canh tư, hãy còn tối đất, phía đông mới thấy có ánh sáng mờ mờ, rồi đến ánh sáng hồng hồng, trên gò có những màu xanh đẹp, sau bỗng chốc có ánh sáng rực rỡ, chiếu giọi xuống trần gian, chân gò sáng trưng, những đám vàng choé nhập nha nhấp nháy; bấy giờ trên ngọn cây đã sáng như ban ngày rồi. Trên cành cây, trong bụi rậm, ngoài bờ rào, những chim chóc lại được sinh hoạt, lại trông thấy bóng thái dương, mừng rỡ xôn xao hót kêu ríu rít; trong sân nhà thì gà gáy ran, hết nhà nọ đến nhà kia, đánh thức mọi người và súc vật dậy. Trời đã sáng rồi: Cả làng ban nầy đang ngủ yên, bấy giờ đã bắt đầu náo nhiệt. Cửa phen các nhà lá, ban đêm hạ xuống, bấy giờ đã chống lên, nhòm vào cửa, thấy trong nhà còn lờ mờ, trên giường thấp thoáng bóng người, co vào duỗi ra uốn vai, ngáp, ợ, âm ỹ hồi lâu.



Nước đun để pha chè sáng đương sôi ở trong những cái ấm đồng, khói và hơi nước lẫn lộn bốc tự những cái lò đất lên qua trên mái nhà gianh, mái nhà có bóng nắng buổi sáng giọi vào.

Thằng bé con bụng ông, mặc cái áo vải ngắn, coi lơ đãng, chân khểnh khi đi chập chững, người gầy gò vì ăn uống không được sung túc, chạy vội ra sân ngồi xỏm dưới đất, còn mẹ nó thì kéo dài: êu êu êu ... êu...

Trong cái lều gần đây có tiếng hút thuốc lảo sòng sọc và tiếng tiêu cảnh gõ coong coong trên bàn thờ.

Một người đàn bà ra cửa, tay cầm bó hướng nghi ngút, giơ lên tận trán năm bảy lần, quay mặt ra tứ phía, khấn các ông “Ba mươi” trấn thủ ngũ phương, đề nghị xin các ngài phù hộ nhà mình và trừ khử ma tà đi cho.

Cách xa một tí, một bà ra dáng bận việc, đương rửa mặt cho đàn con. Còn trong làng dần dần

càng thấy huyền ảo. Những con đò gánh hai cái thùng sắt tây không, ra giếng làng gánh nước. Chúng nó vừa đi vừa nói chuyện như pháo ran, cười như nắc nẻ, chửi nhau như mất gà, phát vào ngang lưng nhau đồm độp.

Trên bờ gậu, các bà nói chuyện như phát lác, đoán mộng đêm hôm trước đến hàng tám mươi trống canh. Ngoài đồng, chỗ nào cũng nghe văng vẳng đằng xa có tiếng trống chùa, lại xen tiếng chuông đồng, đàn ông đàn bà vác cuốc vác cày ra đồng, trâu đi trước có trẻ con cưỡi. Chỗ con đường rẽ, hai bọn con trai con gái gặp nhau, con trai tự do nói bông chòng ghẹo con gái, làm cho các ông lão nghe thấy, tùm tùm cười, vì các ông lại nhớ đến những cuộc say hoa đắm nguyệt thuở xưa.

Một chi tươi tỉnh bạo dạn hát rằng:

*Gặp anh ở quãng đồng này,  
Con mắt liếc lại, lông mày chan chan;  
Ở đây nghe tiếng người ngoan,  
Thấy chàng quân tử giới giang có tài;  
Có sắc mà lại có tài,  
Chuyên anh ra ngoài mà lại hữu duyên;  
Đôi má có đôi đồng tiên,  
Miệng cười tùm tùm như duyên em sâu.*

Một anh hát đáp lại rằng:

*Gặp đây anh bám lấy tay,  
Anh hỏi nhời này, em nói làm sao?  
Thế nào là miệng muốn chào?  
Thế nào là kết tương giao hời mình?  
Thế nào là nghĩa tao khang?  
Thế nào tạc đá ghi vàng thủy chung?*

Anh này hát xong, chị kia hát đối lại ngay, lời ý nhị hoạt bát:

*Đi đâu thơ thẩn một mình,  
Mà toan xẻ gánh chung tình làm đôi.  
Vợ chồng là ngãi trên đời,  
Ông tơ đưa lại duyên giới định cho.  
Đôi ta đã trót hẹn hò,  
Làm sao nỡ để cho em chịu sâu.  
Tin đi mối lại đã lâu,  
Anh đi anh để mối sâu cho em.*

Cái câu hát số sảng, mộc mạc ấy văng vẳng đưa xa, còn các người ấy đi tản nát ra ngoài đồng làm lụng.

Bà Thuận sáng hôm ấy, trở dậy có dáng ủ dột lắm vì đêm nằm chiêm bao bất tường. Bà mộng thấy mình nằm trên giường, ruồi bám đầy quần áo, giữ thế nào cũng không được, nó cứ quần vào người thật là bực dọc. Đương nằm thấy cái mộng khó chịu ấy thì chợt thức dậy, hất

hơi luôn mấy cái: ấy mấy lại quái gỡ nữa. Bà hàng xóm tên là Chiêu, bảo rằng: Nằm mơ như vậy thực là không hay.

Bà láng giềng cả quyết rằng: Thế nào rồi bác cũng đánh nhau. Còn như hắt hơi, bác có nhớ vào giờ nào thời mới đoán được.

- Tôi hãy còn nhớ: Chính xác lúc ấy tôi nghe thấy tiếng con vạc kêu.
- Thế ra vào cuối canh tư.

Bà lão bầm đốt ngón tay một lúc, rồi nói thêm:

- Có bà cô làm bác đấy, phải giữ gìn mới được.

Tính bà Thuận đã hay bản, lại gặp những điềm gỡ ấy, nên càng gắt già Bà chống cái phen lên xong rồi lấy cái quạt, quạt bép thành phạch. Gạo vo xong, đi lấy nồi, còn ít cơm nguội đem ra cho gà. Bà cũng bập, bập, ... bập, bập ... gọi gà như thường.

Mọi bận, bà gọi thế thì cả chuồng gà, nghĩa là một con gà sống, bốn con gà mái, chạy lại ăn cơm, nhưng hôm ấy chẳng con nào đến cả. Bà Thuận lấy làm lạ, ra chuồng gà, đẩy cửa vào xem thì chỉ thất chuồng không. Bà nom thấy cái lỗ to đào ở chân tường, giận xám mặt lại, biết có đũa ăn trộm gà rồi. Cái tức đưa lên nghẹn cả cổ, chỉ còn chửi được một câu: Chém cha con đẻ mẹ mày.

Chạy ra chạy vào, tìm khắp nơi, gọi mãi cũng chả thấy gì. Sau ra ngoài cổng, la rằng:

“Kẻ ở đằng trước, hay người ở đằng sau, kẻ ở bên tả, hay người ở bên hữu, ai bắt được một con gà sống, bốn con gà mái của tôi, phải giã tôi. Nếu nó lạc vào nhà ai, phải buông tha nó ra, cho nó về nhà tôi, không thì tôi chửi cho mà nghe đấy.”

Bà rêu rao như vậy, trước còn nho nhỏ, sau to dần dần mãi lên, cho đến khi hết hơi mới chịu về nhà, thôi cũng nguôi giận được một chút.

Bà bận vào việc nhà một lát, rồi đến bữa ăn, bà cho con Him ăn cơm, rồi sai nó đi chăn trâu.

Bấy giờ bà lại ra đường, ngồi xỏm xuống, rồi chửi rửa... “Chém cha con đẻ mẹ mày, mày giang tay mặt đặt tay trái, ăn trộm gà của bà đêm hôm nay phùng ăn trộm kia ! Chém cha ông bà, ông vải nhà mày. Mày vảnh lỗ tai, gài búi tóc ra mà nghe bà chửi. Vợ bảo chồng, cha bảo con, tớ bảo thầy, hễ không buông tha nó ra thì bà chửi mãi cho mà nghe...” Im được một chốc, rồi lại rửa. “Những con gà ấy nó ở nhà bà thì là gà, nó về nhà mày hoá ra cú ra cáo, nó cắn chết mày, nó cắn chết cả nhà mày. Mày ăn thịt những con gà ấy thì nó thành ra ung nhọt làm cho tắc hậu nở cổ người nhón người bé nhà mày. Chém cha tiên nhân tổ đức nhà mày, những quân ăn trộm của bà kia. Mày giồng tai ra mà nghe bà chửi.”

Hàng xóm nghe thấy chửi rửa như vậy, kéo ra cả. Những trẻ chăn trâu cũng bỏ trâu đó lại xem, mong rằng: như mọi khi tất có sinh sự lôi thôi.

Con Him cũng đứng núp vào trong bọn trẻ chăn trâu ấy. Lạ gì, ở đời, giống nào cũng có một cái thú riêng. Con trâu của chị Him lòi đứt dây thừng chạy ra ruộng khoai của Thị Duyên là láng giềng bà Thuận, làm hết sạch mấy luống khoai.

Thị Duyên cứ để mặc trâu ăn, không đuổi, nhưng cho ngay người đi mời tuần đình lại để phân vua rằng:

- Có gòi chứng minh ... Con mẹ kia, giá nó đừng rửa ráy, đừng chửi bóng chửi gió, cứ trông nom lấy con đĩ nhà nó có hơn không?

Thị Thuận xia xói vào mặt Thị Duyên, chửi: “Chém cha con đẻ ra bà mày, mày dám bảo con bà là đi à? Con gái bà nó làm gì mày?”

- Mày không biết nó làm gì bà ư? Chém cha ông bà bà kỵ nhà mày, chém cha người đời nhà mày ! Mày lại không biết nó để trâu phá ruộng khoai nhà bà hay sao? Mà mày con chửi bới người ta à?

Thị Duyên vừa tiến lên mấy bước vừa dọa: Mày liệu hồn !

Thấy Thị Duyên chửi nham nhảm thế, Thị Thuận tức đỏ mặt tía tai, nhẩy xô lại gần; vỗ vào đùi một cách dữ tợn mà rằng:

- Mày tưởng bà sợ mày à? Chém cha mẹ cả làng, cả xã, cả tổng, cả huyện nhà mày ! Mày chực nạt bà, có phải không ... Mày ăn máu ... ăn rớt ... cho bà đây ! Chó đ ... mẹ mày, con kia ...

Thị Thuận chửi chưa dứt lời, Thị Duyên đã nhẩy sấn vào, nắm lấy tóc, chực vật xuống đất. Nhưng Thị Thuận khoẻ hơn, uốn mình nhanh nhẹn, tránh được không để cho Thị Duyên vật ngã.

Bây giờ mới nắm lấy tóc Thị Duyên vật lăn xuống đất đánh oạch một cái.

Hai người đấm đá, cào cào nhau, chửi rửa mãi, cho đến khi một chị phát khùng lên, giàng ra thoát nắm lấy tóc chị kia kẹp đầu vào chân, rồi lật ngay sống lên phát vào đít nó mấy cái ra dáng; những người đứng xem, nom thấy thế lấy làm thoả chí lắm.



Thị Duyên bị đòn, chét giờ tức giận càu nhàu, cắn vào đùi chị kia một miếng: Thị Thuận đau quá, gầm lên, nhưng vẫn không chịu buông ra, giận sôi sùng sục, đấm đá vô hồi, rồi vớ được thanh củi ở gần đấy, phang hoài cho đến lúc những người hàng xóm xem chừng đánh nhau như vậy cũng đã đủ làm một trò cười rồi, mới ra tay can đôi bên, và lôi Thị Duyên ra, thì đau quá mê mẩn không biết gì nữa.

Họ hàng, thân thích Thị Duyên chạy đến đông lắm. Bố mẹ nom thấy con nằm im dưới đất, thoạt tiên ngỡ là chết rồi, kêu rầm rĩ lên. Nhưng sau cũng biết rằng con mình bị thương không nặng lắm. Tuy vậy, chả nói ai cũng đã rõ, bố mẹ không chịu nhắc con dậy, cứ để nằm đấy, rồi bảo nhau về nhà bàn bạc.

Có người bảo rằng: “Sao không đem Thị Duyên về nhà mà thuốc thang.”

- Không, không.

Lại có một ông lão nói phất rằng:

“Không, nó còn nằm vạ kia mà. Con mẹ Thuận phải bồi thường cho nó mới xong.”

Nằm vạ là một cái tục rất ghê gớm ở nước Nam, hề có đánh nhau to, bao giờ cũng có nằm vạ mà người nằm vạ cứ nằm ở dưới đất. Người bị đòn hay bị thương dù nhẹ dù nặng mặc lòng, cũng nằm chờ cho đến khi quan về khám xét, nếu bị trọng thương thì bên kia vừa phải trả tiền thuốc thang, vừa phải nuôi người bị thương cho đến ngày khỏi hẳn. Lắm lúc thù hằn nhau dữ quá, đến nỗi người ốm nhất định không chịu uống thuốc để cho lâu khỏi.

Cả họ nhà Thị Duyên đến họp đủ mặt. Bàn soạn chán chê rồi, bèn nhờ ông Hương sư viết một lá đơn đệ lên quan Huyện. Đơn rằng:

*“Tên tôi là Nguyễn Văn Phúc, người làng Yên Hoà tổng Bình Lộc, huyện Đan Phượng, phủ Yên Khoái, tỉnh Sơn Tây, đến khấu đầu xin quan lớn xét cho việc say này:*

*Vợ tôi tên là Nguyễn Thị Duyên, ba mươi tuổi, xưa nay vẫn là người hiền lành, trong làng ai ai cũng biết cả.*

*Đã nhiều lần, vợ tôi bị tên đàn bà láng giềng là Trần Thị Thuận vốn người cục súc, tai ngược, tự sáng đến tối thấy ai cũng lăng mạ.*

*Hôm nay, vì mất mấy con gà mà thị chửi rủa, khắp cả bốn phương. Đương lúc thị chửi bới thì con gái thị để trâu chạy ra ruộng khoai nhà chúng tôi, ăn hại mất đến mười lăm đồng bạc.*

Bố Thị Duyên là người đứng nguyên đơn, nói rằng: “Mười lăm đồng à? Sao không nói ít ra cũng là hai mươi đồng?”

Người làm đơn hộ muốn lấy lòng nhà chủ, nói rằng: “Để tôi khai mất hai mươi năm đồng.” Rồi viết nói:

*“Vợ tôi bèn kể cho Thị Thuận nghe những điều con gái thị làm hại, thị lại chửi rủa nó rầm rĩ, rồi sau sấn vào đánh nó. Hiện bây giờ vợ tôi bị thương, nằm chết ở ngoài ruộng. Bẩm quan lớn, ngài là đèn giời soi sáng, xin ngài xét đến cái tình oan khổ này cho chúng tôi. Tôi cắn rơm cắn cỏ lạy ngài, xin ngài phân xử cho.*

Người làm đơn,  
Lê Văn Khoa  
Ký tên,

Nguyễn Văn Phúc  
không biết chữ  
điểm chỉ,

Nguyễn Văn Phúc đã được lá đơn làm hợp thức, lại biện thêm một bao chè, nhét năm đồng bạc xuống dưới, sai người nhà lên huyện, dặn dò phải vào quan cho cẩn thận.

Lúc bà Thuận nguôi cơn giận rồi, mới tưởng đến nỗi đánh nhau làm cho mình sau này lắm sự lòi thối. Mà chồng lại đi vắng, biết vậy ai lo liệu. Bèn chạy sang nhà ông Thủ, kể hết tình đầu cho ông nghe, đổ lỗi tất cả cho Thị Duyên, cái đó đã cố nhiên rồi.

Ông Phước nổi giận đùng đùng, không nghĩ ngợi lâu dài chi cả, chạy ngay lại bàn giấy, thảo ngay một lá đơn đệ đệ lên Quan huyện. Rồi tức khắc, ông sai một tên thủ túc là Long kíp lên Hà Nội chạy chọt. Nào có những thế mà thôi đâu: ngay đêm hôm ấy ông cho một tên con cháu trong nhà với một thằng ở cùng nhau đi ra một cách cực kỳ bí mật; mỗi người cầm một cái gói, bọc rất kỹ lưỡng. Đi được một giờ mới trở về thưa trình ông Thủ hồi lâu, ông hớn hờ cười khẩy.

Sáng sớm hôm sau, Quan huyện đến, mặc cái áo dài thâm, đội nón lông chóp bạc, cưỡi con ngựa bạch gầy gò, đằng sau có thầy thông lại cũng cưỡi ngựa đi theo, ăn vận không được lịch sự bằng Quan huyện, lại có hai tên lính lệ mặc áo nẹp đỏ chạy theo sau: một tên xách cái điều ống bằng ngà tuyệt đẹp, một tên cắp cái tráp chữ nhật sơn thên.

Ông Thủ, có tuần đình báo tin quan về, vội vàng lên tận cổng làng đón rước cho trọng thể. Quan, lại xoi nước, hút thuốc chán chê, mồm nhau giàu bõm bõm rồi mới đi ra chỗ đánh nhau. Thị Duyên hãy còn nằm yên đấy.

Thị Duyên nằm vạ suốt đêm để chờ quan đến. Tự khi có người báo quan sắp tới, chị ta rên rĩ, kêu đau, xin quan phụ mẫu ngày dù lòng thương.

Quan bắt đầu lấy khẩu cung và khám những vết thương. Nói của đáng tội, thương tích kể ra không lấy gì làm nặng, nên Thị Duyên cũng còn đủ sức “đóng nổi một vai hề”. Quan Huyện cũng biết tổng cả rồi, nhưng ngài muốn cho trong địa hạt được nghiêm, nên mới bắt Thị Thuận đền cho Thị Duyên mời lăm đồng bạc; hai nữa Thị Duyên thuốc thang tốn kém mất bao nhiêu, cũng phải giả cả, Thị Thuận kêu van thế nào cũng không tha.

Quan Huyện vuốt râu có ý tự đắc rằng vừa mới xử xong cái kiện oái oăm. Lúc sắp sửa lên đường, lại có một người nhà quê vội vàng chạy đến trước mặt kêu rằng: “Bẩm quan lớn, lạy ngài vạn lạy. Xin quan lớn xét lại cho.”

Quan Huyện gắt lên rằng: “Còn kêu gì nữa?

Bẩm lạy quan lớn xét cho rằng: Thị Duyên đã nằm vạ ở ruộng nhà con. Từ nay ruộng ấy phải vía, không ai muốn tậu nữa. Xin quan lớn bắt Thị Duyên bồi thường cho con, mới là công bằng.”

Quan Huyện ra dáng nghĩ ngợi, phán rằng: “Mày kêu thế cũng có lý, nhà Thuận phải đền mày năm đồng. Thầy Thông, biên lấy cái án này.”

Sau ai về nhà người nấy. Quan Huyện nghỉ ngơi trong dinh một hồi lâu, rồi lên ngựa về dinh, lúc đi có các kỳ mục ra vái lạy.

Còn Thị Thuận phiền về cái tai vạ vừa xảy ra trong nhà. Chao ơi! chẳng qua chỉ vì chị ra nằm thấy cái mộng gở đó thôi... Nhưng mà chỉ âu sầu một lát, rồi lại phát khùng lên, dậm dọa hàng xóm ầm ỹ. Đến sau giận cá chém thớt, con Him vừa ở ngoài đồng về, chị ta điên tiết lên, vò lấy đánh cho một trận nên thân.

Tuy vậy cũng phải làm cho ra ngô ra khoai, chứ không chịu, mà trong cái cơ sự này, chỉ có chồng là quyết định bề nào được thôi, bên nhờ hàng xóm viết hộ một phong thư kể tình cảm cho chồng nghe, và mời chồng về ngay, đừng trì hoãn. Lại mượn một người bà con mang kíp ngay thơ ra cho chồng.

Anh Thuận bấy giờ đương ở với vợ lẽ sung sướng, được tin ấy khác nào như đương ngủ mê tỉnh dậy, kể thật nông nổi cho chị Xuân nghe, thị khuyên chồng về ngay làng để thu xếp cái việc quan hệ ấy.

Chị ta lại nói thêm rằng: “Này nhưng mà gần đến Tết rồi, đến độ ấy được nghỉ, về nhân thể có hơn không? Như thế vừa không thiệt mất ngày nào, lại vừa mang được tiền công về nữa.”

Anh Thuận nghe ngay, đến chiều hôm ba mươi Tết, để lại cho vợ lẽ đủ tiền tiêu tháng giêng, còn mình về làng Yên hoà, trong túi có sáu đồng bạc.

## VI

Đêm hôm ba mươi Tết, giờ tối như mực, giăng sao không có, ở đằng xa hoa hoàn mới có một tí ánh sáng lập loè, như mắt những con ác thú nằm trong xó tối.

Trong làng đã đóng cổng cả, sắp sửa ăn tết ngày mai. Nhà nào nhà ấy đã kéo đèn lên trên ngọn cây nêu. Nom thấy cảnh nêu lại nhớ đến truyện Phật đánh nhau với quỷ ngày xưa mà nhà nào càng giàu thì cây nêu càng cao, càng đẹp. Đàn bà ra công lau chùi, cọ rửa những đồ bày tết: mâm đồng, lư đỉnh, ấm chén, ống nhỏ, điều thau đến ngày tết phải đánh cho bóng nhoáng. Trên tường và hai bên cửa dán những câu đối đỏ đẹp lắm. Những câu đối ấy là các nhời mừng, nhời chúc, tay một ông đồ đã viết ra, như: “*Xuất môn nghênh vạn phúc*” “*Nhập hộ chúc tam đa*” “*Quý khách thường lâm*” !11

Hai cánh cửa dán hai bức tranh Thần trà, Uất lý, là hai vị thần đeo guom, vác giáo, mắt trợn, mày nhăn, hình như giận dữ, ma quỷ cứ trông thấy thế là đủ khiếp sợ, phải lánh cho xa, không dám vào những nhiều người trong nhà.

Ở ngoài sân thì nhà nào cũng lấy vôi vẽ xuống đất mấy cái cung có tên giương sẵn để bắn; những cái hình ấy đủ làm cho quạ và cú phải bay xa, mà nếu những con chim quái gở ấy lại gần nhà kêu một tiếng là quan gia.

Người nào người nấy hết sức làm lụng bày biện, vì mai là ngày tết, nhất nhất cái gì cũng phải có sẵn sàng, vả lại ngày tết là ngày nghỉ ngơi, không làm chi cả. Nhà nào cũng có người ra vào tấp nập, chỉ chào hỏi nhau một vài câu, chứ không ai cười cợt cả. Có lẽ đêm hôm ấy, suốt trong nước Nam, các ông chồng cũng không dám chuyện trò, âu yếm với các bà vợ đâu.

Một bọn nhà quê ra tỉnh sắm đồ, lúc về phải thấp đuốc, đi đến đâu chó xủa đến đấy. Các bà lão mê tín cố giữ không để cho mèo kêu vì sợ giông đi cả năm.

Trẻ con vừa trai, vừa gái, xách cái ống buong, trong bỏ mấy đồng kẽm, đi từng lũ một, hét nhà này sang nhà khác, hát rằng:

*Súc sắc súc sê !*

*Nhà nào đổ lửa,*

*Mở cửa tôi vào.*

*Bước lên giường cao,*

*Thấy đôi rồng áp.*

*Bước xuống giường thấp,*

*Thấy đôi rồng châu.*

*Bước ra đằng sau,*

*Thấy nhà ngói lợp.*

*Voi ông còn buộc,*

*Ngựa ông còn cầm.*

*Ông sống một trăm tuổi lẻ.*

*Súc sắc súc sê !*

*Vợ ông sinh đẻ,*

*Những con tốt lành.*

*Những con như tranh,*

*Những con như rói.*

*Năm cũ đã qua,*

*Bước sang năm mới*

*Xin ông bà cho anh em chúng tôi tràng pháo.*

*Súc sắc súc sê !*

Nhà nào nhà ấy cho xu, cho tiền vì rằng nếu không cho thì chúng nói càn, không nê.

Nhà nào cũng sửa sang bàn thờ ông vải cho chỉnh đốn: bánh chưng xếp lên từng chồng, giò, nem, chả, thịt, năm bảy đĩa, thức nào cũng gói bằng lá chuối hình vuông, hình tròn, hình ống nửa, hình quả trám, có đủ cả.

Quả tràu đầy ngồn ngộn để bên cạnh mâm cỗ chìm chip đủ các thức đồ nấu ...

Đến nửa đêm, trong một cái lều đằng xa kia có tiếng pháo nổ, hình như làm hiệu cho cả làng, rồi nhà nào nhà ấy đốt pháo ran cả lên. Gà, vịt nghe thấy tiếng pháo đều thức dậy, cùng kêu rầm rĩ, lại có cả tiếng lợn, tiếng chó, tiếng ngựa, ồn ào rộn rịp, không sao tả ra được.



Rồi các thứ tiếng huyền não dần dần im lặng đi những ánh sáng lần lần tắt hết, sau chỉ trông thấy đèn hương lờ mờ trên các ban thờ bày ngoài sân. Nguyên mỗi nhà đã bày ra sân một cái bàn trên phủ các khăn giải bàn hai bên thấp đèn nến, đằng trước bày cái đỉnh cắm một bó hương đang cháy dần dần, mùi thơm ngào ngạt. Những chỗ hờ để một nậm rượu, một ấm nước chè đầy, một đĩa giầu, một cái ống vôi, mấy đĩa bánh chưng, mấy đĩa thịt, mấy bó vàng giấy, bạc giấy.

Hôm 23 tháng chạp, trước tết nguyên đán hãy tiễn ông Công lên trời đã. Chiều hôm ấy, ông Táo cưỡi ngựa bằng con cá chép lên thiên đình tâu Ngọc hoàng thượng đế những việc thiện việc ác của người người trong nhà.

Rồi sau mời các tiên tổ về ăn tết. Linh hồn các ngài vẫn ở gần con cháu luôn luôn để phù hộ độ trì cho.



Năm ấy, tết nhà Thuận chả có tí gì. Vợ đã chực mắng chồng tàn tệ, song lại sợ làm như vậy thì mình và cả nhà bị phải lắm sự chẳng lành, cho nên mới thôi; tết đến những bác có vợ hay mê tín cũng đỡ phải mắng.

Tuy túng kiết cũng phải cúng bái tử tế. Anh Thuận mặc cái áo dài thâm, chiết cái khăn nhiễu cũ, quỳ trên cái chiếu giải trước ban thờ nhỏ, thấp ngọn đèn dầu ta lò mờ, lời ròi khấn rằng:

“Hôm nay là mồng một tết, năm Mão, tôi là Thuận cúc cung trước ban thờ tiên tổ. Xuân thiên chính nguyệt năm cũ đã qua, năm mới vừa đến, chúng tôi tự già chi trẻ, xum họp vui vầy ở trước bàn thờ các ngài. Trong nhà đào cúc mím cười trước gió; ngoài sân yến oanh ríu rít chào xuân: cảnh vật đua nhau chúc tụng các ngài, giàu sang sung sướng. Tiếng pháo nổ vang trời báo cho chúng tôi cái điềm sinh con trai và thịnh vượng.

Sông nào chả chảy ra bể, con cháu nào chả nhớ đến ông cha: xin các ngài thấu đến cái lòng vui mừng, tương vọng đến chúng tôi. Ăn quả phải nhớ đến kẻ trồng cây, ai là người được sung sướng mà nỡ quên công đức tiền nhân. Hôm nay là ngày tết, tôi thành tâm dâng các ngài một vạn giấy tiền, một thẻ hương thơm một mâm cỗ, mấy chén rượu. Tôi chấp tay khấu đầu, kính xin các ngài về chứng giám cho và phù hộ cho, nhà tôi năm nay giàu hơn năm ngoái, tiền bạc chất lên như núi như rừng. Xin các ngài phù trì cho họ nội họ ngoại nhà tôi được nở ngành xanh ngọn, con cháu đông đúc như đàn kiến; làm ăn thịnh vượng, của cải như nước như non, sống lâu giàu bền, gia tài truyền tử nhược tôn, đời đời vĩnh viễn.

Năm mới, chúng tôi kính mời các đấng tổ tiên nội ngoại cùng về xơi tết.”

Cúng thế là xong, ròi hạ cỗ xuống ăn. Còn một và nơi đốt pháo lạch đạch, sau cả trong làng im lặng.

Giời vừa mới sáng. Sương mù lạnh lẽo, phủ kín mặt giời, ánh sáng lò mờ tự trên chiếu xuống. Mưa phùn khó chịu, hạt nhỏ lấm tẩm rơi xuống như gio. Sếu bay về nam, tiếng kêu keng kéc. Giời đất tựa hồ cái bể sương mù mênh mông mờ mịt, không trông thấy rõ những

con hậu điều ấy. Nước mưa ở trên mái nhà tranh mùi gio, ở trên lá cây mập mờ, lác đác rơi xuống.

Thị Thuận dậy trước tiên, cởi một cái chìa khoá ở dây lưng ra, đi lại chỗ cái hòm để trên giường. Mở hòm ra, giương cái nắp lên, nhắc tất cả quần áo tết của mình ra. Trước hết có cái quần lĩnh thâm bóng nhoáng, cặp lụa đỏ, cái yếm trắng mới tinh thơm bằng vải trúc bầu hồ cứng, cái áo dài lót nhiều xanh. Rồi đến cái thắt lưng tam giang, cái khăn lượt đen để vấn dần. Sau đến đôi dép sơn, mũi cong như cái thuyền, có hai quai chạy dài từ giữa ngón chân cái, ngón chân thứ nhì cho đến sau gót chân. Lại thấy lòi ra một bộ xà tích bằng bạc đeo cái ngoáy tai, con dao bồ cau, cái ống vôi và một chùm chìa khoá.

Y phục của chồng dạn dì hơn, chỉ có cái quần vải trắng, cái áo the thâm, cái khăn nhiễu đen, cái thắt lưng điều.

Được một lát, ai nấy đã đứng cả dậy, rửa mặt kỹ lưỡng, đánh răng súc miệng lâu hơn cả, rồi mặc quần áo. Bây giờ bác Thuận ngồi trên giường để cho các con gái đến lạy mừng tuổi.

Cô Him được lệnh bố sai chạy ra đốt pháo, vì các nhà chung quanh vừa mới tì tạch, mình cũng phải đi đẹt cho họ biết rằng mình ăn tết cũng no. Gió hiu hiu thổi đưa khói pháo hăng xè vào trong nhà, lẫn lộn với khói hương nghi ngút trên ban thờ.

Bây giờ cả nhà ăn mặc chỉnh tề rồi, chồng đi trước, vợ con đi sau, sang nhà ông Thủ. Hôm ấy mưa bụi, nên đi đường đội nón ba tầm, chung quanh rìa nón có gió mưa động lại... Giời lạnh ngăn ngắt, người đi còng còng, tay thủ vào trong áo, đường xá bùn lầy, trơn như đổ mỡ, cố tránh những vũng nước cho bùn khỏi bám vào quần áo đẹp.

Vào đến sân nhà ông Thủ, lát gạch tinh tươm, vì ông là người trù phú, trước tiên hãy lại chum nước để ở một góc, lấy cái gáo dừa có cán múc nước, tay trái vén ở ống quần lên đến đầu gối, giội nước rửa chân.

Ông Thủ đã đóng bộ áo kỳ mực đẹp nhất vào. Ông ngồi đĩnh đạc riêng ra một nơi ở giữa phòng, trong phòng đã đầy những con cháu đến mừng tuổi. Những người mới đến lần lượt quì xuống, chồng quì trên, vợ quì dưới một ít, chấp tay khấn đầu, lạy rạp xuống tận đất, đồng thanh chúc rằng:

“Chúng tôi chúc bác giai bác gái sống lâu trăm tuổi, tóc bạc phơ như lông hạc, da lốm đốm như đồi mồi. Anh chị chúng tôi sinh ra lắm cháu nhiều chất.”

Ông lão đáp rằng: “Ta chúc cho anh chị bình an, làm ăn phát đạt ... và để thẳng bé con trai.”

Sau vợ chồng nhà Thuận chúc những bà con trong họ: “Tôi chúc các bác năm nay mạnh khoẻ, giàu hơn năm ngoái.”

Rồi cả họ ngồi vào mâm ăn cỗ. Ăn bánh chung giò. Mời nhau mãi mới uống rượu. Được một lát, mọi người đều đỏ mặt. Họ ăn uống bánh khảnh chỉ hay uống nước trà cho nên chỉ uống ba chén rượu nhỏ là mặt đã đỏ gay, mắt đã lóng lánh. Tiệc xong ăn trầu, hút thuốc, no say rồi chuyện chàn cung mây. Lúc nào im chuyện thì nghe thấy tiếng ợ rầm rĩ, hút thuốc long sòng sọc, quyết giàu nhỏ choèn choẹt.

Bọn các bà ăn riêng, có bà Thủ tiếp. Các bà cũng mời nhau mãi mới ăn, ăn xong cũng chuyện ran tứ tổng.

Tiệc xong, mỗi nhà đi một ngả để đi lễ tết. Nhà Thuận đến nhà cụ đồ, chúc rằng: “Chúc cụ sống lâu trăm tuổi, thẳng quan tiến chức”. Gặp nhà Nghĩ ở đấy, bác Nghĩ cũng có con đi

học. Cậu bé qui gồi chúc mừng cụ đồ, cụ nghiêm trang đáp rằng: “Thầy chúc cho con học hành tấn tới, văn hay chữ tốt, chiếm được bằng vàng, làm nên quan sang chức trọng.”

Trước khi về còn vào nhà Bùi là người anh em thúc bá, có cửa hàng trông ra chợ. Dầu bác Bùi buôn bán không được thịnh vượng mà cũng dán hai tờ tranh Thần trà Uất lý vẽ thuốc to tướng ở hai bên cánh cửa, trước mặt hàng.

Cô Him nom thấy những cái tranh vẽ khéo tuyệt trần ấy, nức nở khen mãi, rồi hỏi bố: Những bức hoạ ấy là nghĩa làm sao?

Bố giảng cho con nghe rằng: “Về đời vua Hoàng đế ma qui làm người ta khốn khổ. May sao trên núi đồi sóc về Châu Tân, có hai ông Thần là Thần trà, Uất lý. Người ta nom thấy hai vị thần ấy dựa vào gốc cây đào, rình bắt ma qui để giết chúng nó đi. Hoàng đế thấy vậy, truyền chặt những cành cây đào, để làm bút vẽ ảnh hai vị phúc thần ấy. Từ bấy giờ người ta cứ lấy hình hai ngài dán vào cửa là ma qui phải sợ.

Sau lại thấy giống ma rừng, cao độ một tấc, cứ đến vụ tết xuất hiện ra, ai gặp nó thì nó làm cho ốm. Tranh Thần trà, Uất lý nó cũng không kinh. Có người tên là Lý Diên (anh này có người láng giềng đi đường gặp phải con ma ấy nó làm cho ốm) nghĩ ra một cách lấy cái ống nứa, đục nút hai đầu lại rồi đốt. Cái ống nứa ấy nổ ra một tiếng to dữ quá con ma rừng nghe thấy sợ chạy mất, người ốm khỏi bệnh ngay. Tự bấy giờ, cứ đến tết, người ta đốt pháo cho ma rừng không dám về...”

Đến chập choạng tối, cô Him sợ run cầm cập, ôm lấy mẹ, nhìn trước nhìn sau, xem có con ma rừng nào bắt thình lình về chòng ghẹo không?

Vợ chồng nhà Thuận chúc cho nhà Bùi: “Buôn bán phát tài, hàng bán được giá thật cao, một vốn bốn lời”. Chúc xong rồi, vợ chồng nhà Thuận về, choáng váng mệt lử, vì uống không biết bao nhiêu là nước chè, ăn không biết cơ man nào là đường mứt, giàu nhai luôn miệng, thuốc hút luôn mồm, không biết chừng nào mà kể...

Giời tối rồi, nhà nào nhà ấy đóng cửa, lại làm cơm chiều. Người bố qui trước bàn thờ ông vải, gõ vào cái kiềng, mời tổ tiên về xơi cỗ, ngoài sân đốt pháo, trẻ con vui mừng reo hò rầm rĩ, chen nhau nhặt pháo tịt, để dành đến những hôm sau tết đốt chơi.

## VII

Ở nơi thôn dã xứ Bắc kỳ, mấy hôm tết vừa rồi vắng tanh, không có ai làm lụng, nay trông ra cảnh tượng lại như thường. Không thấy những người nhà quê vận áo tết đi từng dãy dài nữa; không thấy các cậu thiếu niên mặc áo đỏ, thắt lưng xanh, đi ra chùa xem hội nữa; không thấy các cô thiếu nữ tươi cười hơn hờ, mặc yếm lụa đỏ ra dáng tự hào và những bà lão già lụ khụ, lưng còng rạp, đi ra miếu ở đằng xa nữa.

Ở trong làng thì cuộc đánh cờ người, chơi leo đu, đánh xóc đĩa đã rã đám cả: mọi sự đều có vẻ hoạt động ngày thường. Các cờ ngũ sắc trong chùa đã cất đi cả, nhà sư đã xếp áo cà sa ngày tết một nơi, và lại cứ thứ tự làm công việc thường nhật: thắp đèn trên các ban thờ, thắp hương buổi sáng buổi chiều, cứ mỗi ngày ba lần miệng đọc kinh niệm phật, tay gõ mõ gõ chiêng.

Thế là hết tết. Các dân nhà quê tuy nghèo hơn đi một chút, nhưng vẫn nhớ những ngày tết ăn chơi thoải thích.

Bác Thuận lại khác các người hàng xóm, bác ta còn ở nhà ngao du. Tội gì đã vội ra tỉnh? Nhà còn thực phẩm; cần gì mà phải vội vàng đi ngay; ngày mai sẽ liệu cũng vừa? Hai nữa, bác ta há lại chẳng phải chờ cho cái việc kiện nhà chị Duyên xong đã ư?

Nhưng mà một hôm kia, bác Thuận gái thấy thúng gạo nhẹ bỗng đi một cách đáng lo, thấy chai nước mắm sắp hết và, khổ thế này mới là cực điểm, liền mở đã sạch trơn. Nom thấy những lương thực đã cạn như vậy thì hiền thê bác Thuận tài nào mà nói được những câu ngọt ngào đầu lưỡi, mặn và lỗ tai! Lại lần nữa, bác ta bị bà vợ nổi tam bành lên, nói cho hết mặn hết nhạt. Bây giờ đã hết tết rồi; bác gái không còn e lệ nể nang gì nữa, phát khùng lên là cứ găt mắng tràn.

Trước còn nói sẽ sẽ: "Chao ơi, dẫu đem nồi ra mà cạo cũng không vét được một hột com nào nữa đâu"

Rồi dần dần càng nói to: "Khốn nạn! cơ cực! Làm thế nào bây giờ đây? Mà cái gì mình cũng phải lo liệu một mình, trăm công nghìn việc ở trong cái nhà này đều đến tay mình cả. Chả đứa nào giúp cho mình! Nay mình đã bảo nó, song chẳng khác gì nước đổ đầu vịt."

Anh chồng tức mình, mắng rằng:

- Mày kêu như quân khách đắm tàu thế phỏng? Muốn sống cam ngay mồm đi! Các cái hết cả rồi phỏng? được, tao đã biết rồi; nhưng chửi nhau như trâu ăn lúa, bò ăn mạ thế thì còn ra thế thống gì nữa không?... Tìm lấy một cách để cho qua khỏi cái lúc quần bách này là hơn, chứ cứ nói luôn miệng như chó cắn giăng thì có ích gì. Mai tao lên tỉnh, xem có thể xoay xở được thế nào, tao sẽ liệu.

Người vợ hình như chờ cho anh chồng nói câu ấy, nhảy tót một cái đứng sừng sững ngay trước mặt anh chồng, bụng ưỡn ra đằng trước, coi bộ bất chấp anh chồng, rồi quát vào mặt rằng:

- Lên tỉnh à! Phải, tao đã biết tại làm sao mà mày nóng nả lên tỉnh thế! Mày vội lên tỉnh với con đĩ thế phải không? Trong nhà túng tiền tiêu chỉ tại mày có đồng nào đem cho những đồ đạc dài ấy mất cả. À! hai đứa chồng đường vợ xá đẹp đôi lắm!...

Anh chồng nói:

- Nó có sức khỏe, nó có thể giúp được mày trong công việc gia đình. Còn đến vụ cấy, nó lại không giúp được nhiều việc ư? Chả bao lâu con Được sẽ lấy chồng thì việc nhà ai làm?

Bác Thuận gái gầm lên rằng: Không, không không lấy vợ bé ở cái nhà này được. Nó chỉ biết ngủ biết chơi thôi. Những đồ ấy tao đã biết; chúng nó chỉ hay ăn mà chẳng hay làm. Cổ họng chúng nó to bằng cái giếng cối xay! Không, tao không ưa những quân ấy. Tao bảo cho mày biết, không khi nào tao lại có chứa những đồ ấy.

- Mày cứ nói lại nhai một câu như chó cắn giẻ rách... Tao bảo cho mày biết: tao đã lấy nó rồi, tao không thể bỏ được. Và chẳng nó đã có mang. May ra nó đẻ được thằng bé con trai mà ta đang hết lòng ao ước đây.

Con Him và chị nó đương chơi đùa ở ngoài sân, thấy bố mẹ cãi nhau lấy làm thích, con chị rón rén lại gần, nghe trộm. Rồi lại ra bảo em rằng:

- Thầy muốn lấy vợ hai, mẹ không bằng lòng. Rồi nó lại vừa cười vừa nói thêm: di ghê chúng ta chắc rồi sướng lắm... Nó cũng quên mất, không biết rằng đứng gần nhà, bèn hát rằng:

*Con cóc ăn giàu đồ môi,  
Có ai lấy lẽ bố tôi thì về.  
Bố tôi chẳng đánh chẳng ché,  
Mẹ tôi móc mắt lôi mẹ ăn gan.*

Rồi cả hai đứa cười như con hoá dại. Chao ôi! đó là một dịp cho bác Thuận giai bỏ truyện cũn nhau nói lảng ra truyện khác; bác ta hăm hăm chạy ra nắm lấy tay con bé nhớn, quát tháo rằng:

- Mà hát cho ai nghe thế vậy? Mà hát cho con khi nó nghe có phải không?... Đ... mẹ cha thằng bố mày! ranh con.

Rồi bác ta giơ thẳng cánh, đâm vào lưng nó một cái nên thân.

Bác ta bảo con Him rằng:

- Đưa cái roi song đây cho ông, để ông đánh chết cái con vô dụng này đi mới được.



Con Him khôn hồn chạy biến mất; còn con Được đương lúc bố nó vô tình cũng chạy trốn mất. Bác Thuận hơi nguôi nguôi giận, lại vào ngồi.

Có một người hỏi ở ngoài ngõ.

- Anh Thuận có nhà không?

Vợ bác ta đã thuộc tiếng người hỏi, bèn mời: Thưa ông lý có, mời ông vào.

Người lý trưởng tên là Phan vào trong túp nhà tranh có một thằng ăn mặc rách rưới nom mặt cầu trệ độc ác đi theo. Khi ai nấy an toạ cả rồi, bác Thuận gãi khép nép đưa cái tráp giầu sơn son ra, mời rằng:

- Mời ông mời bác xơi giầu.

Rồi bác ta lại gằn một cái hòm, lấy ra một bao chè tà ( bằng thiếc) rồi xuống bếp.

- Him, quạt nước mau lên, con!

Bấy giờ thầy lý lôi ở trong túi ra một tờ giấy chữ nhỏ và đọc thông thả rằng:

“Thiểm chức là Vũ văn Lễ, tri phủ Yên khoái, vì trát sức sự:

Tên Phúc có lên kêu rằng nó bị Thị Thuận đánh.

Quan huyện đã xử cho nó được bồi thường mười lăm đồng và được cả tiền thuốc thang nữa nhưng mà tên Phúc chưa lĩnh khoản nào cả. Nay bản chức sai lính lệ đem tờ trát này về cho lý trưởng Yên hoà, sức cho thầy lý phải truyền cho tên Thuận ngày mai phải lên phủ đối tụng, Nay sức”

Thị Thuận bung nước chè đương khói nghi ngút lên, nghe thấy đọc tờ sức ấy, ngẩn người ra:

- Chao ôi, rõ thực là chó cắn áo rách. Trời ơi là trời! Sao mà nhà tôi đến nỗi khốn khổ thế này?”

Thầy lý chẳng hề động lòng, dặn rằng: Ngày mai anh lên phủ Yên khoái, đừng quên nhé.

Thầy lý uống nước chè, rồi đi ra, bác Thuận giai đưa chân ra đến tận cổng.

Chú lính lệ thì còn ngồi lại; chú cứ tí tí uống nước, ăn trà. Chú hỏi: - Chị Thuận ơi, chị không có cái điều ăn thuốc à?

Bác Thuận gái đưa cái điều cho chú lính lệ, chú hút mấy điều long sòng sọc.

Bác Thuận giai trở về ngồi xuống, nói rằng: Chúng nó muốn kiện; được lắm; tôi kiện cho mà xem, tôi không sợ!

Chú lính lệ nói:

- Anh nói thế là làm to. Cái nghề kiện tụng kẻ được thì mười bốn quan năm mà kẻ thua thì mười lăm quan chẵn. Các thầy thông thầy đề chỉ mong có thế mà thôi. Các thầy ấy lại còn xúc vào cho người ta kiện cáo nhau nữa. Có đục nước mắm béo cò. Nhưng mà mấy giờ rồi? Tôi đã thấy kiến bò bụng, Tự đây về phủ đường đi xa lắm.

Chú lính lệ nói vậy, bác Thuận nghe đã hiểu ý cả.

Và chẳng bác Thuận cũng biết rằng cứ như lệ thường thì phải nuôi người lính ấy, phải thết nó com rượu cho no say, không thì nó xử tàn nhẫn rồi khi về phủ, nó bầm quan rằng đã nó không được tử tế.

Bác Thuận bảo vợ rằng: Nhà này làm com và sai con Him ra chợ mua rượu nhé.

Cách một lát đã thấy bung ra một mâm cỗ chìm chập, bày trước tên lính Quan Phủ, nó hùng hục cầm đầu ăn khoẻ lắm.

Trong khi nó ăn, vợ chồng bác Thuận, ngồi một xó bàn soạn với nhau về những kế hoạch phải thi hành để ra khỏi cái cảnh ngộ ấy. Phải có tiền mới xong, nhưng đào đâu ra được?

Trong họ thì đành không nhờ ai được rồi... Còn người ngoài thì ai là người muốn cho mình vay.

Vợ nói: - thôi cứ để tôi thử làm như thế này xem. Hôm qua con nhà Mai về làng; nhà này cũng biết cái con đi ấy nó đã đi lấy tây đây chứ? ... May ra nó muốn giúp ta chẳng.

Bác Thuận nghe thấy chú lính lệ ợ một hồi lâu, biết rằng khách đã xơi com rượu xong.

Tên lính lúc đã no nê rồi, trợn trừng trợn trạc, mặt mũi đỏ gay, vì đã uống nhiều rượu, nói rằng: Tôi com no rượu say rồi, xin thất lễ.

Chú lính lại nói thêm một câu đả bôi: việc ấy bác cũng đừng lo. Bác hậu đãi tôi thế này, tôi xin tận tâm giúp bác. Nhưng bây giờ tôi phải về Phủ, kéo trưa mất rồi. Ngày mai tôi đợi bác ở cửa Phủ. Bác đừng quên tiền giấy bút nhé.

Ở đằng chân giời, mặt trời sắp lặn, bóng tịch dương chiếu vào các rìa núi Tam đảo, núi Ba vì đỏ ôi ôi, chả bao lâu mặt giời chẳng khác gì miếng bánh tròn tròn to tướng và sáng tỏ như vàng, bày ở trên đỉnh những quả núi đã sẫm sẫm đen. Đêm tối sẫm lại xuống mà ở rước đồng bằng bát ngát mênh mông thì những đám đen đen bốc lên chập vào. Bây giờ ở trong làng đèn đuốc đã thấp lên, các thú tiếng ở trong bóng tối dậy lên: nào tiếng chó sủa, nào tiếng kiếng êm đêm nhà sư vừa tụng kinh vừa gõ, nào tiếng mõ cốc cốc, nào tiếng trống thùng thùng nào tiếng những con cóc kêu rầu rĩ.

Bác Thuận vừa thấp xong ngọn đèn tiêu tuy ngồi ngẫm nghĩ, chờ vợ về. Con Him và con Được thấy bố ngồi yên, chẳng nói chẳng rằng, cũng không dám nói năng gì cả đi đi lại lại, dọn dẹp cái việc vặt trong nhà. Đến sau bác Thuận gái về: chân bước vào cửa nhà tranh, con mắt nom dữ dội, nét mặt đảo điên; đằng sau thì ông Thủ đi theo, ông đương kích thích cho bác sinh lòng can đảm còn bác ta miêng lắm bầm nói chẳng ra hơi.

- Thế này thì chịu làm sao cho được, thà rằng chết quách còn hơn. Tôi đang đau đớn như dao cắt ruột! Ông Thủ ơi, lạy ông, ông cứu chúng tôi với.

Mọi người đều ngồi, lại bàn bạc nữa, người bác giảng rằng trong những cơ hội này quan Phủ đã sức thế thì tuân mệnh, song phải kíp lo liệu mới được. Trong cái giờ ngắn ngủi như thế thì bác Thuận kiếm đâu được tiền để mua đồ lễ tết quan Phủ và các thầy thông, thầy đề? Mà

nếu quan không xử cho được kiện thì lấy đâu mà bồi thường cho con dĩ Duyên và thằng ăn xin là thằng Giới, nó bắt đền năm đồng bạc về tích năm vạ, vậy phải...

Bác Thuận nói: - Không, tiền bồi thường nặng quá; tôi định để mặc quan Phủ muốn làm thế nào thì làm, tôi lên kêu quan Sứ. Những người Pháp ưa sự công bằng; trong cái tờ hiểu dụ họ vẫn nói thế...

Ông Thủ có dáng căm tức trả lời rằng: A! mày là thằng rò đại khôn nạn, họ lại còn tệ hơn gấp trăm phần. Trước hết, muốn cho cái đơn kiện của mày đến được quan Sứ, mày nghĩ xem phải quà cáp biết bao nhiêu đã. Cậu loong toong ít ra cũng phải đãi một đồng bạc, không thì cậu không cho vào. Còn cái đơn của mày viết bằng chữ nôm phải đưa cho thầy ký lục dịch. Thầy ký lương bổng chả được mấy hột, một tháng được vài chục đồng mà trong nhà ít ra là mười miệng ăn; nếu mày không lại nhà đút cho thầy ấy... thôi hãy nói... hai đồng thì thầy ấy để cái đơn của mày mọc ra ở trên bàn, rồi mỗi lần mày đến hỏi thì thầy ấy lại bảo:” Hai ba hôm nữa lại đây! Nếu mày đưa cho thầy ấy hai đồng thì thầy ấy dịch ngay cái đơn của mày ra chữ quốc ngữ; rồi cái đơn ấy sẽ đi từ bàn thầy ký sang bàn thầy thông. Ồ! thầy thông này! vận âu phục, đi giày” bốt tin” sơn” vẹc ni” đội mũ “mốt” “tối tân. Thầy còn hai ba người nhân ngãi thế mà vẫn còn thường thường đi hát ả đầu; thầy ăn chơi như vậy phải có tiền mấy được chứ. Muốn yết kiến con người thượng lưu nhân vật ấy, mày phải biện một mâm chè tàu, dưới bao chè phải nhét mấy đồng bạc vào. Mày muốn gì... thầy cũng nhận nhời cả, nhưng mà thầy còn bận lắm thì cái đơn của mày còn để trên bàn giấy đến tết sang năm. Mày cũng có thể chắc rằng đến đời một tai thì quan Sứ mới xem đến cái đơn dịch ra chữ tây của mày.

Bác Thuận ương không nghe, lại nói: Nhưng mà vì có gì mà quan Sứ phải cần đến bản dịch cái đơn của tôi. Tôi thân chinh vào yết kiến ngài về kể cái nông nổi khôn khổ của tôi cho ngài nghe. Tôi vẫn thấy nói rằng: các quan Tây biết nói tiếng An Nam cả.

- Phải... người ta vẫn nói thế, kỳ thực thì những người Tây không cần đến thông ngôn mà nói chuyện được với đồng bào khôn nạn của chúng ta một cách thông hoạt thì hiếm lắm. Mà dù họ có nói chuyện được ra nữa thì liệu họ có thì giờ không? À! mày coi đó, những người Tây tự họ làm cho người ta ghét họ, mà như thế chính là tại họ... Làm sao họ cứ bắt chúng ta, hễ khi nào đến gần họ, thì lại có người đồng bào thông ngôn? Tuy nhiên chính tôi có biết một ông Sứ không biết một tiếng An Nam nào cả, mà dân trong tỉnh ai ai cũng yêu quý. Ngài không tin những thầy thông ngôn mà thế cũng là phải làm, ngài xin Nhà nước bỏ cho một người Tây còn trẻ tuổi, nói tiếng An nam như chúng ta, làm Phó sứ; ông Phó đọc được cả chữ nho nữa. Ông này khi có ai đến kêu việc gì, ông tiếp đãi ân cần chịu khó nghe người ta nói; khi ông đã hiểu rõ đầu đuôi rồi, ông viết vào một mảnh giấy và xử rất mực công bằng. Ông Phó xử thanh niên ấy ngày nào cũng có lũ lượt người châu chực ở cửa để kêu việc nọ việc kia. Nhưng ông không ăn lễ. Ai ai cũng quý trọng ông chỉ trừ ra các quan ta và các thầy không thì không bằng lòng mà thôi, cái đó chả nói ai cũng biết. Song từ bấy đến nay, không thấy đâu được như thế nữa.

Ngay lúc bấy giờ bà lão tên là Mùi đi vào, bà là vợ lẽ Tô phụ bác Thuận gái, bà lão ấy cũng hơi lắm cảm, đã nhiều lần cãi cọ với những người thân thích trong nhà. Trước còn ở hết với người này lại ở với người nọ, về sau không ai chứa nữa, mới ra tỉnh đi ở thuê. Trước hết bà chào những người ngồi đấy, rồi bà đến ngồi cạnh bác Thuận gái, bác ta nói cho bà ấy biết những vận nạn nó dấp đến trong gia đình.

Bác Thuận gái nói: - Nhưng mà tôi thử làm thế kia xem.

Ông Thủ nói: - Lại còn e rằng quan Sứ xem đơn của mày, rồi giao việc ấy sang cho quan Tổng đốc, quan Tổng đốc lại tư về quan Phủ, quan Phủ lại tư về quan Huyện để xem xét.

Thành thử mày vẫn ở trong cái cảnh huống như ngày nay... Tao đã bảo vợ mày rằng: chỉ có một kế này mới xong: là đợ con Him đi mà vay lấy tiền.

Bác Thuận gái đương ngồi một xó rền rẫm, bèn khóc rằng: Tôi không bằng lòng thế! Tôi không bằng lòng thế!

Bấy giờ bà Mùi mới nói:

- Bà chủ tôi là Tư Phượng đi lấy tây, mới về làng. Bà ấy thất về một cái ruột tượng đầy những bạc và muốn mua một con bé ở, tôi đã biết... Giá bà ấy mua được con Him thì hay lắm... Nếu ông có bán cháu cho bà ta thì cũng đừng nói tôi là bà con nhé; thế thì tôi mới trông nom cháu được... Cứ đòi bốn chục bạc bà ấy cũng ưng ngay. Ông có muốn tôi đi mời bà ấy lại đây không? Nhưng tôi lại nhắc lại câu này: đừng cho bà ấy biết tôi là thân thuộc thì hơn.

Hai vợ chồng nhà Thuận còn đương ngẩn cả người ra thì ông Thủ chẳng đợi trả lời, sai ngay bà lão ấy đi làm mối lái. Được một lát đã thấy cô Tư Phượng đến.

Cô đi vào, chào rằng:

- Lạy ông Thủ, ông cho gọi tôi có phải không?

Rồi cô đứng ra một góc nhà, nói năng khiêm tốn, điệu bộ nhún nhường, khác hẳn với cái thái độ của cô ở ngoài tỉnh, coi những người tây bằng nửa con mắt và nói với ông chồng vờ một cách kiêu ngạo quá chừng. Cô bước vào qua cổng làng là nghiễm nhiên thành ra một cô con gái An Nam thuần phác, biết quý trọng những phong tục của giống nòi, biết theo lễ nghi của cổ giã, biết theo trật tự ở chốn hương thôn là nơi quê cha đất tổ. Cô cũng đã giấu kỹ ở dưới đáy hòm cái áo nhung đẹp mùi nâu hay cái áo sa tanh hoa sắc sỡ, cô chỉ mặc có một cái áo thâm thường mà thôi; trên đầu chỉ vấn cái khăn nhiễu tam giang, dưới chân không bận giày cườm, chỉ đi đôi dép sơn đen coi thật nhũn nhặn.

Cô ta tuy tuổi đã nhiều, phần tô đã lắm, nhưng mặt còn hữu duyên lắm, và lại không sinh đẽ máy, nên người hãy còn trẻ trung nhỏ nhắn.

Ông Thủ là người nho nhã, vậy ông khinh bỉ cái chị vợ tây ấy cũng là cái lý đương nhiên; nhưng ông phải nhờ đến thị một việc, nên ông cũng mời thị ngồi. Thị ngồi vào một góc giường mãi tận đằng xa.

Ông Thủ nói: Có người nói rằng: cô muốn mua một con bé ở phải không? Nhà anh Thuận bây giờ đương lúc quẫn bách, muốn đợ con Him lấy bốn chục đồng.

- Tôi làm gì có bốn chục đồng bạc đem quẳng ra đường như vậy? Số phận tôi long đong như nàng Kiều, nên tôi phải đi lấy tây. Ngày xưa họ còn hào phóng, chứ như bây giờ thì...

Ông Thủ lại nói một cách cao kỳ rằng: Con bé ấy đã nhón và làm ăn được. Nó biết làm cơm và giặt dĩa. Sau nữa tôi chắc rằng chả bao lâu nhà Thuận sẽ có thể hoàn lại cái món tiền ấy tức số. Cô có muốn xem mặt con bé ấy không?

Người nhà giắt con Him vào. Con bé chẳng hiểu chuyện trò ra làm sao cũng hơi lấy làm lo, chạy lại ngồi núp vào cạnh mẹ. Nó thấy bà Mùi là người nó không quen biết và nhất là thấy cái vị phu nhân mỹ miều sang trọng và giàu có mới ở tỉnh về mà nó chưa trông thấy bao giờ thì nó càng lấy làm lạ, cứ nhìn tròn trọc.

Cô Tư Phượng nghĩ ngợi một lát. Cô biết mình đã già và hàng ngày cô nhận ra rằng ông chồng cứ dần dần đem lòng ruồng rẫy. Đem con bé xinh đẹp này về để người tây kia khỏi tình phụ mình, tính thế chả phải đường lắm du? Người tây lấy nó làm vợ lẽ cũng được. Và chẳng ở lấy lòng ông Thủ để sau này ông xử với mình và họ hàng nhà mình tử tế hơn từ trước đến giờ, thực cũng nên lắm. Tuy vậy, thị cũng giả vờ thờ dài.

Thị lại nói thêm một cách tự hạ rằng: Thôi tôi cũng xin vâng lời ông. Nhưng mà thật là tôi giúp ông đấy. Ở đời há lại không nên giúp đỡ lẫn nhau hay sao. Ai giàu ba họ, ai khó ba đời?

Thị đi về nhà lấy tiền sang mua con Him, còn ông Thủ lấy một tờ giấy tín chỉ làm văn tự. “ Tên tôi là Trần văn Thuận, người làng Yên Hoà, tổng Bình lộc, huyện Đan Phượng, phủ Yên khoái, tỉnh Sơn tây, và vợ tôi là Thị Miêu, hai vợ chồng lấy nhau sinh được một con bé bây giờ lên mười lăm tuổi. Nhân vì trong nhà túng tiền tiêu dụng tôi bán con bé ấy cho Nguyễn Thị Phượng là người làng chúng tôi làm dưỡng tử lấy một trăm hai mươi quan. Khi đã bán rồi, tôi không được sinh sự lôi thôi. Còn đứa con nuôi ấy, sẽ phải phụng dưỡng kính trọng bố mẹ nuôi như bố mẹ đẻ và không được chái lệnh. Nếu nó trốn đi thì nó sẽ phạm tội bất hiếu.

Cứ theo lệ thường Nhà nước tôi làm văn tự này để làm tin. Ngày mồng chín tháng giêng năm Thành Thái thứ 17.

Người bảo lãnh: Đinh xuân Lộc (Điểm chỉ)	Trần văn Thuận và vợ điểm chỉ
--	----------------------------------

Người tá tả: Trần văn Xuyên ký

Cô Tư Phượng đã trở lại. Cô đếm những quan tiền kẽm, mượn người đọc văn tự cho mà nghe và sắp sửa đem con bé về; nhưng mà bác Thuận gái vật nài với cô rằng:

- Thưa chị, em xin chị đừng đem cháu về vội. Nguyên chị về đây còn ăn tết thì chị hãy cho cháu ở nhà ăn tết với chúng tôi. Khi nào chị ra tỉnh thì chúng tôi xin cho cháu ra. Như vậy cháu còn ở nhà với tôi được vài ba ngày nữa, đến khi ly biệt tôi đỡ đau lòng lắm.

Cô Tư Phượng cũng nói chiều lòng: Được! Rồi cô lại nói thêm một cách an ủi rằng:

- Cháu ra ở với tôi sẽ được sung sướng lắm; ngoài ấy chả có cả vú già tên là Mùi cũng là người làng ta.

### VIII

Tên Long là đây tớ ông Phước đi hết đê Yên hoà thì đến đường Bạch Mai, có con đường cái Sơn tây Hà nội chạy qua. Đến đầu làng, nó bắt đầu gọi: Xe, xe ơi!... nó gọi một cái xe tay ấy là thứ vận tải miễn tiện, độc nhất vô song ở trong những làng quên xa đường sắt hay xa các sông.

Ai là người có thể kể hết được những sự tiện lợi của những cái xe nhỏ ấy! Có nhà văn sĩ nào chuyên tả về những kẻ nghèo hèn mà lại để tâm soạn ra những bài hát để ngợi khen cái người bản tiện ấy là thằng cu li xe, cho xứng đáng không!

Thầy thông đội mũ rom đeo kính rộp bánh bao, gọi: Cao su! Xe cao su! để đi ra nhà giấy cho khỏi mờ mắt đôi giày bột tin vọc ni.

Quan tây ở toà ra vội về nhà cũng gọi xe: Xe cao su! Bà đảm đi thăm bà con hay ra các hiệu mua hàng cũng gọi: Cao su! Những người đàn bà bản xứ đi chợ về the the gọi: xe sắt! Khi họ đã xếp lên trên cái xe nhỏ ấy một rổ rau, hai thúng gạo và nhiều những bọc to nữa, họ ngồi chót vót lên trên xe, còn những chỗ hở họ chêm các con bọ vào cho những thúng kia khỏi đổ.

Xe tay! xe sắt! xe cao su! tự sáng đến chiều mà lại đến cả canh khuya nữa, tự phố nhỏ cho chí phố nhớn, tự ngõ hẻm nhỏ chí ngã ba ngã tư, tự các công viên cho chí các bến tàu, đâu đâu và lúc nào cũng nghe thấy gọi thằng “ ngựa người” ấy là người phụ thuộc nhu yếu cho sự sinh hoạt ở nơi thuộc địa này.

Trong những người cu li xe đó có người thích kéo ban đêm. Họ đỗ xe ở cạnh các hàng “ cà phê” hay các hàng “ ô ten” để chờ những khách muốn nhờ họ làm hướng đạo kéo đến những xóm thanh lâu. Cái cách xem người của họ thực sành, người nào mới ở mạn ngược xuống, người nào mới ở tây sang là họ biết ngay, họ tùy từng mặt mà sẽ mời rằng: “ Mông sừ vù loà dô li con gái? Mê tí? ... Mụ con gái siên hoa? Bà đằm Da bông? Nghĩa là ông có thích con gái đẹp hay tây lai không? Tôi biết nhà hút thuốc phiện! Có bồi... Ông có thích con gái Tàu? hay đàn bà Nhật bản không? nó kê ra hàng sọc những thứ cực điểm để mời người mới bước chân sang thuộc địa hay người ở thượng du về chốn kinh thành để ăn chơi tiêu khiển.

Những ngày hội ta hay hội tây là những độ làm giàu cho cu li xe, xe họ không để ngơi lúc nào. Xe chạy tấp tểp một rầy trong các phố, làm cho khách ngồi trên lắc la lắc lư, khách thì muốn cho xe chạy mau: kêu rằng:

Mau lên! mau lên! còn những cu li rống hống lên như những con thú phát khùng. Nhưng mà những hôm giờ mưa thì xe mới thật là quý giá vô cùng. Khi giờ u ám, mưa tầm tã như trút nước xuống ở xứ nhiệt đới này, làm cho hết thầy bị gặp lụt và các phố biến thành ra những suối cả, thì thằng cu li xe vẫn chạy luôn luôn, nó xắn quần móng lợn như người mặc quần đùi đi tắm, mình thì cởi trần, chỉ khoác có một cái áo toì bằng lá cọ nom như con rím. Đầu đội nón cu li, trên mình mồ hôi chảy ròng ròng, dưới chân giẫm nước bắn vung lên, nó chạy hoài không hề có dáng mỏi mệt và vẫn khoái lạc. Thử ngồi lên một cái xe ấy mà xem! Thằng cu li xe giương mũi lên, mặc áo toì cánh gà vào một cách rất cẩn thận rồi cầm lấy tay xe mà chạy. Mình ngồi trong xe có vải sơn che kín còn xe thì phi thật mau, ở ngoài thì gió mưa, những hạt mưa rơi xuống lùa chũa làm cho cảnh tượng xám đen chả nom thấy gì cả. - Trước mặt mình thì thằng cu li xe lưng còng cổ kéo, nhọc thở hỏn hỏn mà vẫn chạy hoài. Chính hôm ấy, tên Long là người đưa tin của ông Thủ, lên tỉnh, đi cái xe gỗ mà những binh lính thường gọi đùa là xe “thỏ tà” thằng cu li xe ốm đói vừa kéo vừa rên. Nó lảm bảm nhắc lại những điều chủ dặn cho khỏi quên, nhất là nó cứ lặp đi lặp lại cái chỗ ở và tên người: Phố hàng Bạc số 47, thầy Vinh...”

Đây là ngoại ô Hà Nội rồi. Người nhà ông Thủ xuống xe, nó vừa đi hai giờ xe, giả thằng cu li xe một hào bạc là rộng rãi lắm rồi. Thằng người ngựa ấy cầm lấy, dứt ngay vào túi, không kì kèo xin thêm nữa. Rồi người nhà quê kia trèo lên xe điện, đến bờ hồ thì xuống, tù đày đi quanh đi quần dưng dăng, lạc lối mãi, sau đến được phố hàng Bạc và tìm thấy nhà thầy Vinh.

Trường thầy dạy ở mãi trong cùng một cái nhà kiểu tàu, giống như con đường hầm. Tên Long đi qua một gian nhà chàn, mấy cái buồng, một cái bếp, một cái sân, lại mấy cái buồng nữa, rồi mới đến trường học. Khi Long vào tới nơi, thầy đồ quay lại mời ngồi một chỗ, rồi cứ ung dung giảng bài, không hề ngưng ngắt chút nào.

Long ngồi buồn trước còn nhìn giáo sư sau ngắm đến học hiệu. Diện mạo ông đồ coi dị thường lắm, ông đã đi thi hương nhiều lần không đỗ, nay ông đã gần tứ tuần mà ông vẫn dùi mài đèn sách để đến năm mươi tuổi vào thi hội, xưa nay trong nước vẫn có luật thế<sup>7</sup>. Tuy ông đi thi trượt mãi mà ông vẫn có tiếng là một nhà túc nho và hơn tám mươi tên học sinh xin thụ nghiệp.

Ông ấy mặc quần lụa trắng, áo the thâm, đầu đội khăn nhiễu đen; mặt nhả nhặn và có tinh thần, trông bề vệ nghiêm trang lắm, trên mũi lên ngọn nhỡn kính tàu to tướng, nom ngộ nghĩnh lắm.

---

<sup>7</sup> Cứ theo như lệ ta thì phải có chân đỗ cử nhân mới được vào thi hội.

Cái gian nhà ông ở chạy dài giăng giặc. Ở trong cùng có bàn thờ tiên tổ, cửa bức bàn đóng lại, trên cánh cửa có chạm hai chữ Phúc, Thọ.



Ở trước mặt, chỗ đầu gian nhà đằng kia, có một cái vườn, thật là trò trẻ chơi, có giống các cây thấp bé. Trong vườn ấy tuy nhỏ hẹp mà chẳng thiếu thứ gì: nào là núi đá non bộ làm bằng đá pha vỏ ốc, vỏ trai để dựa vào tường có các cây kỳ dị mọc nom đẹp lắm; nào là bể cạn thả cá vàng, cá bạc, lượn đi lượn lại. Những cá ấy kỳ quái lắm, vì lúc bé thì nó đen sau lớn lên lại hoá ra vàng ra bạc. Trên tường có hai chữ viết thảo to tướng là chữ Mặc và chữ Tràng nghĩa là vườn ấy để riêng cho thi nhân mặc khách.

Giường ông chủ kê ở một gian rộng, gần giường có cái điều, quả trà, ấm nước chè, bút nghiên và những thoi mực đỏ, mực đen. Đằng trước có cái bàn con để một lọ hoa sen, cuống cao chót vót, coi bộ vinh quang.

Trong cái tủ cũ chông chất những sách quý báu, trên tủ treo cái ảnh vua Thành Thái.

Chung quanh mình ông thầy, chỗ tường nào cũng treo những câu đối dài bằng bóc vàng thêu chữ đen, những câu đối ấy là những học trò biết ơn nghĩa kính tặng thầy.

Năm giờ rồi, lớp học đầy những trẻ con đã học ở trường Pháp - Việt tiểu học rồi đến cái nguồn trong sách của cựu học ấy uống cho đỡ khát để sau về làng khỏi mang tiếng là người dốt nát, là người trái luật phép, là người làm nô lệ cho tây. Mỗi cậu đến thì lại gần ông đồ, chào một cách cung kính, tay chấp lại vái một cái, đưa tỳ đầu gối lên đến ngực, miệng nói sẽ rằng:” Lạy thầy” rồi đưa vở bài cho lão sư và về chỗ ngồi.

Đã đến giờ bắt đầu học. Thầy giáo gọi lại gần mình một người lớn nhất trong bọn học sinh; người ấy ngồi lên trên cái ghế ở bên hữu và đọc ngâm nga một bài ở sách” Luận ngữ”. Thầy đồ giảng sách: thầy vừa cắt nghĩa vừa cầm bút chấm những vở bài thoãn thoắt, chữ nào viết tốt thì khuyên, chữ nào viết xấu thì sỏ và bắt viết lại.

Đến lượt một cô thiếu nữ học trong sách Minh tâm những lời khuyên răn đàn bà con gái:” Ở nhà không nên nói to mà phải nghe nhời cha mẹ dạy bảo... khi đi ra đường, nên ăn mặc chỉnh tề; đi khoan thai và chớ nên quay ngang quay ngựa luôn luôn để trông những sự xảy ra ở chung quanh mình.”

Rồi học trò cứ lần lượt từng người, lại gần cắt nghĩa bài học, rồi nghe thầy giảng một cách tôn trọng. Khi người học trò sau cùng về chỗ thì tan học; những học trò đứng dậy chào thầy một cách cung kính, rồi ra về, tới tấp như một đàn chim sẻ.

Bây giờ thầy Vinh mới có thể tiếp khách.

- Tôi ở làng Yên hoà lại, ông Thủ có sai tôi đến nhờ thầy một việc.
- Ông Thủ là người rất lịch sự nho nhã, tôi muốn được thừa nhan ngài lắm. Ngài có được mạnh không?
- Ông tôi vẫn được mạnh; nhưng mới rồi ông tôi mới mắc phải một việc lồi thối. Rồi anh ta kể chuyện hai người đàn bà đánh nhau và những việc đã xảy ra, rất là tường tận, không sót một tí gì.

Lúc Long đương kể tình đầu cho ông đồ nghe thì đầy tớ đi đi lại lại trong nhà, anh ta mới sực nhớ đến câu chủ dặn rằng chỉ nói cho mình thầy Vinh biết thôi.

Anh ta ngập ngừng nói: "Tôi nói điều này chỉ để thầy nghe thôi."

- Được, lên trên buồng tôi trên kia.

Hai người thì thảo với nhau. Anh ta nói cái ý nguyện của ông Thủ là: viết một cái tờ nặc thư gửi từ Hà nội về báo cho các quan ở Sơn tây rằng: nhà chị Duyên có những đồ cuộc cấm như là: rượu, thuốc phiện và cả súng ống nữa. Cái thư ấy giá gửi ở tín xương Bưu cục ở làng cũng được, nhưng lại sợ tiết lộ ra, còn như ở tỉnh to thì..."

- Được, Người thù ông Cai cũng như người thù tôi. Sáng mai tôi làm đơn. Tối hôm nay, anh hãy đi nghỉ; chắc anh mệt.

Long lại nói: Nhưng tôi chưa nói hết truyện. Bác Phước tôi biết rằng ngày trước ông cho nhà Duyên vay tiền mà chúng nó có gán văn tự ruộng cho ông. Bây giờ sắp đến kỳ phải giả nợ ông, nhưng chúng nó không thể giả được. Vậy bác Phước tôi nói với ông cứ thuê Tây đen đòi hộ. Nếu chúng nó không giả được thì Tây đen sẽ bán gia sản chúng nó đi, như thế thì quân ngạo ngược ấy sẽ khánh kiệt.

- Phải đấy. Mai tôi với anh đến nhà Tây đen...

Cái hàng mà Mahomet Abdallou Paranava ngồi cho vay tiền không được tráng lệ nguy nga bằng nhà Trung Pháp thực nghiệp ngân hàng đâu, cái đó đã cố nhiên rồi. Ngoài cửa không có chiều đề gì cả. Nhà ấy chỉ phân biệt với các nhà khác về cái hình dạng tối tăm thối. Nhà ấy giống như một cái nhà cầu, nửa sáng nửa tối vì cửa sổ đóng kín mít cả và ánh mặt trời chỉ chiếu vào cửa cái được thôi. Dưới đất lát gạch vuông, bùn lầy phủ kín, đi nhom nhóp. Ở về phía tả đằng sau nhà, có một cái cửa trông ra bếp và chuồng xí, có mùi mỡ cháy và mùi nước tiểu xông lên. Ở bên kia, có một cái thang bằng gỗ để bên gác, bậc trơn như mỡ. Ở góc nhà có một cái xe nhà sơn đen, gọng sắt mạ kền bóng lộn, coi chẳng xứng với cái nơi bẩn thỉu ấy một chút nào.

Nó đưa thầy Vinh vào thềm Long lên trên gác, trên ấy rộng hơn ở dưới, nhưng cũng tối tăm bẩn thỉu. Dện chằng đầy nhà, và chắc ban đêm chuột bọ ra chạy giông. Đứng một chốc mới trông rõ các cái ở chung quanh mình. Dưới đất giải chiếu rộng từ đầu đằng này đến đầu đằng kia, bên trong thì sát vào tường, bên ngoài để hở độ một thước làm đường đi lại.

Ba chú Tây đen ngồi xồm ở trên những cái chiếu ấy. Mặc quần vải mỏng trắng chằng ra trắng, đen chằng ra đen, ống sấn cao, mình cổ trần, quàng những dây lưng dài đầu giọt vắt qua vai tay trái. Ở đằng sau họ, từng rãy hòm bịt sắt mở nắp, trông thấy những tập văn tự và những cuốn bạc. Ở lối đi bừa bộn những lọ mực, gác bút, giày hở gót, quần áo bẩn, chậu thau, những bát còn đồ ăn dở rải rác khắp mọi nơi. Trong gian nhà ấy chỗ nào cũng ngửi thấy mùi chua chát, nồng nàn, những mùi ở bếp, mùi mồ hôi, mùi khói, mùi thuốc lão bốc lên. Lại có mùi gừng mùi ớt sực lên nữa.

Người chủ nợ với mấy người mới đến vay nợ truyện trò chẳng bao lâu đã xong. Khi người thông ngôn đã xem xét lại những văn tự miếng đất giá hơn 300\$ rồi thì tây đen giao giả thầy Vinh 100\$ và tiền lãi 3 năm, cứ tính mỗi đồng mỗi ngày một xu thành ra một trăm linh tám đồng, tổng cộng 208\$. Thầy Vinh giắt bạc vào thắt lưng, rồi bảo người nhà ông Thủ rằng:

- Anh về nói với ông Thủ rằng công việc chu tất cả rồi. Độ trong một tháng nữa thì nhà con mẹ Duyên sẽ bại sản, thế mới đáng kiếp. Và chẳng nếu bán những đất ấy thì cô Tư Phụng đã định trở về làng ở mà mua được thì còn gì sướng bằng, thật là may cho cô ta, còn những người đi đạo thì là cừ địch của chúng ta vẫn lóm lém muốn mua, thấy thế tức lắm.

## IX

Cô Tư Phụng ở với người chồng tây gần chợ cửa Nam là chỗ mà người tây gọi là “Place Neyret” (Vườn hoa cửa Nam). Nhà bé nhỏ mà không có gác, lợp bằng ngói An Nam nho nhỏ mùi nâu, viên nọ chồng lên viên kia như vẩy cá.

Có cái hàng rào giồng một thứ cây hoa vừa đỏ vừa tím, sặc sỡ như hoa giấy, ngăn nhà cô ta với đường cái; ở trên mái xam xám có một cây xoan tây to những lá nhỏ xoè ra như cái lọng, về mùa hè hoa đỏ chon chót. Nhà làm trên cái thềm cao, lên phải trèo thang, tay vịn có một thứ cây xanh chằng chịt, nhà có bốn gian, các cửa sổ to mở ra thì trông ngay thấy cái cầu lơn bên dưới là cái vườn nhỏ có mấy bông hoa hồng nở.

Đồ đạc ở trong buồng ngủ, buồng ăn và buồng khách tầm thường lắm, cũng giống như phần nhiều những nhà các người tây ở thuộc địa: giường đồng, gọi nhầm là giường Hồng Kông, ghé bành bằng mây, tủ đứng, cốc, chén và đồ vật, bàn, ghế, bất chước kiểu Henri thứ II mà không giống. Tường thì treo tranh mùi sặc sỡ và ở những góc tường thì để những lọ lộc bình tàu cắm cành cây.

Cái gian ngộ nghĩnh nhất là buồng giấy. Trông thấy buồng ấy trần thiết rục rờ thì ai cũng biết ông chủ nhà thường thường hay ở đấy hơn cả. Ở trong cùng, đối với cửa đi vào, có một cái giường lớn bằng gỗ, trên rải chiếu cói nhỏ, khách đi vào trông ngay thất.

Cô Tư Phụng và cả cái đức ông chồng nữa, đều không hút thuốc phiện, sóng các đồ dùng để nghiện bày cả ra đây; khay khảm to, góc bịt bạc, đèn đồng bạch, bóng pha lê, công nga, công ngọc, tiêm móc, dao, nạo, lọ dầu, dọc tẩu, lại có cả điều ngọc, điều ngà bịt bạc, khảm vàng, cẩn thạch. Ở cuối phản có kê một cái bàn viết An Nam dài và thấp để xếp các sách sở thích. Bên tả bên hữu có hai cái ghé tràng ki chạm bằng mun để dựa vào tường; rồi đến mấy cái bàn vuông con và mấy cái ghé bành cũng bằng gỗ mun. Trên trần nhà treo một cái lọng to giương xoè ra, ở trong lọng có một cái đèn lồng lấp kính mờ và vẽ mùi, rủ xuồng. Đèn điện thì có cái chao hình con gười làm bằng lụa trùm kín.

Những câu đối gỗ sơn đen, thiếp vàng, treo một rầy ở trên tường, khách đến chơi nom lên thì thấy mấy câu cách ngôn của thánh hiền, mấy câu thơ của những bậc lão nho đời xưa, vài câu thơ ý tứ bóng bẩy sâu xa, những người ngu dốt không hiểu nghĩa lý là gì.

Nhà Tây nào cũng vậy, hễ có một người vợ An Nam thì một đoàn người An Nam kéo đến ở chật nhà. Cả bọn ấy đều nhận là họ hàng xa họ gần “bà đằm” cả. Người bếp già là cậu, Lê làm bồi là em ruột; Đang làm sà ích là em rể, đến cả những thằng phụ bếp hay kéo quạt cũng vênh vang xưng là cháu bà chủ. Người nào cũng mang vợ con mà cả đến ông bà già cả đáng kính trọng đến nữa. Lúc giờ ông chủ đi làm thì các người ấy đều lên cả nhà trên và rủ bạn hữu đến chơi. Họ hút thuốc lá, uống rượu mùi và ngồi chễm chệ vào cái ghé bành của người tây. Còn những người thân thích ấy, từ đàn ông cho chí đàn bà họ tỏ tình âu yếm nhau lắm xem mà cảm động; hễ bà chủ có ngoại tình thì họ giấu giếm đi; ví dụ họ giúp bà chủ tiếp được tình nhân hay nhân ngãi, hay là bà có đi giảng giáo thì họ không cho ông chủ biết.

“Bà đằm” thấy họ tử tế với mình như vậy, nên chỉ họ cứ làm hại trong nhà không hề ngượng ngập mà bà vẫn mãn nguyện. Thằng bếp đã có tiền công tháng rồi lại đi chợ tha hồ ăn bót

nên công nó một hoá hai, những chai rượu tốt và những đồ hộp ngon lại trở về với chú khách bán hàng tạp hoá là tưng phạm cậu bồi, chú khách mua lại giá rẻ. Còn như ngựa thì phải ăn lá tre và cỏ cho mát ruột chứ thóc để bán lại hạ giá cho anh chủ thầu.

Cả bọn ấy khu xử với nhau rút là êm thấm. Ông chủ ưa tĩnh mịch nên ai cũng yên lặng trong khi ngài ngự ở nhà. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng xảy ra cãi nhau, đánh nhau không sao tránh được, bấy giờ bà chủ phải can thiệp vào; đũa nào có lỗi bà đét cho vài roi mây thì lại im cả. Khi nào chửi nhau thậm tệ hơn, thì ông chủ đuổi tất cả mọi người đi, hôm sau những quân đã bị tống đi ấy lại lần lượt từng người một kéo về vừa khúm núm vừa bướng bỉnh. Ông chủ vì khí hậu đã làm cho suy nhược, vì đã trải qua nhiều mùa hè ở xứ nhiệt đới nên mất cả nghị lực, thấy vậy cũng tăng lơ như không biết hay mần thính. Ấy tình cảm cái gia đình mà con Him mới bước chân vào là thế.

Hết tết Cô Tư Phượng đem nó về, giao cho nó nhiều chức vụ mới mẻ, phiền phức mà công việc cốt yếu là phải ẵm bế, phải chiều chuộng, phải dỗ dành thằng Điền con, là con bà để với một ông thông ngôn là tình nhân quý báu. Lúc cô ta đứng dậy thì Him vội vàng gập chân lại, vắt màn lên và lấy quạt đập phản thành phạch cho sạch bụi rậm.

Bà chủ ngồi sỗ lên trên phản một cách ỡng ẹo và để trước mặt một cái cháp rất nhiều ngăn, bà chống cái gương lên, lôi các ngăn ra, rồi trang điểm phấn sáp. Người nhà đem một thau đồng nước nóng lên; bà kỳ mặt kỳ cổ hồi lâu và dúng hai bàn tay nhỏ nhắn vào trong chậu bóng nhoáng, rồi sát hai tay vào với nhau. Thau đồng có ánh sáng chiếu xuống, nên nước lập loè. Bấy giờ bà mới lấy dầu thơm vuốt lên đầu, rồi vấn tóc, bao khăn nhiễu tam giang coi mềm mại lắm, khăn vấn chặt lấy tóc như là cái vỏ guom. Bà vấn khăn vào quanh đầu như một đoá hào quang, cái đuôi khăn dắt vào giữa cho chặt.

Bấy giờ bà lấy con dao cạo sửa lông mày, cạo tóc mai một cách cẩn thận. Muốn cho tuyệt đẹp, bà phải cạo hết tóc con trên trán.

Bà nhìn vào trong gương ra dáng hơn hờ lắm, lấy một ít phấn dôi vào má. - Ấy cũng vì lấy tây nên phải giả một chút nợ đời như vậy, bà lấy mảnh giấy hồng miết vào cặp môi âm ẩm, và lấy miếng gỗ thơm đánh răng cho đen thêm.

Song bà mặc một cái yếm trắng đẹp, một cái sơ mi lụa và một cái quần lĩnh thâm dài lướt thướt, thắt một cái giầy lưng đỏ như hoa mào gà.

Sau cùng đeo đến những đồ nữ trang, một đôi hoa tai vàng chạm như một bông hoa, mặt hoa thì bằng thủy soạn hạng xấu, một chuỗi hai trăm hạt vàng; bốn chiếc xuyên hình đóng trức và vài cái nhẫn mặt ngọc giả. Thế là bà đã trang điểm xong.

Trong khi rửa mặt, bà vẫn sẵn lòng lắng tai nghe những chuyện cãi nhau chửi nhau hay nói xấu nhau ở trong xóm mà các bồi bếp trong nhà lần lượt đến kể cho bà biết.

Một người bán hàng quà rao: Cháo gà ... Ai ăn cháo gà ra mua?

Bà sai: Đi mau mua cho tao một bát: Rồi bà măm mỗ húp bát cháo lót lòng. Bà lững thững đi ra vườn hay vào các gian nhà khác, còn đầy tớ thì việc nào việc nấy.

Còn như con Him không có thì giờ đâu mà chơi nhảm. Nó phải dọn mâm cơm, có một đĩa giò, một đĩa cá kho, một ít thịt gà, một ít dưa, mà một chén nước mắm, ớt và tỏi. Một nồi cơm, hai cái bát, mấy đôi đũa ngà và mấy cái thìa sứ để một góc.

Him nói rằng:” Thưa bà cơm đã dọn rồi ạ!” Bà chủ đến ngồi trên phản, nhân nha ăn. Bà gắp đĩa này đĩa khác, lấy miếng thịt, miếng cá, xương thịt và xương cá để ở thành mâm. Bấy giờ đến chén nước chè để bà súc miệng sùng sục, bà lấy tăm sũa răng, rồi ăn giầu. Him lấy lòng bàn đậy mâm lại, bung xuống bếp, đưa cho già Mùi là người bếp riêng của bà. Bấy giờ mới đến lượt con Him ăn, nó nuốt vội nuốt vàng mấy bát cơm, rồi ẵm thằng Điền con và đem nó ra vườn hay ra phố chơi.

Thằng bé ác quá, nó làm tình làm tội con Him đủ đường, nhưng con bé này cũng đã từng trải, nó biết rằng: nếu muốn khỏi phải đánh chửi, phải đánh, thì phải hết sức chiều thằng bé ấy.

Còn Cô Tư Phương không phải lúc nào cũng hiền từ vui vẻ đâu. Nhất là khi cô đã thua bạc, khi cô đã có chuyện bất bình với nhân ngãi hay đến cuối tháng trong nhà đã cạn tiền, thì cô hay gắt lắm.

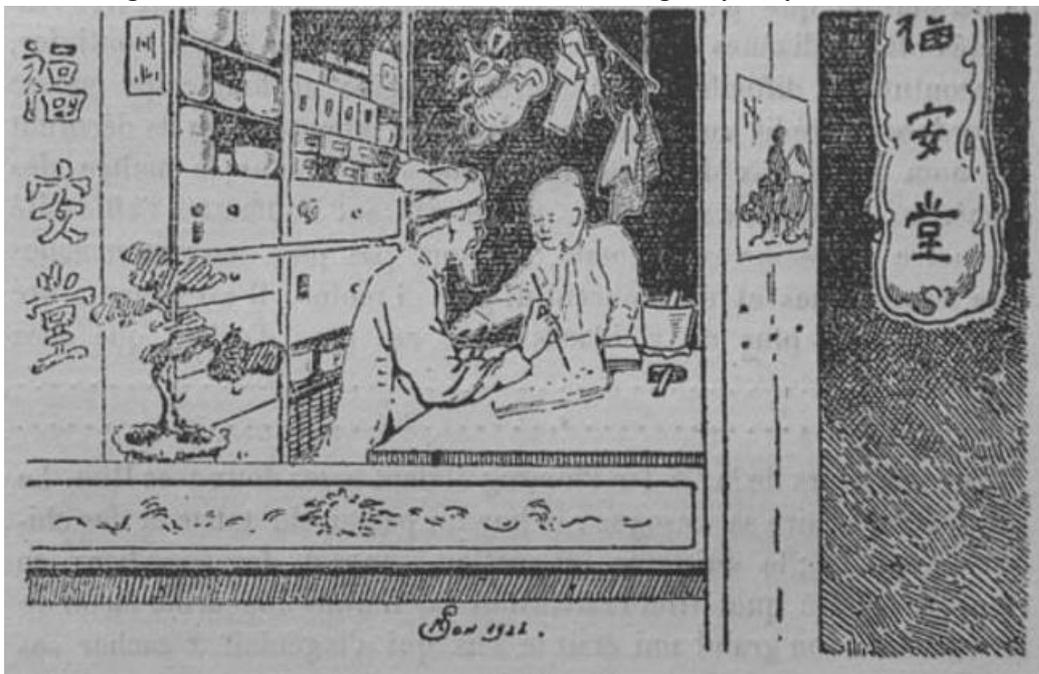
Già Mùi khôn xử cho con Him tránh được lắm nỗi cực khổ; lần nào có thể được thì già ấy cũng làm cho nó khỏi bị sấm sét, khỏi phải đánh đập; già ấy bệnh vực con bé lắm, hề thấy những đứa đầu tở giai liệng vành đề chực chòng ghẹo nó thì mắng thậm tệ. Chiều đến, lúc cả nhà đi ngủ rồi mà giờ rét thì già ấy lại gần cái giường nát mà con bé nằm, kéo chăn đắp cho, giắt màn lại cho muỗi khỏi vào đốt và đỡ dành cho nó ngủ. Khi già thấy con bé ấy buồn ngủ lắm rồi, thì cúi lại gần, hôn hít một hồi lâu, rồi cũng ra cái phản tre nằm ngủ...

Khi ông tây và bà đầm đi vắng thì trong nhà cũng được lắm lúc vui thú. Họ họp nhau lại đánh tam cúc. Chính già Mùi đã dạy con Him các lối đánh, kể cũng khó lắm. Già ấy bảo tên và giá trị ba mươi hai quân bài chia làm hai phần, mỗi phần mười sáu quân, bên đỏ bên đen, bên đỏ được bên đen. Trong mỗi phần cứ theo giá trị cao thấp mà kể thì có một Tướng hai Sĩ, hai Tượng, hai Xe, hai Pháo, hai Mã và năm Tốt.

Khi bốn người đánh thì chia bài ra làm tư, mỗi phần tám quân. Trước hãy đưa cho mỗi người một quân, ai hơn nước được làm cái. Lúc đã lên bài rồi thì người cái gọi một, gọi đôi, gọi ba, gọi bốn hay gọi năm. Các người khác xuống bài không cho ai biết là những quân gì, cái đó đã cố nhiên rồi. Gọi một thì từ Tướng cho đến Tốt đánh quân nào cũng được; gọi đôi thì chọn từ đôi Sĩ cho đến đôi Tốt; bộ ba là: Tướng, Sĩ, Tượng hay Xe, Pháo, Mã hoặc đỏ cả hay đen cả là được. Người nào ra hơn nước là được. Hai bên mà giống nhau thì đỏ được đen. Người nào mới được thì lại làm cái.

Con Him thích đánh tam cúc lắm, nhưng nó không có tiền, duy chỉ có mấy đồng kẽm mà già Mùi đi chợ ăn bớt được cho nó thôi. Đánh thuê thì nhỏ lắm mà các cậu bồi, bép, bồi ngựa và các bạn chúng nó lại đánh to, nên chúng nó không thèm mời con Him đánh. Vậy cô ta phải đi nhờ nhờ ở các cửa hàng trong xóm, ở nhà anh Cam là thợ may, ở nhà anh Đình đóng giày hay ở nhà anh Tuyên bán hàng xén.

Nhưng nơi mà chị ta thích chơi nhất là cửa hàng thầy Quý bán thuốc.



Ông lão này mặt gầy gò, gia bủng và nhăn, mặt trơ ra vì nghiện opiat, ông ta cũng được nhiều lúc rồi mà hề được thư thả thì lại hút. Hai bên mép được mấy cái ria lơ thơ, dưới cằm bơm bơm râu dê được dăm ba chiếc. Hàng dợn ở giữa phở đông người, coi khác hẳn với các hiệu khác, vì trước cửa có nhiều bức hoành sơn son đề đặc những chữ nho, tỏ ra rằng ông Biển Thước ấy đã trị được lắm bệnh thần hiệu nên những con bệnh đã đem đến để tạ ơn. Ông thầy này cũng như các ông lang khác, chỉ chữa thuốc kinh nghiệm còn y học rút tằm thường, chẳng qua biết được dăm ba vị thuốc bắc; thế mà thuốc tây chữa bệnh gì cũng hiệu, ông coi khinh rẻ lắm và ngoại khoa của tây thì ông cho là dã man.

Ông ta tin rằng các chứng bệnh bất cứ bệnh gì, hoặc nội thương hoặc ngoại cảm, chỉ uống thuốc vào hay dán cao là khỏi.

Him lại ngồi ở trong hàng thuốc ấy đến mấy giờ đồng hồ để xem thầy lang khám bệnh. Cái cách thầy bắt mạch để xem bệnh căn thể nào thì Him ta lấy làm ngợi khen vô cùng. Thầy ngồi cạnh người ốm đã đến nhờ thầy đem cái học thuật tinh thông để chữa cho; thầy để ba ngón tay trái lên trên cổ tay phải người có bệnh. Rồi trong mười phút đồng hồ thầy cứ nhấc hết ngón nọ lại đến ngón kia lên như là đánh đàn phong cầm vậy, sau thầy bắt mạch đến tay trái. Khi thầy ấn mạch xong bất kỳ bệnh nào thầy cũng đối chứng lập phương được ngay chứ không hề chịu bao giờ, thầy nói bệnh căn người ốm ở đâu, bệnh ấy phát ra đã bao lâu rồi, thăng giáng thể nào và hiện tại trong mình ốm đau những làm sao. Thầy ấn mạch kỹ càng khó nhọc như vậy mà không lấy đồng xu nào.

Nhưng thuốc phải cân ở nhà thầy thì tất nhiên thầy lại thu được lợi về, chứ cũng chẳng thiệt gì. Trong mười lần cũng đến chín lần, đơn thuốc những mười mười hai vị, có khi đến hai mươi vị toàn là thảo mộc hay là chất thể khác nhau. Thầy đất hàng lắm nên không cần phải treo bảng đề những chức phẩm và bằng sắc của mình ra. Và chẳng thầy cũng chẳng có bằng sắc gì mà thầy cũng không có thể có được, vì ở An Nam không có trường thuốc. Cả cái thuật trị bệnh chỉ học ở trong phương thư và trong hai ba quyển sách riêng và nhất là lấy sự kinh nghiệm làm cốt. Bởi thế nên nghề làm thuốc rất là giản dị. Nếu các ông lang thường là những bậc lão thành, không phải là các ngài đã dụng công học tập lâu năm mới chiếm được những bằng cấp về y khoa đâu, nhưng chính là bởi nghề làm thuốc là nghề cha truyền con nối. Tuy nhiên ngày xưa khi kinh đô ở Huế còn lộng lẫy nguy nga thì các ông ngự y thuốc giỏi và hay chữ, đã đọc tất cả các sách thuốc chữ tàu, cho nên các ông lang ở các tỉnh đường ngoài vào tận kinh để học thuốc các ngài cho được thêm tinh nghệ.

Tuy rằng các thầy “lang băng” ấy học hành không có gì mà chữa khỏi bệnh chỉ nhờ về cái lòng tin của người ốm, chứ không phải vì thuốc hay, song vẫn được dân gian kính phục. Dân thì vì tư tưởng hủ lậu, nên không chịu theo thuốc tây và vẫn tin các thầy “lang thang” ấy mãi. Họ tặng các thầy ấy cái huy hiệu rục rờ là ông thầy thuốc. Nhưng xét cho cùng thì những người chất phác ấy không chịu tây dược là hay mà họ cũng chẳng hay ốm đau và chết nhiều hơn hay ít hơn người tây. Mà lại có một điều này đích xác là ở những xứ Đông phương này lại lắm những người già cả hơn ở nước Pháp...

Những đây tớ cô Tư cũng tử tế với con Him lắm. Thằng bồi ngựa làm đỡ nó công việc, thằng bồi bàn thì cho nó giàu và thuốc, thằng bếp thì để dành kẹo cho nó, tuy vậy con Him ghét thằng bếp lắm vì thằng này nhìn nó một cách lạ lùng. Bạn thân của Him là thằng sà ích, con Him có sơ xuất, nhầm lỗi điều gì, nó cũng hết sức giấu giếm đi cho.

Một hôm, him xuống bếp lấy nước nóng cho bà chủ. Bấy giờ về mùa hè, đang lúc cả nhà ngủ trưa, con him mãi đổ nước vào ấm, không trông thấy thằng bếp, thằng này đương nằm nghỉ ở giường, rón rén dò lại gần nó, miệng mỉm cười một cách đều giả, mắt thì long lên sòng sọc. Khi nó muốn đi ra thì thằng bếp chặn đường.

- Ông bếp làm gì thế? Tôi van ông cho tôi đi.
- Thôi, im đi, mày không còn bé ngọng gì nữa đâu. Đừng làm bộ nữa. Tao muốn gì mày đã biết lắm chứ.”

Con bé rùn cả người ra. Trẻ thơ nào đã biết gì, nên thấy sự bất thành linh như vậy thì run sợ chực chạy trốn, nhưng thằng bếp lại sau lưng nó, rồi ôm chặt lấy, những ngón tay run lẩy bẩy bóp những cái vú xinh xinh của nó và cổ vật nó xuống giường.

Con Him vừa giẫy, vừa kêu rằng: Ôi cha ôi!

Ngay lúc bấy giờ thằng bồi chạy vào đấm cho thằng bếp một cái nên thân, để nó buông con bé ra, còn con bé sợ hết vía, chạy mất. Hai thằng chẳng nói chẳng rằng, cứ sấn vào đấm đá nhau chí mạng. Nhưng con Him gào thét lên thì cả nhà thức dậy, ai nấy gỡ hai người ra, không cho đánh nhau nữa.

Đến lúc muốn xét ra sự thực thì khó quá. Cậu bồi thì tìm hết cách để bệnh vực con Him. Còn cậu bếp biện bác giỏi lắm, trình bày sự tình khéo đến nỗi về sau ai cũng đổ cho con Him phải lòng cả hai đứa, cô Tư Phượng mới phết cho con Him mười roi song.

Từ đấy giờ đi con Him hề thấy có một mình cậu bếp ở dưới bếp thì kịch không dám xuống, đêm đến nó cũng phải cẩn thận, nó bảo già Mùi nằm gần nó.

Anh chàng đa tình ấy không gạ gẫm được, đâm tức, tìm hết cách làm cho con Him phải mắng. Lắm phen nó lại đổ oan cho con bé phải đòn. Nó chắc rằng làm như thế, cũng chẳng can gì đến mình, nó mới tỏ ý cho con bé biết rằng hề nói lại với nó một điều là nó đổi ngay cách cư xử đi...

Bây giờ con bé khổ quá không sao chịu được, người ta thường thấy nó đứng ở những xô xinh, nước mắt chạy quanh, buồn rầu thiếu não.

Trời tối rồi, cả nhà ngủ yên. Trong cái buồng bản thiu mà già Mùi và con Him ngủ có thắp một ngọn đèn nhỏ, già Mùi nhìn Him một cách yêu giầu. Con bé mặt mày nhợt nhạt vì mới bị đòn đau; nó rên rĩ sè sè và còn nức nở khóc chưa thôi hẳn. Già Mùi thấy thế cúi xuống hôn hít con Him. Con Him thấy hôn mình đâm choàng dậy ra bộ sợ hãi.

- Em đừng sợ, già đây.
- Chao ôi, già làm tôi sợ quá!
- Em đau, em rên nhưng già có cái này chữa cho em khỏi, em cởi áo ra.

Lưng và đùi con Him đầy những lần ngang lần dọc, già ấy lấy thuốc mua ở trên hàng thuốc bắc, đắt tiền lắm, đem ra xoa cho nó.

Em sốt rét đấy, tội nghiệp, già sẽ cho uống thuốc này thì dễ chịu và ngủ được, ngày mai thì bớt.

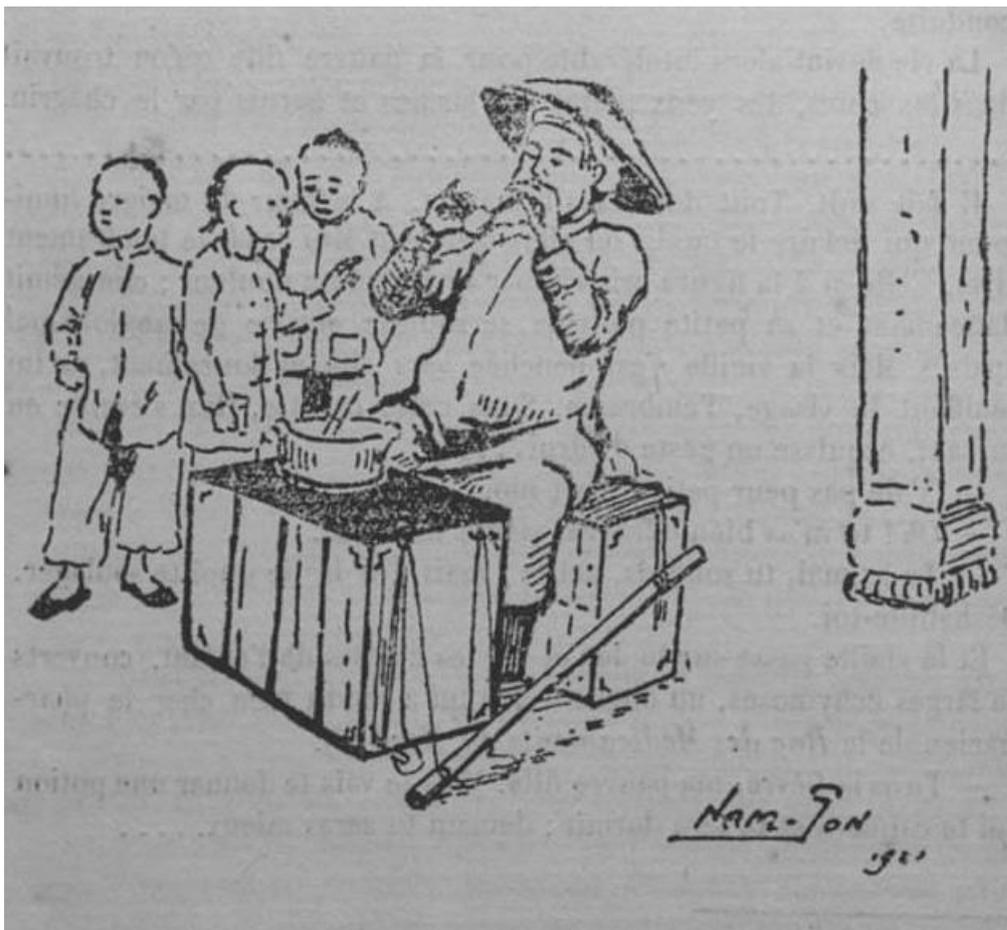
Ngày hôm ấy Him phải ẵm thằng bé đi chơi đến mấy giờ đồng hồ mà nó quấy tệ.

Cô Tư Phượng bảo rằng: Ở đằng sau nhà trong chỗ đất bỏ không, có quần áo phơi đấy, đem em ra đấy chơi và trông quần áo một thể.

Vậy Him đưa thằng bé ra chơi đằng sau nhà và đặt nó thật là êm ái lên trên một cái chiếu rải dưới đất. Có anh bán kẹo đi qua, thằng bé hết sức đòi bắt con Him mua kẹo gà cho nó. Con Him trước còn chối nói rằng không có tiền thì thằng bé lại càng kêu khóc già. Khốn như ở nhà đã dặn rằng không hề được phật ý cậu ấm, nó mấy chạy về lấy mấy đồng kẽm. Nhưng trong lúc nó đi vắng, chỉ độ hai mươi giây đồng hồ mà thôi, thì chú bán kẹo trông thấy cái thất lưng lụa trắng, liền ăn cắp một cách khéo léo và thủ vào trong áo.

Con Him lúc giờ ra mua kẹo không biết mất trộm. Nhưng đến tối cô Tư Phượng xếp quần áo vào hòm khoá chuông thì mới biết rằng mất, cô Tư Phượng nổi tam bành lên, gọi con Him và già Mùi ra, truyền cho già ấy đánh con bé hai mươi roi song. Lúc con Him đã bị nọc xuống

đặt rồi thì già Mùi lật cái áo cánh nó lên, kéo quần nó xuống, tay cầm cái roi song mật vọt, mồm thì đếm to.



Con Him thì nắm chặt tay lại cố nhịn kêu, còn cô Tư Phụng thì cứ chửi mắng nó mãi. Nó phải đòn không đau lắm vì già Mùi khi đánh Him, thường không đánh mạnh, nhưng hôm ấy bà chủ biết thế, bèn cầm lấy roi mây nện con Him thật lực. Con bé kêu rằng:” Con lậy bà; con lậy bà vạn lậy... Chao ôi, con đau lắm.”

Con Him bị đau đốn lắ, dẫy dụa, nhưng mỗi lần nó kêu thì con mẹ ấy lại rửa nó rằng:”Đau, đau à, thế mới đáng kiếp con đĩ, con ranh này mà ăn cơm nhà bà mà mà không được việc gì cả. Đau, đay lắ à: bà muốn giết mày.”

Con chó nó đ mẹ mày, con đĩ dạc kia!”

Mụ ấy cứ chửi mắng và quất con Him mãi cho đến lúc roi roi và thấy con bé ngất đi mới thôi. Bấy giờ bà Mùi ôm con Him ra rất là cẩn thận và đặt nó cái giường nát của nó.

Lúc ấy con bé ấy khóc và lắ bắ rằng:

- Già ơi! già đánh tôi đau lắ, bà đánh lại đau quá, đau hơn nữa...
- Em ơi, già yêu em là nhường nào, mà em không biết. Bà bắt ta đánh em, là bà làm cho ta đau đốn trong lòng hơn em nhiều lắ.
- Tôi không muốn ở đây nữa, bởi vì bà ấy ác lắ; tôi đành phải đi. Càng ngày bà ấy lại càng thêm tệ với tôi. Hôm nọ chẳng ra điều gì mà bà ấy cũng tát tôi mấy cái đau quá, già lại không biết ư? Ông tây đến gần tôi, khen tôi có cái áo mới và cho tôi vài xu. Ấy chỉ có thế mà bà ấy tức tôi. Ôi chao ôi! tôi khổ lắ. Già ơi, tại làm sao mà bà ấy xử tàn nhẫn với tôi như thế? Mà tôi có làm gì bà ấy đâu?
- Em ơi, chị chắc là bà ấy ghen em đấy, bà ấy sợ ông Tây lấy em làm vợ lẽ, rồi đuổi bà ấy xuống bếp....

- Chao ôi! tôi không muốn lấy tây. Tôi chỉ muốn lấy ta thôi: Kinh nghệ vui thú kinh nghệ, tép tôm thì lại đi về tép tôm.

Lấy tây thì chẳng bằng lấy chú đuôi chuột còn hơn.

Già ơi, tôi muốn trốn đi. Thằng bếp, thằng bồi, vẫn dính mò tôi luôn, già còn lạ gì. Thằng nào cũng dính lúc tôi ở trong buồng một mình để theo vào gheo tôi, hôm nọ tôi ở trên buồng bà, thằng bồi lên, nó đóng cửa lại rồi sấn đến gần tôi, mắt long lên sòng sọc như thằng điên. Tôi phải dọa nó rằng tôi kêu lên để nó mở cửa cho tôi ra. Từ bấy giờ mặt nó cứ nhăn nhó, như mặt con nỡm. Ôi chao ôi! như thế thì tôi không sao ở đây được nữa. Ấu là tôi với già cùng trốn đi cả, già có bằng lòng không?

- Nhưng chúng ta đi đâu được? chị thì già rồi, không ai muốn nuôi làm vú ở nữa.

- Đi về làng già chứ đi đâu. Đi, đi thôi. Nếu già không trốn đi với tôi, thì tôi đi một mình cũng được, không cần gì.

Vú già chẳng nói chẳng rằng một lúc, rồi thở dài, đứng dậy thu xếp quần áo gói lại làm một bọc. Sau già ấy nói: Nào chúng ta đi. Hai người lón ra sân, đi men dọc tường, trong bóng tối, đi rón rén cho khỏi động để đừng làm cho con chó thức dậy. Rồi hai người, tối mù mịt, cứ lần đi mãi. Đến sáng, hai người đi đến một cái chợ con, vào hàng bán nước ngòi.

Già Mùi bảo Him rằng: "Kìa em xem, làng ở gần đây, trong luỹ tre kia kìa. Chị đến trước hỏi xem ông bà sinh ra mẹ chị có còn ở đây chẳng, em đợi chị ở đây, đừng có đi đâu xa nhé. Dặn rồi già Mùi đi. Con bé ngồi một mình, nghênh ngáo kẻ đi người lại qua đường.

Một người đàn bà có tuổi, ăn mặc chững chạc, đến ngòi gần đây gọi hàng cháo mua một bát ăn. Con him từ hôm trước không ăn gì nên nom thấy quà bánh ngon lắm thì thèm, mẹ ta trông thấy biết ý liền hỏi:

- Em chưa ăn cơm sáng phải không?

- Thưa bà chưa ạ.

- Em có muốn ăn bát cháo không?

- Thưa bà, cảm ơn bà, tôi không dám...

- Không, em cứ ăn...

- Anh múc một bát nữa.

Con bé húp lấy húp để, vừa húp vừa kể sự tình cho mẹ ấy nghe. Mẹ ấy bảo pha nước uống. Bất thành linh mẹ ta trông trước trông sau, chắc rằng không ai biết, vội vàng lấy gói thuốc bột hung hung đỏ, buộc ở dây lưng ra, trút vào một bát nước; rồi đưa cho con bé uống,

- Này em này, uống đi.

Con Him uống nước và cảm ơn. Nó ăn no nê rồi thì ngòi dựa lưng vào cái phen, trông ra ngoài đường kẻ đi người lại luôn luôn làm cho con bé vui mắt: nào là người nhà quê đẩy xe cút kít, trên xe buộc lợn cao như núi, nào là cu li kéo xe bò chất đầy những thùng rượu, hòm rượu, nào là xe tay kéo đến cả một nhà, một ổ, chạy kêu đình tai nhức óc, nào là đàn bà đi qua mang những bó rau hay xách những lồng gà, lồng vịt kêu riu rít, nào là con gái, mắt tinh ma, mình mềm mại, đi ống ẹo, đầu đội những thúng gạo trắng. Tiếng các cô con gái chua ngoa trò chuyện, tiếng các bà già dúc lác, tiếng lái buôn gọi nhau, tiếng gà vịt kêu quàng quạc, tất cả bấy nhiêu thứ tiếng ồn ào làm cho nhức óc điếc tai, nhưng dần dần các tiếng ấy nghe không rõ nữa, tiếng rầm rĩ bớt đi. Con Him thấy trong mình hơi mỏi mệt, mi mắt nặng trĩu, gục đầu xuống ngực thiu thiu ngủ.

Người đàn bà lạ ấy nói rằng: "Già ấy không lại nữa để tôi đưa con bé này về làng nó. Nó mệt như thế này không thể để nó đây được. Tôi biết nhà vú già ấy rồi."



Mụ ta gọi cái xe, ngồi lên, để con Him vẫn còn ngủ ngồi bên cạnh mình, rồi đi về làng. Nhưng mà lúc mụ ấy chắc bụng rằng ở làng nước không ai trông thấy nữa thì bảo thằng phu xe rẽ ngang đi con đường khác.

Độ nửa giờ sau già Mùi trở lại hàng nước thì không thấy con bé đâu nữa, bèn hỏi nhà hàng mới biết là có người đỡ nó đi mất rồi. Vú già vò đầu vò tai, kêu rằng:” Mẹ mìn đỡ con gái tôi đi rồi, con tôi đi mất rồi. Tôi biết làm thế nào bây giờ đây? Về nhà cô Tư Phụng thì cô ấy đuổi; về làng thì không quen thuộc ai cả. Về Yên hoà thì chị Thuận hỏi, tôi biết nói thế nào? Ôi giờ đất ôi, khôn nạn thân tôi. Rồi già ấy lăn lộn xuống đất, đầu tóc rũ rượi, lấy móng tay cào vào ngực vào mặt....

## X

Mùa đông xứ Bắc kỳ vừa hết. Trong mùa ấy thì ngày dài dằng dặc, phong cảnh buồn rầu lặng lẽ, sương mù liên miên không biết mấy tuần lễ. Hôm qua hãy còn mưa phùn, khác nào như những hạt gio lấm tẩm êm dềm rơi xuống, đất hú mãi không thôi.

Nhưng sáng hôm nay mặt trời rực rỡ hơn mọi ngày ánh sáng êm dềm, ngày xuân phơi phới, cho nên cảnh tượng nhà quê sáng sủa, tươi tốt và hùng hồn.

Chính ở cái chỗ mà mấy giờ trước bị sương mù che khắp, thì bây giờ đã nom thấy rõ hình mọi vật, mùi nó dịu dàng, lấm chỗ nhỏ nhất cũng trông thấy; nào là những lũy tre, những nóc lều xám, và cái mái đình ao hơn hết thấy. Duy chỉ còn những sườn núi che chân giờ ở đằng xa về phía đông là còn sương mù bao bọc mà thôi. Trên trời xanh mượt và vẩn mây, có những đám mây, trắng nhẹ nhàng lờ mờ, cứ theo chiều gió mà bay tản ra khắp tứ phương.

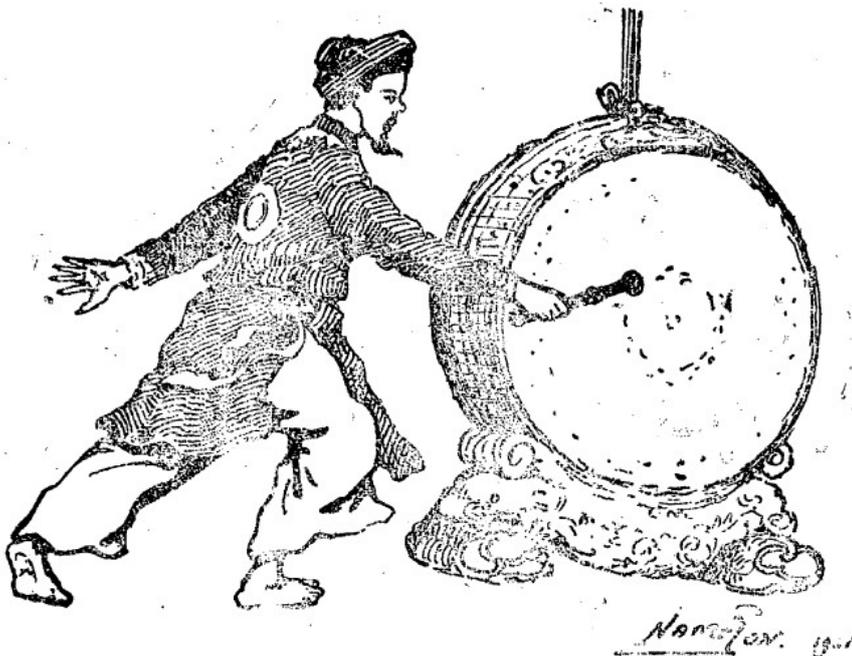
Những tiếng trống cái thùm thùm lẫn với tiếng chiêng kêu boong boong và tiếng mõ cóc cóc mời dân làng ra chùa xem hội; chùa và xa làng chừng một trăm thước. Chùa ở ngay bờ sông cho nên sóng đánh vào đến tận bậc thềm. Đi qua cái cửa tam quan bằng gạch đã lâu ngày nên sắc sạm lại thì tới một cái sân lát gạch nhỏ. Trong sân thì rải rác những cây ngoại quốc lá coi lạ lùng.

Ở đằng xa có cái chùa con ba phía xây tường con phía thứ tư ở đằng trước có hai cái cửa rộng bằng gỗ chạm rồng sơn son thếp vàng. Phía tả và phía hữu có hay dãy hành lang và nhà các sư ở buồng lạnh lẽo, đồ đạc chẳng có gì, chỉ có một cái giường nát và một cái ghế tồi.

Đằng sau lại có một cái ao con. Chung quanh ao có những cổ thụ, cành to lớn, chằng chịt lấy nhau, im lặng như tờ. Lá sen tròn to như cái mâm, bình như đội những bông hoa hùng vĩ, những lá xoè ra trên mặt nước lấp lánh như gương, có lúc có con chim trả bay vụt qua mặt nước nhanh như chớp, chiếu sắc xanh xuống. Những cây đa to tướng, bóng mát dịu dàng; những cành đa xoè ra đến tận mái chùa để bảo hộ cho chúa.

Những vườn thì chung quanh xây tường gạch, nhiều chỗ đổ nát đem giồng cây làm giậu cho kín. Trong vườn thì cây cối được người nhà quê kính trọng, không ai dám động đến, nên hàng mấy nghìn con chim tự do làm tổ, không hề sợ hãi, trừ cái tiếng chim kêu ríu rít ra thì cảnh tượng phẳng lặng như tờ.

Chùa làm ở đây đã mấy thế kỷ rồi, êm đềm thâm tịch, ở giữa một xứ náo nhiệt, hàng năm cây đa càng mọc nhiều cành lên trên mái chùa và ở trong chùa thì bóng cây càng ngày càng thấy dợp hơn.

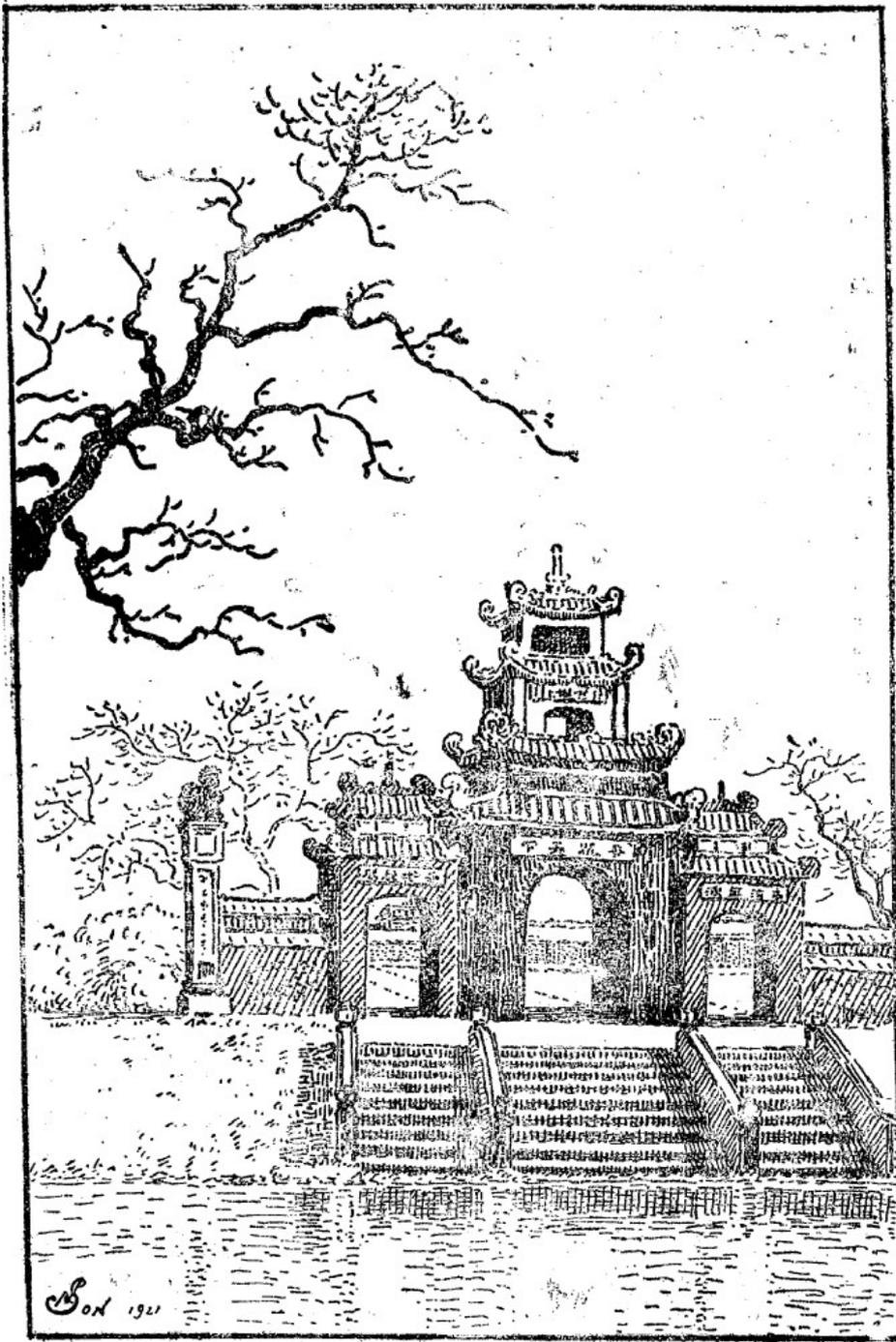


Chùa ấy ban ngày thì đông người đi lại, nhưng đến lúc mặt trời lặn, họ đi đến gần những cạnh tường chung quanh chùa thì run sợ, mà nếu có phải đi qua đây thì họ thích đi vòng quanh hơn là lần theo cái tường ấy. Vì rằng nhiều khi ban đêm mù mịt, đồng áng ngủ yên, người ta chỉ nghe thấy phu tuần canh ruộng, cứ cách lâu lâu lại thổi tù và, chỉ nghe thấy tiếng vạc bay ra ăn đêm nó kêu, bỗng chốc nghe thấy một tiếng cực kỳ rầu rĩ, một câu trường hận mà gió đưa mãi vào tận đằng xa trong làng.

Bấy giờ trong những lâu gianh, mẹ đương cho con bú, ôm chặt lấy chúng nó vào bụng một cách sợ hãi, các cậu con trai thôi không nô đùa nữa, các cô con gái liếc mắt nhìn một cách lo sợ, xin những bậc tu mi bảo hộ cho; còn những bà già, đầu tóc bạc phơ lắc la lắc lư, miệng nói phì phào, lầm bầm rằng:” Ấy là tiếng bà Vũ hờn duyên trách phận đấy”.

Có truyện cổ tích rằng:” Ngày xưa có một người con gái nhan sắc và đức hạnh tên là Vũ Thị Thiết lấy Chúc Sinh, hai người thừa nhỏ có chơi bời với nhau. Vừa lấy nhau chưa được bao lâu, thì người chồng đem lòng ghen dữ lắm, vợ thấy chồng tính khí như thế, nên đôi đôi

với các người ngoài lại càng giữ lễ cẩn thận hơn nữa. Như thế thì trong gia đình cũng gần được êm ấm. Song khi bà Vũ có thai thì quan bắt chồng phải ra lính đi đánh giặc.



Khi chồng đi vắng thì bà mẹ chồng mất, bà Vũ hết lòng lo lắng ma chay tống táng tử tế, thực là một người dâu hiền. Đoạn bà Vũ đóng cửa ở trong nhà chăm chỉ việc nuôi nấng dạy dỗ con, chỉ trừ khi đi mua các thực phẩm mới bước chân ra khỏi cửa.

Cách đây ba năm đứa trẻ đã nhớn và đã biết nói bập bẹ thì một hôm người bố về. Hôm sau Chúc Sinh định ra thăm mà mẹ bèn cho cả con đi để dạy cho nó biết sự tôn kính những người đã quá khứ. Đứa trẻ khóc òa lên rồi chạy trốn vào cánh tay mẹ nó. Chúc Sinh vội vàng bảo con rằng:” Tao là cha mày đấy, sao mày lại sợ tao.”

“Từ xưa đến giờ, chiều nào tôi cũng trông thấy cha tôi, nhưng người không bảo gì tôi và người không biết nói. Làm sao bây giờ người lại hỏi tôi. Trước kia hễ tôi đứng thì người cũng đứng, tôi ngồi thì người cũng ngồi.”

Người chồng nghe thấy con nói thế tái mét mặt, nổi giận đùng đùng, không để vợ trần tình, đồ riệt ngay là có ngoại tình và đuổi đi.

Ngờ đâu tối đến, lúc hai cha con thắp ngọn đèn đang ngồi rầu rĩ, trong cái nhà vắng vẻ, bỗng chốc đứa con vỗ tay vui mừng, rồi trở vào cái bóng nó ở trên tường mà reo lên rằng:” Kia! cha tôi đã đến kia!”

Trong trí chàng ta bấy giờ như có một tia sáng chiếu qua, bèn hỏi con mới biết là mình ngộ nhận đến nỗi khóc hại như vậy. Nguyên đứa bé thường hỏi cha nó ở đâu thì người đàn bà khốn nạn ấy muốn dỗ cho con nín đi và nhân chồng đi vắng, muốn cho con tưởng vọng đến luôn, cứ ngày ngày trở vào bóng con và bảo nó rằng:”Ấy cha con đây!”

Chúc Sinh thấy mình khắc khổ bất công, lấy làm chán nản, vội vàng chạy đi tìm vợ, nhưng hỏi dò thì không ai biết ở đâu cả. Cách hai hôm sau thấy nước sông đánh rạt xác vợ vào bờ. Chúc Sinh lập ngay ở chỗ ấy một cái miếu giải oan, rồi từ bấy giờ đến trọn đời cứ ngày giỗ thì ra cúng linh hồn người tử tiết. Nhưng từ khi chàng ta mất, hồn người liệt nữ ấy không ai cúng bái nữa, tối nào cũng hiện lên và đi khóc khắp trong làng. Vì thế dân xã phải lập đền thờ bà Vũ gọi là Liệt phụ từ. (Đền người đàn bà bị chồng ngờ oan mà tự sát)

Hôm nay sân đền cắm những phướn sắc sỡ; chỗ nào cũng bày những gươm, giáo, phủ, việt bằng gỗ, chạm trổ, sơn son thếp vàng. Kẻ đi người lại rộn rục, xếp đặt những long, những long đình, những kiệu và các đồ thờ thường dùng trong những hội hè đình đám; những người ấy thất lưng xanh đỏ, ai trông cũng biết ngay là người chứa đấng cai. Chốc chốc lại trống giục, chiêng rền.

Đền chỉ mở có một cửa giữa còn các cửa bên mở hé, ánh sáng chiếu vào không được mấy hột, trong chùa tranh tối tranh sáng chỉ trong thấy lốm đốm những nén hương thấp lấp lánh và bộ đồ thờ sáng nhoáng. Nhưng khi mắt đã nom quan nơi mập mờ ấy thì trông rõ trong thẳm cung có ba pho tượng bằng gỗ sơn son, mỗi vị ngồi trên một cái bệ xây gạch tức là cái toà sen. Ở các bậc dưới có tượng bà Vũ và các tượng khác; đằng trước có mấy chiếc mâm bông.

Trong những bát hương to có đốt hương cháy dần dần khó lên nghi ngút. Có lúc khói hương phủ cả mặt những pho tượng ngồi nghiêm trang lặng lẽ.

Dưới chân bàn thờ, các vị hoà thượng, mình mặc áo cà sa vàng, đầu đội mũ hoa sen, ngồi sắp hàng trên những cái chiếu, tay chấp lên ngực nghiêm nhiên ngồi niệm phật. Sư cụ ngồi giữa, để quyển kinh trước mặt bắt đầu ê a tụng kinh, các sư ông, sư bác cũng đọc theo, tay gõ kiếng, gõ mõ dịp dằng.

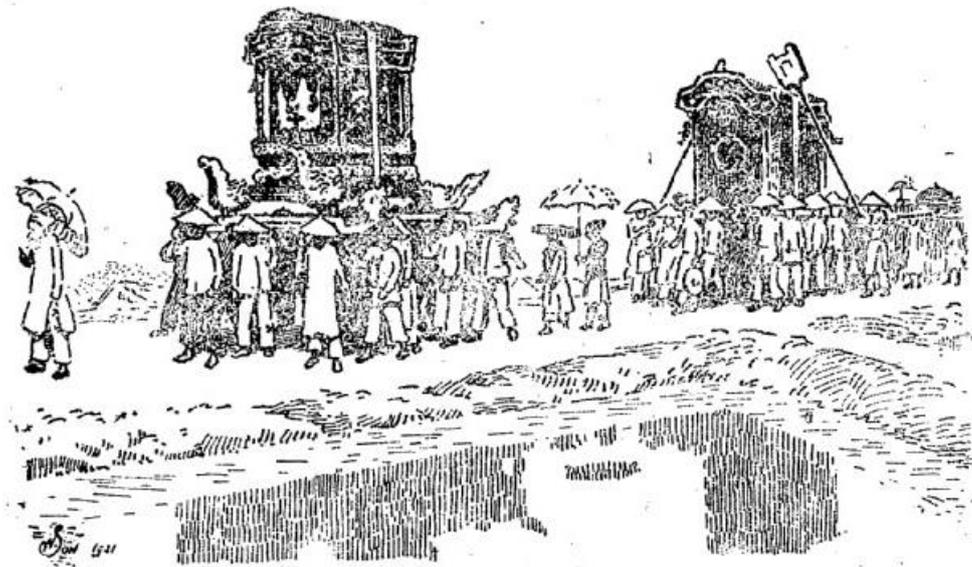
Dân làng dần dần kéo đến; họp nhau lại thành từng bọn, bảo nhau chỉ trở chuông rớt con trâu và cái cây, chốc nữa dùng làm đồ tế Nghênh Xuân.

Trâu ấy và cây ấy, đang bằng tre phát giấy, to bằng trâu thật, cây thật, để vào trong cái chuông ấy từ hôm trước, lại để cả năm phát phẩm: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tức là những cái biểu hiện của ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Đến đêm, lúc giờ tối đen như mực, một ông kỳ mục cầm quản bút lông đến đứng vào một bát phẩm, rồi quệt vào mình trâu.

Xem đấy thì biết rằng chỉ nhờ về sự may rủi: hễ vợ được bát phẩm tốt thì trong làng thịnh vượng, được mùa, dân làng đi thi hương được nhiều người đỗ, hễ vợ phải bát phẩm xấu thì người trong làng suy đồi, mất mùa, dân làng đi thi hương trượt cả. Bởi vậy, ai nấy cũng có ý chờ đợi, trong bụng lo ngay ngáy, cho đến lúc mở cửa chuông trâu ra mới thôi, lẽ ấy ai cũng rõ cả.

Những ông đồng, bà cốt là người rất quan trọng trong những ngày hội đền hội chùa, sắp sửa lên đồng đấy. Tất cả có ba người: hai người đàn ông và một người đàn bà. Người thứ nhất là một người trai trẻ, vào trạc hai mươi tuổi, ngồi xỏm trên một cái chiếu giải ở giữa sân chùa, mình vận áo đỏ, đầu đội khăn xanh, thắt dây lưng quan lục; đảo bên tả, đảo bên hữu, đảo đằng

trước, đảo đằng sau, trước còn chậm chậm, sau càng nhanh dần mãi lên. Những người ngồi chung quanh hầu bóng thì đánh trống, đánh chiêng, gõ kiểng, gõ mõ dịp dàng.



Dần dần mặt người ấy trông dữ dội; mắt long sòng sọc, nét mặt cau có, miệng như muốn cười, mồ hôi chảy xuống dòng dòng. Bao nhiêu gân nổi cả lên, sần sần bọt mép, nói nhỏ nghe chẳng hiểu ra câu gì. Trống phách âm ỹ. Bấy giờ người lên đồng lấy hai tay cầm thanh gươm ở trước mặt, múa may trên đầu một cách hung hăng. Thình thoảng lại dừng lại, nom vào người ấy thì thấy run rẩy như là động kinh.

Ở trong chùa thì hương cháy nghi ngút, khói thơm ngào ngạt, chốc chốc bay lại.

Những người muốn kêu cầu khẩn vái sự gì thì làm sớ tấu đệ lên trình thánh, trong sớ viết những điều sở cầu của mình vào lòng văn sớ dài dằng dặc. Ông đồng vừa giờ những lá sớ ấy lên trên một cái lư hương vừa ngâm nga đọc. Rồi đem những sớ ấy ra một cái lò to, để ở góc chùa mà đốt một cách kính cẩn.

Còn nhiều người muốn xin bùa, xin dầu thì đến gần ông đồng, lấy giấy vàng lau mồ hôi chảy ở trên trán ngài.

Bỗng chốc, ông đồng, đến lúc thánh đã nhập vào rồi, đứng phắt dậy, tay cầm gươm giơ lên, miệng quát tháo, nhẩy xổ vào đám đông người, họ cũng sợ hãi kêu rú lên mà chạy rạt cả ra. Bấy giờ mấy anh lực lưỡng nhẩy sấn vào ôm lấy bác điên cuồng dõ dại ấy, rồi cho uống nước phép và đắp chăn cho, bác ta dần dần tỉnh lại rồi ngủ tít một mạch.

Còn ông đồng nữa ngồi xôm ngát ngưỡng ở trên cái bàn, nét mặt nghiêm trang, không động đậy gì cả, mắt mở to tương và nhìn thẳng trước mặt vào chỗ trống không. Hai má có cái linh xiên qua, máu chảy ra, các bà con công đệ tử, tâm thành đến lau lấy. Những giấy có huyết ấy là những đạo bùa rất quý trừ được bách bệnh.

Sau hết, trong một gian bên cạnh chùa có bà đồng ngồi. Bà ấy mặc một cái áo đỏ, tóc để xoã xuống, đầu thì trùm một cái khăn lụa đại hồng, cũng đảo đồng la liệt, còn những người hầu bóng thì trống phách rầm rĩ, đình tai nhưc óc. Bà đồng vẫn đảo hoài, bỗng chốc lại thay khăn châu áo ngự, mặc bộ áo đỏ sau lại mặc bộ áo xanh. Khi biết rằng thánh đã nhập vào bà rồi thì một người hầu bóng thay nhời những thiện nam tín nữ đem những điều họ sở nguyện tâu với thánh và xin ngài chỉ giáo cho. Có một người đàn bà đương đợi ngài truyền phán. Người hầu bóng kêu với bà đồng rằng:

- Chị Nghi mình già tuổi yếu, chồng mất sớm, con cái ở xa, nhà thì bị cháy, gia tài khánh kiệt.
  - Phải bảo tiểu đem vàng, bạc, hoa, quả, ngựa thuyên lại phủ này kêu cầu.
  - Tấu lạy ngài, xin dâng ngài hoa, quả, tiền, bạc, đây...
- Bà đồng cứ theo ý thánh phán rằng:
- “Chưa đủ, phải dâng vàng nữa mới được.”
  - Lạy ngài, xin ngài đánh chữ đại xá! Chúng con xin dâng vàng đây. rồi bà già đặt lên trên bàn thờ các đồ vàng mã.
  - Thánh phán rằng:” Được, để ta sai mấy đạo âm binh về trừ tà ma cho nó khỏi làm tiểu ta”.
- Bà đồng đứng dậy, tay cầm một nắm hương, múa may như thầy thiếp niệm phù chú, đứng một chân mà quay thật nhanh như các chú chiệc ra hát tuồng tàu. Bà cầm hai nén hương cắm vào búi tóc, ở trên tai, rồi đem những bùa đốt vào trong một cái bát và đổ rượu lên trên gio tàn, lấy một nén hương đang cháy trộn lên rồi húp vào mồm một ngụm, phun phè phè vào người có tà. Bấy giờ bà cầm một thanh gươm nhảy nhót quay cuồng chung quanh người có tà, mà chiêm trống thì khua rầm rĩ, bà múa gươm làm ra bộ chém tà ma.

Bà ta bỗng chốc bỏ cái khí giới ấy ra, rồi lão đảo ngã vào tay những người ngồi đó, họ vội vàng đỡ lấy cho khỏi ngã xuống đất.

Đến mười giờ, dân làng về nhà ăn cơm, còn những kỳ cựu, kỳ mục và những thân hào, chức dịch ra đình ăn cỗ, tiệc làm tốn kém bao nhiêu đã có anh Chung là người chứa đấng cai năm ấy phải chịu cả.

Cứ theo lệ làng từ xưa đến nay thì ông ngồi chiếu trên chiếu dưới đã có luật nhất định rồi. Trên một cái sập cao nhất để một cái kỷ đặc biệt, thì ông thủ chi, thầy hương sư và ông quan hưu trí ngồi, quan lớn đầu bạc phơ phơ. Ở dưới đến những thượng kỳ mục, những bô lão ngồi; còn ở dưới nữa thì có hạ kỳ mục và những chức dịch trong làng.

Cỗ thật lắm mỹ vị, nào là giò lụa, gà luộc, nào là rau sào, dưa muối, nào là chè xôi. Một con lợn quay để ở giữa đình, ai ai cũng trông thấy, ăn béo bở lắm. Ở trên mỗi một cái mâm ba chân mà mâm ấy nhiều lắm, để một chai rượu cúc có đóng dấu ti rượu phân minh, chung quanh chai rượu ấy bày nhiều những cái chén con da xanh. Bắt đầu ăn cỗ thì trước hết uống rượu rót vào trong những cái chén hạt mít, và uống nhắm nhấp từng ít một, các quan viên ông nọ mời ông kia uống, xem thể lệ phiên phức lắm. Rồi cứ theo cái lễ nghi lịch sự và âu yếm của những dân Á đông mà tự những người nhà quê bản tiện cho đến những ông quan cực kỳ phong nhã cũng am tường cả, các ngài lại mời nhau đưa cay. Đầu gục xuống, mình cúi rạp, tay phải xoè ra và hạ xuống, lòng bàn tay ngửa lên trên, vị nọ mời vị kia cầm đũa mà ông nào cũng chờ ông ngồi bên cầm đũa trước rồi mình mới cầm sau.

Cứ theo cách ăn uống lịch sự thì phải gấp dở dẻ một miếng thịt lợn hay thịt gà, mồm nhai khoan thai và để xương lên trên thành mâm gỗ. Đũa phải để vào gần bát cho tử tế, rồi lại khăn khăn mời nhau uống hớp rượu nữa.

Uống bằng những cái chén con con hết chén này đến chén khác, hơi men bốc lên đầu, mặt đỏ như quả gấc, tiếng nói chuyện càng thấy to dần mãi lên, nên trong dân gian có câu phương ngôn rằng: “ Tửu nhập, ngôn xuất.”

Lúc bấy giờ có bọn ả đào đến, độ mười người, vừa con gái vừa đàn bà có chồng rồi, xuân xanh độ mười tám, đôi mươi. ả đào này không phải là cô đầu có danh tiếng ở chốn thị thành đâu, chẳng qua là những thị nhà quê hôm qua hầy còn đi chặn trâu cấy lúa. Có một chú kếp loa, coi thám hại, gẩy đàn xẩm một “ bà già” đánh trống và một thằng “ bé con” gõ sênh. Họ đứng ra hai hàng song song quay mặt vào chỗ các quan viên ngồi mà hát rằng:

*Con sông Hồ nước trong leo lẻo;*

Dòng sông Hồ khúc khuỷu quanh co.  
 Đêm khuya dưới bóng trăng mờ,  
 Đôi ta dạo gót trên bờ sông chơi.  
 Giờ nam bắc đôi nơi cách trở:  
 Ngồi một mình tưởng nhớ giai nhân.  
 Giăng tàn khuất nẻo lầu Xuân,  
 Gió thu hiu hắt thổi lẩn lẩn sang:  
 Dù giăng lặn gió khoan xá kẻ,  
 Cái sầu này hồ dễ mảy khuây?  
 Tri âm ơi hỡi có hay?  
 Hoài công chờ đợi tháng ngày bấy lâu!  
 Mong người đến nào đâu thấy đến.  
 Duy chỉ còn thư tín một phong.  
 Xem thư luống những đau lòng:  
 Lửa phiền càng giập, càng nồng, lạ thay!<sup>8</sup>

Nay đã đến lúc chia phần là lúc quan hệ. Ai nấy đều nhìn chòng chọc vào ông Thủ chỉ. Ông sắp chiếu theo hương âm mà chia phần, đó cũng là lẽ cố nhiên.

Cứ như lệ thường thì các quan viên không phải quan tâm gì về việc chia phần ấy, vì ông Thủ hết sức phân phát cho các đàn em được công bằng.

Nhưng từ cái tính chị Duyên và chị Thuận đánh nhau vì hai nhà thù hiềm dữ lắm. Vì nhà Thuận bị tội nên ai cũng chắc rằng ông Cai muốn báo thù tất làm cho nhà Duyên mất thể diện ở trong làng mạc, chỉ chia cho một cái đuôi chi gian để làm một trò cười. Bởi vậy ai đều áy náy trong lòng. Tuy vậy, cái thủ lợn đã để lên trên cái mâm của ông Thủ chỉ, quyền ông được xoi thủ, cái nọng để biếu những ông kỳ cựu, rồi đến cái đùi để biếu các bậc lão thành và kỳ mục, lý dịch, còn những phần khác thì chia cho các đàn em. Đều được ổn thoả cả. Dân gian vẫn thích cãi nhau, đánh nhau mà thấy thế thì làm chán ngán. Rồi các quan viên lại đánh chén hoà, đàn hát lại vui vẻ, trong bọn ả đào có một cô đẹp nhất đứng giữa, còn những cô kia ngồi chung quanh, cô đứng giữa tay sè sè múa, miệng ca rằng:

Thiếp xin nhắn nhủ mấy nhời:  
 Tấm lòng thương nhớ dễ nguôi được nào.  
 Xưa nay âu yếm đến điều?  
 Giờ sao hờ hững cùng nhau cho đành?  
 Nhớ khi chơi chốn miếu đường;  
 Mặt hồ lơ lững con thuyền dạo quanh.  
 Hồ sen nước biếc mênh mông,  
 Dạo chơi ta gặp ngư ông quăng chài.  
 Đôi phen cửa sổ cùng ngồi,  
 Ngắm trông hoa nở ở ngoài vườn hoa.  
 Tịch dương bóng đã xế tà,  
 Đôi ta ngắm cánh biết đà bao phen.  
 Khi đi chàng nặng lời nguyên,  
 Bây giờ chàng nhớ hay quên hỡi chàng?...

<sup>8</sup> Bài hát này dịch giả không biết nguyên văn nên phải dịch lấy.

Những câu hát về ái tình đó, những câu hát lắng lơ đó thì các cụ đã sành sỏi không ưa, các ngài bảo hát những câu phong nhã hơn. Bây giờ có một cô mặt trông tinh ranh, đứng dậy hát theo nhịp trống và sênh:

*Lấy chồng từ thừa mười lăm,  
Chồng chê tôi bé chẳng nằm cùng tôi.  
Đến năm mười chín đôi mươi,  
Tôi nằm xuống đất chồng lôi lên giường.  
Một răng thương, hai răng thương,  
Có bốn chân giường gãy một còn ba.  
Ai về nhắn nhủ mẹ cha:  
Chồng tôi nó đã giao hoà cùng tôi.*

Hát đến đoạn cuối cùng thì cả bọn cười âm lên. Các quan viên ném mấy quan tiền kềm vào cạnh chân để thưởng cho. Bây giờ có một cô thấy cô kia được thưởng như thế liền đứng dậy hát một bài khác phong tình hơn, các quan viên vui cười rầm rĩ. Ông Nguyễn Văn Phúc say tí cung thang, mới đùa bốn chót nhả, lại chòng ghẹo cô ả đào ngồi bên cạnh, các quan viên thấy vậy lấy làm thích chí lắm. Nhưng tiệc đã sắp tàn rồi. Mỗi người uống mấy ngụm nước chè nóng, rồi lấy cái khăn ướt lau mặt và cùng đi ra cổng làng để xem làng Thượng Yên Hoà và Hạ Yên Hoà chọi trâu.

Giải treo to lắm, những năm quan tiền kia, không kể cái danh dự nữa. Hai con trâu trông nom vỗ về cho béo từ mấy tháng trước, bây giờ bịt mắt đem đến giữa chỗ tường chọi trâu là một cánh đồng khô ráo.

Những người xem thì ngồi chung quanh, còn các ông kỳ mục thì ngồi đằng trước để phân thắng phụ.

Khi nghe thấy tiếng hiệu thì cỡi cái vải bịt mắt những con trâu ấy ra, rồi những người có trâu chọi cầm những lá cờ đỏ con con ra sức phất ở trước mặt con trâu, lại có đánh chiêng rầm rĩ ở bên tai nó nữa.

Tuy rằng làm như vậy mà hai con trâu ấy cũng không có ý hung hăng dữ dội, vẫn cứ lừ lừ điềm nhiên như không, rồi cúi rạp đầu xuống tận đất, hai con mắt ngơ ngác. Lúc bấy giờ người ta liền lôi mũi hai con, kéo lại gần nhau để cho nó châu đầu vào. Một thằng mõ đọc to cái số tiền đánh cuộc về một con trâu, một thằng mõ nữa cũng đọc những giải đặt ở đầu con trâu kia để trả lời lại. Rồi ra hiệu để cho những người giữ trâu tránh cả ra, hai con trâu lại gần nhau, mũi hít nhau, xô đẩy nhau từ đầu chí đuôi.

Thình thoảng mũi giơ lên trời, sừng chạm lưng, con nào cũng hình như dọa giời chứ không phải đấu chiến với con cừu địch mình. Nhưng trống phách rầm rĩ, thúc giục càng dữ lắm, đến nỗi bỗng chốc hai con trâu phát khùng lên, húc nhau, tiếng sừng kêu chan chất. Nom vào cổ thấy những vết sừng đỏ. Hai con trâu lui lại đầu cúi xuống, mõ cày đất lên, đưa mắt rình nhau. Bất thành linh một con tưởng rằng đâm chết được con kia liền nhẩy xổ vào nó, con kia bèn giơ sừng ra. Bấy giờ người ta nghe thấy như tiếng cành cây gãy hai” nhà vũ sĩ” ấy mê mẩn, lắc lư đầu một cách thần thờ, rồi lùi xa ra mà giữ nhau.

Một con tinh lắm muốn chạy trốn, nhưng chủ nó lại lôi lại bắt chọi nữa. Bách nó thế cũng không được, nó sợ hãi, cổ nó máu mê đầm đìa, nó rẽ những người đứng xem ra mà cút thẳng, con trâu kia chạy đuổi theo. Các quan viên công bố rằng con trâu ấy thua, mà giải thì con kia được; nhà có con trâu giật được giải rước sách nó về chuồng linh đình.

Các trò chơi còn chưa hết. Họ lại đi ra sân chùa xem đánh cờ người.

Lúc bấy giờ ông thủ chỉ gọi một tên đầy tớ đến bảo nhỏ mấy câu, nó chạy ngay về nhà.

Con trai, con gái làm quân cờ, con trai thì chít khăn đỏ, thắt dây lưng điều, con gái thì vắn khăn xanh, thắt dây lưng xanh ngời cả lên trên những cái vạch trắng vẽ thành cái bàn cờ ở dưới đất, mỗi người xách một cái đèn dưới treo cái thẻ đề tên quân cờ. Mỗi bên có một Tướng, hai Sĩ, hai Tượng, hai Pháo, hai Mã và năm Tỏi.

Hai người đánh cờ là thầy hương sư và ông quan hưu trí ngồi sau một cái bàn con, ở trên bày một cái điếu, một tráp giàu, chè tàu thuốc lá và đường mút. Mỗi người tay cầm một lá cờ xanh hay đỏ tùy theo cái dấu hiệu ở bên quân mình. Khi muốn đi quân nào, nước nào, thì phát cờ. Đằng sau những người đánh cờ có hai tên lính hết sức đánh trống để thúc.

Tất cả làng đứng xem: những đàn bà thì trò chuyện luôn mồm và bình phẩm về nhan sắc các cô đóng quân cờ, đàn ông thì chú ý vào cuộc cờ xem ai được ai thua.

Lúc bấy giờ thầy hương sư đi mấy nước cao lắm, rồi lên Tượng định chiếu Tướng thì có một tên tuần chạy đến gần ông Thủ chỉ mà nói rằng:

- Có một bọn lính khố xanh đi gần đến làng. Thấy báo tin ấy, ai nấy đều lo sợ có nhiều người bản dĩ rút rút, vội vàng chạy về nhà, chắc rằng thế nào cũng có tai vạ.

Lúc bấy giờ ông quan đến trước cửa đình hỏi lý trưởng làng là thầy Phan.

- Quan Phủ phái tôi về khám nhà tên Nguyễn Văn Phúc. Nhờ thầy lý đưa chúng tôi lại.

Khám nhà anh Phúc! Tin ấy truyền đi khắp các ngõ hẻm trong làng, dân làng bỏ các cuộc du hí kéo đông nghìn nghịt đến xung quanh nhà bị khám. Họ thì thảo và hỏi nhau rằng:” Anh Phúc bị tố cáo về chuyện gì?”

Một mục nói:” Dễ thường anh ta lại nấu rượu lậu hử!”

Một mục khác nói:” Thôi chị không biết rồi. Nếu có phải khám rượu lậu thì đã có một người tây và lính Đao chứ!”

Những lính khố xanh bắt đầu khám. Chị Duyên hốt hơ hốt hải, nhờ một người tắt lực đi tìm chồng, thì thấy anh ta đang nằm ở trong đình say khướt mừng toi. Bảo anh ta ra khỏi đình thật là vất vả, nhưng sau nghe thấy nói đến “Quan Phủ sai lính về khám nhà” thì anh ta đương say nhè mà cũng hoá tỉnh, vội vàng chạy về nhà. Lạ gì thói thường: rượu vào hay nói ba hoa, anh ta nói hàm hồ và cãi bướng:

- Giời ơi! Tôi vốn là người lương thiện, tôi không làm việc gì trái luật bao giờ. Mà bây giờ tôi bị khổ thế này! Giời ơi! Họ nghi ngờ gì tôi! Tôi bị oan uổng là dường nào! Chắc có đứa vu oan giá hoạ cho tôi rồi!

Lính tráng cứ mặc kệ cho nó kêu ca vẫn nghiêm nhiên tra xét; nhưng chả thấy gì khả nghi cả; lính đã toan lui về. Nhưng có một tên lính lại gần bờ rào thì thằng người nhà ông Thủ chỉ chính là cái thằng mà ông sai về nhà ban nãy, lúc chọi trâu xong, nó ghé vào tai xúc xiêm tên lính ấy mấy câu.

Sau lính lại ra sân khám, rồi khám đến cái vườn cạnh sân. Bỗng chốc, một tên lính kêu lên một tiếng tỏ ra rằng đã tìm thấy. Ở đằng kia, dưới đụn ra, nó vừa dó được một khẩu súng cũ và một lọ thuốc phiện.

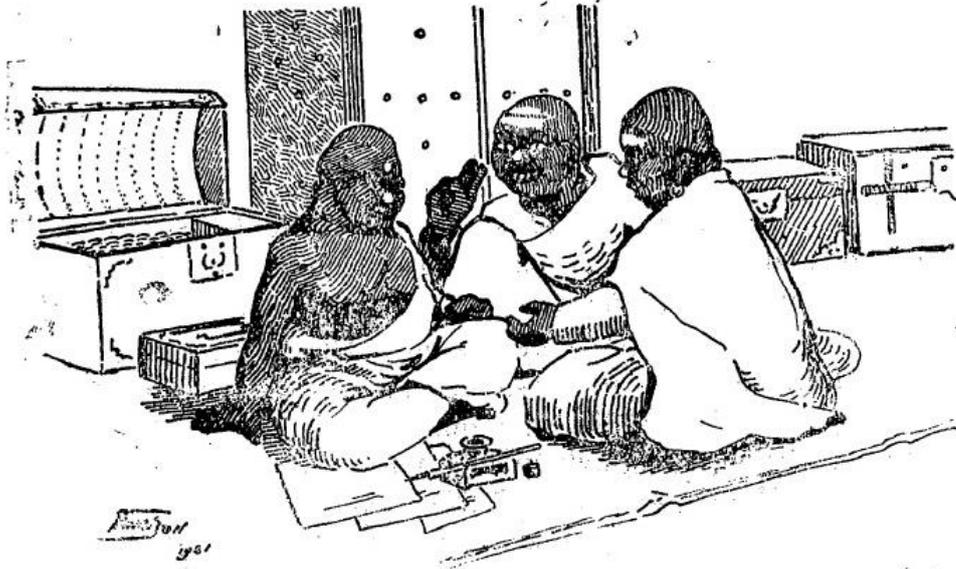
Dù anh Phúc chối mặc lòng, lính cũng trối lại điếu đi. Ở trong nhà vợ con anh ta kêu ca thảm thiết, nào biết đâu rằng con mẹ Thuận ác nghiệp kia lên vào đám đông người đương đứng xem mà cười cợt nhạo báng mình.

## XI

Những túp nhà ở Yên Hoà làm gần sông Nhị Hà; dân ở đây cũng như là dân các làng khác ở trên bờ sông ấy vừa làm ruộng vừa đánh cá.

Dân bản xứ gọi sông ấy là sông Nhĩ Hà “vì nó trên nhỏ dưới nở to ra như cái hoa tai vậy”. Con sông ấy chảy qua xứ Bắc kỳ, nó vừa quan hệ về đường kinh tế, vừa về đường nông nghiệp của xứ ấy. Nó phát nguyên từ huyện Mông hoá thuộc về tỉnh Vân nam.

Trước nó còn chảy qua biết bao nhiêu là thác là ghềnh, hai bên bờ có núi cao, giữa có đá có sỏi, đến tỉnh Lào Kay, giáp giới xứ Bắc kỳ, nó mới chảy thông đồng được. Đến đây nó chảy oai vệ lắm, làm cho những làng mà nó chảy qua được trù phú. Trên những thuyền nặng nề đi lại như mắc cửi, đầu thuyền chạm và sơn như hình đầu con cá, những buồm mùi nâu, gió thổi phát phơ như cánh con chim.



Trong một phần năm, nhất là về mùa thu và mùa đông, nước cạn thì chẳng khác gì một cái lạch. Đến độ ấy thì gió ở Trung Quốc đem bệnh hàn nhiệt và bệnh sốt rét ngã nước sang. Gió ấy thổi từng cơn ở trên thượng lưu làm cho lá cây kêu rào rào và lá bàng khô bay như chong chóng rụng xuống, những cây bàng ấy to lớn và có đốt. Ở trên gò mây xam xám phủ kín, coi tối tăm và nặng nề.

Nhưng về mùa xuân thì những buổi sáng ở trên sông rất là ngoạn mục. Ở trên mặt nước thì có hơi nước mù mịt, sương mù lơ lửng; sóng lui ra thì tro những bãi cát vàng trên có những đàn mòng két và vịt gò đến phơi lông rìa cánh, trên cánh có những giọt nước lấp lánh; một cái thuyền đánh cá nhẹ nhàng theo dòng sông đi xuống, những điều xáo tả lên gò kêu vo vo như tiếng đàn cầm; trên bờ thì những nhà quê đi đi lại lại ra đồng làm ruộng; những con gái ton tót đi chợ; những mục đồng dắt trâu bò ra những cánh đồng cỏ mọc lơ thơ.

Chiều đến những chùa chiền lặng lẽ, đánh chiêng đồng tiếng kêu nghe xa lắm. Những tiếng chiêng ấy trước nghe rộn rã, rồi to lên, sau bé đi, dần dần nhỏ mãi đi, sau hết ngân dài ra cho đến tận bờ sông tịch mịch mới tắt. Bây giờ tối đêm rồi, mặt giếng có cái quầng lơ lơ xung quanh, rọi ánh sáng trắng sáng vào một cánh tường. Hai bên bờ sông thì sương mù tối tăm; trên mặt nước ở cạnh bờ có những thuyền chài đánh cá hay những bè chở nứa tua tua những ngọn lửa lập loè.

Tháng bảy là mùa nước lũ. Về độ ấy, trên gò mây kéo tối dầm, mây chạy rất thấp, là là những ngọn cây cau xò xạc. Trước cơn giông, gió thổi mạnh, làm cho lá cây rung động, những cây chuối lung lay, những lá chuối đập vào nhau, bành bịch như tiếng nước thủy triều lên, rách tan cả. Chim thẳng cánh bay về tổ ẩn, thú rừng phi về hang, mọi người vội vàng chạy về nhà. Mưa rào tự chân gò kia kéo lại âm âm, rơi bèn bẹt xuống những mái gianh, những cành cây trút lá xuống; trên cây gió thổi ào ào; trên trời tiếng sấm vang lừng ghê

góm. Mưa như giội nước xuống nên nước sông lên to, nước phù sa vàng vàng lên ngập cả bãi cát, và lên chóng lắm, tràn cả những bờ đất sét, chảy mạnh như thế chỉ chực đánh vỡ đê. Nước cứ cuộn cuộn lên mãi, chảy đến đâu đất sét tan ra đến đấy và lở xuống lại làm cho nước đỏ thêm. Những đám cỏ rụng ở trên bờ sông xuống, theo dòng nước chảy quanh co, lại có lẫn cả sậy và củi đều tự trên rừng núi xa lắm trôi về. Trông thấy cái cảnh tượng nước lớn mênh mông bề Sở thao thao bất tuyệt chảy xiết ra bể, còn hai bên bờ và phong cảnh hình như chạy giật lùi, bị kéo bừa lên mặt ngược, thực là kinh ngạc.



Ở trong làng thì lo sợ, trông đánh cả ngày, cả đêm để thúc dân giữ gìn luôn luôn, còn ở trên những con đê thì hàng rẫy người ra sức chống cự với con sông, nước càng lên mau lại càng phải đắp nhanh, hết sức đắp như vậy mà thường đê cũng vỡ, nước tràn khắp nhà quê, đồng điền ngập ráo, thành ra một cái hồ bát ngát, chỉ còn thấy những nóc nhà và những ngọn cây thò lên mà thôi.

Rồi mưa gió sấm sét rần rần bớt đi, nước rút xuống. Người nhà quê cũng chẳng ước lượng xem thiệt hại là bao nhiêu, nhân ruộng có phủ đất phù sa là thứ màu tốt, đem ngay mạ cấy vào để vụ sau gặt.

Sông Nhị Hà cũng giống như những con sông khác ở Á châu, hễ có con đê nào vỡ thì nhân đấy mà chảy đi và đào ra một con sông khác. Bởi vậy không biết chừng năm năm nữa hay hai mươi năm nữa những chỗ con sông đang chảy bây giờ sẽ thành những ruộng phì nhiêu xanh tốt ở bên cạnh những làng phong phú.

Cách làng Yên hoà một quãng có một nhánh sông đã thành ra cái ao. Đến mùa đánh cá những người làng ngày nào cũng đến thả lưới. Những người ngư phủ ấy về buổi tịch dương bóng trời tím tím, họ cởi trần, da sém nắng lắm, cho nên coi mấy ông lão ấy nước da như bì lợn quay. Phần nhiều người thì cất vó, được con cá nào bỏ vào cái rỏ tre. Có nhiều người thì úp nôm, cái nôm hơi giống như cái bu gà bằng tre đan thưa; lại có người thì đánh giậm chỉ bắt tôm tép hay bắt cá con thoi; cái giậm này là một thứ đồ đánh cá kỳ dị nhất, nó là một cái vó con, có một cái cặp bằng tre ở giữa buộc một cho cái cán. Dưới có hai miếng gỗ để kéo lê ở dưới bùng dể. Người đánh cá giậm vừa đi vừa ném cái giậm ở trước mặt thỉnh thoảng lại nhấc lên để nhặt cá tôm và ốc.

Ở trên bãi cát bờ sông, có một bọn trẻ con và người lớn ngồi xúm lại chơi hay nói chuyện. Vừa con gái, con gái, đàn ông, đàn bà, nhớn, bé, già, trẻ đủ mặt. Người nào cũng mang thúng mừng lại.

Làm lưng thế là sắp hết ngày. Những người đánh cá vừa kéo lưới lên lần cuối cùng, vừa đồng thanh hát, hát thế để cho đỡ mệt. Lưới kéo lên bờ cá ném vung xuống đất. Cá nằm ngổn ngang ra đầy, miệng há hốc, nom ghê gớm, những cái vây con con nhấp nhánh như bạc, chốc chốc lại rẫy rụa. Vô số là cá rô, cá diếc, lươn, cua và tôm. Những cá to thì vọi vàng hạng nào để ra hạng ấy và xếp vào thúng, còn những con cá nhỏ thì quăng cho xa.

Bây giờ bọn ngư hộ đi về người thì xách lưới, kẻ thì mang cá. Họ vừa đi khỏi thì có lũ trẻ chạy ra chỗ cá vụn họ vứt đi, nhưng con cực nhỏ chúng nó cũng nhặt cả.

Khi nhặt nhanh xong rồi, chúng nó lại gài một con bé nằm dài ở trên bãi cát, cầm tựa vào tay, mặt nhìn đàng chân giời, bên cạnh có một cái rổ không. Con bé ấy là con Được chị con Him.

Khi bọn trẻ đã ngồi chung quanh con Được rồi, thì nó bắt đầu kể chuyện vì mọi người đều chịu rằng nó nói chuyện có duyên, ai cũng thích nghe mà thuận lấy cá để mua chuộc cái thú nghe cô tích.

Nó mới bắt đầu nói:

“Ngày xưa, ở làng Lam Sơn, tỉnh Bắc Ninh có một người nhà quê tên là Đào Thế Phẩm, người vợ sinh được một đứa con gái tên là Tấm thì mất. Người chồng còn trẻ, được ít lâu lại phải lấy vợ và sinh được một đứa con gái nữa tên là Cám. Khi hai cô dậy thì, con Cam tuy nhan sắc tuyệt vời mà con Tấm lại còn đẹp hơn, xinh hơn nhiều.

Mẹ con Cám thấy con mình kém sắc thua tài thì tức tối, nhưng không dám nói năng gì vì chồng bắt phải ăn ở tử tế với người con gái riêng. Chả may Đào Thế Phẩm mất đi thì người di ghê tha hồ mà hành hạ con Tấm khổ sở.

Một hôm bà ta cho mỗi đứa một cái rổ bảo đi bắt tôm và dặn rằng:

“Đứa nào bắt được đầy rổ đem về thì tao cho một cái yếm lụa đỏ.”

Hai đứa hớn hờ đi. Đến chiều thì rổ con Tấm được gần đầy, còn rổ con Cám mới được có một nửa.

Con Cám bảo con Tấm rằng:” Chị Tấm, chị Tấm, đầu chị lấm, nếu chị không muốn để cho mẹ mắng, thì chị hãy hụp xuống ao mà gội đầu đi cho sạch sẽ.”

Khi con Tấm hụp xuống gội đầu thì con Cám vọi vàng đỏ ngay rổ cá của con Tấm vào rổ mình, rồi vừa cười, vừa chạy biến về nhà.

Con Tấm, khi lên bờ ao, thấy rổ mình gần rỗng tuếch chắc thế nào về nhà cũng phải đòn, bèn khóc lóc. May sao vẫn có những vị Bồ tát thấy trẻ con khốn nạn không ai nhìn nhận thì đem lòng thương. Vậy bụt hiện lên, hỏi sự tình làm sao mà khóc làm vậy. Con Tấm kể sự rủi ro của mình cho bụt nghe, rồi lại khóc nức nở. Bụt bảo rằng:

“Con thử xem trong rổ có còn gì không?”

- Thừa ông chỉ còn một con bóng con thôi.
- Con đem bỏ nó vào một vũng nước, hay một cái giếng gần nhà, rồi mỗi ngày hai lần đem cơm cho nó ăn...

Con Tấm nghe lời bụt bảo. Mỗi bữa xuất cơm của nó được ba bát thì nó chỉ ăn hai bát thôi, còn một bát nó đem ra cho bóng ăn và hát rằng:

*Bóng ơi Bóng!*

*Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,  
Đừng ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.*

Nhưng mà mẹ con con Cám biết ý rằng con Tấm bữa nào ăn xong cũng ra ao. Bà ta bèn theo con Cám ra, trông thấy nó cho cá ăn, nhâm lấy câu hát của nó.

Một hôm bà ta bảo con Tấm rằng:

- Cỏ ở đây mọc ít lắm rồi, trâu nhà ta gầy lắm. Ngày mai con dắt trâu ra những cánh đồng ở làng cho nó ăn. Phải trông nom cẩn thận đừng để trâu xô, mà làng bắt khoán. Con đem một nắm com đi mà ăn đến chiều hãy về.

Lúc con Tấm vừa đi khỏi thì mẹ con con Cám mang một cái nơm và một bát com ra bờ ao. Mẹ con nhà nó đổ bát com xuống ao rồi hát cái câu đã thuộc lòng: được một lát thì thấy con bóng nổi lên mặt nước. Hai mẹ con bắt ngay lấy đem về nấu nướng ăn.

Lúc con Tấm về nhà ăn com dưa muối xong rồi, chạy ra ao, nhưng gọi mãi cũng không thấy con bóng bơi lên nữa. Con Tấm bấy giờ thấy chỉ còn trơ một mình mới lo sợ, khóc lóc. Có tiếng ở gần đấy bảo nó rằng:” Con đừng lo phiền nữa, những đũa độc ác đã bắt cá của con ăn thịt rồi... thôi con nhặt lấy xương, gói làm bốn gói đem chôn ở dưới chân giường con...” Thế là Phật lại hiện ra lần nữa để cứu lộ con Tấm. Con Tấm muốn theo nhờ Phật dạy, nhưng biết tìm đâu cho thấy xương cá được. Nó đương ngao ngán thì có một con gà ở gần đấy gáy rằng:

*Cu cu! Cục cu cu!  
Đem thóc tốt cho ta.  
Muốn tìm xương cá bóng,  
Thấy ngay khó chi mà.*

Khi con Tấm vút thóc ra, con gà bới đất lên thì con Tấm trông thấy xương bóng trời lên, nó nhặt lấy và làm như nhời bụt dặn.

Cách vài hôm sau nhà vua mở hội linh đình. Mẹ con con Cám sắm sửa đi xem hội. Con Tấm cũng xin đi nhưng dì ghê nó chẳng nói năng gì, đem đồ xuống đất một đầu gạo và một đầu đậu, bảo rằng:

- Khi nào mày nhặt hai thứ riêng ra xong rồi thì cho mày đi.

Hai mẹ con nó nói thế rồi vừa đi vừa cười. Con Tấm đứng một mình nhìn đồng gạo và đậu, lấy làm chán nản vì nó chắc rằng không những không được vào cung diện xem hội mà thôi đâu, đến lúc hai mẹ con con Cám về chắc lại còn phải đòn nữa.

Lại có tiếng ở gần nó hỏi rằng:”Con cứ khóc mãi thế ư? Có phải chúng nó bắt con nhặt gạo và đỗ phải không? Việc ấy dễ như bỡn, khó gì đâu! Con nom đây này.” Thì ra có một đàn chim ở trên mái nhà và các cây gần đấy đã bay cả xuống sàn.

Con Tấm chấp tay lại khẩn rằng:”Lạy Phật, người thương tôi với, những con chim này sắp ăn hết những hạt giống kia thì dì ghê tôi giết chết tôi mất!”

- Con hãy trông xem.

Những con chim ấy mở thoãn thoắt, chỉ một chớp mắt đã gạo riêng ra một đặng, đậu riêng ra một đặng rồi.

Nhưng mà con Tấm vẫn hãy còn phiền não. Đành rằng nó có thể đi xem hội được, nhưng hiềm một nỗi áo quần không có, chẳng nhẽ cứ ăn mặc rách rưới mà đi ư?

Phật lại hỏi rằng: “ Con còn thiếu gì nữa chắc con còn muốn y phục lịch sự nữa phải không? Con đã quên mất xương cá bóng rồi ư? Vậy con đi thăm bốn chân giường xem...” Nó vội vàng đào bốn chân giường thì thấy quần áo, dây lưng, khăn giầy... đủ các đồ tư trang mới nguyên, đẹp đẽ rực rỡ, lại có cả con ngựa yên cương thảng đai từ tế nữa.

Con Tấm cảm ơn Phật và chúc tụng Phật. Con Tấm tắm gội một lát là xong cả. Rồi nhảy lên ngựa đi xem hội. Nhưng vì nó phi ngựa trên bờ ao cho nên nó đánh rơi một chiếc giầy tuyền hoa, chiếc giầy ấy đẹp lắm, nhưng nhỏ nhắn xinh xắn quá chỉ có chân nó đi vừa thôi.

Làm thế nào bây giờ đây? Chịu trở về nhà ư? Hay chịu mất chiếc giày mà cứ đi xem hội, một chân giận giày lịch sự, một chân không. Chao ôi, phàm các cô con gái còn thanh xuân, không hay dễ cảm động, nhất là khi cái khoái lạc nó đợi chờ, bèn cứ đi.

Ở đằng sau con Tấm thì vua cười voi cũng đi qua cái ao ấy. Đến đấy voi đứng dừng ngay lại, rống lên, không chịu đi nữa. Vua lấy làm lạ, truyền tìm xem thì một tên lính bắt ngay được ở bờ ao một chiếc hài. Vua ngắm chiếc hài xinh đẹp ấy ngơ ngẩn một lát rồi lại đi. Khi vua đi đến hội sở, phán rằng bao nhiêu con gái đến dự hội đều phải ướm chiếc giày ấy cả mà hễ ai đi vừa thì ngài tuyển làm hoàng hậu. Thôi thì cô nào cũng cố ướm thử, lấm cô chân to như cái mai cái thổng cũng cố ấn vào nhét vào nhưng không ăn thua gì. Con Cám cũng thử như mọi người, nhưng chân cô là con gái nhà quê to lấm, không sao đi vừa chiếc hài nhỏ như thế. Chỉ còn con Tấm là chưa ướm. Lúc đi ghé nó thấy nó bước lên thì hát ví một cách khinh bỉ.

*Chuông khánh còn chả ăn ai,  
Huống chi mảnh chĩnh vứt ngoài bụi tre.*

Nhưng mà khi con Tấm sỏ chân vào giày thì vừa như in... Lập tức một bọn lính ngự lâm khiêng một cái kiệu vàng to lớn đến, mời Tấm lên ngồi rước xách linh đình về cung. Tự bấy giờ Tấm ở trong cung điện.

Đến ngày giỗ bố, Tấm về nhà. Người dì ghẻ đã nghĩ mưu để hại nó, mới bảo nó rằng:

“Con phải trèo lên cây cau để lấy cau xuống cúng”

Con Tấm vâng nhời trèo lên. Nó đương ở trên cây cau thì thấy cây ấy rung động dữ dội.

Con Tấm thất kinh hỏi rằng:

- Dì làm gì đấy?
- Dì giết kiến kéo nó đốt con.

Thành ra mục chặt gốc cây, cây đổ sập xuống ao, con Tấm bị chết đuối. Lập tức người dì ghẻ lấy áo của con Tấm mặc vào cho con mình rồi đưa vào cung.

Nhưng lại có Phật độ trì cho con Tấm: nó hoá ra con chim vàng anh bay vào trong ngự uyển đậu gần thềm lính đương giặt giũ. Con chim ấy hát rằng:

*Giặt áo chồng tao,  
Phải phơi bằng sào.  
Chớ phơi bờ rào,  
Rách áo chồng tao.*

Vua ra chơi vườn nghe thấy tiếng chim hát thì ngạc nhiên mà nói rằng:

*Vàng anh, vàng anh,  
Có phải vợ anh?  
Chui vào tay áo.*

Vua vừa nói dứt nhời thì con chim bay ngay vào tay áo. Vua bèn bỏ vào trong cái lồng sơn thếp vàng. Rồi suốt ngày suốt đêm vua chỉ đánh bạn với con chim vàng anh ấy.

Còn con Cám, vua không đoái hoài đến nữa, mới về kể đầu đuôi cho mẹ nghe: mẹ nó xui nó giết con chim vàng anh ấy đi.

Một hôm, vua đang dở hội nghị với các quan đại thần thì một tên lính bắt con vàng anh giết đi, rồi nấu nướng đưa cho con Cám nó ăn ngấu nghiến hết ngay. Còn lồng đem vứt ra xó vườn. Ai ngờ những cái lồng ấy hoá ra hai cây xoan tuyệt đẹp. Vua thấy những cây ấy đẹp quý hoá quá đến nỗi truyền mắc võng ngày ngày rồi nằm chơi.

Con Cám vẫn thấy con Tấm hiện hình ra mãi như vậy căm lấm, sai lính chặt những cây ấy đi và lấy gỗ làm cái khung cửi. Nhưng mà đến khi bắt đầu dệt vải thì cái máy cửi ấy kêu rít lên ghê gớm.

*Kèo kịt! Kèo kịt! Cám ơi Cám.  
Mây cướp chồng tao  
Ngồi trên võng đào  
Giả tao cho mau,  
Không tao khoét mắt.*

Con Cám giận lắm, lập tức sai đốt cái máy dệt ấy đi và đem gio ra chỗ có gió rê lên cho nó bay tung đi. Gio ấy bay đi rơi xuống góc vườn, rồi mọc thành một cây thị, chỉ có một quả to lạ lùng.

Có bà lão bán hàng đi qua trông thấy quả thị, nói rằng:

*Thị, thị! Rụng vào bị bà,  
Bà chả ăn mà,  
Đêm ngày bà ngủi.*

Quả thị thấy bà lão bảo thế rơi ngay xuống bị bà ta, bà lão được quả thị mừng rỡ lắm.

Chiều hôm sau lúc bà ấy đi chợ về thì thấy com dẻo canh ngọt đã dọn sẵn sàng, lấy làm ngạc nhiên. Mấy hôm sau cũng vậy. Bà ta không hiểu ra làm sao. Một buổi sáng, bà ấy lẳng lặng rón rén bước vào mở cửa thì thấy một người con gái nhan sắc tuyệt trần, đang dọn dẹp nấu nướng. Bà ta sẽ bước lại gần ôm chặt lấy, người con gái ấy không thể nào chạy thoát được. Từ bấy giờ hai người cùng ở với nhau, yêu nhau đắm thắm.

Bà hàng thấy quả thị to đẹp ấy mất hết cả ruột, chỉ còn vỏ thôi. Bà ta đem nghiền ra thành bột và cất đi cẩn thận.

Thế nào một hôm vua đi qua đó, mỗi một, vào hàng bà ta, bà ta vội vàng đem nước chè và giàu dâng vua. Vua trông thấy miếng giàu giống như miếng giàu của bà hoàng hậu tằm cho ngự dùng ngày xưa, mà bà hoàng hậu ấy mất đi, vua vẫn thương nhớ, vua lấy làm ngạc nhiên. Vua hỏi bà hàng một cách buồn rầu rằng:

- Ai tằm những miếng giàu này?
- Tâu Bệ hạ, con gái tiện thiếp đây.

Vua lấy làm tiếc, thở dài đứng dậy đã chực đi, lại nghĩ thế nào truyền cho bà lão đưa con gái ra để ngự lãm. Vua vừa trông thấy biết ngay là bà hoàng hậu yêu quý của ngài, reo mừng rồi rước ngay về cung.

Con Cám trông thấy chị, lại đẹp hơn trước, cảm tức lắm. Nó nghĩ bụng bây giờ khó lòng mà hại được con Tấm, nó đành chịu xử tử tế vậy.

- Chị Tấm ơi, chị làm thế nào mà trở nên đẹp như vậy?
- Chứ em cũng muốn đẹp như chị có phải không? không gì dễ bằng:”Em sai người đào một cái hố sâu có thể nằm được, rồi em xuống đó mà chịu khó đợi.

Ngay lúc bấy giờ, Tấm sai đun một nồi nước sôi. Khi nước sôi kỹ rồi Tấm truyền đem giội vào cái hố mà con Cám đang nằm chờ cái bí thuật để hóa ra xinh đẹp. Quân lính lôi cái xác con Cám đã chín nục rồi, đem làm mắm để biếu mẹ nó. Mẹ con Cám nếm, lấy làm ngon lắm, bữa nào cũng đòi ăn mà tấm tắc khen ngon!

Ai ngờ có con quạ đậu trên mái nhà, kêu rằng:

*Ngon ngon ngon ngon!  
Ăn cả thịt con,  
Thực ngon lắm phỏng?*

Người gì ghê tức giận đuổi con quạ đi, chửi rửa nó và cứ việc ăn lọ mắm ấy cho kì hết, đến lúc hết thì thấy ở dưới đáy có một cái đầu người. Bấy giờ bà ta mới hiểu bị kịch ghê gớm ấy, phát phì lên mà chết...”

Khi con bé đang nói chuyện thì có một cậu đánh cá tên là Lộc lại gần, cậu ngồi ngay trước mặt nó, chú ý lắng lắng nghe truyện. Cứ xem kỹ hai con mắt cậu thì biết cậu thích ngắm nghía con Được hơn là nghe truyện.

Lộc to nhớn lực lưỡng, mặt rộng mà tròn tròn, gò má cao, mũi đẹp và huếch, môi khỏe và dày, nó là một thứ nhân vật hoàn toàn mà các cô con gái nhà quê An Nam thường mơ tưởng. Con Được nói:” Thôi! ta sắp sửa phải về, hôm nay nói truyện nhiều lắm rồi. Đi đường tôi sẽ kể cho một câu chuyện nữa mà nghe. Từ sáng đến giờ cô ta kể những truyện lạ lùng, những trẻ được nghe lấy làm khoái trí. Cứ theo như nhời hẹn thì người nào nghe truyện xong cũng phải trút vào rỏ cô ta một cá lớn hay ba con cá con.

Bây giờ mỗi người đi mỗi ngã, nhiều người phải đi xa lắm, mà đến lúc nom thấy cái ánh sáng ở trong lều tranh nhà mình thì giờ đã tối mịt rồi. Bây giờ chỉ còn mấy đứa trẻ con và một ông lão chống cái gậy đi ậm ạch và một con chó mực chốc chốc lại cắn văng. Họ đi qua cánh đồng lúa, người nọ đi sau người kia, theo cái bờ ruộng hẹp.

Con Được đi đầu, người mảnh dẻ, bước nhẹ nhàng. Thăng Lộc đi ngay sau, thằng này được đi gần người yêu lấy làm sung sướng lắm.

Con Được vẫn cứ kể truyện:” Các anh đều biết rằng lúc các sư cụ đã già, nếu các ngài muốn thành phật thì phải thiêu sống. Người ta lập đàn mời các sư quanh miền gần đây đến tụng kinh bảy ngày bảy đêm. Rồi sư cụ lên hoả táng đài để người ta thiêu. Xương và gio thì họ hót lấy, chôn vào trong một cái cây tháp gọi là “Sá lý”

Một lần, có một đứa gian ác. Nó đã lừa đảo người ta nhiều lắm rồi, đến đâu cũng không ai dùng nữa, mới phải ẩn vào trong một cái chùa. Nhưng nó không chịu ăn chay niệm phật bao giờ. Nó cứ ăn chơi sung sướng, uống rượu, ăn thịt, thậm chí lại ghẹo cả tiểu nữ nữa. Người ta gọi nó là sư hổ mang vì rắn hổ mang độc hơn cả các loài rắn.

Đến khi lão già, cái đó là lẽ tất nhiên, thì họ xúm chung quanh lão đẩy lão lên đồng củi thiêu, thực là đáng kiếp. Nhưng lão cứ đánh trống lảng, vì lão còn ham cái thú vị ở đời. Về sau lão thấy người ta chế nhạo và khinh bỉ là hèn, là nhát thì lão mới quyết chí tự thiêu. Khi chất xong đồng củi rồi, họ tụng kinh, rồi lão lên ngồi trên đồng củi, họ châm lửa đốt. Nhưng mà khi ngọn lửa bắt đầu liếm vào chân lão ta, thì lão ta kêu rầm lên, nhảy xuống đất, nét mặt kinh hãi, bảo với mọi người đứng xem chung quanh rằng:” À! Không! Có phải xuống âm phủ thiêu, thì tôi bằng lòng đi ngay chứ ở trên trần thì thật không sao chịu được lửa nóng như thế này!”

Ai nấy đều bật cười.

Mỗi lần đi qua một xóm nhà túp thì một đứa trẻ lại gần cô Được, ném một con cá vào rỏ cô, rồi chạy về nhà. Cô Được vừa đi vừa ve vẩy cái rỏ. Một thằng bé vừa để tay vào rỏ cô Được, thì cô hồ nghi, nắm ngay lấy cánh tay nó, thì ra nó chỉ ném một con cua con vào thôi.

- Mà phải nộp tao ba con...

Các thằng bé khác đều lấp lại rằng:” Phải! Ba con kia!” Thằng bé bối rối, lẩm bẩm rằng: Sao lại!...

Lần trước mày cũng đã lấu thế rồi. Bây giờ đương đi cái con đường hẹp chạy thẳng vào cái lều khi gió của nhà mày. Tao trông thấy mày cúi rạp xuống và bò. Mày cũng biết rằng đã giao trước là ba con cá kia mà.

Rồi con bé ranh thế, lừa lừa lấy khuỷu tay thích ngay cho thằng bé kia một cái thì cả người lẫn rỏ nó đâm nhào xuống ruộng bùn. Các trẻ đều phì cười. Sau thằng bé kia bò dậy, tức giận lắm, toan nhảy xổ vào đánh con Được, nhưng chưa kịp đánh thì đã bị thằng Lộc tống cho một quả thật mạnh, lại ngã dúi xuống bùn vừa mới lóp ngóp bò lên.

Thằng Lộc lại bảo rằng:” Muốn sống thì thôi, không ông liệu cho mày!...

Con Được quay lại với người nghĩa sĩ vừa ra tay binh vực mình, nhìn một lát, rồi đưa hai vai lên chỉ nói một câu "Em cảm ơn anh..."

Thằng Lộc đã đến trước giậu nhà mình.

- Xin mời chị vào chơi xơi nước.
- Cám ơn anh, khuya rồi, em phải về...
- Mai chị có đi chợ không?
- Dễ thường có.
- Nếu tôi được gặp chị, tôi vui lòng biết đường nào!

Rồi nó lại gần nắm lấy tay con Được:

- Thôi, thôi đừng nói nhiều nhời nữa! Nếu tôi đi chợ thì anh sẽ gặp tôi. Chào anh nhé!
- Hãy thông thả một chút nữa nào.

Nhưng mà cô ta đã rảo bước đi xa rồi để cho tình nhân ngơ ngẩn một mình ở giữa con đường hẹp.

Lộc với Được đã đính hôn với nhau. Sự quan hệ ấy cũng không làm cho cái cuộc đời của hai người lung lạc là mấy hột. Cứ theo phong tục ở xứ này, thì đôi bên nam nữ không có kén chọn chi nhau cả, cũng không phải cái ái tình nó làm cho người nọ quyến luyến người kia, duy chỉ tự hai bên cha mẹ quyết định việc trăm năm cho đôi lứa thanh niên mà cũng chẳng cần hỏi xem chúng nó có thuận hay không.



Bố mẹ cậu Lộc thì giàu nhưng mà hà tiện, ruộng của nhà họ giáp giới với ruộng đất của nhà Trần, nên họ nghĩ bụng rằng: nhờ có sự kết thông gia đó, những ruộng ngày xưa bán cho nhà Trần thì nay sẽ tậu lại được nói giá.

Bởi vậy nên một buổi sáng kia bà mới sang nhà họ Trần nói giởm mời chị Thuận. Chị Thuận thấy mẹ mới lại nói như vậy cũng có ý tự phụ và đoán ngay ra cái cớ mà nhà Đào văn Lộc muốn xin con gái mình, thị nhân dịp ấy mà thách thủ tiền tài. Và chẳng, muốn cho thành sự, thị cũng không nên tỏ ra ý hoan nghênh lắm, thị muốn chùng chình, nói rằng việc cầu hôn ấy không phải là thị không ưng, nhưng thị phải chờ phu quân về, vì chỉ có chồng thị là định liệu được thôi.

Hai vợ chồng bàn bạc giờ lâu, mới thuận nhận nhời và bảo bà mới về lấy lá số của cô con gái, nghĩa là lấy cái giấy chú nho đề rõ ràng cô ấy sinh về giờ nào, ngày nào, tháng nào, năm nào đưa lại. Nhà Lộc cũng lập số cho tên Lộc, rồi mời thầy bói, đem hai lá số ấy ra xem đôi bên có thể thành gia thất được không.

Con Được đẻ năm Dậu tháng Kim, giá mà lấy người con giai tuổi Tuất, tháng Hoả thì không hợp. Các thầy số bảo rằng Sửu khắc Ngọ, Thân khắc Hợi, Dần khắc Tị, Mão khắc Thìn, Tị khắc Vị, Tuất khắc Dậu, lại còn Hoả kị Kim, kị Mộc, Thủy kị Hoả, Thổ kị Thủy, mà Kim thì hợp với Mộc, với Thổ, Thổ hợp với Hoả. May sao tên Lộc sinh năm Tị, tháng Thổ, vậy thì không sợ xung khắc. Hai người con giai con gái có thể làm lễ chạm mặt được.

Đứa đầy tớ đội tám bao chè, một trăm cau, một mâm đường mứt đi trước, tên Lộc và cha mẹ nó đi sau lạ nhà họ Trần. Nào uống nước, nào hút thuốc, nào xơi giầu, nào truyện trò chề chán. Cậu Lộc không dự gì vào việc thương lượng ấy còn con Được thì mẹ đã dặn rằng: cứ trông nom công việc trong nhà để tỏ ra người nội trợ giỏi. Nhưng cũng phải năng đi qua cái phòng hai họ ngồi, mắt nhìn mũi, dáng điệu thì mỉ. Con Được tuân lời mẹ dạy. Còn cậu Lộc có nhân dịp ấy mà liếc mắt trông cô ả cũng không thể nhìn cậu là cái đức ông chồng sau này. Nay cha mẹ đã bảo cho cô biết rằng đã thuận gả cô cho cậu Lộc, cô xem chừng cậu ngu si, dốt nát, nên cô chẳng thiết gì nữa. Cô biết rằng lấy chồng thì tránh được cái nổi mẹ đẻ nghiêm khắc, song lại bị người mẹ chồng cơ cầu, thì cũng quá tội, ở nhà thì bố mẹ còn nhân từ, chứ về nhà chồng thì chồng lại nghiệt hơn. Rồi lại sinh con đẻ cái, cực khổ muôn phần. Tục ngữ có câu rằng: “ Có chồng chẳng được đi đâu, có con chẳng được đứng lâu cùng người.” “Có con thêm bận về con, có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng:”<sup>9</sup> Bởi vậy cô ưa được tự do như bây giờ hơn.

Cô cũng tự biết mình có nhan sắc. Chẳng lẽ cô lại không hi vọng tìm được ở ngoài tỉnh một người tri âm là người nho sĩ hào hoa, phong nhã như chàng Kim Trọng hay sao, chứ lại chịu lấy chú nhà quê đàn độn ư? Chiều chiều, nó ở ngoài đồng về, bùn lầy hôi hám từ đầu đến chân, cũng phải chịu để nó hôn hít ư? Chán quá đỗi! Nhưng cô còn lạ gì nhà cô thanh bạch, đem cô bán cho người trù phú. Vậy cô chẳng đãi đằng để cho song thân được êm thấm, nhưng cô quyết tâm không chịu hi sinh cả một đời. Còn cậu Lộc thấy bố mẹ kén cho người con gái đẹp nhất làng thì vui lòng lắm. Tuy vậy giá cô khoẻ mạnh hơn, mẫn mạp hơn thì cậu ta mới thực là mẫn nguyện.

Cậu là con nhà giàu có trong làng, ai cũng biết. Các cô con gái trông thấy cậu đều mỉm miệng cười, đưa mắt liếc, cậu thấy vậy cũng hơi tự cao. Nên cậu thấy cô được không đậm đà, đậm thấm với cậu lắm thì cậu rút là căm tức.

---

<sup>9</sup> Cứ theo như câu văn tây mà dịch ra thì nghĩa là: “Có chồng phải gánh giang sơn về cho chồng, để đẹp lòng chồng. “ Còn như câu tục ngữ của ta thì nghĩa khác hẳn” Có chồng phải gánh gian sơn nhà chồng” là ý nói người con gái lúc bước chân về nhà chồng cái chức trách thực là nặng nề quan trọng phải lo làm sao sáng đáng được những công việc nhà chồng cho chu tất và trở nên người hiền thê từ mẫu.

Cậu nghĩ bụng rằng các cô ả cô nào cũng vậy: Chẳng tham ruộng cả, ao hiền, tham về cái bút, cái nghiên anh đồ. Nhưng để đến lúc vợ chồng ở riêng thì cậu sẽ ra tay bắt cô hoán cải những cái tính tình ấy đi.

Việc gả bán hai nhà đã thuận cả rồi thì sai đem giàu cau đi biến thân thích, họ mạc trong làng để báo cho mọi người biết rằng nhà gái đã cho đi cái lễ ăn hỏi. Bấy giờ vào tháng tám. Còn việc định ngày cưới nữa, lại mời thầy bói xem. Thầy bói bảm quẻ bảo rằng: Cô Được tuổi Dậu thì việc giá thú đến tháng bảy năm sau mới thành. Cậu Lộc thấy thầy bói bảo thế không bằng lòng, những cũng phải chịu vậy, còn cô Được thấy lâu mới cưới lại mừng hết sức.

Trong năm giới xảy ra biết bao nhiêu là truyện! Mà cô vẫn được sinh hoạt như trước, vẫn bấy nhiêu công việc, vẫn vất vả thế mà vui thú thì không có mấy.

Cô Được cố sức lánh mặt cậu Lộc, vì cậu càng ngày càng lần khần. Có khi cậu biết rằng cô đi giặt thì cậu ra bờ sông dinh hàng mấy ngày, những ngày phiên chợ thì cậu dinh ở cạnh chòi. Chậm cưới như vậy chỉ nhà Thuận là thích hơn cả, vì tết tháng mười thì bố mẹ cậu Lộc đem tết thúng gạo mới, cặp chim ngói! Tết nhón thì tết gà vịt, hoa quả, tết tháng năm thì mứt đậu.

Còn ông Thủ cũng bằng lòng lắm, phần thì sêu tết đủ lễ, việc hôn nhân tất được tốt lành, phần thì nhà Thuận đã may gả con Được vào nơi tử tế, lại sắp được món tiền to để trang trải công việc trong nhà cho ổn thoả.

## XII

Cô Him mở mắt ra thì thấy mình ở trong một cái buồng nhà người lạ; còn bà lão đã cho cô ăn uống ở ngoài đường cứ đi đi lại lại gần giường cô.

Cô ta hỏi: "Già Mùi đâu?"

- Em ơi, già Mùi đã bị những đứa mà người ta sai đi đuổi theo em và già ấy, chúng nó bắt mất rồi. Vú ấy không muốn cho người ta làm khổ em, nên mới giao em cho chị trông nom, em đừng sợ, hễ bao giờ vú ấy có thể đến đây được thì vú ấy sẽ lại với em ngay. Vú ấy dặn rằng: trong khi đợi vú ấy thì em đừng đi ra khỏi cửa một mình, mà nhờ ra chủ cũ lại vợ được thì khốn. Và lại ở đây có nhiều quan Tây ở, các ngài không muốn cho chị em mình ban ngày đi lại lắm. Nhưng rồi em xem, chớp mắt đã lại hết ngày bây giờ; đến chiều chị sẽ dẫn đi chơi phố."

Cô Him liếc mắt nhìn ra ngoài thì thấy một cái vườn lịch sự giống cây đẹp đẽ. Ở cuối vườn có một cái nhà gác, ngoài cửa có linh khố đỏ canh. Chốc chốc lại có các quan Tây, vừa quan văn vừa quan võ, ra vào. Những lối đi rải đá cuội, không thấy một cây cỏ nào mọc, những cu li lom khom cả ngày nhặt lá vàng ở trên các cây to rụng xuống. Lính An Nam hoặc cưỡi ngựa, hoặc đi xe đạp, tay cầm những giấy má to tướng qua lại rộn rịp.

Mụ già nói: "Này những quần áo tươm tất đây, em lấy mà mặc, thay những quần áo của em đi thì hơn. Chúng ta ở đây là dinh quan Toàn quyền, vậy em không thể ăn mặc như con gái nhà quê được, người ta cười cho. Để chị mặc áo xống cho."

Mụ già liền trang điểm cho cô ả. Đường ngôi mái tóc bôi dầu vuốt mỡ bóng nhoáng, cho mặc là lượt nhẹ nhàng bóng bẩy hơn cánh bướm bướm, thành ra cô Him đôi lốt như thế trông thật là xinh, còn mụ già làm dáng cho cô ả xong lấy làm đắc chí, đưa cho cô ta gương bảo rằng: "Em đẹp như tiên. Nhưng em còn thiếu đôi giày cái nón rồi ta sẽ đi sắm cho."

Thoát một cái là hết buổi sáng, đến 11 giờ, mấy người chạy giấy, bồi, bếp đến ăn cơm ở nhà chị Thích, nhà cũng chật hẹp.

Chồng là loong toong hạng nhất cũng đã về, người nhà chỉ nói qua mấy câu là anh ta hiểu ngay cái lịch sử lạ lùng của Thị Him. Anh ta ngắm nghía thị hồi lâu từ đầu đến chân, nhưng chẳng hỏi qua một nhời nào. Rồi lại giở đũa ngồi một cách lãnh đạm và lẳng lặng ăn cơm. Cơm nước xong, anh Thích vội vàng rải chiếu xuống đất, và mang một cái bát, một cái đĩa nhón mở cuộc xóc đĩa. Tức thì các bác làng chơi túm lại ngay, người ngồi bên phải tức là bên chẵn, người ngồi bên trái tức là bên lẻ; cả hai bên cùng đặt tiền xuống đánh. Anh Thích làm nhà cái bỏ vào đĩa bốn đồng tiền kẽm, mặt phải bôi vôi, cho mọi người đều nom thấy, lấy bát đập lại, rồi hay tay cầm cái đĩa và cái bát lắc mạnh, rồi để cả xuống chiếu ở trước mặt mình. Tiền đánh thì có người nhắc chỗ này ra chỗ khác, có người thêm vào bớt ra, rồi nhà cái mở bát, một đồng sấp, ba đồng ngửa, thế là lẻ được. Người được đặt bao nhiêu thì nhà cái phải dam bấy nhiêu, trừ đi một phần bảy là tiền nhà cái lấy hồ.



Mọi người lại đặt tiền đánh, nhưng ai ai cũng đổ xô về mặt lẻ. Nhà cái sợ thua, phải dam nhiều, rao lên rằng:

- Bán cái, ai mua không?

Người nào cũng ngắm nghĩ, nhưng không dám đặt nhiều như thế. Nhà cái rao lại lần nữa cũng chả ai mua, các con bạc đã sắp rút tiền về, thì có một người nói:

- Tôi đặt.

Ai nấy đều quay đầu về người mới đến ấy, xong vừa nom thấy mặt hất thòi đều tỏ lòng kính trọng, mời chào tíu tít:” Mời quan quân ngồi đây!... Tôi xin nhường ngài ngồi chỗ này! Ngài mạnh khoẻ thế nào? Ngài xơi thuốc Lào hay thuốc lá? Mời quan quân ngồi đây, tốt hơn.“

Khi cái vị sang trọng ấy đã an toạ rồi thì nhà cái từ từ mở bát, những chú tham của và tò mò kia nghiêng đầu nhòm vào mấy đồng tiền kẽm.

Anh Thích miệng thì xướng: chẵn! tay thì vơ tiền giao cho nhà cái. Rồi nhà cái lại xóc hoài, cuộc đồ đen càng thêm hăng hái.

Thị Him nhìn trông trọc cái người vừa mới vào mà ai ai cũng kính nể. Người ấy nhỏ nhắn, ra dáng nho nhã, nước da đen sạm, mặc cái quần sa tanh thâm, cái áo dẫu, chít cái khăn đầu rìu bằng đũi, đằng sau trùm lấy bới tóc, đằng trước thắt ở trên trán như lối người Sài Gòn. Ngày xưa ông quan Nam làm lính khố xanh ở Nam kỳ, ông mới làm ở dinh quan Toàn quyền chưa được bao lâu, ông sung cái chức cao quý là ông “sếp” các bồi; cái chức ấy làm cho các

bồi bếp phải kính phục ông lắm; nội là đầy tớ trong dinh cụ lớn, ông có quyền trừng trị cả, nên đưa nào đến trước mặt ông cũng run sợ...

Anh Thích bỗng chốc kêu lên rằng: Hai giờ kém năm! Thì tất cả bọn đều đứng dậy, kẻ này vội vàng hút điếu thuốc lòn, người nọ châm điếu thuốc lá, người thì uống chén nước chè, đoạn rồi ai nấy chào ông Nam tử tế, rồi đi làm. Ở nhà chỉ còn Thị Thích, Thị Him và ông quản Nam.

Ông quản Nam bấy giờ đứng dậy, lại gần giường cô Him, Ông chìa coi giàu ra mời:

- Mời cô em xơi giàu!

Cô ả thấy ông ta nhìn, lấy làm ngượng, cúi mặt xuống nhặt miếng giàu.

Ông đi lững thững ở trong nhà một lát, rồi cũng đi làm nốt.

Bà lão nói: "Bây giờ chúng ta phải đến trông nom việc nhà cho ông Nam."

Hai người cùng đến nhà nhỏ bên cạnh, lúc hai người quét tước nhà cửa, lau chùi đồ đạc, giặt chiếu, thời Thị Thích nói luôn miệng, nào khen ông Nam hiền lành tử tế, nào khoe ông trí tuệ thông minh.

Ông là người hay chữ, nếu ông muốn làm thông ngôn thì được ngay, có khó gì, nhưng ông muốn làm việc này bỗng lộc nhiều hơn. Có lẽ nguyệt bổng của ông mỗi tháng đến 50 đồng.

À! Cô nào lấy được ông thì sung sướng lắm.

Thị Him hỏi một cách thật thà rằng: "Ông quản già như thế mà còn chưa lấy vợ à?"

- Này em ơi, ông ấy đã già đâu, mới có 35 tuổi, ông ấy có nói rằng vợ cả mất rồi, từ bấy đến giờ chưa gặp được người vừa ý, nên vẫn ở vậy một mình. Mẹ già nói thế rồi lại nói truyện tràn.

Lão quản Nam nói dối rằng chỉ có một mình chứ kì thực hẳn có gia quyến ở miền nhà quê gần Sài Gòn, hễ cò bạc đồ thì tháng tháng hẳn cung cấp cho nhà một ít tiền. Nhưng hẳn vắng vợ nên một đôi khi hẳn cũng vớ được những món bở là hẳn lợi dụng ngay...

Bà Thích và cô Him gọi một cái xe cao su, ngồi lên rồi bảo kéo qua bến tàu ra phố An Nam. Thị Him từ thửa bé chưa được đi xe cao su bao giờ, thấy nó kéo êm và nhanh quá chùng lấy làm thích lắm. Đến phố hàng Hòm thời đỗ xe ở trước cửa một hàng giày nhỏ là nơi mẹ già vẫn thường đóng giày. Chủ khách chào hỏi nhau hồi lâu, rồi chuyện trò từ tích gặp nhau lần trước ăn giàu uống nước xong đâu vào đấy, thì bà Thích mới nói đến mục đích cái sự đến chơi của mình. Thị Him mắt mở thao láo, ngắm nghía những giày dép xinh đẹp bày ở cửa hàng, không biết chán mắt ở bên cạnh các giày thêu mà các cô ả đào thường giện, có thứ giày làm bằng da sơn, không đế không gót, chỉ xỏ đầu bàn chân vào thôi. Cách xa một ít thì có dép cong đóng bằng một phiến da dày sơn đen mà đầu thì cong lên như cổ con thiên nga, có đôi quai nhưng để xỏ năm đầu ngón chân vào; dép cong này là dép các bà các cô nhà giàu thường dùng. Còn người nhà quê thời có thứ dép da mặt là một miếng da phẳng phiu có quai ngang quai dọc để xỏ chân vào đi. Lại còn có cả guốc gỗ, guốc tre và thứ gọi là "guốc Sài Gòn" đế và gót là hai miếng gỗ cao, dùng để đi độ mưa phùn cho khỏi bùn lầy thì thật là tiện.

Bà Thích và cô Him chọn thử chán chê rồi mới định mua đôi giày guốc sơn, Thị Him lấy làm quý hoá lắm cầm tay mang về cẩn thận.

- Bây giờ còn phải mua cho em một cái nón nữa. Ở gần ngay đây cũng có, nhưng mà chị dặn hai điều này, em đừng quên nhé! hễ có chị em bạn đi ăn cưới, nể đến đâu cũng chớ có cho mượn nón, mà ế chồng đấy và...

- Tôi cũng đã biết, mẹ tôi cũng đã bảo tôi thế. Mẹ tôi lại còn bảo tôi rằng nếu người nào có ý sinh sự cãi nhau với ai thì chỉ lấy nón mình úp lên lên nón người ta thì tất lỗi thôi.<sup>10</sup>

Thị Him bấy giờ quyết định mua ngay một cái nón nghệ. Thứ nón to kêu ấy coi giống và lớn bằng một khoang “phó mát”. Nón ấy làm bằng lá gồi non; trong có cái khua để đội vào đầu. Bên trong có mạng chỉ to và lát những miếng kính tròn nho nhỏ.

- Ít nữa chị sẽ sắm cho em đôi chiến thẻ bằng bạc và một cỗ quai thao lụa.

Ngày qua tháng lại Thị Him dần dần cũng quen cái lối sinh hoạt mới. Bà Thích thì ngày ngày rèn tập cho Thị Him ưa những sự ở trong cái hoàn cảnh sinh trưởng của hẳn. Cô thiếu nữ ấy thường vẫn hỏi tại sao già Mũi không thấy đến, thời họ cứ một mực giả nhời rằng không biết vân mông gì cả. Cô nghe nói thế cũng chẳng phàn nàn gì. Từ thừa nhỏ đã có người bảo cô rằng mọi việc xảy ra ở đời đều có số mệnh cả, giờ đã định sao phải chịu vậy, nên cô cũng đành lòng chờ đợi.

Vả lại cả ngày khách khứa ra vào rầm rập, lại trông thấy các hàng quà rong qua lại hay vào trong xóm ấy bán cho bồi bếp ở trong phủ Toàn quyền là những bạn hàng “rich xu” nom thấy vậy cô cũng vui mắt, còn buồn gì nữa. Sáng sớm cô đã nghe thấy rao:” Ai xôi, cháo ra mua nào?”

Đấy là hàng bán cháo lòng và xôi đậu là những nắm xôi gạo nếp có rắc đậu lên trên. Nhiều người vội vàng lại mua một xu thì người bán cháo múc cho một bát thật nóng mà húp. Còn những cu li vội đi, mua một nắm xôi cầm trong tay vừa chạy vừa ăn.

Những con bé bán lạc rao rằng:”Ai mua lạc ra mua?” Những cô “khâu đằm” đi làm, mua lạc bỏ đầy túi rồi vừa khâu vừa ăn rí rách.

Ở góc phố có một anh bán kẹo, ngày nào cũng đến dọn hàng. Anh ta ở trước mặt một cái bàn nhỏ; vừa kê xong thì trẻ con kéo đến xúm chung quanh xem, tằm tắc khen anh ta làm kẹo ga kẹo chim khéo léo biết là đường nào!

Rồi đến anh thợ cạo ở đâu lại, tay mang một cái ghế nhỏ và một cái cháp đựng đồ dùng. Những khách cạo quen là những bác loong toong đi chân và những bác chạy giầy đi ngựa làm ở các toà nhà trong phủ Toàn quyền. Anh ta liếc con dao cạo, sòng dây cộc, (hình tam giác) vào lòng bàn chân rồi cạo mấy chiếc râu ria lơ thơ và cạo mặt khách, nghe sồn sột, sau dờ ra bộ khí cụ bằng thép, thật lắm thứ, để lấy tai, và đánh những nốt ruồi ở mũi ở má. Hôm mừng một đầu tháng, chú thợ cạo kiếm ăn được vì họ giắt nhiều trẻ con đến cạo lắm. Con gái thời anh ta để cho một cái cút ở trên trán, một cái chòm ở trên đầu; con gái thời để mỗi bên một trái đào. Người ta chọn hôm ấy để cạo đầu cho trẻ vì là ngày tốt. Mà thật thế: hôm ấy những ma đói ma khát còn bận cả ở các chùa đền để hưởng đồ cúng chúng sinh, cho nên không nhân những lỗ chân lông mới cạo mà chui vào đầu trẻ được; chứ ngày thường thì ma quỷ hay nhập vào trẻ như thế lắm.

Anh ta lại vừa làm thợ cạo vừa làm người “đấm bóp”. những người có bệnh đau lưng thường nhờ đến tay thần diệu của anh ta. Người nào nhức đầu thì anh ta bóp thái dương và bẹo da sống mũi lên cho đến lúc tím lại và dờm dờm máu mới thôi. Cô Him ở mắt bên phải có cái cháp bèn đến nhờ ngay ông danh sư ấy chữa. Ông vạch lưng cô ra rồi bảo dờ tay trái lên khỏi vai bên phải, duỗi thẳng tay ra cốt nhất là ngón tay trỏ, cho đến chỗ nào thật xa ở xương bả vai mới thôi. Rồi anh ta lấy cái bút nho chấm vội vào chỗ ấy một nét, và lấy con dao lá lúa trích ra một giọt máu. Còn cái vết thương thời đã có một thứ thuốc cao làm bằng mỡ gà sống

---

<sup>10</sup> Người nào đã tin rằng: hễ úp hai cái nón vào với nhau thì sinh ra cãi nhau, tất là kiêng chứ không chủ ý làm như vậy bao giờ. Chỉ trừ ra những người không mê tín hay là vô ý mà thôi.

với ráp rịt vào là tắt thành sẹo. “Thầy lang” nói quyết rằng chữa như thế thì không bao giờ mất lại lên sẹo nữa.



Độ gần trưa thì hàng ốc luộc đến, lại có hàng bánh dày và hàng bún bung đi theo ngay sau lưng, rao rằng:” Ai mua bánh dày ra mua? Ai mua bún bung?... Song chỉ có tụi đánh cờ bạc vụng ở những xóm đậu, hay là ngã ba ngã tư là cô Him để ý vào hơn cả. Cuộc đánh bạc lạ nhất là “đánh bài tây” cách đánh cũng giống như ở bên Pháp, nghĩa là: tay phải cầm hai quân, tay trái cầm một quân. Chỉ hơi khác một ít là ở đây họ dùng một :”Ông vua” một :”Thằng hầu” và một quân bài thường. Ở trong một phố có bọn đánh súc sắc. Đồ dùng về cuộc đánh bạc này cũng chẳng có mấy tí: chỉ có một mảnh giấy dày viết sáu chữ số từ 1 đến 6; ba con súc sắc, một cái đĩa và một cái bát. Những con bạc đặt tiền vào một số nào đấy. Nhà cái lấy cái bát đập quân súc sắc lại, lắc mạnh một hồi rồi mở ra. Người nào đánh trúng một số thời nhà cái giam cho một lần tiền, trúng hai số thời được giam hai lần, trúng ba số thời được giam ba lần.

Trẻ con giai và con gái thích đánh” Xe Pháo” lắm. Chúng nó đánh bằng một con súc sắc chỉ có hai chữ Xe, Pháo viết vào hai mặt thôi. Con súc sắc ấy đập bằng một cái nắp, bên dưới thì chụp lấy vừa vắn, bên trong thì rộng. Lúc nhà cái sắp mở ra thì hấn cho biết rằng chữ Xe ở trên; những người ngù ngờ cứ nhè mặt ấy đánh. Nhưng nhà cái sẽ lấy tay khéo gậy một cái thì lúc mở ra chữ Pháo lại ở trên...Thị Him thỉnh thoảng lại “cúng” đám nợ hay đám kia mấy đồng kẽm. Nhưng lúc thị nghe thấy ra: Là, the, lựa! thế mới thật là tính phụ nữ không thiết gì đến những đám cờ bạc ấy nữa.

Đấy là các chị bán tơ lụa rao, nghe từ đằng xa đã thấy. Một bọn” mặc nom” ngồi xúm quanh những chõng tơ lụa, tay thời mân mê các tấm hàng muốn mua lắm.

Cũng có ngày thằng Khách bán thuốc rong, tiếng ô ồ rao: thuốc ê!

Nó bán vẩy tê tê để chữa bệnh trĩ hạ, xác ve sàu và xương hổ để chữa bệnh liệt, da rắn để chữa bệnh lị và sâu ban miêu để chữa ung nhọt. Còn thuốc tẩy thì nó khoe rằng chữa bằng da tê dác hiệu nghiệm lắm, huyết hư thời mai rùa chữa thần hiệu. Trong sọt nó hãy còn có hắc

nguy, hễ ai đeo vào mình là tránh được bệnh thổ tả; thủ nam thảo, ai muốn sinh con giai, dùng là chắc được và thanh thạch để chữa bệnh ghê.

Xem như thế thì Thị Him ở nhà bà Thích cũng không lấy gì làm buồn. Bây giờ mọi người đều quen thị, và lại tỏ lòng tử tế với chị. Thị làm dáng và có nhan sắc, nên có mấy anh dần dà ve vãn dữ. Tối đến thị không dám ra khỏi cửa một bước, chỉ sợ rằng trong đám “làng chơi” vẫn thường dính mò chị, có đũa nấp trong xó tối bất thành linh nhẫu xổ ra chẳng.

Một buổi chiều tháng mười, thị đi với mấy người ra bến tàu bắt cà cuống. Nhất là ở chung quanh cột đèn là bắt được nhiều lắm, vì cà cuống bị ánh sáng làm quáng thì đâm bổ đầu vào bóng đèn và lặn bẹp xuống đất.

Thị Him tay cầm cái lọ, nhặt được bao nhiêu bỏ cả vào đấy, định chia làm ba phần: những con to nhất thì ăn, những con to vừa thì xào với nước mắm, còn những con nhỏ và cay thì bỏ vào nước mắm tán nhỏ ra để làm một thứ gia vị rất ngon.

Thị Him mãi bắt cà cuống đến nỗi các chị em bạn về gần hết mà không biết. Lúc thị đến chỗ hẻo lánh thì bỗng đâu có một tên lính kị mã theo hút đã lâu, lón đến gần ôm ngang lưng chị. Chỗ ấy là bờ sông, xa phố phường, nên tên lính ấy đẩy thị lại gần cái đê. Thị muốn kêu lên, nhưng sợ quá kêu không ra tiếng. Cậu lính thấy cái kết quả đã thành hiệu được một nửa rồi lại càng làm già, miệng thì cười nhạt. Nhưng thị trông thấy giáp mặt mình hai con mắt trợn trạc, cái mặt dữ tợn, vết dâm đáng còn in đó rành rành, thòi chị phát khùng lên kêu rầm rĩ như con thú gầm hét. Cậu lính sợ hãi buông tay ra thòi chị đứng phắt dậy, ba chân bốn cẳng, chạy tót về nhà. Thị không dám về kể cho ai biết cái sự vừa xảy ra đó, và từ bấy giờ, đêm đến không dám ra khỏi cửa một mình, mà khi nào bà Thích đi vắng cũng không dám ở nhà một mình.

Trong cái tiểu thế giới ấy duy có lão Nam là bao giờ cũng ăn ở đứng đắn, cư xử với thị rất mực lễ phép và hết sức làm cho thị đỡ phải những công việc vất vả. Một hôm thị đang gánh nước ở giếng về, lão nom thấy, liền đỡ lấy gánh hộ về nhà. Một tối mùa hè, lúc mọi người xúm nhau đánh bạc, Thị Him đi nằm, nhưng vì muỗi đốt bứt rứt quá, trần trọc mãi không sao ngủ được.

Ông Nam áy náy hỏi rằng:” Em làm sao thế? Giở giời đó à?

- Không ạ, chỉ là muỗi đốt rất như phải bỏng.
- Thế em không có màn nằm à? - Này chị Thích, chị đến cái hòm quần áo để cạnh giường tôi, tìm lấy cái màn mà tôi không dùng đến, đem mắc lên cho cô em nằm thì mới ngủ được.

Thị Him thấy xử mấy mình chu đáo như vậy cũng cảm động. Thị thấy ở đây được dễ chịu vì vui vẻ và đỡ khổ sở hơn là ở với cô Tư Phụng và nhất là đỡ vất vả hơn ở làng thì bằng lòng lắm.

Ở đây mọi người đều ở với thị một cách âu yếm. Thị được cơm no áo ấm, không bị đánh đập bao giờ, không phải làm việc gì nặng nhọc quá sức, nên nét mặt lại có vẻ hồn nhiên, tươi tỉnh và đôi mắt thị sáng quắc tỏ ra cái dáng con người biết lấy sống làm vui. Hoạ hoàn cái đám mâu sầu mới kéo đến phủ lấy trán thị là khi thị tưởng nhớ đến già Mùi, nhớ đến làng Yên hoà và họ hàng thân thích.

Trước hết thị tự vấn tâm rằng không biết khi cha mẹ được tin thị trốn đi thì lo liệu ra làm sao? Có lẽ phải hoàn lại cái số tiền vay ngày trước mà già Mùi bảo cho thị biết là bốn chục đồng. Nhưng mà những đám mây sầu ấy cũng tam đi ngay. Cô còn đang độ xuân xanh, soi gương gương bảo vừa xinh vừa giòn. Tuy trong truyện Kiều có câu:” Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, nhưng không phải bao giờ cũng vẫn thế đâu. Hối ra chẳng có lẽ ta lại không gặp được một người lương duyên sang trọng hay sao?

Còn ông Nam hề nói với thị là giữ lễ phép, hề chuyện trò với thị là mồm mỉm cười, hơi nhờ thị giúp một tí việc là xin thứ lỗi, mỗi lần thị giúp đỡ là cảm ơn, ông ta làm thế cũng khiến cho cái cuộc sinh hoạt thường nhật của thị có chút thú vị, chút lạc thú. Nhất là cái câu cảm ơn ấy, làm cho thị khoái trá vô cùng. Thường khi thị phục dịch ông Nam, thị không tài nào cúi mặt xuống được, thị không sao bỏ được cái thú nhìn đôi con mắt hữu tình của ông, nó nhìn vào thị chòng chọc, cặp mắt ấy nhìn vào người khác thì dữ dội lắm làm cho người ta run sợ, mà khi nhìn vào thị lại có cái hào quang êm ái dịu dàng.

Hễ trong phủ Toàn quyền có đại tiệc thì ông Nam cũng lộn được ít bánh ít rượu đem về. Bây giờ cùng nhau đánh chén ở nhà bà Thích. Ông Nam vẫn có ý xem thị sở thích cái gì mà tiện dịp là đưa tặng ngay, lại tự mình thân chinh đưa đến.

Bây giờ là tháng ba. Nắng mới làm cho vạn vật lữ lả. Thị Him thấy trong mình nhọc mệt, lắm lúc phải ngồi thờ, lại lắm lúc có cái sức không biết tự đâu sinh ra nó thúc giục mọi sự hành vi vận động của thị. Chiều đến thị con thơ thân hồi lâu ở trong vườn có mùi hoa xoan thơm man mát; thị thấy trong mình sôi sùng sục những cái sở dục mới mẻ.

Thị càng ngày càng mỉa miều, đi ra đường đàn ông nom thấy nhìn lỗ con mắt. Thị lại lấy thế làm thích, vì không có cái gì xấu xa đề liệt chạy qua cái tư tưởng của thị cả. Tuy thị đã hai lần xuýt bị đàn ông xâm phạm một cách hung tợn mà thị vẫn cho những sự ấy chỉ là cái con diên cuồng, con say mê nhất thời thôi. Chẳng hay thị có nghĩ tới rằng làm cho người ta đẹp lòng là một sự nguy hiểm chẳng mà thị cứ làm đáng cho đàn ông mê mệt, thì mới vui lòng. Thị tuy còn con gái mà cũng đã ném mùi đời ít nhiều.

Một buổi sáng ông Nam đến sớm.

Ông gọi bà Thích bảo:” Chị Thích ơi, chiều hôm nay chị sửa soạn hộ tôi một bữa tiệc. Cả thầy có 14, 15 người ăn. Tôi vừa mới mừng ân được cái bằng Tụng bát phẩm, tôi muốn ăn mừng:

Thị Thích giả nhời:”Vâng, tôi xin có nhời mừng ông”

Thôi thì cả nhà bận vào việc làm cổ mắt một ngày giờ. Đến chiều cổ đã làm xong đâu bao đấy. Ông Nam và khách lúc ngồi xơi tiệc, tán tụng mãi bà Thích.

Họ vừa ăn uống thoả thuê, vừa khát khao những truyện nhớ nhãng ở trong xóm, rồi bỗng chốc chủ nhà nói to lên rằng: nhận tiệc ăn mừng trọng thể này, xin mời các ngài xơi chén rượu “sâm banh”. Nói rồi mở một chai rượu cổ thép bạc; chắc hẳn chai rượu này đã nằm dưới gầm nhà ông chủ lâu lắm, và rót mỗi người một cốc.

Ông Nam nói:” Này chị Thích và cả cô Him nữa phải uống rượu để mừng cho tôi mạnh khoẻ thọ trường. Tây họ cho thế là được hạnh phúc”. Nói đoạn ông ta đưa mỗi người một cốc rượu còn đương nổi tăm lên.

Thị Him thề lưỡi nếm một tí rượu chẳng khác gì điệu bộ con mèo con, thấy rượu cũng dễ uống mới tớp một ngụm nhỏ. Thị uống rượu lần ấy là lần thứ nhất, nên ai cũng có ý rình xem thị uống thứ rượu quý ấy vào rồi sắc mặt ra làm sao. Thị không muốn để cho người ta chê là quê, nên thị lại uống nữa và cứ uống từng hớp một cho đến hết cốc, họ lại ép thị uống thêm một cốc nữa.

Bây giờ thị thấy hơi nóng ran cả trong mình, thị bắt đầu cười cợt, nói to và hát nữa. Rồi thị thấy mọi vật ở trung quanh đều hơi lão đảo cả, thị phải nằm xuống giường, nhưng vẫn cười cười nói nói.

Khách dần về hết, nhiều người rủ nhau rạp Hàng Quạt xem hát. Lúc ông Nam bước ra có đưa mắt cho bà Thích.

Bà Thích nói:” Khách về cả rồi, chị em mình có thể ngủ được, em ạ. Nhưng trước hãy nên dọn dẹp cửa nhà một tí đã:.

Bà thấy Thị Him gượng dậy làm đỡ, bà bắt ngồi xuống.

- Thôi em nhọc thì mai hãy làm. Bây giờ đi ngủ.

Thị vừa đặt mình thì có một anh “lông tồng” thở hồng hộc chạy đến trước cửa gọi: Quan đòi ông Nam lên bàn giấy. Ngài bảo phải lên ngay.

Hai người chưa kịp trả lời thì anh ta đã chạy biến mất rồi mà giờ thì tối. Bà Thích nói: Rõ bực quá. Nếu không bảo ông Nam biết thời ngày mai tất bị phạt... Thị Him cũng nói bực: có thể, phiền lắm. Nhưng biết ông ấy ở đâu mà tìm? Này chị bảo nghe, chị thuê xe lên phố Hàng Quạt xem ông ấy có ở rạp hát không. Còn em thì chạy xuống nhà các bác lông tồng, các bác bếp, các bác bồi, hỏi xem có ai trông thấy ông ấy không.

Bà Thích đi khỏi, Thị Him cũng đi tìm ông Nam; đầu thì nặng trĩu, chân nam đá chân xiêu. Bỗng chốc thị chạm phải một người. Có tiếng đàn bà lạnh lạnh rửa:” Khéo chữa! Mắt mù à! À! em đấy ư! Đi đâu vậy?

- Bác Nhược ơi, tôi định lại nhà bác đây. Bác có trông thấy ông Nam đâu không? Quan cho gọi ông ấy lên nhà giấy ngay.

- Ông Nam ấy à? Tôi vừa trông thấy ông ấy về nhà đây mà. Ông ấy đi vội vàng, có bảo tôi rằng sắp đi xem hát. Em đi nhanh về thôi gặp đây”.

Thị Him vội vàng chạy về, đến trước cửa nhà ông Nam, thị gọi, nhưng không thấy ai thưa. Thị định gõ cửa, nhưng lại thấy cửa mở hé. - Thị đẩy cửa vào. Trong nhà có một ngọn đèn còn ánh sáng lờ mờ. Thị trông thấy ở trên giường có hình người nằm; thị lại gần gọi:

- Ông Nam, kìa ông Nam đấy à!

Còn sau thế nào cứ đoán ra khắc biết. ...

Đến sáng Thị Him dậy trước tiên. Trong trí còn mơ màng như giấc ngủ chiêm bao. Rồi phút chốc tỉnh ra thì lo buồn rầu rĩ.

Bây giờ ông Nam mới yên ủi:

- Chốc nữa, chúng ta sẽ nói chuyện với chị Thích, rồi tôi liệu thu xếp bàn bạc với chị ấy.

Đến chủ nhật chúng ta về bên làng thăm ông bà. Phải thu xếp việc này cho xong ngay mới được để khỏi miệng thế chê cười.

Thị Him chẳng nói chẳng rằng. Thị muốn cưỡng mà cũng đành phải chịu. Kể từ lúc bước chân ra khỏi làng, chiếc thân năm chìm bấy nổi, lấm độ phong trần. Thôi còn kháng cự làm chi? Số phận bắt sao chịu vậy... Sức đâu mà chống lại được với ông Trời mãi mãi... Thôi thì: cũng liều nhắm mắt đưa chân, mà xem con Tạo xoay vần đến đâu? Có lẽ thế lại hơn. Thôi cũng chẳng tội gì mà chống giữ mãi với đàn ông, họ sẵn đuổi mình như con thú vậy. Chẳng sớm thì chầy thế nào mình cũng có ngày mình bị hại. Kể ra thì lão này hơn cả, xem ra tử tế, có lòng yêu quý thị, lại có của, mà thị cũng có lòng yêu mến lão ta một đôi chút, chẳng hơn kết duyên với một anh chàng mà thị chưa quen biết bao giờ ư?

Cái việc ông Nam lấy Thị Him cũng không làm trở ngại cho cánh bồi bếp điều gì, Thị Him cũng không phải là người xa lạ cái nhân duyên ấy họ cũng biết trước cả rồi. Mà Thị Him chỉ phải đổi chỗ ở mà thôi.

Từ khi thị chủ chương một gia đình riêng, thị cũng có một con nhà, cũng ra dáng bà chủ. Ông Nam là người rộng rãi, thị xin bao nhiêu tiền cũng cho, nên chẳng bao lâu thị sắm được bộ cánh choáng hơn cả các bà trong xóm. Các bà bạn tuy vẫn quý trọng thị thật, nhưng nói của đáng tội, cũng hơi ghen ghét một chút.

Và chẳng ông Nam cũng muốn cho vợ làm cho mình được danh giá, muốn cho vợ chiếm được cái địa vị cao nhất ở trong xóm ấy. Ông vội sắm cho vợ, mà nói là làm thì đúng hơn, những đồ mà mọi phụ nữ đều ước ao cả, nghĩa là đồ nữ trang. Ông triệu một bác thợ bạc đến, cho dọn ngay lò bễ ở tổng nhà để kéo hoa hột vành cánh cho bà quản. Bác thợ trước hết kéo

đôi hoa tai rồi đánh đôi xuyên như hình cái vòng đồng, vòng sắt của người “Gô loa” ngày xưa và 200 hột sâu thành một chuỗi để bà quấn đeo quanh cổ như cái xiềng, cái xích. Sau đến bộ xà tích có độ một tá dây con bằng bạc, luồn cả vào một cái vòng khuyên: cái thì đeo ống đựng vôi, cái thì đeo ống bù dục đựng thuốc, cái thì đựng đầy phấn sáp, có mấy cái thì đeo những đồng tiền bạc để cầu phúc, đeo díp, đeo chìa khoá, đeo móng hổ để trừ các bệnh.

Bà Nam việc nhà không bận mấy hột, cả ngày chỉ ngồi xỏ xem thợ bạc làm.

Những khí cụ của bác thợ bạc chẳng phiền phức chút nào, đồ dùng chính là cái hòm ấy lại có một cái bễ đóng liền vào. Bác ấy trước hết đào một cái lỗ ở dưới đất, rồi bỏ than vào dóm lửa. Cái bễ ấy có cái ống chạy dài đến tận lò than, bác thợ bạc kéo đi kéo lại cái ngăn thô bở ở trong cái bễ ấy gió phì ra. Bác ta nung một thỏi bạc rồi đem để lên trên cái đe con đập. Cái đe ấy thì đóng ở trên một khúc gỗ, hấn lấy hai chân giữ lấy hay xoay đi để cho cái phiến bạc ấy muốn quay mặt nào cũng được. Lá bạc ấy hơi nóng lên rồi áp vào một tảng nhựa trám cho nó dính chặt lại. Bác thợ đem một tờ giấy mỏng vẽ kiểu gì đó, dán lên trên tờ bạc, rồi cứ theo cái kiểu vẽ ấy lấy cái đục kỳ cạch chạm dần dần. Phiến bạc chạm xong thì tùy chỗ sử dụng của nó mà giọt cong hay quận tròn lại và đốt đèn thổi lửa vào để gấn.

Him lại muốn sắm một cái quả giàu sơn thật đẹp nữa, ngăn dưới dùng để đựng những cái lật vật hay là để chứa các đồ may vá như là cái thúng khâu vậy: còn ngăn trên nhắc ra nhắc vào được, chia ra những ô con con. Trong những ô ấy xếp giàu cau, thuốc Lào, diêm và các thứ khác, hễ có khách đến chơi thì đem ra mời.

Ông Nam về làng lo liệu công việc cũng chẳng khó khăn gì, ông hoàn lại cho cô Tư Phương bốn chục đồng bạc, đưa đồ lễ cực hậu lại biếu nhà vợ. Còn ông Thủ là người khó tính như vậy mà thấy Thị Him lấy ông Nam xem ý cũng bằng lòng vì tuy ông Nam làm việc với tây thật, những cũng có cái thái độ những bậc thượng lưu nhân vật.

Nguyên người An Nam hễ trong đời mình được điều gì vui mừng là có lệ cải danh, nên ông Nam đổi tên cho vợ là Mai, chứ không gọi tên Him là cái tên thô tục xấu xa kia nữa. Ông Nam tính hay chơi, nên ông đưa vợ đi trẩy các hội chùa, đi coi hát nơi nào có hội hè đình đám, cũng cho đi xem. Nhưng chiều đến hai ông bà lại hay đến nhà một người bạn Sài Gòn ở phố Hàng Bạc đánh tổ tôm, cả thầy có 120 lá bài, bạc đánh cũng khá to. Ông Quán cũng là một tay cao trong bọn tổ tôm, ông đánh thường được luôn, mà độ này được thật là thích thời lắm, vì việc hôn nhân vừa rồi tốn kém mất bao nhiêu tiền.

Cô Mai trước kia như ngây như dại, vì bị những sự hoán cải đột ngột xảy ra trong đời cô, nay cô lấy làm thanh thoi sung sướng và yên phận nhàn thân.

Bà con thân thích biết rằng cô đã có cơ sở chính tề rồi, năng ra chơi với cô, còn cô cặm cụi tỏ ra người nội tướng siêng năng tử tế, cô khoản đãi thân thuộc rất là hậu, và sẽ cho họ một phần hạnh phúc của mình.

Vả chẳng ông Năm ăn ở với nhà vợ rất là hảo tâm, hễ có ai ra chơi là mời ngay đi xem hát, đưa đi xem các cửa hàng đẹp nhất ở chỗ kinh kỳ và tặng thật nhiều lễ vật.

Kể cả nhà chỉ có cô Được hay ra nhất. Hai chị em được xum vầy với nhau được cùng nhau giờ lâu kể lại những truyện vãn vi thừa nhỏ, lấy làm khoái trí lắm. Cô Được ra ở Hà Nội ít lâu, đến sau khó lòng mà lìa bỏ được tình ấy. Cô cứ nay lần mai lửa, về sau mục Thuận phải ra tìm mới chịu về làng.

Khốn nạn cô em buồn quá; cái ngày cưới cô đã sắp tới, nhưng cái thời hạn ấy nó không làm cho cô vui mừng đâu, nó làm cho cô cực khổ kia đây. Cô so sánh với cái cách đi đứng nặng nề, cái dáng dấp ngọng nghịu của anh chàng quê mùa, cục kịch kia đã đính hôn với cô, không biết đến khi đã kết duyên cùng chàng rồi thì cái số phận cô ra làm sao? Tất phải làm lụng ngoài đồng cả ngày, giò nằng sém da cháy thịt; đến chiều tối về nhà lại phải hầu bà mẹ

chồng cơ cầu, cay nghiệt. Mà năm nào mất mùa hay thuế má tăng lên, thì cả nhà gất gong thậm chừng là khổ sở! Cô âu sầu nên ngâm mấy câu Kiều rằng:

*Hoa trôi bèo giạt đã đành,  
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi;  
Nỗi riêng lớp lớp sóng giời,  
Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.*

Ngày qua tháng lại êm ái, bình thường, chẳng có chuyện gì quan trọng, chỉ những chuyện trò huyền hão, công việc nhí nhằng là hết thì giờ.

Lúc cô Mai không trông nom người nhà làm cơm hay không về việc phấn son trang điểm thì cô nằm võng, dưới mái hiên, về mạn có bóng dợp hây hây mát. Cô nằm dài nghĩ vợ nghĩ vãn... tại sao mà cô ở trong cái nhà, sở cầu được như ý cả, mà vẫn không được sung sướng. Cô được tùy thích trang hoàng cửa nhà, tha hồ mà thừa tiếp các chị em bạn và làm ăn vui vẻ. Cả ngày chỉ chạy ra chạy vào đùng đỉnh, chứ nào có làm lụng gì đâu? Chẳng qua thỉnh thoảng mới may vá một lúc thôi, mà về đường kim mũi chỉ, cô cũng chẳng khéo léo gì là mấy. Đạo chơi thơ thần dưới thêm như một vị thiếu niên công chúa; vừa phì phèo điếu thuốc lá, vừa trông khách qua đường, chạy đây chạy đó chơi bời, đánh miếng giàu bõm bõm, xoi bát cháo vịt, nói nhăng nói cuội để nguôi mồm, đó là công việc hàng ngày của cô, như vậy chẳng thú lắm ư? Lại còn nghĩ ngợi điều gì nữa? Cô được chồng chiều quá đỗi, muốn gì được nấy; áo quần sang trọng có đủ, mới lấy chồng được vài tháng mà những đồ tư trang đã nhiều hơn của mẹ. Cô được tự do hết sức, chẳng phải lo lắng phiền não chút nào; những người cả lo thường nghĩ rằng: ngày nay đã vậy, còn ngày mai thế nào? Nhưng các cô con gái An Nam, không hề liệu trước, lo sau, lại nói rằng: hôm nay được sung túc dễ chịu như thế này thì việc gì phải lo đến ngày mai? ...

Cô Mai mới kết duyên với ông Nam chưa được một năm thì một buổi chiều ông ta bảo cho biết rằng sắp phải sang Tây với quan Toàn quyền. Cô được tin ấy khác nào sét đánh bên tai, kể sao cho xiết nỗi kinh hoàng, buồn bực, nhưng cũng phải cố nén mối sầu xuống ngay, vì chẳng bao lâu nữa chồng đã đăng trình. Ông Nam để dành được đồng nào thì vào tiền thuê nhà, sắm đồ bày biện mất cả, nên cô Mai phải bán vòng và xuyên đi; cô lấy món tiền ấy đem về nhà, phải trông tiền trước ba tháng và mua lương thực, dọn lại ở ngay. Đến khi ông Nam đã xất ít quần áo và khăn tay, khăn mặt cần dùng thì hai người không còn một xu nhỏ. Ông Nam nói may sao cuối tháng này tôi có thể mua được bát họ thì chúng ta sẽ chắc có độ một trăm đồng bạc. Nguyên trước ông Nam có chơi họ với các bạn hữu.

Quốc gia An Nam chỉ dự bị về tiền tài cho dân bằng lối bất động sản mà thôi, chứ không lo liệu lập ra các sở trữ súc. Và chẳng nhà nước không vay tiền của dân bao giờ, nên cái lối quốc trái, công thải cũng không biết.

Chúng ta An Nam chỉ dự bị về tiền tài cho dân bằng lối bất động sản mà thôi, chứ không lo liệu lập ra các sở trữ súc. Và chẳng nhà nước không vay tiền của dân bao giờ, nên cái lối quốc trái, công thải cũng không biết.

Chúng ta cũng nên biết rằng người bản xứ không tin nhau mấy tí, nên cho vay một món tiền thật nhỏ cũng bắt làm văn tự và nhiều người ký bảo lãnh, cho nên những người trừ phú có dư tiền đem bỏ vào chum chôn xuống đất. Tuy nhiên trong dân gia cũng đã biết bảo trợ nhau, không mấy làng là không có hội nhân thọ bảo hiểm để giúp đỡ nhau trong khi già yếu, hội đồng môn của các cựu sinh viên lập ra để bang trợ thầy đồ, hội nghĩa, phường bát âm, hội cho vay, vân vân.

Cái cách giản dị nhất về các hội là chơi họ, họ bao nhiêu tháng bấy nhiêu người chơi. Ví dụ họ 12 tháng, tự tháng giêng đến tháng chạp, thì 12 người chơi. Người cầm họ là người

danh giá có gia tài khiến được người ta tin mình; người cầm họ gọi là nhà cái. Nhà cái đi mời người chơi họ, những người chơi họ gọi là nhà con. Khi rù được đủ, người chơi rồi cùng nhau định ngày để tháng tháng đến mua họ, thường định vào ngày mồng một.

Trước hôm mua họ, nhà cái cho người đi báo cho các nhà con biết sẽ hội họp vào giờ nào, thẳng đây tớ sai đi việc ấy đem biểu mỗi người một đĩa hai ba miếng giàu.

Mỗi người nhà con lúc đến mua họ thì nhà cái đưa cho một cái bát và mấy đồng tiền kẽm, muốn mua bao nhiêu thì bỏ vào. Họ đã có giao ước với nhau rằng mỗi đồng kẽm là một đồng bạc. Lúc này là lúc bằng đầu quyết đấu đây: ai muốn mua được họ thì bỏ giấy vào trong cái bát một ít tiền kẽm. Mọi người bỏ xong đâu thì mở bát, mở từng chiếc một, theo vắn cảnh nhà cái, nghĩa là mở tự tay phải lần lượt mãi đi.

Giả thử một người bỏ ba mươi đồng kẽm xuống dưới cái bát, thế là mua 30 đồng bạc đấy. Nếu không còn ai bỏ cao hơn nữa thì người ấy mua được.

Mỗi nhà con phải đóng 10 đồng thì nghe câu như người mua được bát họ ấy đáng nhẽ lĩnh về được  $10\$ \times 12 = 120\$$  nhưng còn phải trừ đi 30\$ tiền mua, thì chung quy chỉ còn  $120\$ - 30\$ = 90\$$ . Nhưng họ không tính giản tiện như thế đâu, 30\$ ấy lại gọi là tiền lãi đem chia ra làm ba phần, mỗi phần 10\$; nhà cái được một phần, còn hai phần nữa là 20\$ đem chia ra cho mười hai người nhà con, thì mỗi người được:  $20\$ / 12 = 1\$666$ . Người mua được họ cũng được ăn lãi như những người nhà con khác, mỗi người trong 11 người nhà con kia, cái tháng ấy phải đóng cho người mua được họ 10\$ trừ đi 1\$666 tiền lãi nghĩa là 8\$334.

Ngày hôm sau nhà cái cho người đến nhà những nhà con thu 8\$334 chỉ trừ ra người đã mua được họ thôi, nhà cái thu được  $8\$334 \times 10 = 83\$34$ , trừ đi 1\$666 là phần lãi của mình, còn thì đem trồng cả cho người mua được họ. Trừ đầu, trừ đuôi đi rồi thì người mua họ mang về được 81\$67, thế đã sung sướng chưa.

Xem đây thì biết nhà cái không phải đóng một đồng nào, cái suất đóng hữu danh vô hình ấy, chỉ thấy kể ra để chia lãi mà thôi. Nhà cái lại còn được một điều lợi nữa là tháng thứ hai chẳng phải bỏ ra một xu nào mà được tiêu cả 110\$. Thế nhưng mà một nhà con trốn đi mất, hay không đóng họ được thì nhà cái phải chịu trách nhiệm và phải bỏ tiền ra đóng thay cho người chạy họ.

Ông Nam mua được bát họ ấy, cho vợ một nữa. Cô Mai được món tiền ấy cũng đủ chi dùng cho đến ngày chồng ở Tây về. Ông bảo rằng: tôi sang bên ấy cứ tháng tháng tôi ”mãng đa” về.

Ông Nam đi đã được hơn sáu tháng rồi mà cô Mai chỉ nhận được một phong thư, trong có món tiền là 4\$, ông hứa rằng về sau này gửi tiền về nhiều hơn, nhưng cũng chẳng thấy gửi. Cô dọn nhà đi nơi khác và thuê lại một cái buồng, cho đũa ở về, thế là bớt được một miếng ăn, còn cơm dưa muối tự mình làm lấy. Từ trước đến giờ, còn bao nhiêu đồ nữ trang và quần áo, đem cả lên Vạn Bảo cầm, chỉ để lại những đồ thật là cần dùng thôi, cho nên cũng đủ ăn tiêu.

Đến bây giờ nhà ở chỉ còn được ba ngày nữa là hết cái hạn trồng tiền trước, gạo thì chỉ còn một ngày nữa thôi. Biết tính làm sao đây? Lại trở về Yên Hoà ư? Nếu về thì các bà trong làng nhạo báng, bà con thân thích xỉ vả. Không đời nào cô lại chịu về! Thôi chỉ còn có một kế là tự thực kỳ lực. Cô không có sức khoẻ thật nhưng không hề gì; làm gì mà chả kiếm nổi được mấy đồng xu tiền nhà và tiền cơm dưa rau. Và chẳng, ông Nam chả bao lâu nữa đã về.

Cô còn một cái áo đem cầm nốt, mua quần áo thợ thuyền và xin vào xưởng đào đất làm, người ta đưa cho hai cái thúng và một cái đòn gánh, cô phải khiêng đất đào cách đấy 400 thước tây. Không bao giờ cô lại biết cái giá trị một đồng tiền kẽm và phải mấy đồng tiền kẽm mấy thành một xu, bằng cái lúc cùng cực ấy. Khi cô lại nhà người cai để lấy tiền công, thì nó

làm cho cô hiểu rằng: nó là thầy, là chúa những người làm công với nó, nó bằng lòng cô thì nó muốn sao cô cũng phải chiều. Cô bất kháng, cô đòi tiền công và kêu âm lên: có người lính phu tít đến cứ nghe nhờ cai nói lại tống cô ra đường. Cô thất vọng, trở về nhà, ăn một nắm gạo sống, rồi ngủ quay ra như một con vật... Hôm sau cô lại ra xiêng làm, cô bị mọi người chê cười, giễu cợt: thì ra thằng cai gạ gẫm không được đem lòng thù hiềm, nói dựng ngược lên rằng cô dẫn đến nhà tự hiến cho nó mà nó lại không thèm. Cô thẹn đỏ mặt lên, chạy mất. Bấy giờ có một người Khách mượn cô ở để gánh nước, nhưng làm được mấy bữa thì lưng đau như gãy, chân tay như giần, nhọc lử người ra, không sao kham nổi nữa. Cô không giả được tiền nhà, bị người chường nhà đuổi đi. May sao lại có một bà láng giềng cho một cái giường cũ, cho thuốc thang mới khoẻ mạnh. Cô roi luy, cảm ơn bà ân nhân, hứa rằng mai sau xin đền ơn và lại đi tìm việc làm. Cô kiếm được việc làm nơi này vài hôm, đi nơi kia vài hôm, chứ không có việc làm hằng ngày lâu dài. Sức cô yếu đuối, người coi ẻo lả lắm; cô xin ở thuê, nhưng đến đâu người ta cũng không mượn, sợ rằng cô làm việc không đáng miếng cơm nuôi. Rồi lại còn sợ cô sắp sửa ốm nữa. Một buổi chiều cô không biết trông cậy vào đâu nữa, trở về ngồi một xó khóc, phu quân bà ân nhân của cô lại gần nói với cô ngọt ngào và khích khuyến cô, cô ngừng đôi mắt biết ơn lên nhìn ông. Ấy đó, cũng còn có người đủ lòng thương cô! Lão ta cứ nói hoài, lại dùng những lời quanh co, những câu mập mờ để tỏ ý cho cô biết rằng hẳn có lòng thương yêu cô. Cô tức mình, đứng dậy muốn chạy trốn, nhưng mà lão kia ôm chặt lấy ngang lưng cô.

Ngay lúc bấy giờ người vợ lão ta đi vào, điên tiết lên, nhảy xổ vào anh chồng và cô Mai, cô Mai muốn kể đầu đuôi, giải tỏ oan tình, nhưng bà kia mặc kệ không nghe, đuổi ra khỏi cửa. Thế là cô phải ra ngoài đường. Nhà không có, tiền cũng không... Biết bao nhiêu là ngày lo sợ! ... Bạ đâu ngủ đây, hoặc ở các bờ hè, hoặc ở trong lều chợ, mà nào dám ngủ yên đâu vẫn ngay ngáy sợ “đội sếp” đi tuần tóm được. Còn cơm nước thế nào? Hoạ hoàn ra người ta mới thí cho một lưng cơm.

Trong cái cơn cùng khổ, lầm than, cái cảnh xác xơ, đói bần mà cô ra công làm thế nào cho thoát khỏi được, thì dần dần cái nghị lực, những tính tình, cái lòng đạo đức của cô đều tán mạn đi mất cả. Những ngày mới vận hạn thì cô bị xúc cảm mạnh, nên cô bực mình lắm, thống mạ cái vận nạn không biết tiếc nhời; cô lại than thân, trách phận nữa. Đến bây giờ cô đành cam chịu như con vật vậy. Cô không còn hi vọng điều gì nữa, không còn thích sự gì nữa, cô chỉ lo có hai việc, hòng có hai điều thôi: là ăn với ngủ.

À! kiếm được một bát cơm mà ăn, tìm lấy một nơi có thể duỗi được các chân tay nhọc mệt ra mà ngủ, đó là những cái tư tưởng nó chiếm mất hết những giây phút trong cuộc đời cô ta, bởi vì hễ cái vấn đề nó vừa giải quyết xong là cái vấn đề nguy ngập không biết đâu mà lường kia đã xuất hiện.

Cái sự quyết đấu vô cùng ấy, cái sự triển tranh vô tận ấy đã làm cho thân thể cô chóng hao mòn. Cô xem như trong mình còn được một chút sức mạnh nó cũng lại bỏ cô nốt. Trong óc cô lúc nào cũng lo về hai sự khẩn cấp là sự đói và sự ngủ, nên dần dà cô thành ra lẩn thẩn, mụ mẫn. Cái sự lừ thừ; cái sự đờ đẫn nó ám ảnh cô dữ quá đến nỗi cô không tìm việc làm nữa, cô chắc trước rằng đến đâu xin việc làm thì người ta cũng trả lời một cách độc ác, lạnh nhạt, một cách chua cay át nghiệp, hay một cách vô tình điềm đạ. Cô đã từng lấm phen mục kích những nông nổi ngày hôm sau y như hết những cảnh huống ngày hôm trước thì cô còn tài nào giữ được chút hi vọng nữa.

Cô nhọc lử người, đầu cúi rạp, mắt lơ đờ, đi lê la đói rách ở ngoài đường, hết phố này sang phố kia, khác nào thư thể con chó đi tìm chỗ ở, kiếm miếng ăn vậy.



Cô đã toan tự tử, nhảy xuống ao chết quách cho rồi; nhưng mà đến lúc chực quỳên sinh thì cái tính tham sinh ó tử nó ngăn cầm cô lại...

Đã hai hôm nay cô chỉ ăn có một nắm sém, người ta cạo ở đáy nôi đem cho mà thôi, cô đói quá, xoắn cả ruột lại, bụng đau như cào cào, người run lẩy bẩy, nước mắt chứa chan, hai tai ù ù. Cô không sao chịu được nữa... Cô ngồi coi bộ hèn hạ, ở một góc đường trong phố tây, ngửa tay xin người bố thí.

Nhiều người ngồi phê phê trong cái xe nhà lịch sự, êm ái, đi qua đó ra bộ chèn chén no say, ung dung khoái lạc. Họ đi đến những chỗ mua vui tiêu khiển đấy, miệng thì ngâm nga hát xướng, đầu thì không hề ngoảnh lại. Thương hại thay cho cô! Cô thấy những cái nguồn oán tức giận u ám ở tỏng lòng sôi lên sùng sục.

- Em ơi! Kia em đấy à! Chao ôi! Làm sao em đến nổi nước này! Giời ơi là giời!

Đó là một bà đường bệ, vận áo sa tanh nhấp nhoáng, hai cổ tay đeo đầy những xuyên vàng, đứng dừng lại trước mặt cô. Cô Mai không nhận ra là bà nào.

- Em ơi, em lại không nhớ à? ... Chị em ta đã gặp nhau tại nhà những người Sài Gòn ở phố Hàng Bạc đấy mà. Có thật em đã quên bà Sen rồi không?

Về sau cô Mai mới nhớ ra. Cô then thùng; kể nhỏ cái tình cảnh bàn cùng. Bà Sen gọi mau một cái xe đến, bảo cái cô khôn khổ ấy trèo lên, đưa về...

Cô Mai ở nhà bà Sen đến nay đã được ba tháng. Bà chuộc những đồ nữ trang và quần áo ở trên Vạn Bảo về cho cô, cô cảm ơn bà không biết đường nào.

- Những cái đó sau này em sẽ gia lại chị. Em ơi! chớ có lo phiền, ông Nam chả mấy nổi nữa sẽ trở về.

Ông Nam chưa về, nhưng ông có viết thư bảo rằng ông đã tới Sài Gòn và ông định ở lại đấy vài tháng. Ông không gửi về được đồng nào vì một người thân thích mới tạ thế. Ở cuối thư ông có nói với cô Mai bán y phục và nữ trang đi và gửi cho ông ít tiền. Cô có nghe lời ông thì mới tỏ được là người ở với chồng hết đạo.

Cô nhận được thư ấy nỗi giận đùng đùng, mấy tháng giời ông đã bỏ liều không gửi tiền về, mà bây giờ lại còn dám bảo cô gửi tiền cho à? Nói thế mà nghe được? Ông thử nghĩ xem cô đào đâu được tiền? Ông thật hoá rồ mất rồi! Ông đã đánh lừa cô... Đáng lẽ ra thì cô cũng lấy được tám chồng xứng đáng.

Kể những khách ra vào nhà bà Thích, biết bao nhiêu người đã tỏ ý cho cô biết rằng muốn cùng cô kết duyên Tàn Tẩn. Để đâu cái lão ấy đã đánh lừa cô để quyến anh rú yếu. Nhưng mà thôi thì sự cũng đã dĩ nhiên rồi... Lão cứ biết phận lão, còn cô cũng chẳng phân cần đến lão mới có cơm no áo ấm.

Bà Sen thuộc tâm lý người ta lắm, bà thật là thấu triệt cái tâm tính của bọn phụ nữ; bà cứ để yên cho cô nức nở khóc lóc, kể nỗi đắng cay, sau bà lên giọng đường mật bảo rằng:

- Này em ơi, em ngẫm mà xem, đàn ông ai ai cũng vậy. Họ chỉ bạc đãi chúng ta, họ áp chế chúng ta đấy thôi. Chúng ta có nhớ đến cha chúng ta là chỉ nhớ về những roi đòn mà người đã đánh chúng ta đấy thôi. Những con nhài, con nự thì bị với ông chủ nhà hay bị chết đói. Trong những xưởng thợ mà có đàn ông đàn bà làm thì họ làm cho bọn đàn bà đến phải đuổi, họ đổ cho rằng chị em mình cướp mất gạo của họ...

Những đàn bà lấy chồng thì chồng chẳng qua cũng coi hơn con vú ở một nước... Còn tình nhân à! Họ chơi no chán rồi, thì họ bỏ chị em mình, mà trước khi họ téch, chị em mình có tiền bạc, đồ đạc gì thì họ “cuỗm” cho mẽ cẩn thận đã. Tự anh học trò thật thà cho chi ông lão tinh ma, người đàn ông nào họ cũng rình mò chứng minh, họ cũng theo đuổi chúng mình, họ cũng vui dập chúng mình... Những sự đó chị thấy đã lâu rồi và chị đã liệu mưu lấy đường sinh kế để đối phó lại.

Này chị bảo, người đàn bà đã phải nuôi đàn ông nhiều lắm rồi, nay có một cách báo thù là ăn báo cô người đàn ông... Em ơi! Em xinh đẹp như thế kia; nếu em nghe lời chị ra thì chả bao lâu em sẽ có đồng bạc... Ô! không phải chị nói thế là nhắc lại chị đã làm ơn huệ, đã cuơ mang em đâu. Không phải thế, những điều đó sau này chị em ta hãy nói đến... Nhưng mà có nhan sắc như em mà không biết lợi dụng cái nhan sắc của mình thì cũng đáng thương thật... Biết bao nhiêu thiếu nữ không đẹp bằng em mà dây lưng đầy những bạc!... Tục ngữ có câu

rằng: có tiền mua tiên cũng được. Em chỉ ngỏ một lời cho chị biết là chiều hôm nay em muốn gì được nấy! Em không phải lo phiền điều gì nữa... Em cũng có xe cao su, đồ nữ trang, quần là áo lượt, chẳng kém gì những bậc đài các, giàu sang. Lúc nào em muốn đi coi hát thì em đi, em đi ra phố ai cũng chào hỏi. Còn đến khi em về làng, trong tay đã sẵn những đồng bạc trắng xoá, kêu lèng xoèng thì em tậu ruộng cho gia quyến cấy bừa. Thầy mẹ em thấy “khuôn” về nhiều tiền của, hể hả sung sướng và ngợi khen em. Em thử làm như vậy mà xem chả khó gì đâu... Chị sẽ đưa đường chỉ nẻo cho. - Chiều hôm nay nhé??

Áy cô Mai đang vào cái phường giang hồ, son phấn của bà Sen như thế đấy. Chả mấy chốc cô đã chiếm được một số về những số đầu trong bọn kĩ nữ ấy.

### XIII

Bồi! Nước đá!

Ba chàng thiếu niên đã tụ hội trong một cái nhà đẹp đẽ ở phố Hàm Long, đợi giờ ăn cơm. Trước mặt họ có một cái bàn bày mấy chai rượu mùi để làm đồ khai vị. Họ không uống Uých-ky, sô-đa, hời như mùi dệp, mà người Anh hay người Pháp, đã mắc phải cái bệnh kiêu bạc, hay uống đầu, họ cũng không uống những rượu Ranh-bu như những văn minh nhân vật trong sách Quơ-lốt-pha-re tiên sinh đâu, họ cũng không uống những rượu Cốc tay, chế tạo có tinh vi mà uống thì rất hại. Không! họ uống táp nham, họ uống thứ rượu Bęc-nô của họ kia. Thế có ghê không! Tuy họ khờ dại vô chừng như vậy mà những bắp thịt, những não tuỷ của họ vẫn tráng kiện, tốt lành không can gì.

Trong bọn ấy có chàng May-e là chàng hay tò mò, hay ham mê những sự vật ở Đông phương, hết giờ làm việc ở toà thì chàng học chữ Tàu, chữ An Nam, hai thứ chữ ấy chàng biết cũng khá. Chàng Ga-loa, ham thể thao, hể làm việc quan xong là đánh quần, hay nhảy xe đạp, nhảy ngựa, phóng hoải. Còn chàng Giắc-cay là một chàng hay nghĩ ngợi mơ màng, ưa tính mịch một mình, lúc nào rỗi thì đánh đàn xem sách.

Ba chàng quê quán ở ba nơi đối chiếu nhau bên Đại Pháp, mà những tính tình, những điều sở hiếu khác nhau hẳn, tuy vậy cái tình đồng liêu khăng khít đã ràng buộc ba chàng ở trong cái nhà khách sạn ấy là nhà có tiếng thừa tiếp ân cần và chơi bồi vui vẻ tự do. Mỗi ngày, trước khi về ăn cơm chiều, họ hội họp lại và đàm luận hồi lâu về căn chương, triết lý, lịch, âm nhạc hay thể thao.

- Ga-loa nói: Anh Ê - săng ở thượng du về thi tiếng An Nam, tôi đã mời hẳn lại ăn cơm... Hẳn đã hẹn tám giờ tối tại đây...
- Giắc- cay hỏi Ga - loa rằng: Bao giờ anh mới dự bị thi “công tôn”?
- Thi để làm gì? Tôi không thể thi được. Tôi chưa từng thi kỳ đệ nhất cấp tiếng An Nam bao giờ, thế mà muốn thi công tôn phải có bằng đệ nhị cấp mới được. Tôi đành đến chức “com-mi” thượng hạn là cáo lão. Thế mới sung sướng! À! Họ đặt ra luật lệ mới về những tiếng bản sứ, quý hoá thật! Quan Thượng thư đã tuyên bố rằng: “Mọi người đều phải biết nói tiếng An Nam cả”, các nhật báo thuộc địa ở Pa-ri vui mừng quá đã gầm lên... Nay cái kết quả thực sự và hiển nhiên: Không ai biết tiếng An Nam cả và nhiều quan lại không được thăng chức. Tiếng An Nam, chúng ta có cần đến hơn những viên chức sở Kho bạc hay những giáo sư không? Toà nào, sở nào không có thông ngôn? Vậy thì?... Nếu có phải bắt chúng ta học để nói chuyện với những kẻ bán hàng lậu thuế hay để quan sát tính tình những người nấu rượu lậu thì thật là không bõ công. Tôi xin nhắc lại, biết nói tiếng An Nam ở đây được việc gì? Tôi không kể những làng chơi phóng đảng học tiếng An Nam để tha hồ mà rập riu với những ả giang hồ răng đen hay nhập bọn thuốc sái với những hạng

thiếu niên phóng dật. Còn bậc lỗi lạc như anh May-e thích những đạo bùa trừ tà tiếp phúc trang hoàng những tường ở các chùa hay ưa những câu khôi hài của bọn con hát trên hàng Buồm thì tôi không giám nói... Còn như chúng ta là người tầm thường, quê mùa cục kịch, thì chúng ta thiết tưởng rằng: hết buổi hầu, chúng ta có quyền nghỉ ngơi, biết nói tiếng An Nam thì phòng có ích gì.

Ngay lúc bấy giờ, người khách mà họ đương đợi, mở cửa bước vào, tức mình gắt rằng:

- Trời ơi! Không biết đến bao giờ cho những cu li xe, mình bảo nó kéo đi đâu, chúng nó biết kéo đi đây? Tôi vừa mới bị kéo quanh khắp các phố ngót ba khắc đồng hồ để tìm nhà các anh.
- Giặc - cay nói: Anh cho thằng cu li xe khốn nạn ấy được mười đồng xy mà anh chực bắt nó kéo anh, làm hướng đạo cho anh và tả cho anh nghe những cái mỹ lệ ở chốn kinh kỳ này một cách văn vẻ nữa hay sao?
- Không, nhưng mà nó có thể biết các tên phố chứ. Tôi ngồi trên xe đã bảo rằng: Đi phố Đu - đa - đờ - la - ghê có biết không? Nó đã ra hiệu rằng nó hiểu, rồi nó cầm đầu cầm cổ chạy. Tôi thấy nó chạy như vậy hơn nửa giờ đồng hồ, tôi đoán ngay rằng nó không biết kéo đến phố tôi đã bảo, tôi phải hỏi sở Cẩm và nhờ chỉ đường cho nó.
- May-e nói phất ngay: Các anh ơi, ban nãy các anh còn chưa biết rằng biết nói tiếng An Nam có ích gì? Trước hết để biết lối mà đi. Nếu bạn chúng ta là anh Đê - săng quả thị biết nói tiếng An Nam thật thì đi ở trong tỉnh không cần đến sở Cẩm, ít ra anh ấy cũng biết nói cho thằng cu li xe hiểu chứ.
- Thôi xin anh, tôi cũng đã bảo nó bằng tiếng An Nam. Tôi nói thực thông thả gãy gọn như người bản xứ vì người An Nam cũng như những thổ dân ở đảo Mạc-ti-nich nói không uốn lưỡi. Tôi bảo nó rằng:” Đi phố Đu-đa đờ la-ghê”
- May-e lại nói: Anh lầm rồi, anh ơi! Lầm to rồi, nhưng thật không phải tại anh. Cái phố mà chúng tôi được cái hân hạnh nghênh tiếp anh là phố Hàm Long kia mà.

Mà cũng đừng tưởng họ gọi cái tên ấy bởi vì ông Đờ - la - ghê bắt chước nhà lực sĩ Samson dùng cái hàm con rồng để đá giặc Cờ đen đầu. Không phải thế, người An Nam chẳng biết ông Sam - son cho liễn ông Đờ - la - ghê là ai cả.

- Thế thì làm sao không để nguyên cái tên phố ấy bằng tiếng An Nam có hơn không?
- Nếu vậy thì đã dân tiện lắm, dân tiện quá chừng... Nhưng mà chúng ta lại muốn lấy tên bậc vĩ nhân của chúng ta đặt tên các con phố lớn trong tỉnh thì lý ung chúng ta phải viết lên những cái biển chỉ đường vừa tên các bậc hào kiệt ấy bằng tiếng Pháp vừa tên phố bằng tiếng bản xứ nữa. Làm thế thì tiện cho tất cả mọi người. Vì cứ như thế này thì cái phố ấy chúng ta gọi là Đu - đa - đờ - la - ghê ít ra cũng đã hai mươi năm nay rồi mà người An Nam vẫn cứ gọi theo cái tên cũ. Mà từ nay đến hai mươi năm về sau nữa tất cũng vẫn thế mãi. Họ chẳng đến khi những cu li xe có những văn bằng ở trường cao đẳng cả thì cái sự nhầm lẫn ấy mới có thể tiết đi được.
- Ga- loa nói: Các học hiệu đã mở ra nhan nhản khắp trong xứ thì chẳng mấy nổi nữa mà được như vậy.
- Tôi cũng hiểu đồng tình với anh, nhưng mà chờ cho đến lúc ấy thì cái thương điểm mà chúng ta gọi là Đông phi thương cục người An Nam vẫn gọi là nhà Gò - đa. Phố Pôn - be và phố Duyn - phe-ri họ vẫn gọi là phố hàng Khay, phố hàng Trống mà nhà Ô -tên - mê - tô - pôn họ vẫn gọi là nhà cao.
- Chúng ta chiếm cứ xứ này đã thâm niên rồi mà sao hãy còn những điều như vậy?
- Bởi vì chúng ta không biết một tí gì về dân bản hộ như là ngôn ngữ, phong tục, lịch sử và cả đến tâm lý nữa.

- Giác - cay nói: Tuy nhiên đã có nhiều tiểu thuyết về thuộc địa có thể chỉ bảo chúng ta về những sự ấy.
- Phải nếu văn chương thuộc địa thường thường chẳng qua là một mớ ngoạn vật ngoại quốc dễ giá thì còn nói gì. Nhưng lại có nhiều sách kia mà những tên sách nghe hay hóm hóm, nào là Á châu kỷ sự đồng kỷ niệm, nào là Nam du hành trình nhật ký, nào là Chúc quốc du lịch, vân vân, các tác giả toàn là những nhà đi chu du vạn quốc, các ngài đã đi qua Đông dương ít ra là hai tuần lễ kia đấy. Muốn che đậy cái lịch duyệt kém cỏi sơ sài thì các ngài bước sấn vào con đường tả cảnh viễn vông hoang đường, các ngài thêm thắt những điều nhỏ mon hão huyền vào bài kỷ sự về ngoại quốc cho nó tăng thêm giá trị, các ngài đặt cho các nhân vật những cái tên êm tai và kỳ dị mà những nhân vật ấy không có những cái tên ấy bao giờ, các ngài bịa đặt ra những cái phong tục thô bỉ lạ lùng hay bi đát kịch liệt để cố ý làm cho người xem truyện phải cười hay rùng mình sồn gáy... Các anh không tin tôi à? Lúc nào các anh muốn xem thì tôi sẽ đưa cho các anh xem một bài làm mẫu về những ảnh văn chương châu báu ấy.

- Đê - xăng nói: Thôi anh đừng nói đùa nữa.

- Không, tôi không nói rờn đâu, chốc nữa anh sẽ biết.

Ăn uống vui vẻ, chuyện trò về công việc làm, rồi nói đến nhiều những tai tiếng xảy ra ở trong tỉnh. Cơm xong sang phòng khách uống nước chè.

- Ban nãy tôi đã hứa cho các anh xem một mớ trân châu trích ở trong các sách văn chương thuộc địa ra. Nay tôi lấy cho các anh xem. Tôi cũng bắt chước người Anh mời các anh ngồi thư thả, hút điếu thuốc xì gà mà nghe.

May - e đi lại một cái tủ con, lôi một quyển sách ra.

- Đây những bức họa về xứ Bắc kỳ của Yann tiên sinh đây. Quyển sách này hay, ghi chép đích xác sự sinh hoạt của xứ ấy về những năm đầu mà nước Pháp mới sang chiếm lĩnh. Nhưng mà làm sao tác giả lại đặt ban thờ tổ tiên của họ ở bên ngoài, dưới mái hiên nhà? Tác giả đã nom thấy ở chỗ nào có những đèn thấp ở đằng sau cửa hàng của những người buôn bán, trước bài vị của đức Khổng tử? Điều ấy cũng hão huyền như là có kẻ bảo chúng ta rằng hắn đã trông thấy ngài Thánh chúa bày ở cửa hàng buôn bán.

Chúng ta cứ xem nữa đi. Quyển Hoàng diện của Bôn-lơ-pheo tiên sinh cũng viết vào hồi ấy, Tác giả đã trông thấy ở tỉnh Chợ lớn một cái miếu thờ những cái hào ở lũy thành, chắc hẳn tác giả muốn nói về cái miếu thờ Thành hoàng bản tỉnh kia đấy. Cái tên Chợ lớn, tác giả cho là bởi chữ Taignon mà ra, tiếng này thì một ông Nguyễn soái đã nổi danh về khoa tự căn, tất dịch rằng:” Tai là chữ tàu nghĩa là: nhiều, lắm, lớn, chữ gnon thường gọi là nắm đấm, sự đánh đấm, sự đấu võ. Thế thì Cholon là cái tỉnh có những người đấm khoẻ, những người giỏi võ, bởi vì có những khách ở.” Chung quy Chợ lớn là ghép hai tiếng An Nam: chữ chợ là cái chợ, thị trường, chữ lớn là to lớn, thành ra tỉnh Chợ lớn. Sau nữa Lơ - pheo tiên sinh bảo chúng ta rằng: không nên lẫn những người vợ hai với những con đò ở thuê, gọi là con gái. Ông nói vậy, không phải nói khôì hài đâu. Chữ con gái ấy, ai cũng có thể bảo cho ông biết rằng chỉ là một người thiếu nữ mà thôi.

Chúng ta hãy xem quyển khác. Bon - nơ - tanh tiên sinh, trong quyển truyện nha phiến, bảo cho chúng ta biết rằng: hai anh em tên lái đò đội mũ lính tập, một mụ thuyền chài cổ đeo một chuỗi hồ phách quần ba vòng! Những thằng cu li kéo vạt caikouin - chắc hẳn là cái quần để lau mồ hôi trán, cái dáng điệu mềm mại ấy tôi thiết tưởng khó lòng mà thực hành được. Hai nữa, cái vạt quần là cái gì? Ông đã nom thấy nhiều người: làm tchin tchin” ( chắc hẳn bởi chữ tsing của Tàu mà ra, nghĩa là thỉnh mời, xin) cái tiếng giả cày ấy không có nghĩa nhất định, người Đại Pháp tưởng là tiếng An Nam mà người An Nam lại ngờ là tiếng Đại Pháp.

Trong một cái đền có những cột bằng gỗ do (teck) và gỗ thờ là thứ gỗ đẹp chỉ để riêng làm những đình chùa và lăng miếu nhà vua mà thôi. Một người Pháp ở thuộc địa, khó tính sẽ nói rằng: “ Thế ra lại còn một thứ gỗ nữa là toà Kiểm lâm chưa liệt vào hạng gỗ nào”. Các anh cứ vững tâm: thứ gỗ ấy chẳng qua là gỗ lim là thứ “gỗ sắt” tốt lắm mà thôi, nó cũng chẳng lấy làm thiêng liêng mà ai dùng để làm nhà được. Nhưng mà cho ả tình nhân của mình trú ở trong một cái chùa làm bằng gỗ thờ, gỗ thiêng liêng!... thì cái chuyện tình ấy cũng tốt một cách thiêng liêng.

May - e lại để những quyển sách vừa mới xem qua đó vào trong tủ và lôi ra một quyển khác.

- Đền sách của ai đây, bây giờ? Giảng - sĩ - ta tiên sinh, trong quyển Bắc kỳ du ký của ông là một quyển sách mà tôi thích lắm, bảo cho chúng ta biết rằng: những thằng phu xe kêu nah!! nah!! để cho những người đi đường tránh ra, ông gọi abaque là sonpan, nhưng mà những chữ ấy tiếng tàu là souanpan, tiếng an nam là bàn tính, ông nói về thứ rượu quý là choum choum mà ngày xưa người ta nẩy ra là vị cái lòng sùng bái những điều tổ truyền và theo những phép bí mật trong sự pha chế các thứ hoa mà tiền nhân đã lưu truyền lại một cách kính cẩn! Các quý hữu ơi, các anh đừng thấy những chữ đại cà xa ấy mà sợ. Các anh là người làm việc nhà Đoan thì tất cả các anh đều biết rằng: Cái sự bí mật đó là cái nôi cất rượu và những phép pha chế ấy là com lên men rượu. Trong quyển sách ấy lại còn nói đến một phái phật giáo đạo sĩ làm cho tôi ngơ ngẩn, vì hai tiếng ấy ghép lại với nhau nghe chướng tai như những chữ: phải đạo Thiên chúa hồi hồi, chẳng hạn.

Nhưng mà tôi chưa kể hết đâu. Chúng ta hãy mở quyển “Tại nhiệt đới đích thái dương: của Bi-e đê- buy tiên sinh ra mà xem. Trong quyển sách ấy có nói chuyện một tên bếp đưa cho ông chủ một cái giấy bạc mười đồng mà tôi muốn có ở trong bao đựng giấy của tôi để bán cho một người hay ký cốp những vật lạ. Chắc hẳn cái giấy bạc ấy cũng hiếm có như là một nửa ta hoà thường nhảy đầm lung lẳng ở trước mặt những ông bụt. Này các anh ơi, các anh là người làm sở Thương chánh, chứ các anh không nom thấy những nhà sư nhảy múa lồi mồi ở trong các chùa của họ bao giờ ư?... Các anh là đồ khốn, các anh không biết xem gì cả.

Giảng - đét - tay tiên sinh, trong truyện Thị Sen, tả cái lăng, cái chùa trong làng và nhà thầy lý, mà nhà người lý trưởng ông gọi là Yaime! Cái tiếng Yamen nghe cũng đẹp thật!! Khốn nhưng mà tiếng ấy là tiếng tàu mà chỉ ở bên Tàu mới có giạ mạng thôi, Giảng - đét - tay tiên sinh lại còn nói đến cả nhà quê nữa, nhưng mà tiên sinh không biết rằng tiếng nhà quê không phải nghĩa là người nhà quê đâu, nghĩa nó là nơi thôn giã, những đồng tiền kia mà. Chữ campagnard là người nhà quê, người nông phu.

Chúng ta hãy xem quyển khác Mạc sĩ tiên sinh, trong quyển “Nam kỳ chi hoạt kê” đã ghi chép một đám nước An Nam có con rồng xanh, cứ theo như ý ông thì sự đó tiếng bản xứ gọi là macui... Macui, tôi không cần phải nói thì các anh cũng biết: tiếng ấy nghĩa là ma quỷ, con ma con quỷ. Dragon vert nghĩa là rồng xanh hay là lục long. Thôi chúng ta ta xem đến quyển Nhật ký của Ti ca mà soạn giả là Lu - y - bu - na tiên sinh. Quyển sách nhỏ ấy có nhiều tranh của Sa - ba - chi - ê vẽ tuyệt đẹp. Hoài của!... Những bức họa thần tình nhỏ nhỏ ấy mà đem tổ điếm cho tập văn vô giá trị như thế, thật chả xứng chút nào! Người nữ chủ động trong truyện là Ti - ca, chị cả cô ta là Ti - ba, thực sự thì trái hẳn với tập tục ở xứ này: người con trưởng trong một gia đình, dù giai hay gái, cũng gọi là Cả, còn những con khác, lúc còn bé, cứ theo thứ tự mà gọi là Hai, Ba, tư vân vân. Kể những nhân vật trong chuyện tiểu thuyết ấy thì có một người tổ phụ là To - no - ba, một ông tú tên là Ho-ti-jen, một thằng ăn trộm là Ti-so-nam, những tên ấy chỉ có ở trong óc tác giả mà thôi, chứ kỳ thực thì không có. Khi tổ phụ mất thì

người ta đánh trống để làm hiệu vui mừng và phát tang!!! Sao nhà Bảo tàng ở trường Viễn đông bác cổ lại không có một cái điều ấy? ...

Trong quyển sách ấy cũng nói đến rượu “choum choum” mà người ta cất lậu ở trong làng theo những lễ nghi thần bí”... Cái lễ nghi ấy, chúng ta đã nói rồi, gọi là sự nấu rượu lậu... Về được quan hàm, Bu - na không hề bối rối: ông Tổng đốc là một ông hoàng hay là một ông quan đại thần, mà ông Tuần phủ cũng vậy, Bang tá là một ông quan nhỏ, còn như ông Huyện là một vị quan án trọng yếu mà cái quan chức của ngài không có chức gì tương đối bằng tiếng pháp... Giả gọi là quan tỉnh nhất hạng, nhì hạng, thư ký nhất hạng và quan huyện (sours - prefet) thì giản tiện hơn, nhưng mà gọi thế thường lắm.

Thôi sau rồi chúng ta kể một điều sai nhảm này nữa mà nhiều nhà làm sách nói đi nói lại là cứ theo như ý kiến những người bản xứ thì “những người Pháp mắt xanh mà mồ hôi thối như người chết”!!! Các anh thử hỏi những người An Nam mà xem; họ sẽ bảo các anh rằng: họ chế các mũi lỗ chúng ta hay là cái bộ râu bộ ria của chúng ta chẳng hạn: chứ tôi chưa từng nghe thấy nói đến cái mùi tử thi quý báu ấy bao giờ. Nhưng trong một câu văn mà nói như thế thì mới kích động đến cảm giác của độc giả chứ. Ấy thuật câu chuyện ngoại quốc mà điểm thêm những tiếng réo rắt vào như thế thì còn gì bằng!...

Đến cả những nhà trước tác trứ danh, chỉ vì không muốn đưa những bản thảo của mình cho một người cố tri, ở thuộc địa đã lâu, sành sỏi về nhân tình thế thái ở xứ này, cũng viết nhiều điều nhảm nhí. Nô ly tiên sinh vừa là một nhà binh can đảm, vừa là một nhà văn sĩ có tài cũng nói đến cái mùi tử thi của người Âu châu, ông gọi người nhà quê là nhà quê và ông Huyện là Chánh tổng. bảo Chà và nghĩa là nègre, kỳ thực người An Nam gọi Chà và là người Mã lai, gọi nègre là Tây đen.

Nước mắm là một thứ nước chấm có các thứ gia vị, giá ông bảo nước mắm là một thứ nước chấm mặn có muối thì phải hơn. Ông đã trông thấy những con cá lập là những con cá trắng như bạc. Tiếng cá lập không có, thứ cá ấy là các bạc. Nô ly cũng lại nói đến thứ rượu choun choun, tiếng này cũng đồng hạng với tiếng tchin tchin và tiếng tam tam.

Sau cùng, ông nói rằng người An Nam gọi người Khách là các chú. Phải nói là chú khách thì mới đúng, tiếng chú không phải là một tiếng kính trọng như người ta thường tưởng đâu, nó chỉ là một tiếng tầm thường dùng cho có lẽ phép đấy thôi, như tiếng maitre (thầy) tiếng docteur (độc tờ) bên Âu châu mà thôi. Các anh lại phải biết rằng người An Nam gọi chúng ta là ông, họ nói ông tây, ông nghĩa là tổ phụ mà cứ theo giai cấp tôn ti thì tiếng ông đứng trước tiếng chú nhiều lắm.

Nhưng mà các anh ơi, thế cũng chưa hết đâu. Đây bà Si - va - ba - rông xuất bản tại hiệu Hát - sét những truyện cổ tích và huyền bí An Nam, bên nước Nam... thôi tôi xin vái bà cả nón... Bà bảo cho chúng ta biết rằng những lái đò hát, chốc chốc lại đệm câu: liu ú liu sè, những tiếng ấy là tiếng đàn kia đấy. Bà nói thế cũng nhớ nhăng như một người Pháp viết rằng:” Người lính cảnh sè sẽ hát: đò, rê, mi, pha mà ai cũng biết rằng những tiếng ấy là câu hát của những binh lính”.

Đức thánh Văn xương, bà gọi là Vong xương, bà nói rằng Long quốc thì vua Long vương trị vì, bà không biết rằng chữ Vua với chữ Vương cùng một nghĩa mà hai chữ cùng nghĩa cùng là vua cả.

Trong một câu truyện có ông vua tên là Da giữ những cái xe bằng đá nam châm là xe của ông Chu công, xe ấy có phép chỉ phương nam. Các anh cũng biết cả, không phải những cái xe ấy có phép chỉ phương nam đâu, chính là cái địa bàn ở trong những cái xe ấy.

Ban nầy chúng ta đã thấy lúc thì gọi ông Huyện là quan án, lúc thì gọi là Chánh tổng, bà Si - va - ba - rông cho ông Huyện thăng chức, bà gọi ông Huyện là Tổng đốc.

Nhất là ở trong quyển sách ấy có một tên bồi có những đức tính hiếm hoi như là cái tên Pho - jo của nó. Tên bồi ấy không những là làm việc trong nhà, trong bếp, là quần áo và khâu vá mà thôi, những lúc rảnh việc nó lại còn kể truyện cổ tích, phiên dịch những bia cổ và bàn bạc những sự tích đời xưa. Thằng cha ấy thật là một hòn trân châu! Lý ung ra phải mộ hẳn ta vào trường Viễn đông bác cổ thì hẳn ta giúp được nhiều việc về vang cho những nhà bác sĩ của trường ấy trong khi đi khảo cứu ở xứ này!

- Giấc - cay nói: Thế mà tôi đã đọc qua những sách của My - ri - am Ha - ry nữ sỹ: nào là sách Khoái lạc chi đảo, nào là sách Tiểu phu thê, nào sách Ái tình chi tự, tôi lấy làm hay lắm, tả nhân vật phong cảnh nước Nam đúng lắm.
- Phải, ấy lại đúng quá lắm, mà tả tình cảnh ngoại quốc như thế thì dồi dào quá thể. Cái sự hiếm hoi, cái sự đột ngột, cái sự cổ quái, cái sự kỳ diệu chứa chan trong mỗi trang sách! Làm ngập cả mắt người xem.

Trước hết My - ri - am sùng bái những chữ đặt theo tiếng kêu, tiếng động. Một người hành khách ngồi trong cái xe độc mã con, giục thằng đánh xe rằng: Mao! mao! (mau, mau), thằng đánh xe trả lời: Tao tao mà cũng chẳng dịch nghĩa ra tiếng pháp cho chúng ta biết. Này một người đàn bà bán hàng rao rằng Ma - o - o - o! chia - ti - ti - ti!!! và những cô học sinh nói Miao! Miao!!! tzie!!! tize!!! Tất cả những chữ ấy không dịch ra tiếng pháp. Đáng tiếc thay! Ông lại còn cắt nghĩa nhiều tiếng khác nữa! Esprits gọi là hiou! Hiou! Chữ ấy tiếng An Nam không có, thầy cai làm bồi tên là Này, chữ Này các anh cũng đã biết chẳng qua cũng như tiếng hình dung tự của chữ pháp: ce, cet hay là cette. Người Pháp thì gọi là Fang - cha! chắc hẳn là viết tắt chữ Fa - lang - sa, bởi chữ Francia mà ra, là chữ những người theo đạo Thiên chúa ngày xưa hay dùng. Bây giờ người ta gọi là: Ông Tây, người Tây.

Đến như những tên người thì cái ấy My - ri - am Ha - ry mới lại hăng tợn, kháu tợn. Bà tìm được những tên nào: nào là bà Cây tre rừng mình, nào là bà Nhảy dưới mặt giếng, những tên ấy để cạnh đứa con nít là Zim - zi - zi thì rất là hay, ai xem đến cũng lấy làm lạ. Tiếng bản xứ aloutte là chim chà triện, chứ không phải là Zim - zi - zi. Có một thứ chim nhỏ là chim gi thật có lẽ bà muốn nói về giống chim ấy chẳng. Nhưng mà đứa trẻ con tên là Chim gi thì có lẽ nghe không hay bằng đứa trẻ con tên là chim chà triện. Một người “con gái” kêu van chòng rằng: “O - mi - to - fo” là một câu tiếng khách mà tiếng An Nam là Ai di đà phật.

My - ri - am Ha - ry mới ở qua Nam kỳ vài tháng mà đã trông thấy những đám chọi ve sầu, kỳ thực thì chỉ có những đám chọi đế, bà ấy đã người thấy mùi Zoknam, có lẽ là mùi nước mắm chẳng?

Bà giới thiệu cho chúng ta những người “thờ khói thuốc lá vào mũi nhau để thi lễ” một đám cưới “khi hai bên nam nữ đã ném mấy nắm gạo vào mặt nhau” thế là việc hôn thành, hai chú tiều đầu nhẫn thính, thổi trống ( lại không nói đánh trống).

Các anh có muốn nghe hát đờ đưa không? Này tôi cho các anh nghe một bài tuyệt thú:

Oh! tcho tchong

Oh! tcho tchong

Nghe thật dản dị êm ái và ... không có nghĩa lý gì cả, nhưng mà như nhờ ông Ba - na - vô nói: thế cũng lập được một chỗ... Bài hát đờ đưa ấy đối với bài hát ru con của bà Cây tre rừng mình, nghe tê ngắt, thì sướng lắm. Bài hát ru con rằng:

Yo - to - ol - dou! Yo - to - ol - dou! cũng chẳng ai hiểu nghĩa là gì cả?

Trong những quyển tiểu thuyết kỳ quái ấy lại còn thấy tiếng ba ba, không phải là một thứ bánh ngọt, có hương rượu mía như các anh có quyền tưởng thế đâu, ba ba cũng không phải là con ba ba theo như nghĩa tiếng An Nam đâu, ba ba đây là nourrice ở nước An Nam gọi là vú già kia đấy. Các anh cũng nên khen cái tài của bà lão kia” đánh đàn thập lục bằng ngón chân

cái” và cái trị khôn của con chó kia, nguyên nó là giống chó ở đảo Phú Quốc, là nó hiểu tiếng khách, ở nhà hát, sau những tấn tuồng hay, con chó ấy “ xủa và đập đuôi xuống sàn ván để khen con hát”.

Con giai ông Đốc đi chăn trâu với bạn gái nó là cô Tinn. Tiếng đốc là cai trị, chứ không phải là một chức quan như My - ri - am tưởng đâu. Người ta nói Đốc học là người quản đốc về học chính, Tổng đốc là người giám đốc mọi việc trong một tỉnh.

Sau nữa, chúng ta cũng nên kể một người đàn bà Cao miên, không phải quán một cái mảnh vải, mảnh nhiễu làm quần gọi là pagne, sampot hay langouti đâu, nhưng mà lại gọi là ligouti, chữ này chùng ở chữ ligotter (là trói) mà ra hẳn.

- Không phải, anh nói thế cũng quá đáng.
- Quý hữu ơi, tôi không nói điều chút nào đâu, các điều tôi vừa kể cho anh nghe đấy, tôi có thể chỉ cho anh xem trong từng trang sách một. Ấy tôi chỉ mới trích ra một vài điều sai lầm to đấy thôi. Tôi chưa đi động đến những sự sai lầm về tâm lý như những điều mà Bon - nơ - tanh tiên sinh đã mắc phải đâu. Người chủ động trong truyện của ông mới hút thuốc phiện lên, trong mình khó chịu, cũng một nhân vật ấy hút thuốc phiện luôn luôn trong 15, 16 tháng, thế mà nhất đán lại chữa được ngay, không phải cố sức, cũng không phải thuốc thang gì cả, cai được com đen chỉ vì một ả má hồng... Thôi, chứ muốn nói cho hết về đường tâm lý, có lẽ phải viết mấy pho sách mới đủ.
- Vậy thì ra không có sách đích đáng về thuốc địa ư? Không có những bức hoạ phong cảnh và nhân vật tinh xảo về xứ này ư? Thế thì đọc sách về thuốc địa còn hứng thú nỗi gì?
- Cũng có sách hay chứ sao lại không. Các anh cũng biết rằng: tôi không công kích Bu - vu - vin, Boat - si - e, Mac - ke chư tiên sinh. Ra ông ấy, mà chỉ có ba ông ấy thôi, làm những sách, tận thiện tận mỹ. Các anh hãy lấy những sách “Người chủ tế”, “ Các người nghiện thuốc phiện”, hay “ Từ ruộng đến núi” mà xem, kỹ thuật không một điều nào nhảm, nói những sự nhỏ mọn cũng không một điều nào sai, không ngộ nhận cái tâm lý của người ta. Những sách ấy phải khuyên những người mới bước chân sang thuốc địa nên đọc. Nhưng mà anh chớ có quên điều này là những nhà văn sỹ ấy đã sinh hoạt lâu năm ở xứ này và ba ông đều biết nói tiếng An Nam cả.
- Này, thôi anh nói đã nhiều rồi, chắc anh khát. Chúng ta ra hiệu con Gà uống cốc bia đã. Rồi chúng ta sẽ đưa anh Đê - săng ở đường rừng mới về, ham mê những sự khoái lạc ở chốn kinh kỳ, đi chơi lu bù công tử một chuyến.

Tất cả mọi người đều đi ra. Trước cửa, bốn cái xe con, có những cái đèn tí hon, đương đợi khách, càng xe để xuống đất. Mấy anh em ngồi lên xe, có nệm trắng, những thằng phu xe, cúi mình về đằng trước, chạy một mạch dịp dàng, kéo ra phố Ri - a - lăng, chanh tối chanh sáng. Chả bao lâu ra con đường Bôn - be và đến hàng rượu bia. Ngoài hè đầy những khách đến uống rượu, mặc quần áo trắng, nom xa chẳng khác gì một hiệu lớn bán các đồ vải trắng. Mấy anh em dừng lại một lát thôi, rồi lại lên xe. May - e người hướng đạo cho cả tụi ra lệnh cho thằng phu xe của mình thì các xe đi thông thả bước một.

Trong khi đi khắp những con đường hai bên có những vườn tối om, mấy anh em đi qua những trại cảnh, các cửa sổ sáng chung, chiếu xuống đường những tia ánh sáng, còn như ở trên không khí nặng nề có những tiếng đàn phong cầm đưa lên, xa nghe văng vẳng. Bây giờ mấy anh em đã vào phố An Nam rồi.

Những gian nhà xây bằng vôi gạch hình thức giống nhau, ở hai bên vệ đường. Lúc bấy giờ các cửa hàng hèm hẹp hầu gần hết đã đóng cửa, nhưng mà còn trông thấy những tia sáng xuyên qua những cửa sổ, còn nghe thấy những máy khâu sinh sịch, những tiếng búa của các chú thợ giầy nện dịp dàng, hay là những tiếng chày của các chú hàng thịt. Những phố này, ban ngày

thì đông nghìn nghịt như thế mà bây giờ hầu như vắng tanh, chỉ còn vài người bán xú chậm trễ đi vội về nhà.

Mấy anh khách, mấy người An Nam bán cháo đi qua, gánh những cái bếp đưa đi đưa lại, có mùi nước mắm nồng nàn xông lên.

Cháo gà! Cháo vịt! Ngầu nhục phở!

Thỉnh thoảng có nhà mở cửa ra, một con đồ đem bát ra mua cháo, giả tiền, rồi trở vào trong nhà đóng cửa lại.

Ai mía ra mua?

Ấy là một thằng bé con bán mía, bắt đầu tự tối, đến mãi canh khuya, bán những đẵn mía ngắn.

Ai mua lạc ra mua?

Đây là một chị hàng bán lạc rao hàng, chị ta đã mệt, đi từ từ, vừa đi vừa nhìn vào đồng lạc chưa bán hết, có ý buồn rầu.

Ở ngã ba, gần hàng nước, những phu xe đỗ lại. Những cu li xe ngồi lên những cái ghế con, uống thong thả những bát nước chè nóng to, hút một điếu thuốc, rồi lại kéo xe đi, chịu khó tìm khách, đi vu vơ không biết bao giờ thấy...

Bốn anh em đi vào phố Thuốc bắc rồi chả bao lâu dừng lại trước cửa một cái nhà, bề ngoài nom tử tế, các cửa sổ đóng kín mít. Trên cửa có một cái bảng sơn lem nhem, chỉ có một chữ Cà phê, dưới chữ Cà phê có chữ “Rượu vang, rượu mùi”

Cái buồng mà họ vào cũng khá sạch có bày bốn cái bàn và mấy cái ghế, mỗi cái một thứ. Trong cùng, có cái bàn để thu tiền để sát ngay vào với cái giá hàng, bày chằng thiếu một thứ rượu gì, nào là rượu khai vị, nào là rượu vang, nào là rượu “bia”, nào là rượu mùi.

Đề - sẵng lẩm bẩm rằng: Thế thì anh đã hiến chúng tôi tất cả những thú ở trong cái “Đảo khoái lạc này” rồi đấy chứ!... Trong cái nhà thanh lâu này không có ai cả, thôi anh em ta đi nơi khác.

May - e nghiêm nhiên đáp rằng: Thong thả một tí, sao anh cứ quen thói tây, cái gì cũng học tọc giốc gan như thế! Rồi May - e vào thẳng bồi, bảo nó mấy câu tiếng An Nam, Cậu bồi đi ra, chỉ trong giây phút đã về, nói:

- Bẩm quan lớn, Bà đến.

Được một lát, mấy anh em nom thấy một mụ to lớn đi lại gằn một cách nặng nề, mím miệng cười, dơ tay mời.

May - e nói một cách chân trọng rằng:

- Tôi xin giới thiệu cho các anh: Bà Sen đây là một vị phú thân. Trước kia bà đã nâng niu chiều chuộng biết bao nhiêu là tay thuộc địa say mê khao khát về chữ ái tình, bây giờ bà lại làm cái nghề mẹ giàu, những kẻ đồng thời với chúng ta muốn sao bà chiều được vậy: tất cả những ả mặt hoa da phấn, hễ thích ả nào bà kiếm cho bằng được. Tôi nói “tất cả” ... vì chỉ nhiều tiền là được hết. Tối hôm nay có các chị em không, hử bà?

- An - lê... sa - loong, sanh mi - nit, luy - vén ( Các ông hãy sang phòng khách, năm phút nữa nó lại).

Các công tử sang một cái phòng khác là phòng đã dọn là buồng hút thuốc, và gọi lấy các đồ uống mát.

May - e lại nói: Bà Sen, bây giờ chừng năm mươi tuổi rồi, trước kia là một cô đẹp nhất trong hàng con gái vùng Nam Định. Thuở còn ít tuổi cô đã lấy anh lái đò. Sau có cậu đội khổ đò sang đò ngang, bắt cô đi, thành thử cô phải bỏ cái thuyền của phu quân mà sang cái giường của cậu đội. Một viên quan hai đi qua, vào trú ở đồn người cai bếp, trông thấy cô xinh, nhăm nháy cô thì cô theo ngay ông lên trên thượng du. Cậu đội ta, vẫn giữ lễ phép với quan trên và

chào lối nhà binh một cách nghiêm chỉnh, trông thấy đoàn xe lửa đi qua đem cả tình nhân của mình và kẻ cướp sống nhân ngã mình đi. Viên quan hai chiêm được mỹ nhân ấy nhưng cũng không hưởng được lâu dài. Một cơn sốt rét độc chỉ trong vài giờ đồng hồ đã xách cổ ông đi. Bà Sen mới phải bỏ người đao kiếm mà chung chạ đứng ngồi với một chú lính “đoan” ở vùng Cao Bằng. Khi trở về trung tâm, cô lần lượt ném thử các mùi đời: trước còn quan cai trị, người làm sở Bru chính, ông Cẩm, rồi đến người Thầu khoán, sau cô sa vào một cái màn của một ông quan đại thần. Bây giờ cô đã đứng tuổi, cô thừa được cái cơ hội may mắn bất kỳ ấy để làm giàu. Trong ba năm, cô tậu được nhiều nhà, sắm được vòng vàng, xuyên vàng, tậu được xe cao su, xe ngựa, sắm được một bộ cánh cực sang. Nhưng mà người ta thường nói: nhân tình vờ thì nhiều, chứ nhân ngã thật chỉ có một người mà thôi. Sau Bà Sen đem tấm thân tự hiến cho thầy ký lục phủ Toàn quyền người Nam kỳ coi đẹp trai. Bà vẫn ở với hắn ta và cung phụng hắn ta cũng khá tốn. Ấy cũng cốt để cho có đủ tiền cung cấp thầy, nên bà đã mở ra cái cửa hàng mà chúng ta đương ngồi đây, cái hiệu này được cả mọi cách, ta nên đi lại lắm.

Tôi dám nói rằng: bà Sen thuộc tâm lý bọn nữ lưu lắm, vì bà lịch duyệt nhiều. Bà có những người tay trong ở các đại hiệu Kim hoàn An Nam, những người tay trong ấy xem ý các cô ả thích gì bảo cho bà biết. Phải biết rằng bà dùng những diệu kế như thế thì những cô khó dụ đến đâu cũng dễ đi được, những ả nết na đoan chính đến đâu cũng quyến rũ được. Bà suy tính kỹ càng, chung lưng buôn bán bán hương, được lãi bà lấy một phần ba, như thế cũng là phải chăng lắm..., thực thà lắm.

Bà có những buồng bày biện tử tế ở gác dưới cùng, để cho những khách quen đi qua vào trọ, nào giường Hồng không, nào máy quạt, mọi sự phương tiện sung sướng đời nay có đủ cả. Cái nhà này đáng tôn kính, không sẩy ra sự cãi nhau bao giờ, chủ nhân giữ cẩn thận, không tiếp lính tráng...

Bốn ả đẹp để xinh xắn đến ngồi cạnh khách một cách ngoan ngoãn. Nhưng mà ở sau lưng bốn ả này, May - e trông thấy một ả thứ năm; ả này đưa mắt nhìn sang phòng khách một cái, rồi lúi ra. May - e nom thấy thấp thoáng bóng hồng, đứng phắt dậy chạy theo, đuổi kịp ngay thì:” Chính là Cô Mai”...

Bây giờ cô Mai và May - e cùng nhau tự tình trong cái buồng nhỏ tận đằng sau cùng Cô Mai gặp ông Tây này nói thạo tiếng An Nam biết câu đưa đẩy, biết điều lễ nghi của xứ mình, cô đem lòng tin, kể cho ông nghe nông nỗi thảm thương, thấy cô than thở thì ông Tây đem lòng thương xót, vì cô là một người con gái còn trẻ chung mà đã bị cuộc đời xô đẩy đến như thế.

Lúc ông còn đương mãi cùng cô trò chuyện, không nghĩ đâu đến cái chỗ mà hai người đương ngồi, cũng không biết rằng chính Bà Sen vừa mới đi vào. Bà Sen ra hiệu cho cô thì May - e chưa kịp gờ tay ngăn cô lại thì cô đã bon đi rồi.

Được một lát May - e nom thấy Cô Mai đi qua mấy một người đàn ông, xem cái thái độ anh chàng này cũng khả nghi. Tức khắc May - e lấy làm bực mình lắm:” Sao ban nãy mình “bệt” thế, không giữ Cô Mai lại, để cho cái thằng cha lạ mặt ấy nó phổng đi mất?... Mà sao con bé này lại dễ nghe người ta như thế? Sao nó không từ chối? “ Rồi May - e nhớ lại cái tình cảnh của người thiếu phụ khốn nạn ấy.

- Tội nghiệp, con bé!

Bây giờ May - e một mình trở lại nhà Bà Sen trong lòng thương yêu Cô Mai lắm, từ xưa đến giờ chưa từng có cảm tình đối với một người đàn bà An Nam nào như thế bao giờ. Ông ư cô là vì cô khép nép, chứ cô không có xuống xã thói thường của các chị em làm nghề buôn

phần bán sơn đầu. Ông có yêu cô như một người đàn bà đồng chủng không? Có lẽ ông cũng không thể nói ra được nhưng ông thừa cái cơ hội để được gần cô.



Cô Mai trước hết lấy làm hãnh diện mà cho các chị em bạn biết cái người nhân ngãi mới của mình, cũng lẽ phép hiền lành như những người Đông phương, cũng khoan dung nữa và nhất là biết nhiều sự vật ở xứ này, giá bảo là người An nam cũng được. Rồi dần dần Cô Mai cũng cần có người bênh vực, cần có chỗ nương thân, và vì ông có tự tình với cô rằng ông sẽ ở luôn luôn tại xứ này, nên cô tỏ tình quyến luyến đằm thắm với ông. Tự bấy giờ, cô xấu hổ không cho ông biết cái bề đáng thẹn ở trong đời cô, cô hết sức che đậy, giấu giếm những sự bi tiện mà cô đã phải làm để độ thân cho đến ngày May - e nói với cô ở hẳn với ông ta.

May - e trước mới dự định, còn suy nghĩ ít lâu, sau chắc rằng lấy cô được nhiều điều tiện lợi nên mới cả quyết. Cô Mai làm cho ông được gần gũi với cái giống người ông đương ở chung nhà mà có nhiều điều ông muốn biết lắm, nhật tiêm nguyệt tí, ông học cô đến hàng nghìn điều về cuộc sinh hoạt của người An Nam mà tự trước đến bấy giờ ông không hiểu cái duyên cớ chi chi cả. Cô bảo cho ông biết cái lý do của những công việc và những sự hành động nhớ những kỳ quái mà ông ngỡ ngác không hiểu ra làm sao, người nội trợ của ông trông nom cửa nhà, tránh những sự hao hụt, ông nghĩ bụng rằng, tuy số chi thu của mình mới phải thêm một khoản tiêu nữa, nhưng mà sự tiết kiệm kia cũng gánh đỡ đi được nhiều.

Ông đã chực không lấy vợ người đồng chủng nữa, vì những gia đình Đại Pháp thường thấy người ta tả những cái khí hậu độc địa ở nơi ngoại quốc mà họ tưởng rằng ở đấy có lẽ nguy đến tính mệnh thì những nhà bằng lòng cho các tiểu thư đi ra chỗ ngoại bang thật là hiếm có.

Thà rằng lấy anh cai Lục lộ ở xứ nhà còn hơn lấy ông Ký sư ở thuộc địa. Như thế thì “cô ả” không phải ly biệt “bà mẹ”, ngày nào mẹ con cũng trông thấy nhau.

Cứ chủ nhật thì đi một bọn, người thì mang bánh, người thì mang đồ đồ ăn về nhà quê ăn cơm thì còn gì tiêu khiển bằng. Dù cái gia tài của đôi vợ chồng trẻ hay của hai bên bố mẹ có eo hẹp chẳng nữa cũng không hề gì! Cùng ở một cái nhà giả chung tiền thuê, chỉ có một đứa con hay không có con cái gì cả, cô ả kham khổ thế nào cũng đành chịu, chứ không đòi bà mẹ ra.

Vậy thì May - e không còn có chút hi vọng nào lấy được vợ ở bên Pháp nữa. Ông định ở đây với người vợ An Nam rồi đến khi ông hết hạn việc quan về hưu trí thì ông về ở một cái đồn điền, sinh hoạt tự do không bị những nhỏ nhen của các tỉnh nhỏ bên Pháp bó buộc.

#### XIV

- Bạch lạy sư cụ, ông Thủ tôi yếu nặng lắm. Gia quyến ông tôi mời sư cụ lại cầu kinh cho ông tôi được qua khỏi.
- Anh chờ tôi một lát, tôi lại ngay.

Bác Phước ốm đã gần ba tháng nay. Thầy đồ, vừa làm chức giáo sư, vừa làm ông lang đã đem hết cái học thuật của mình và nhất là đã dùng quyền Vạn bệnh y khoa là quyền sách thuốc đầu giường của thầy ra để chữa cho ông Thủ mà cũng không thấy công hiệu gì. Ông Thủ dần dần thui đi, không đau đớn gì, vợ con ở chung quanh ông mà ông cũng không biết là ai nữa. Báo tin cho họ hàng thân thích biết thì lúc ông hấp hối, mọi người đều xúm quanh ở đầu giường ông.

Chỉ có một mình bà Phước, thấy cái người mà trong 35 năm giờ là thầy mình, và cũng là người chu cấp cho mình, thấy mai sau goá bụa một mình, đường sinh nhai khó khăn eo hẹp thì lấy làm khủng hoảng, còn những người kia thấy sự tai nạn sắp sửa xảy ra đó, xem ý cũng không cảm động lắm.

Người An Nam coi sự chết như thường, cái sự khinh thường ấy là cái nguyên nhân của phần nhiều những sự hành động của họ mà cũng là cái kết quả của những sự tín ngưỡng về tôn giáo và cái cách giáo dục của họ nữa.

Đạo phật dạy họ rằng sự chết không phải là sự diệt diệt, không phải là sự hết hẳn lâu đời đâu, sự chết chẳng qua chỉ là một sự biến cải về cuối một cái thời kỳ đầy thôi. Trong cái vòng luân hồi nó quay muôn vật như cái chong chóng, không biết đâu là cùng thì sự chết chẳng qua như là đường đi quãng đường trưng mà dừng lại, quãng đường ấy là sự sinh ra đời sống ở đời, những sự cay đắng khổ sở ở trên đời, sự già, sự chết, sự đền tội và sự tái sinh.

Vả lại dân tộc Việt Nam sinh sản và sinh trưởng ở giữa những người quá vắng mà mồ mả để hai bên vệ đường hay là lác đác trong các ruộng. Hàng ngày chăm chăm vào việc thờ phụng tổ tiên đã, các ngài yên giấc trăm năm ở trong những cánh ruộng đằng kia, nhưng mà vẫn giữ cái địa vị cao quý ở trong gia đình.

Ở nước Pháp ta thì cái quan tài coi như là một đồ vật ghê gớm, mang vào tang gia thì giấu giếm hình như không muốn cho ai trông thấy cái vật sàu thắm ấy, chứ ở nước An Nam thì không thế, họ coi như là một vật thường. Biết bao nhiêu lần lại không trông thấy một lũ trẻ nô đùa nấp ở cạnh đồng sàng, ở ngoài phố, trước cửa nhà người hàng sũ đấy ư? Bố mẹ chúng nó cho liễn những người qua đường nom thấy thế cũng không lấy gì làm quan tâm. Nhân ngày khao vọng hay ngày sinh nhật mà biểu thân thích một cỗ quan tài sơn trạm đẹp đẽ kỹ lưỡng, thường có khi đắt giá lắm, là một sự thường mà lại coi như một cái thịnh tình mỹ ý nữa.

Vậy thì những người không suy xét kỹ, những nhà làm sách không hỏi cho đến nơi đến chốn, bảo rằng người chết làm cho người sống kinh hãi, thế là không phải, những người quá khư vẫn có quan hệ đến sự sinh hoạt của mọi người trong gia đình và vẫn lần quất luôn luôn ở trong nhà để phù hộ độ trì cho.

Vả lại, pháp luật cho bố mẹ cái quyền độc đoán muốn sử trí cho các thế nào cũng được đến nỗi cứ tùy ý mình mà dựng vợ gả chồng cho chúng nó hay là bán chúng nó đi cũng không sao! trong gia đình thì nghiêm khắc: người con bao nhiêu tuổi, mặc lòng, đi làm thì lương

bồng phải đưa cả về cho bố mà hề bố không thuận thì con không được tự quyết sự gì, người An Nam không chậm bập quý hoá chiều chuộng con cái như người Tây, họ thường mục kích những hình phạt về nhục thể vừa ở chốn gia đình vừa ở chỗ công môn, cái tình cảnh thầy tó thì khổ sở, bị coi như nô lệ, những gia súc thì bị đánh đập: tất cả những cái đó làm cho người An Nam thấy sự đau đớn mà không cảm động, thấy sự sâu thẳm, sự cùng khổ và sự chết mà không động lòng. Mà cái sự bình tĩnh trong tâm hồn đó, người bản xứ không những biểu lộ ra khi đối với người ngoài mà thôi, họ cũng biểu lộ ra khi đối với thân thích và bản thân họ nữa. Những thầy thuốc hay là những nhà sinh lý học, làm nô lệ những quy mô về khoa học bảo rằng người An Nam không bản gât như chúng ta, họ giống những loài vật có máu lạnh nên họ điềm đạm nhẫn nại hơn chúng ta. Kỳ thực thì cái tính lãnh đạm của người bản xứ là cái kết quả của những người quy tắc về sự giáo dục của họ, và cái tư tưởng về tôn giáo của họ những sự hành động về sự sinh hoạt hàng ngày của họ.

Nhà sư bệ vệ lúc bước qua cửa phòng niệm rằng:

- “Thanh long bạch hổ, tả phù hữu bậ, Hồng tước lại tiền, Trấn võ tại hậu phù hộ đồ trì”.

Đi được mấy bước, nhà sư dừng lại trên đường, hấp khí giới, hút vào hồi lâu, rồi thổi phù ra bên phải và bên trái và bắt đầu đi với anh Nghĩa.

Hai người đi nhanh thế mà lúc đến nhà thì ông Thủ đã hấp hối rồi, người nhà đã đặt lên ngực ông một mảnh lụa trắng giải bầy thược, để thu lấy linh hồn ông.

Nhà sư đọc nhanh một số những câu có lẫn những tiếng phạn ngữ, chốc chốc lại quen miệng đọc đi đọc lại những câu: cap - cap - sa - ba - ba, ún phá thủ - sa - ha, đọc thế mà chưa từng hiểu đích ý nghĩa là gì. Còn những người đứng xem cũng chẳng hiểu một tí gì cả, thỉnh thoảng họ lại chêm vào một vài tên.

- “Nhà sư đọc to: “Thiên địa hắc ám, Linh hồn thoát ly... Sinh ký tử quy thị tuần hoàn chi lý. Thổ đoạt thủy, khí đoạt tinh, tinh bất dịch. Tử giả tức vạn vật cạnh tranh chi kết quả giả...” (Này trời đất u ám. Hỡi linh hồn, thoát ra đi! Sự chết là sự quay về nguồn gốc bởi tại những nguyên lý đảo ngược lại. Đất đoạt nước, không khí đoạt tinh dưỡng, tinh dưỡng vẫn là tinh dưỡng. Sự chết sinh ra bởi muôn vật cạnh tranh nhau!.

Thỉnh thoảng lại thấy niệm Nam vô a di đà phật! Là câu ai ai cũng biết cả. Bấy giờ các đàn ông đàn bà và nhất là đàn bà cùng niệm Nam mô! một cách đau đớn.

Ông Trưởng hấp hối rầy rụa vài cái, thế là biết ông tắt nghỉ. Nghe thấy ông lâm bảm tụng kinh sám hối:” Lúc từ trần tôi xin thú các tội lỗi. Tôi lòng gian, miệng ác, tôi ngu độn nên phạm tội. Xin Phật xá cho tôi”. Rồi ông không nhúc nhích nữa.

Một người con giai lại gần ông Trưởng lấy một chiếc đũa ngà để vào giữa hàm răng ông để cho miệng ông khỏi ngậm lại.

Lấy một tí bông buộc vào đầu sợi chỉ để trước mũi ông Trưởng thì thấy miếng bông không đông đậy thế là biết ông Trưởng đã tắt nghỉ rồi, lấy miếng lụa trắng giải ở trên ngực ông ra để tét hồn bạch (Hồn bạch hơi giống như thằng phỗng con), rồi đặt hồn bạch lên trên ban thờ một cách rất kính trọng. Ngay bên cạnh hồn bạch, nhà sư bày một cái đỉnh có mấy nén hương đang cháy, nhà sư niệm ba lần: úm ma ni bát minh hồng, để trừ tà ma nó thường lẫn vào trong những nhà mới có người tạ thế.

Người nhà mang lại cho ông sư một cái nôi, nhà sư bỏ quế, chàm, nước hương và bạch đàn vào ngâm, nước ấy dùng để lau mình cho ông Trưởng. Rồi mặc quần áo cho ông nhưng phải mặc trái hẳn lại với lúc người ta còn sinh thời, Nghĩa là áo ngoài mặc vào trong, những cái vạt áo ngắn nhất vắt treo lên trên, sau nữa cất những cúc đồng đi cho nó khỏi làm bản xương cốt.

Việc chít khăn và đi giày cho ông Trưởng thì để cho các cháu làm.

Một người đứng xem nói “ Phải cắt những móng tay, gói làm một gói, bỏ vào trong quan tài đừng có quên.”

Thi hài đặt lên trên một cái giường nhỏ kê cao.

Bây giờ trong nhà bắt đầu lễ bái và khóc lóc rền rĩ hồi lâu.

Đến giờ cúng cơm, người con gái cả tên là Quý cúng vong linh phụ thân những thức ăn sau cùng: nó bỏ vào mồm ông Trưởng mấy hạt gạo và mấy đồng kẽm. Đoạn, nó rút cái đĩa ra và lấy một vuông vải lụa phủ mặt. Phủ mặt thế rất là có ích, vì nếu có con mèo trông vào mặt người chết, hai đàng nhìn nhau là đủ làm cho quỷ nhập tràng mà quỷ nhập tràng thì cái tử thi đứng dậy và đánh đập tàn tệ những người có mặt ở đấy, lúc nghe thấy báo tin ông Trưởng mất, vội vàng chạy cả về nhà, lấy nước vội mau mau vẩy lên tường, vẩy ra sân, vẩy vào giậu, để trừ tà ma khỏi đến quấy nhiễu trong nhà.

Bây giờ còn nhiều việc lắm, các con ông Trưởng phải chia tay nhau ra mà làm. Người con út tên là Bích đi với ông thầy địa lý tìm đất để ma. Hai người, tay cầm địa bàn, đi lang thang lâu lắm ở ngoài nhiều những cánh đồng là tư bản của ông Trưởng sau mới tìm được một ngôi đất. Bây giờ họ để cho những cu li đào huyệt.

- Bích lúc về nhà nói: mộ ông tôi để ở ruộng nhà, trên đầu làng.
- Phải, ngôi đất ấy tốt lắm. Phía đông có cái đồi, tức là cái gò, phải để quay đầu về phía ấy... Gần đấy có cái ao có cây bông gạo đủ bóng mát, phía bắc có tảng đá lớn. Thầy địa lý lấy làm thích trí, nói rằng: thế là ông Trưởng có cả mực, bút và bàn viết ở cạnh mình.
- Anh Nghĩ nói đi nói lại thế là tốt lắm. Bạch lạy sư cụ, bây giờ xin ngài định ngày đưa đám.

Hôm sau nhập quan. Trước khi nhập quan, anh Nghĩ là chủ tế, kêu to lên rằng:

- Phụ thân tôi sinh năm ngo, tháng mộc, ngày mùi. Nếu ai hợp tuổi, phải ra ngoài.

Hợp tuổi với ai nghĩa là sinh cùng năm, cùng tháng, cùng ngày với người ấy, cùng bằng tuổi nhau như hệt. Người nào hợp tuổi mà xem khâm liệm, không khéo thì chết tươi vì những quỷ sứ sai đi dân đường cho người chết, lúc đem sớ tay ra xem, thấy hai người cùng tuổi, có khi nhầm người nọ ra người kia.

Cái quan tài to tướng. Hai đầu có hai chữ Phúc, Thọ chạm vào gỗ một cách tinh xảo ở trong vẽ sao bắc đẩu. Thi hài bọc cái khăn liệm đỏ giải, đặt vào giữa quan tài chung quanh để các bùa. Lại còn để các bùa xuống dưới đầu, dưới chân, trong tay phải áo nhớ để cái giấy thông hành nhà phật để hồn lên thiên đường.

Tất cả những bùa ấy vẽ bằng chữ nho, lối chữ triện, vẽ nét nọ đè lên nét kia, thành ra hình người, vẽ bằng son và giấy mùi.

Trước khi đóng đanh vào quan tài những chỗ hở thì lấy quần áo của người mất chêm vào, ở cạnh tay để một quyển lịch và một cỗ bài để phòng khi người chết xuống âm phủ có sẵn bài mà đánh, thấy thế mà cảm động.

Rồi nhà sư tay cầm con giao phay chém ba nhát vào cạnh quan tài: một nhát ở ngang đầu, một nhát vào quăng rốn, một nhát ở cạnh chân. Vừa chặt vừa niệm câu thần chú” chặt đứt chữ tai nạn tự trên giời giáng xuống, cầu cho linh hồn được hưởng hạnh phúc! Chặt đứt những tai nạn tự dưới đất kéo lên!... Cầu cho linh hồn được tái sinh trên thiên đường! Chặt đứt những tai nạn tự gỗ sinh ra! Truyền cho những quân tà ác phải chôn đi!” Cứ nhà sư đọc hết một câu thì những người đứng đầy đồng thanh kêu to lên rằng:”cầu cho muôn đời nghìn kiếp, cứ vẫn như thế mãi!”

Rồi sau nhà sư chạy đàn, nghĩa là đi ba vòng chung quanh cái quan tài, bao giờ tay phải cũng quay về cái tử thi, tất cả những người nhà theo sau.

Những hôm sau, tự sáng đến chiều, các bạn hữu đến lễ trước quan tài, ô hô rên rĩ ba lần. Mỗi người khách, lúc ra lúc vào, có thói kèn đánh trống, kèn thì hai người thổi, những cái trống thì nhỏ con con, kèn trống nghe chẳng có vẻ buồn chút nào. Khách đến đều mang đồ lễ lại: nào cau, nào chè, nào nển, nào vàng mã. Nhiều người ở lại nói truyện hã, chờ đến bữa cơm thì nhà chủ mời ăn. Lúc bấy giờ người con trưởng thay mâm cơm cúng cẩn thận... Một hôm, về mùa xuân, lúc quá trưa, giời nắng ráo đưa ông Trưởng ra đồng. Việc phát dân từng li từng tí, việc thuê đò và án thư bàn đọc, việc thuê cu li chằm chước với một người cai phu xong rồi thì làm tờ giao kèo.

Lúc khiêng quan tài ra, nhà sư tay cầm con dao dứa, dơ khắp bốn phương và dơ lên giời ở ngay trên đầu, dọa dẫm và kêu gào:” Hãy mở cửa trên giời ra và đóng cửa dưới đất lại. Nghe nhời ta bảo, theo lệnh ta truyền những ác thú phải biến ngay không được lẩn quất ở chốn này nữa, những ma quỷ phải lánh xa con đường của chúng tao ngay lập tức.”

Ở ngoài sân chật ních những phu khiêng và khách khứa hơn ba trăm người. Người thì nói, kẻ thì cười, tất cả những người trong họ vừa kêu gào vừa dơ chân dơ tay, cùng sai bảo phu phen một lúc, thành thử râm rĩ quá thể. Thôi thì đánh chửi chán chê, rồi sau người chủ lễ mới cất được người nào vào việc ấy và đám ma mới khởi hành được.

Sư cụ bệ vệ, mặc cái áo cà sa vàng, cúc cài về đằng vai tay trái, đi trước đầu đội mũ hoa sen, tay trống gậy tầm sách, coi nghiêm trang lắm.

Sau lưng Sư cụ có cái minh tinh là bản lý lịch của người quá vãng. Minh tinh là cái khung làm bằng tre, hình như bức trướng, phát giấy, trong lòng đề chữ rằng:”Trần văn Phước, thủ chỉ làng Yên hoà, sinh tại xã Yên hoà, hưởng thọ 68 tuổi”.

Chỗ thứ ba là cái ban thờ vong, cũng làm bằng tre phát giấy mùi, trong cái nhà thờ vong linh ấy, cũng có đủ các thứ giường phản bàn ghế, giá để cho thằng phetch con dưng thì vừa xinh.

Những trẻ con khiêng những trướng đối bằng giấy hay bằng vải, viết chữ nho, tán dương đức tính người quá khứ. Có câu đối rằng:” Tắm lòng quý báu của Tiên sinh, bọn ngu điệt vẫn thường ngày kỷ niệm. Cái trí khoan dung của Tiên bối, về cứu nguyên còn phù hộ hậu sinh”. Một cái bàn đọc sơn son thiếp vàng, hai thằng cu li khiêng, bày những mâm bồng sơn son, đựng các thứ quả: na, dưa hấu, lựu, cam, chanh và Phật thủ.

Bây giờ đến cái thuyền bát nhã là cái thuyền dẫn linh hồn về núi Mê du, ở mãi tận từng thứ 36 trên giời, ở đây linh hồn sinh hoạt một cách rất sung sướng, ăn uống sương móc. Cái thuyền ấy hình con rồng, có tám vị thiên thần đưa đường.

Các vãi và các sư nữ đi, tay cầm cành phướn có viết tên các Phật bằng chữ phạn, đầu đội một tấm lụa giải: tấm lụa ấy là cái cầu mà linh hồn lúc từ trần phải đi qua cái cầu ấy nói cái thuyền bát nhã vào mấy cái long đình, trong bày những phẩm oản. Những người đưa đám đi thật chậm, vừa nói vừa cười, có nhiều bọn họp lại để bàn việc tư. Nếu không có những người nhà và những người đàn bà khóc mướn, rên rĩ, nấc nở thì ai chả tưởng là đám rước.

Vì đường xa, đám đi còn lâu mới đến huyệt, vì sợ những người đi đưa đám đói khát, cho nên người nhà hiếu chỉ khiêng hai cái hòm lớn, có nắp đậy để đựng đồ ăn đồ uống: nào cơm, nào các thức ăn, nào nước chè, vân vân...

Những thằng nhỏ đến cái “quây” đựng đồ ăn ấy, lấy thức ăn thức uống và chạy từ đầu đám đến cuối đám, mời những người này những người nọ, uống một bát nước nóng, ăn một miếng giàu, hút một điếu thuốc lá hay một điếu thuốc lào.

Cứ đi bộ hai trăm thước lại dừng lại: ai nấy đều ngồi xồm để nghỉ ngơi. Những cu li vội vàng nuốt một bát cơm, các bà đi đưa đám ăn miếng giàu rồi đám lại đi.

Hai cái minh tinh bằng giấy có hai chữ Trung Tín to tướng để nhắc lại cho mọi người biết những đức tính của người mất. Nếu có phải là người đàn bà thì đã dùng hai chữ Trinh Thuận.

Một phường bát âm có kéo nhị thổi sáo luôn luôn không rút, nghe nhẹ nhàng êm ái, lại có gõ kiềng díp dàng, đánh trống cà rùng, gõ sênh và đánh cái trống hình nửa quả cam nữa. Phường nhạc ấy đi trước cái kiệu thờ vong bằng gỗ chạm và sơn, có cái bài vị để trên cái khám con thiếp vàng. Trên bài vị có hai dòng chữ no, ở giữa Trần văn Phước, bên tay trái là Trần văn Quý. Chính giữa cái bàn đọc ấy để cái hồn bạch để thu lấy hồn người mất.

Ở ngay đằng sau lại có phường kèn trống. Phường kèn này, cứ cách từng khoảng thì giờ đều đặn, hễ bọn bát âm kia mệt nhọc dừng lại, thì ra sức tò te, thổi một khúc chậm chạp buồn rầu, như than như khóc mà chỉ có một điệu ấy thôi, không bao giờ khác.

Sau cùng, đến cái nhà táng, lênh nghênh ở trên một cỗ đò bằng gỗ thật to, mười sáu người khiêng, nhà táng giống hình cái nhà.

Con cả (chồng gậy) đi giật lùi đằng trước, còn chủ tế, tay cầm cái kiềng, ra hiệu cho cu li đi: có lúc gõ một tiếng, hai tiếng hay là ba tiếng, có lúc gõ một hồi để cho chúng nó biết phải đưa vai cao lên hay là hạ vai thấp xuống, về bên hữu hay bên tả, phải đi chậm lại, hoặc đằng trước hay đằng sau. Những hiệu lệnh ấy phải theo một cách rất cẩn thận, vì đã có bát nước đầy để trên nắp quan tài, hễ khiêng không lắc thì biết ngay. Nếu đến nghĩa địa mà bát nước còn đầy thì những phu khiêng được thưởng.

Sau quan tài thì những thân thích, nào đàn ông, nào đàn bà đi đưa đông lắm (đầu chít khăn trắng hay đội mũ mấn bằng vải trắng có giải buộc ở dưới cằm, mặc áo xô gai) lôi thôi lóc thốc, quần áo sỗ gấu, tóc bỏ xoã, phấp phới ở chung quanh đầu. Ăn mặc lôi thôi như vậy để tỏ ra trong lòng đau đớn quá chừng, không còn thiết sự gì cả, dĩ chí đến sự trang sức rất tầm thường cũng biếng nhác...

Đám ma có các mùi sặc sỡ, đi như con rắn dài bò ngang qua những ruộng. Đường đi có lúc tự nhiên dừng lại, lại có tiếng cãi nhau nữa, nhưng mà tiếng kèn trống và tiếng pháo át đi.

Nghỉ nhiều lần mà đi quanh co mãi, sau mới đến huyệt. Đi quanh co tại thầy địa lý chủ ý bắt như vậy, vì những đường bộ hay đường thủy đi thẳng một mạch thì phép địa lý cho là không hay không lợi: những đường thẳng ấy không giữ được cái khí linh tú lâu dài, nó làm cho cái khí ấy chóng tán mạn lắm.

Nhà sư đứng ở đầu huyệt, tụng mấy câu kinh, rồi hạ huyệt. Lúc hạ huyệt thì dùng đĩa bàn để lấy hương quan tài cho đúng, rồi để cái minh tinh lên trên. Những người đi đưa đám cứ lần lượt ném vãi hòn đất vào mộ.

Bấy giờ người con trưởng quỳ xuống đất, cầm lấy cái bài vị, si sụp lễ hồi lâu, rồi đưa cho người anh em họ là ông Tú, ông Tú cầm bút ngoáy một cái nom thật dẻo, viết nốt cái chữ cuối cùng mà người viết bài vị chủ ý bỏ dở dang. Chỉ ngoáy thêm vào như vậy là đủ làm cho linh hồn từ rầy nhập vào bài vị và làm cho bài vị thành ra thiêng. Còn nhà sư cứ việc làm lễ, vừa chạy đàn chung quanh cái huyệt bảy vòng vừa tụng kinh, xong rồi để bùa lên mộ. Rồi lấp mộ thế là xong.

Đốt nhà táng, đốt nhà vong và nhiều những đồ mã là những đồ khi xuống âm phủ thành ra những đồ thật cho người mất dùng, đốt xong ai nấy về nhà.

Cái khám hồn và hồn bạch đặt lên trên bàn thờ, rồi mời mọi người ăn cỗ gọi là cỗ giả nợ miệng làng. Khi mọi người đã ngồi vào trung quanh mâm cỗ rồi thì những con cháu nhà hiếu chủ, đông đủ mọi người, đến trước những khách để lễ tạ họ đã đi đưa ma. Rồi mỗi người trong họ đến đứng sau lưng một người khách, khuyên mời tươm tất, chính tự tay mình giót rượu mời khách uống. Lúc ra về, mỗi người khách lại còn lấy phần một phẩm oản nữa.

Ông Thủ mất cũng không làm cho sự sinh hoạt trong gia đình hoán cải đi nhiều. Người con trưởng tên là Quý từ rầy phải trông nom việc thờ tự tổ tiên và được phần hương hoá là một phần ruộng trong gia đình, hoa lợi phải dùng để tiêu về việc giỗ tết. Bà Phước thu xếp việc nhà với các con, bắt các con làm tờ giao kèo, ruộng nương cho các con cấy dễ.

Cô Mai đi với chồng người Tây về đưa đám ông Trưởng. Công việc xong, cô lại ra tỉnh, đầu vấn khăn trắng, từ rầy cô mặc áo trắng.

Rút cục lại, ông Trưởng mất cũng chẳng ai buồn rầu cho lắm, chị Được lại được một sự may mắn quý báu là việc hôn nhân của chị vì đó mà hoãn lại một năm nữa.

## XV

Ở trên gò suốt cả ngày sam sam như mùi gio của kim khí, gò nắng quáng cả mắt, đến chiều da gò hơi xanh xanh, dần dần mùi xanh sẫm lại thành ra mùi xanh biếc của những đêm hè, mà cái mùi thiên thanh biêng biếc ấy không ở xứ nào có nữa, dù những xứ ấy ở cách xa đường xích đạo nhiều ít mặc lòng.

Ở đằng xa kia, về phương tây, có những đám mây trắng nho nhỏ, gòn gòn, chồng chất lên nhau. Bóng ta dương chiếu vào những đám mây nom thành ra vằn mùi rục rờ, nhất là các mùi đỏ thắm nhạt đủ cả. Các mùi ấy cứ dần dần thắm lạt, phô bày ra trước mắt ta một bức phong cảnh thần tiên, biến cải vô cùng.

Cứ xem như bức tranh vân cầu ấy thì hiểu ngay rằng cái tâm hồn ấu trĩ của người An Nam tưởng tượng ra trên gò đầy những quái vật, những thần thánh, những rồng, những sư tử và nhiều những loài vật gớm ghê nữa mà những hình ảnh của những thần tiên, những vật quái đản ấy thường thấy luôn ở mỗi trang trong cái công trình của những nhà mỹ thuật bản xứ.

Chiều đến, ở Hà Nội là giờ các quan đi chơi mát, xe ngựa đi hàng giầy, nào là xe ngựa bốn bánh, xe ngựa có hai chỗ ngồi, xe ngựa hai bánh có lồi lên đằng sau, v.v. có các cậu bồ An Nam bé tí hon đánh xe và những cậu bồi cầm cương ngựa, ngồi nghiêm chỉnh, rõ ra dáng các cậu bồi những nhà quyền quý.

Về việc kén chọn các quan lại, cũng đặt ra phẩm trật giai cấp mà những người làm việc quan ở thuộc địa suốt đời phải tuân theo. Ai còn lạ gì, về hàng quan lại đặt ra nào là người làm công, người làm việc, nào là quan nhỏ, quan lớn, quan đại thần. Những người làm công là cái bọn hạ lưu làm việc sở Thương chánh, là các chú cai sở Bru chánh hay toà Lục lộ, là tất cả những người đi tàu thủy hạng ba, trong những cái buồng có sáu cái hay là tám cái giường. Những người làm việc được hậu đãi hơn, đi tàu bể của công ni hàng hải Mét - sa - dơ - ri, chỉ trông chất lên nhau ít ra là bốn người thôi: hạng này là tất cả các chức “com - mi” (tham tá tây). Còn như ngạch quan nhỏ được cái danh dự có những ông quan đã tòng sự ở thuộc địa 15 hay 20 năm mà đã bị bệnh lỵ hay bệnh đau gan không phải là ít, lương bổng cao lạ lùng được những một vạn kia. Những ông quan này được cái đặc ân đi tàu thủy hạng nhất nhưng mà luật lệ là những kẻ tuần phòng mẫn các, phải giữ cho mọi sự được có thể thống lễ nghi, vội vàng nói thêm rằng: chỉ cho đi tàu hạng nhất chứ không được hưởng những quyền lợi hay những lợi lộc khác để riêng cho các hàng quan thượng úy hay là các quan được sung vào ngạch ấy. Các quan nhỏ, các quan lớn là những người mà Ba - na - vô tiên sinh gọi là: “những hạng rệu ngon để dành, những hạng người khó nhọc ít nhất mà lương bổng nhiều nhất”...

Vậy thì ở trong thành phố tự năm giờ đến bảy giờ chiều loáng thoáng có ít người đi chân toàn là những người làm công cả. Còn những người làm việc đi xe độc mã mà chỉ có thể đi cái xe tầm thường này vì cái sổ chi thu của họ cũng eo hẹp.

“Mông sử” là một vị quan bệ vệ nghiêm chỉnh ngồi ngất ngưỡng trên cái nệm thêu trong cái xe ngựa bốn bánh lịch sự. Ông có dáng quan sang quyền quý. Cảnh Mông sử thì Bà đầm ngồi chễm chệ, bà vừa mới tô lục chuốt hồng, coi rất xinh xắn, đội cái mũ “mốt tối tân”, hiệu Lu vờ mới gửi sang. Có khi một cặp sừng đầm lại có một đứa con nít ăn mặc tầm thường mà coi lịch sự và một con vú ăn bận rất sang trọng, thành ra bốn người.



Nọ một giầy xe ngựa cao xu, xe ô tô và tất cả các thứ xe Nhà nước kéo lại; những đánh xe đội cái mũ tuần cảnh trên có sắc tam tài, những cậu bồi xe ấy được cái danh vọng đánh xe cho các quan lớn và các bậc đại thần.

Ở ngoài sân hè các hàng cà phê, quạt máy mát rượi, những người đến uống rượu nghị luận kịch liệt về cái biểu tổng kê dự định việc thăng lương bổng cho các quan lại, về thị giá của đồng bạc, về giá rẻ của những khoáng vật hay là về sự cho phép xuất cảng thóc gạo. Có mấy người nói xấu và súc phạm đến cái danh giá các bà đầm đi qua. Một vài người đánh bài tây, lại có những bàn để riêng đánh bài mỹ.

Lại có những người đi giao chơi con đường Bôn be. Những ông Tây đi trước, đi từng bọn một, và cứ bàn bạc những vấn đề quan trọng đã nghị luận ở công sở về cái lệnh cuối cùng của Toà án thương mại, về sự đem tiền công quỹ ở khoản nợ sang khoản kia, về sự mở rộng cái cảng Hải Phòng hay về việc tăng lương bổng cho các quan lại. Còn các bà đầm đi sau, bình phẩm hão huyền về các bộ cánh trong tiệc nhảy đầm mới rồi của quan Toàn quyền, thông báo cho nhau những sự đã tìm thấy ở trong những nhật trình về các mốt quần áo và nói xấu các vợ anh em bạn đồng sự với chồng mình một đôi chút.

Những bọn người ấy bước từ từ, đi lên đi xuống, tự góc hàng Gô đa cho đến hàng thuốc. Thịnh thoảng những ông Tây đứng lại, miệng thì biện luận mà tay thì cầm ba toong múa tít lên, làm cho nhời bán càng thêm vẻ hùng hồn. Còn các bà đầm đi qua con đường sang hè bên kia, hè ấy không được lịch sự, không nhiều người bằng hè bên này, các bà đầm ngắm những người cửa hàng lấp kính, trong bày các đồ vải, hay là liếc mắt nhìn cửa hàng bày đồ kim hoàn.

Ở đó, trong một tiếng đồng hồ phải cát mũ chào nhau và bắt tay nhau biết bao nhiêu lượt, giá vào địa vị các ông nghị yên đã quen chào hỏi lăm cũng nhược người lên mà ù té chạy. Lại còn lăm người đi lại, chân bước như cái máy, mặt cứng đờ như những thằng tù phải làm việc khổ sai.

...

May - e lánh xa tất cả những sự phồn hoa đô hội ấy. Ông thích đi một mình trên những con đường dài ngoắt ngoéo, tha hồ ngắm những cảnh mặt gò lặn rất là ngoạn mục, ngắm

những ánh sáng mặt trời lấp lánh trên mặt hồ Hoàn Kiếm là một hòn châu báu mà con tạo là một kẻ tài tình hay hiểu kỳ đã đem bày ngay giữa nơi thành thị.

Từ khi ông “lấy vợ”, ông không ở chung với anh em bạn nữa, ông thuê một cái nhà nhỏ sơn mùi hồng nhạt, chung quanh có cái mái hiên, những cột mái hiên có những cây hồng leo quấn.

Cơm xong, ông làm việc với một ông đồ già, ông cố xem cho vỡ nghĩa những sách tàu cổ. Khi ông làm việc đã mệt, ông ra nằm trên một cái ghế dài ở chỗ mát hơn cả, bên ngoài hiên, Cô Mai sẽ đón đến bước lại, ngồi xồm trên một cái chiếu ở cạnh ông. Bấy giờ ông đọc cho cô Mai nghe mấy đoạn truyện Kiều hay truyện Lý công là những truyện cô thích nghe.

- Minh ơi, bây giờ mình kể cho em nghe một câu chuyện khôi hài.

Ông Tây thấy vợ muốn như vậy cũng chiều lòng.

Ông kể rằng: “Ngày xưa có năm chú thầy bói chưa trông thấy con voi bao giờ. Một hôm, người ta bảo chúng nó rằng: có người quản tượng và con voi đi qua gần đây. Chúng nó nhờ người ta dắt đến và xin người quản tượng cho chúng nó sờ con voi. Anh quản tượng tính hay bông lơn cho chú thứ nhất sờ cái vòi, chú thứ nhì sờ cái ngà, chú thứ ba sờ cái tai, chú thứ tư sờ cái chân, chú thứ năm sờ cái đuôi.

Được một lát các chú thầy bói mới đàm luận, mỗi chú cảm giác một khác, cái đó đã có nhiên. Chú thầy bói sờ cái vòi, nói rằng:

- Suy cho cùng thì con voi cũng chẳng qua là một con đĩa lớn mà thôi.
- Chú thứ nhì cãi rằng: quyết không phải. Nó y như cái cán điều hút thuốc sì gà.
- Chú thứ ba kêu rằng: không phải thế đâu, tôi thiết tưởng nó chẳng khác gì cái quạt quạt thóc.
- Chú thầy bói đã sờ chân con voi, nói rằng: cứ như ý tôi thì nó xem ra giống cái cột nhà.
- Chú thứ năm cả quyết rằng: các anh nói sai hết cả, tôi đã xét kỹ cái hình giáng nó rồi: chẳng qua nó cũng là một thứ chổi cùn đấy thôi”.

Năm thằng cha ấy, khăng khăng một mực, cứ lấy ý kiến riêng của mình làm phải, phát khùng lên, cãi cọ nhau, rồi bạ cái gì vỡ cái nấy, đánh nhau một trận nên thân. Đến lúc bị bắt giải lên quan Huyện thì chúng nó trình bày sự tình, cả toà biết rằng chúng nó nhầm, đều phì cười. Rồi quan Huyện hết sức cho đem con voi lại để chúng nó sờ từ đầu đến đuôi và đuổi về. Chúng nó lúc đỡ ra về, đã yên tâm hơn trước, nhưng mà hơi bẽn lẽn một chút.

Chúng nó nói rằng:

- Quả thị chúng ta mù thật!...”

Nghe truyện xong, cô Mai nhìn chòng chọc vào mặt ông May - e, về mặt cô lo buồn, nhưng mà câu truyện tuy tầm thường, cô cũng lấy làm thú.

Bấy giờ ông May - e hỏi lảng ra truyện khác để dò xét cái linh hồn nhỏ mọn của cô, để khám phá cái khối óc của cô khác nào như cái óc của con chim vậy: nhưng mà mỗi lần ông dò thám cái tâm lý của cô thì ông vẫn thất vọng. Ngày qua tháng lại, ấy ông sinh hoạt một cách êm đềm và hơi tẻ một chút như thế.

Thị Thuận năn nỉ mãi với cô Mai thì cô Mai vay được ông May - e hai trăm bạc, về sau khâu dần vào tiền nguyệt bổng, Ông May - e cũng đã bị bà vợ “kéo tai” lâu lắm rồi, nhưng mà bà vợ mỗi ngày hỏi đến hai mươi lượt mà mỗi lần lại thở than phàn nàn lồi thồi, bà dùng cách ấy thì ông cưỡng làm sao được? Về sau ông mỏi mệt thì ông phải bằng lòng. Món tiền ấy đem về làng đã lấy làm to lắm, tâu được nhiều ruộng tốt, còn cô Mai thì được ngợi khen, đón rước, nịnh hót, bởi vì nhờ cô mới có cái cơ phong phú như vậy. Cô lại còn xin được cho bố cô làm cai nhà Đoan. Vậy thì tất cả cái sự phong phú ấy, tất cả những của cải ấy, có phải tự anh chồng Tây ấy, tự cái người da trắng ấy mà ra không? mà cái người Tây ấy, lý ung thì cô phải

khinh dể. Cho nên dù rằng cô không có tình thương yêu người ta, cô cũng phải tỏ một chút ơn nghĩa, vì người ta đã làm cho cô và gia quyến cô được sung sướng.

## XVI

Ở ngoài phố, hồi 8 giờ rưỡi chiều, có một người thông ngôn An Nam, ăn mặc lịch sự, túm lấy ngực một người An Nam ăn mặc tầm thường, ra giáng cu li và kêu đội xếp.

- Thằng này đánh tôi, bắt lấy nó cho tôi!

Thằng kia chối như ranh, hết sức kháng cự, hai bên cãi nhau, thành thử người ta kéo đến sùm đông chung quanh xem. Mỗi người nói một điều, mỗi người tỏ một ý, lao nhao ầm ỹ, chẳng còn phân biệt ra câu gì cả, chỉ nghe thấy tiếng gà hét thối.

Người thông ngôn gọi người phú lít lại bảo:

- Tôi đương đi có ba bốn thằng nắm lấy tôi đánh, chúng nó đánh tôi xong, ù té chạy. Tôi đuổi theo, bắt được thằng này.

Thằng cu li cãi:

- Tôi chẳng biết chuyện trò gì cả. Tôi đương đi về nhà, chẳng chòng ghẹo ai thì bỗng dung ông chạy lại nắm lấy tôi và đổ cho tôi đánh ông.

- Nếu không phải mày đánh tao, sao mày lại chạy?

- Tôi chạy à? Ông trông thấy tôi chạy ở đâu?

Người đội xếp ra giáng ta đây, liền can thiệp vào. Đội xếp hỏi thằng cu li rằng:

- Thẻ của mày đâu? Đưa tao xem.

Thằng cu li đưa thân thuế ra, người đội xếp xem xong, bảo người thông ngôn rằng:

- Nó có giấy thân thuế phân miêng... Thôi thầy buông nó ra... Thầy bảo nó đánh thầy, có ai làm chứng không.

Người thông ngôn quay lại nói với những người đứng xem.

- Thưa các ông các bà, ông bà nào trông thấy, xin làm chứng cho tôi”

Các người đứng xem nín yên, nhìn nhau, chẳng nói gì cả. Bỗng dung có một người ăn bận nhỏ nhắn, (nó ăn mặc chẳng ra thợ thuyền, chẳng ra người buôn bán, cũng chẳng ra thầy thông thầy pháp, học trò hay ông đồ) chạy ra đứng trước mọi người. Sau lưng nó, nghe thấy có tiếng người ngăn nó lại và bảo nhỏ rằng: ”Anh Hào ơi, việc gì đến anh, mặc kệ thầy nó”.

- Tên Hào cãi:” Sao lại không việc gì đến tôi? Giữa đường dẫu thấy bắt bằng mà tha”. Rồi tên Hào quay lại bảo người đội xếp:

- Tôi biết cả đầu đuôi, tôi có trông thấy (chỏ vào thằng cu li). Người ta đổ oan cho thằng này, không phải nó đánh.

Tên cu li, dương dương tự đắc, nói:

- Các ngài xem, ông này làm chứng cho tôi đấy nhé. Tự nhiên vô cớ, họ đổ oan cho tôi!

Cả bọn đương sà sào thì có một người ăn mặc tây bước ra, gọi người phú lít bảo:

- Tôi cũng biết cả đầu đuôi câu chuyện này.

- Người ăn mặc tây chỏ vào tên cu li rồi chỏ vào người thông ngôn, nói: Chính thằng kia đánh ông này.

Tên Hào lấy làm lạ, nhìn người ăn mặc tây ra dáng gùn ghè, hỏi:

- Nó đánh người kia bao giờ? Lấy gì làm bằng? Anh nói điều như thế, anh có được gì không?

Người đội xếp giảng hoà, bảo tên Hào rằng: “Anh bảo anh biết đầu đuôi thì anh thử nói xem”.

- Tên Hào lại nói: Không phải người cu li này đánh người kia, tôi dám quyết như thế”.

- Người thông ngôn tức mình nói: Anh lấy cái lẽ gì mà anh dám bảo không phải nó. Khéo chữa! Chính tay người ta nắm được nó, chính mắt người ta trông thấy nó mà anh cứ cãi:” Không phải nó, không phải nó!”, thật là vô lý.  
Cả đám đông trước còn rì rào, sau ồn cả lên. Người đội xếp can thiệp vào:
- Đừng làm ồn cả lên như thế vậy.
- Tên Hào bảo người thôn ngôn: Cái đứa đánh anh nó chạy biến mất. Còn người này đương đi tử tế, bỗng dưng anh đến nắm lấy người ta và đổ cho người ta đánh anh, kỳ thực không phải hẳn ta, tôi dám quyết thế. Chẳng qua là cả nhóm nuốt cá con, anh chực ăn hiếp người ta là hết.  
Người thông ngôn đâm khùng, nói: Anh có họ hàng gì với nó mà anh bênh nó thế?
- Chẳng họ hàng gì cả. Tôi chỉ là một người khách qua đường, nhưng tôi thấy lẽ phải thì tôi bênh.
- Này tôi hỏi anh! Nếu nó không đánh tôi, sao bây giờ nó lại chạy?
- Người cu li cãi: Tôi chạy bao giờ? Anh nói thế phỏng có nghe được không?
- Tên Hào nói: Ừ! Ai chạy? Chỉ vu oan cho người ta, đồ đê tiện. Vật thầy không được, vật thầy tu.  
Người phủ lít nói với người ăn mặc tây có ý nể nang.  
Ông trông thấy thế nào thì ông cứ nói.  
Người ăn mặc tây, làm bộ, nói:
- Tôi đương đi đường thì thấy ba bốn người sấn vào đánh thầy thông này, rồi chạy chôn mất. Thầy này chạy đuổi chúng nó, tôi cũng chạy theo. Chạy đến chỗ này thì thầy ấy nắm được thằng này. (Người ăn mặc tây chỏ vào người cu li). Thầy thử khám trong mình nó xem, có lẽ thầy tìm thấy gì hay đấy.  
Người phủ lít nắn áo người cu li, tìm thấy một quả đấm giấu trong thắt lưng. Những người đứng xem lại sồn sao ầm ĩ. “Phải rồi, chính nó đấy! Quả thị nó là thủ phạm!”  
Người thông ngôn và người ăn mặc tây gào lên:
- Đây các ông các bà xem! Chúng tôi có nói sai đâu! Chúng tôi xin ông đội xếp trói thằng này lại.  
Tên Hào lại can thiệp vào, nói:
- Sao lại trói người này? Không được phép.  
Người thông ngôn sùng sộ nói:
- Sao lại không cho phép. Vả chẳng, việc gì đến anh? Rõ ràng nó đánh tôi, sao anh còn cứ cãi bướng hộ nó mãi? Có lẽ anh cùng một bè với những đứa đánh tôi, cho nên bây giờ anh mới sinh sự lôi thôi để cho những đứa đồng đảng của anh tìm đường tẩu thoát.
- Một người làm chứng nữa kêu lên rằng: Phải rồi, chính phải rồi! Trói cả nó lại.
- Trói ông phỏng? Ông thách mày có giỏi thì cứ việc trói ông đi.  
Có một người can thiệp vào, nói:
- Thôi! Anh Hào ơi, thôi! Tôi bảo cho anh biết, rồi rắc rồi đấy.  
Bây giờ người đội xếp quay lại bảo tên Hào:
- Thôi anh này đừng kiếm chuyện nữa. Anh nói lôi thôi, không chịu được! Anh im ngay mồm đi không thì tôi điệu cả anh đi bây giờ.  
Tên Hào, nom mặt đã nguôi giận, nói đầu diu với người đội xếp rằng:
- Ông xử thế tôi có dám nói gì đâu. Nhưng mà thằng này lên mặt ra điều ta có cái mũ ba - na - ma và bộ quần áo tây. Nếu chỉ có một mình tôi nói nó, tôi cho nó một vố.  
Có một người can thiệp vào, giảng hoà:

- Thôi tôi đã bảo anh Hào mà, đừng sinh sự nữa! Cãi nhau làm gì? Anh cứ khăng khăng như thế thì anh bị...
- Tên Hào đưa mắt lườm hai người cừ địch một cách khinh bỉ, rồi lảm bảm rằng:
- Đội lột vấn mình! Đồ ngu!
- Người ăn mặc tây đáp lại:
- Mày đừng láo! Phường du côn!
- Người kia quát lên:
- Mày bảo ai là phường du côn?
- Tao bảo mày, chính mày là du côn, chứ ai?
- Các anh phải biết rằng cấm không được đánh nhau...
- Những người đứng xem, ồn ào, cũng nói: "Choảng! Dã cho chúng nó một mẻ! Sợ gì! Cứ bịch phứa đi. Cần gì mà nể!"
- Một người biết điều nói:
- Đã chả can họ đi thì chớ, lại còn phình mãi vào, thật bậy.
- Càng nghe thấy những tiếng nói to hơn: "Thôi cho nó mấy thôi! Chứ nó làm cho mất thể diện thế mà lại chịu nó à? Bịch luôn không tha!"
- Bấy giờ tên Hào, thấy người ta nói thế, hung hăng chạy ra, hình như muốn nuốt sống cái người áo quần bảnh bao kia:
- Mày có muốn biết du côn là gì không?
- Hắn ta vừa nói thế, vừa nhảy xổ vào kẻ cừ địch và đấm vào mặt một cái. Người kia lấy tay trái đỡ và đấm vào ngực tên Hào một quả. Tên Hào loạng choạng, mặt tái xanh.
- Những người đứng xem khen bên thắng: "Được được, lắm! Gạt được một quả thủ, lại tổng được một quả, thế mới biết thầy này giỏi võ".
- Tên Hào, phát khùng lên, xông lại đấm đá huyên thiên, chẳng ăn thua vào đâu cả. Người phủ lít bông tên cu li ra, túm lấy anh chàng nọ.
- Tôi đã bảo anh thôi đi. Thế anh có nghe tôi không?
- Nhưng mà những khách hàng bàng quan lại sợ họ thôi đánh nhau, khác nào đám cháy gần tắt lại thử châm lửa vào, họ nói tức bên thua: "Anh này được một quả đấm dễ chịu nhỉ! Có lẽ anh ta lấy làm mãn nguyện. Anh ta bị một trận nên thân".



Tên Hào kêu như ma làm. Người cừ địch nó bây giờ chắc rằng: cứ đánh chán đi cũng chẳng việc gì, dón đến bước ra, sói ngay vào mũi tên Hào một cái nữa, máu chảy đầm đìa. Người thông ngôn cũng hăng tiết lên, ở đằng sau đá vào đùi nó một cái. Tên Hào, như điên như dại, chực nhảy sỏ vào những người đánh nó, nhưng mà người đội xếp cố sức giữ lại. Nó đẩy dựa đến nỗi người đội xếp suýt nữa ngã.

- Người đội xếp phát khùng lên, nói: À! bây giờ mày dám đẩy ông phải không?

Nhưng mà tên Hào cãi bướng, nhân cái tức của nó đã lên đến cực điểm, nó quay lại cả khía đánh nhau với người đội xếp. Người đội xếp lấy quả đấm đương cầm ở tay ra kháng cự. Thành ra đánh nhau to, chả may người đội xếp bước hụt, ngã lăn ra. Cả đám đông bật cười, âm ỹ lên hồi lâu. Những trẻ con thích chí vừa nhảy, vừa vỗ tay, vừa reo: Hà! Hà! Hà! Người đội xếp ngã! Người đội xếp ngã!

- Một người đứng xem, nói: Không phải thầy đội ngã đâu, thầy ấy vồ ếch đấy.

- Lại một người nữa nói: Bác nói thế cũng không phải, thầy ấy đo xem chỗ đất họ đánh nhau ấy dài bao nhiêu để về “lập bô” ông “Cầm” đấy.

Người đội xếp cố gượng đứng dậy, phần thì thẹn vì họ chế diễu, phần thì tức với tên Hào.

- Được, mày dám đánh ông! Mày dám táo gan sinh sự với ông! Rồi ông liệu cho mày.

Người đội xếp ấy nói thế thì có một người đội xếp An Nam nữa đến. Người đội xếp này dễ người ra, bước sấn vào quát lên rằng.

- Cái gì thế? Cái quái gì thế?

Người đồng sự của hắn, bị ngã đau, vừa phủi quần áo lấm, vừa giả nhời:

- Thằng ăn mày này nó đánh tôi!

Người đội xếp mới đến, tức giận, túm lấy tên Hào, đục cho một hồi. Anh đội xếp kia, thừa được cái cơ hội tốt, lại xông vào nện tên Hào, những khách bàng quan thấy thế chỉ dương mắt nhìn, thành thử hai người đội xếp tha hồ mà khui tên Hào như đánh đòn thù. Những người đứng xem kêu ầm lên: “Được lắm! Được lắm! Thế nó mới đáng kiếp!”

Hai người đội xếp lôi tên Hào đi, nói:

- Đi lên, “bóp”! Mau lên!

Tên Hào là đứa đã gây ra sự đánh nhau, nhân lúc nhận nhạo lủi mắt. Nó thoát khỏi tay các bác phủ lít, lầy lăm mừng lăm, theo dọc đường lẩn mất. Ngay bấy giờ nó thấy một nhà ngõ cửa, nó vội vàng lỏ vào.

Bồi và bếp ông May - e nắm lấy cổ nó, lại điệu nó ra giao cho những người đội xếp, thằng khốn nạn ấy van lạy cũng không tha.

Nhưng mà cô Mai nghe thấy chúng nó cãi cọ nhau rầm rĩ, mới chạy ra. Thoạt tiên cô nhìn cái người mới ở đâu chạy đến, cô chỉ lưỡng lự một lát, rồi cô nhận ngay ra:

- Có phải anh là anh Phúc, chồng chị Duyên không?

- Chính phải tôi đây: thưa cô, có phải cô là con gái bà Thuận không?

Thằng đê mặt ấy bấy giờ mới kể lể vì có gì mà lúc nó ở nhà pha ra không thể về làng được, ở nhà quê bao nhiêu gia tài của nó bị chú “ma la bà” kiện đã phát mại mất cả. Người ta bảo nó rằng: vợ nó đi theo một tên lính khổ xanh mà nó cũng chẳng biết đi về phương lai xứ sở nào...

- Nó lại nói thêm: còn về phần tôi, tôi ở ngoài tỉnh, hễ tìm được công việc thì tôi làm... Tôi vẫn biết rằng nhà cô với nhà tôi có hiềm thật, nhưng mà mọi điều không phải chỉ tại mẹ đi nó hết cả, nó xấu nét mà lăm điều. Tôi không dính dáng gì vào những truyện ấy mà tôi khổ sở biết là bao nhiêu. Thôi tôi xin cô bỏ quá những sự trước đi: cũng không nên bói lông tìm vết làm gì. Cô giàu có, xin cô cho tôi một việc làm ở đây, tôi đội ơn cô vạn bội...

Nếu gia đình cô Mai ở gần cô thì không khi nào cô lại tha thứ cho cái đứa đã chửi nhau với mẹ cô. Nhưng mà cô ở tỉnh, xa thân thích. Có lẽ vì cô thương cái thằng khốn nạn ấy một chút mà chắc là phần nhiều vì cái lòng tự cao thấy nó kêu van, cho nên cô mới quyết ra tay cứu nó. Nhà cô thiếu một thằng cu li, cô bèn mượn nó. Như vậy, cô lại được một thằng đầy tớ tâm phúc để sai khiến!

...

...

Một buổi sáng, lúc ông May - e đương ở nhà giấy, có một người lạ gọi cửa, hỏi:

Có phải đây là nhà cô Mai không?

Cô Mai ra thì người ấy bảo cho cô biết rằng: ông Nam đã về hôm trước, ông mời cô chiều hôm ấy đến tại cái nhà ông đã thuê ở phố Hàng Bún.

- Người ấy lại nói thêm: Ông Nam dặn đi dặn lại rằng thế nào cũng mời cô lại.

Cô Mai ngồi một mình, suy nghĩ: “Biết làm sao bây giờ? Ông Nam lấy mình có treo có cưới, ông ấy có thể thừa quan An nam và bắt mình về đoàn tụ với ông ấy được... Thú thật với May - e chẳng? Cô Mai đâu lại đại dột thế! Nếu May - e biết thì chắc hẳn tống cô đi cho cô khỏi lôi thôi hay là hắn xin đổi đi nơi khác cho cô khỏi anh chồng cũ theo đuổi. Nhưng mà ở khắp trong xứ Bắc kỳ, dù cô đi đâu ông Nam cũng vẫn dò được. Và chẳng cô thấy mình

thường có người dinh mò như vậy thì cô tuy sống mà có khác nào hãm vào nơi địa ngục không? Tự bấy giờ cô không dám đi đâu một mình nữa. Tên Nam lại có tính hay hiềm thù... Nó có thể âm mưu với các bạn nó là bọn Sài Gòn làm Đoàn, để làm hại bác Thuận và làm cho bác ấy mất việc làm. Cô cứ đăm đúi vào trong những sự dùng dằng đau đớn ấy mãi...

Mà nên xử trí thế nào, cô không biết hỏi ai được? Sau nữa, cái sự cần nhất là phải mau mau định liệu, là làm cho tên Nam không mất lòng và phải đi đến chỗ hãn đã hẹn.

Cô đến phố hàng Bún, ông Nam tự biết rằng mình lỗi đạo đã nhiều, bắt đầu dịu nhời trách cô. Sau ông muốn tỏ cho cô biết rằng hai bên không có điều gì hiềm nghi nhau cả, ông làm ra giáng âu yếm, là loi, vồn vã, ông tỏ ý hết sức chiều chuộng cô cho đến lúc ông đã chắc nắm vững trong tay cái quyền làm chúa, làm thầy mới thôi.

- Ông bảo cô rằng: Từ rầy, lúc nào tây nó sở thì thỉnh thoảng mình ra chơi với tôi. Mình hãy ở với nó cho đến ngày nó về Tây... Như thế thì chắc là lợi cho mình, và chẳng tôi không ghen, tôi biết rằng một người con gái An Nam chân chính không khi nào thương yêu một người ngoại quốc... Thôi mình về đi kéo muện.

Cô Mai về nhà, cơ hồ cũng sung sướng vì cái tình cảnh ấy không thay đổi cái cuộc sinh hoạt của mình đi cho lắm.

Cái tâm sự của cô thì cô đã thổ lộ ít nhiều với tên đầy tớ là Phúc, nhờ được nó tưng đảng với cô, nên cô năng đi lại được với ông Nam, may được thẳng ở khôn khéo nên Mai e chẳng biết một tí gì cả. Cô Mai phần thì ở với May - e, phần thì đi lại với ông Nam như thế mãi, không có điều gì chất ngại, đến nỗi dần dần quên cả sự nguy hiểm.

Nhưng mà tên Nam không chừa thói cũ, đêm nào cũng đánh bạc, thường thường vẫn thua, gặp hồi đen lại càng khoét trần cô Mai đấy, cô Mai phải nín và chỉ e ông Nam sinh sự nên thường run sợ.

Dần dà tên Nam càng bắt khoan bắt nhặt, dọa cô Mai rằng nếu cô không nghe nhời hãn thì hãn kiếm truyện, hãn kể cả mọi sự cho người tây biết!... Trời ơi, xoay đâu được tiền? Ông May - e thấy cô xin mãi, cũng đã chán trường, đã tỏ ý muốn trục cô đi, vậy dần dà cô đem tất cả các đồ nữ trang và bộ cánh lên Vạn Bảo cầm.

## XVII

Trong một cái lều còn đương yên ngủ cả có một con tắc kè, ẩn ở dưới mái nhà, kêu một cách buồn rầu, trước tiếng còn to sau dần dần nhỏ mãi đi, con này vừa kêu xong thì ở tất cả những cái nhà lá bên cạnh, những con khác cũng kêu vang, tiếng kêu tẻ ngắt và chậm chạp: tắc kè! tắc kè! tắc kè!

Tiếng gà gáy văng vẳng tận đằng xa đưa lại. Những con ếch con nhái và tất cả mọi loài ở ao chuôm, hình như nghe thấy cái hiệu ấy, đương kêu đình tai nhức óc bỗng nhưng im hẳn. Chỉ con nghe thấy tiếng quốc! quốc! kêu vang không rút như tiếng búa đập liên thanh mà con quốc thì không trông thấy đâu.

Gió hây hây lay động lá cây, lọt qua khe cửa và đưa vào trong nhà cái khí mát, chị Được rùng mình thức dậy hây còn ngái ngủ, lấy tay dụi mắt, đứng dậy, đón dến đi ra sân. Chị ta lấy ở dây lưng ra một dùm thuốc, đặt vào cái điều cây, ung dung hút hai ba điếu luôn.

Giời hây còn tối, chỉ lơ thơ còn một vài ngôi sao, những ngọn tre cao mới hơn nom rõ hình, còn soi mới đến giạng đông.

Chị ta ngồi xồm, nhìn trong đám tối chung quanh mình, dần dà nhìn rõ những vật thường nom thấy. Kia ở đằng tay phải là cái nóc chùa cong cong, sân chùa, vườn chùa ngày xưa chạy vào ẩn, nó đùa thú biết là đường nào! Ở bên cạnh là cái đình làng, những ngày mưa đủ nhanh

đánh chuyền đánh chắt. Cái đám đen kia ở đằng trước, là nhà cậu Phước, về mùa hè, cứ chiều chiều, giời sáng giăng hợp nhau ở đấy để nghe những ông già bà cả kể chuyện dị kỳ. Chị ta đoán được cả cái giếng làng và cách xa một tí lại thấy cái đê ở đằng xa xa, hai bên giống những cây ôi và con sông có tiếng người lái đò hát, giọng sâu đưa lại.

Thế là chị ta nhìn qua một lượt là trông thấy cả những nơi mà chị sinh trưởng lúc thuở bé, lúc còn con gái, bây giờ đã đến ngày chị lấy chồng thì cái tuổi trẻ ấy đã qua. Trong trí cô ta dần dần nhớ lại những điều nhỏ mọn nó đã dãi dắc ra ở trong cuộc đời cô ta...

Nhưng mà chân giờ tối đen dần dần đã sáng mà sao mai lặn, báo rằng giờ đã bình minh. Phía đông mới hoe hoe sáng thì bỗng chốc kim ô chồi lên hết sân nọ đến sân kia, tiếng gà thi nhau gáy sáng, ròn rã chào mừng mặt giời.

Chị Được trở về nhà, chống cái cửa phen lên và đánh thức cha mẹ dậy.

Người mẹ vừa cười vừa bảo con rằng: Sao con dậy sớm thế? Chao ôi, ái tình khích động người ta lắm nhỉ!

Chị Được không nói gì cả, nhưng trên mặt chị ta lộ ra cái vẻ buồn. Chị ta dọn dẹp nhà cửa được một lúc thì cả nhà thức dậy tấp nập: trưa hôm ấy có đám cưới cô Được, chú rể là anh Lộc sẽ đến đón cô dâu. Bắt đầu quét dọn sạch sẽ gian giữa là nhà thờ tổ. Mấy bà hàng xóm sang giúp Thị Thuận về việc nấu cỗ, gà vịt giết từng đống, nhân anh Lộc dẫn lễ cưới to, nên chi hôm ấy mời khách ăn suốt ngày.

Có một mục tham ăn, lấy làm thích chí nói bỡn rằng:

- À hà! Chị Thuận, không bủn xin, khách đến ăn cỗ sẽ được hậu đãi, chắc không phải cười ngỗng trở về nhỉ?"
- Chị nói gì thế? Tôi nghe không rõ.
- Thế chị không biết câu truyện ấy à? Để tôi vừa vo gạo vừa kể cho chị nghe. Ngày xưa có một người keo kiệt, chung quanh vùng ấy ai cũng biết tiếng. Một hôm có người bạn ở xa lăm đến chơi, lúc đi qua sân, trông thấy vô số gà, vịt và ngỗng.
- Thế mà anh keo phàn nàn rằng:
- Khôn lắm! Sao bác không cho tôi biết trước. Bạn hiền lại chơi mà không có gì thết đãi cả? Tôi ân hận trong lòng lắm".
- Khách giả nhời: Bác đừng phiền lòng. Tôi có con ngựa buộc ngoài sân, bác đem giết đi để anh em mình đành chén cho vui.
- Vâng, nhưng mà đường xa xa xôi, bác lấy gì mà đi về được?
- Không hề gì, tôi sẽ xem trong đàn ngỗng béo của bác nó đương đi lạch bạch ở ngoài kia, chọn lấy một con, để cười về là được rồi.
- Chị Thuận nói: tôi nghe chị nói truyện buồn cười đến dút ruột ra máu.
- Một bà nữa tính cũng hay khôi hài, nói:

Còn câu truyện anh chàng uống rượu bằng cái chén bé quá mà sợ chết ghen, các bác có biết không?

- Không, không, bác kể cho chúng tôi nghe.
- Ngày xưa, ở gần đây, có một anh nhà quê cũng nổi tiếng là keo. Khi nào có khách, thì lấy những chén nhỏ bằng cái hạt mít, rót rượu để mời khách. Một hôm có khách, anh keo bảo làm cơm thết. Cứ theo thói thường anh ta lấy chén hạt mít ra rót rượu.
- Đương nhiên chén tạc chén thù thì một người trong bọn khách tự nhiên hu hu khóc.
- Chủ nhân lấy làm lo, hỏi: "Sao thế? đang lúc ăn uống vui vẻ nhường này lại nhớ đến người bạn tôi trước, uống rượu bằng những cái chén như thế mà đến nỗi chết một cách thảm thiết, tôi nhớ đến mà đau lòng.

- Lạ nhỉ! Uống rượu bằng những chén này mà chết à? Thế thì đầu đuôi câu chuyện ra làm sao?
- Có gì đâu, bác ta cất chén rượu lên mồm uống, nhưng mà cái chén nhỏ quá, thành ra nuốt cả rượu liền chén, rồi nghẹn mà chết... tội nghiệp thế!
- Mẹ Nương, hề nói chuyện là y như buồn cười.

Các bạn gái cô Được đến trang điểm giúp cô: nào vấn tóc, nào nắn khăn, nào chải tóc cho mượt, nào sửa áo cho xinh. Các cô nói nói cười cười như nắc nẻ, chuyện trò huyên hão luôn mồm.

Tuy rằng các chị em bạn vui vẻ chẳng lo nghĩ gì mà cô Được thì lãnh đạm âu sầu. Cô ngồi trên cái chiếu, nghĩ ngợi, mắt nhìn ra chỗ trống không. Có người gọi cô mấy bận nhưng mà vô ích. Cô bé con tên là Hiền trách cô rằng:

- Chị ơi, rồi tôi mách anh ấy cho chị, sáng hôm cưới chị mà chị cứ rầu rĩ như vậy. Trong bọn chúng em đây, giá có người chịu tốn tiền, trang điểm cho thật “cừ” để “cuốn” phăng ngay chồng chị đi, chị mới đáng kiếp.
- Một cô khác nói mọi cách ân hận rằng: Chị đẹp hơn cả chúng tôi, nhưng mà chị cứ thìa bữ cho nên thành ra xấu. Nếu tôi là đàn ông, tôi chỉ thích lấy người vợ tươi tỉnh để họ làm cho tôi vui vẻ. Nếu tôi trông thấy cái bộ mặt nhăn nhó gắt gỏng như mặt chị thì tôi đánh.
- Cô Phún tinh danh nói thêm rằng: Nếu chị không thể cười được thì ít ra chị cũng phải cố làm ra giáng sung sướng.

Cô Được thấy chị em nói lời thôi như vậy cũng cứ ngồi im. Cô cứ việc mình cái tia sáng ấy có những bụi “nhầy đằm”. Cô cũng nhìn ra cửa sân một cách lo sợ, có nghĩ rằng: Giá những cô khác đứng vào cái địa vị mình, được người con giai giàu nhất làng lấy thì đã sung sướng lắm... Hai người lấy nhau phải có lòng thương yêu lẫn nhau mới được: mình vẫn thường mơ tưởng cái cuộc ái tình ấy. Giá mình lấy được cái người mà mình yêu, mà mình cho là đẹp trai thì có lẽ hơn... Biết bao nhiêu lần, lúc hội họp buổi tối, ta đã chẳng nghe thấy kể những câu chuyện dị kỳ, mỹ nhân thi khách, tần tần bén duyên đây ư? Cô Kiều chả có ái tình với Kim Trọng đây ư? Mà chị hàng bán chiếu chả kết duyên với ông Thượng thư đây ư?... Các cô ấy nhan sắc thực, nhưng ta đây chả được một đôi phần điểm lệ ru?”

Cô nghĩ đến cái cuộc đời cô sau này khi đã bị cưỡng bách kết hôn với anh chàng quê kịch kia mà cô chán mà cô lại đau lòng nữa, cô thấy người ta chúc mừng cô hôm ăn hỏi mà nay họ lại sắp chúc mừng cô nhiều nữa thì cô lấy làm bực mình. Cô nghĩ thầm:” Cái anh chàng kia đã mua ta làm vợ sắp bắt ta đầu gối tay ấp, âu yếm nâng niu. Chao ôi! Ghê sợ biết là dường sao!” Cậu Lộc chắc hẳn bao giờ cũng vẫn tỏ ra hăm hở yêu đương, và sẵn lòng chiều những cái tính thất thường của cô, nhưng cô vẫn hiểu rằng tất cả những nhời vàng ngọc, tất cả những cái biểu hiện ái tình của phu quân chỉ che đậy cái lòng tình dục thô bỉ của hắn được một đôi phần mà thôi. Thế mà trong lòng cô đã buồn rầu, một mình mình biết, cô lại phải đỡ cách luyến ái, tỏ ra ơn nghĩa, vui vẻ... Thực là: sự đời lắm nỗi éo le! Đành rằng có sẽ được sung sướng hơn các bạn gái cũng một cảnh ngộ như cô mà phải làm ăn vất vả, cam bẽ thanh bạch... Những ngày hội hè đình đám, cô có áo quần hoa hột, các chị em cũng phải thềm. Nhưng cô cũng không thiết! Giá cô lấy được người học trò, nói năng văn vẻ, bàn tay nhỏ nhắn, để móng tay dài nguyệt ngao, ai nom thấy cũng biết ngay là nòi thi lễ!... Từ khi cô bị cưỡng bách kết hôn, cô vẫn thường tìm cách tránh khỏi sự phiền lụy. Cô thường sinh hoạt trong cái cảnh âu sầu nó làm cho cô hao mòn thân thể. Ban đêm, cô không ngủ được mà hề chợp mắt đi lại thấy chiêm bao ghê gớm. Cô nằm ở trong cái gian nhà chứa thóc hề con chuột chạy qua, ở trùng rí rách, con chim ăn đêm kêu, cái đóng tre cột kẹt, hề động một thí cũng đủ làm cho cô thức dậy. Cô rùng mình sợ hãi, ngồi dậy trên cái giường tồi, hai con mắt lo sợ, nhìn trong buồng tối. Đến

lúc nghe thấy tiếng cha mẹ ngáy o o, cô mới yên tâm. Tuy nhiên, đến kỳ hạn, cô cũng đành vui vẻ mà sinh hoạt rờng rã trong những tháng cuối cùng ấy, rồi cô đã biết rằng khổ sở mặc lòng...

Cô trang điểm đã xong, cô không vội vã bỏ cái giường cô đang ngồi và cô cứ vẫn nhìn một cách lo sợ ra chỗ cửa cái, hình như đợi ai vậy. Bỗng chốc người bạn gái của cô là Liên đến, thì miệng cô mỉm cười, mặt cô tươi tỉnh. Lúc cô cảm ơn cô Liên đã đem đồ lễ lại mừng cô (một vuông lụa đỏ để làm yếm) thì cô Liên cúi mình vào cô và nói thầm:

- Cô bé con tên là Phún nói: Phiền lắm! Bây giờ chị Được bỏ chúng ta đi lấy chồng, không còn ai kể chuyện cho chúng ta nghe nữa.
- Cô Được nói lầm bầm trong miệng rằng: Đi lấy chồng à! Tôi chưa đi lấy chồng đâu!
- Chị Thuận nói: Mau lên! Đừng nói rông rài vô ích nữa.

Một ông lão bung cái đỉnh vừa đi vào. Cụ đặt sính lễ lên bàn thờ và nghiêm trang báo rằng: chú rể sắp đến.

Thằng cha Thuận, lúc bấy giờ, khi đã lễ ban thờ tổ tiên xong rồi, khuyên nhủ con gái một vài câu về cái đạo làm vợ làm nàng dâu sau này, rồi cho về buồng có các chị em bồi tiếp. Pháp đốt đi đạch ở cổng làng, họ nhà giai sắp đến. Thằng bé con, sai đứng đình ở trên cây kêu lên rằng:

- Anh Thuận ơi, họ kia rồi. Họ bị đám trắng dây tơ hồng ngăn lại ở gần đình.

Theo lệ ở nơi thôn quê, tất cả những tuần đình, những thằng mõ, những phường khó rách áo ôm đã tùm năm tùm ba ở ngã ba đường tự nhà cậu Lộc đến nhà cô dâu. Chúng trắng dây tơ hồng ở ngang đường. Cứ mỗi một lần gặp một đám trắng dây chú rể cho một quan tiền kềm là sáu trăm đồng tức là mười xu tiền Pháp mới có thể đi qua được.

Nhưng mà tiếng pháo vừa mới lẹt đẹt ở ngoài dậu vườn. Nhà gái vội vàng đóng cửa lại. Cậu Lộc trong thì mặc quần áo thường: quần áo thâm, ngoài thì đánh cái áo thụng xanh sừng sinh, tay áo lụng thụng, gõ cửa.

- Trong nhà có người hỏi: Ai đấy?
- Thưa tôi là Lộc đến đón cô dâu.
- Tiền mở cửa ngõ bao nhiêu, nói đi rồi mới mở.
- Bốn quan.
- Còn ít chưa được.

Hai bên cò kè bót một thêm hai mãi. Sau nhà giai chịu đưa mười quan mới mở. Chú rể đi vào, có người bố và các bạn đi theo. Còn người mẹ, vẫn đi theo con giai tự trước đến bấy giờ, lại lộn về nhà ngay, vì nếu ngay lúc bấy giờ mà giao thiệp với nàng dâu thì tất sau này mẹ trông nàng dâu sẽ bất hoà.

Cậu Lộc nhờ một người khách thấp hương trên ban thờ ông vải, còn dì Nghĩa đi gọi cô Được. Cô Được đi ra, tay cầm cái quạt che mặt.

Đôi vợ chồng trẻ lạy bốn lạy trước ban thờ tổ, rồi quay ra mừng tuổi hai vợ chồng bác Thuận hai tuổi. Lễ tổ xong rồi cô Được lui vào buồng với các bạn gái còn những người khác ăn cỗ. Rượu vào người nào người nấy, đầu choáng váng, mặt đỏ gay.

- Bác Nghĩa nói: Này, anh Ba, tôi đổ anh câu này, tôi đánh cuộc với anh một chén rượu rằng anh không đoán được. Anh có đánh cuộc không?
- Được rồi.
- Nhà nào cũng có một bà chỉ ăn cơm trắng, là gì?
- Anh ơi, khó gì. Anh thua rồi. Là cái bình vôi chứ gì! Bây giờ đến lượt tôi đổ. Năm ông cầm hai con sào, đuổi đàn trâu trắng chạy vào trong hang, là gì? Đoán xem.
- Là ... thôi tôi thật chịu!

- Rõ thật to đầu mà đại. Là ăn cơm chứ gì. Chính thế, Tôi giảng cho mà nghe: Năm ông là năm ngón tay, hai con sào là hai chiếc đũa, đàn trâu trắng là những hạt cơm, hang là cái mồm. Anh thua rồi, phải uống rượu đi.

Cậu Lộc, xem chừng hơi sốt ruột đã lâu, bèn đục bổ cạy chén ra về. Đôi bên chào nhau rất là lễ phép.

Cậu Lộc đi được mười phút thì cô Được cũng cùng mọi người cùng đi. Lúc cô từ biệt cái lều gianh là nơi cô đã ra đời, mà không bao giờ cô lại trở lại nữa cô nhìn một cái thật dài ở chung quanh mình cô để ghi vào cặp mắt cô những sự kỷ niệm thuộc về cái nhà ấy, cô lại còn loay hoay xếp lại cái vật này, tìm cái vật khác mà cô muốn mang đi.

Di Nghĩa tính nóng nảy dục rằng: Nào! Phải đi chứ, còn dùng dằng gì mãi.

Đọc đường pháo nổ liên thanh, đám cưới đi ra, khói bay mù mịt. Người xem đứng xếp hàng ở trước mỗi cái lều, mọi người chúc mừng nhau, còn trẻ con xô nhau nhặt pháo xi.

Trong nhà cậu Lộc, mọi người đã ngồi nghiêm chỉnh cả. Lúc cô Được vào nhà, cô bước qua cái hoả lò than hồng để cho bản thân cô có nhiều người thấy đem lòng ước ao, cũng được trong sạch, lúc ấy cậu Lộc lại gần cô và cầm lấy tay cô. Cậu nói ngập ngừng:

- Này em ơi, chúng ta làm lễ Ông tơ hồng đã se duyên cho chúng ta.

Hai người bèn quỳ trước một cái bàn con trên có bày một mâm cỗ và một cái lư hương, rồi lạy bốn lạy, đầu cúi xuống tận đất. Lại lạy bàn thờ tổ bốn lạy và lạy cha mẹ cậu Lộc hai lạy.

Rồi người chú khẩn rằng:

“Hôm nay: ngày lành tháng tốt, hôn sự đã thành. Đông liễu tây đào xanh đẹp, xum vầy trong một gia đình. Ông Tơ bà Nguyệt, xe dây Tàn Tấn, khiến đôi bên như bông lúa vừa xinh. Tiếng sáo tiếng đàn vui vẻ, ngựa xe đón khách linh đình. Cô dâu tựa hoa đào tươi đẹp, vui mừng thay nữ tú nam thanh. Sinh con đông đúc, nở ngọn xanh ngành. Kính báo tin mừng tiên tổ, gọi là tổ chút chân tình. Đôi lứa trúc mai mâu thịnh, đẹp duyên loan phượng hoà thanh. Như chim liền cánh, như cây liền cành. Khăng khít tơ hồng, bể ai nguồn ân lai láng, hùng bi mộng triệu, nay mai sớm báo điềm lành. Con cái đầy nhà hơn hờ, ơn nhờ đức tổ anh linh. Cầu khẩn gia tiên phù hộ, đội ơn trời biển mông mênh”.<sup>11</sup>

<sup>11</sup> Lời chú thích của dịch giả:

Bài văn khẩn này chắc tác giả lấy ở trong quyển Văn khẩn giỗ tết của Nguyễn Ngọc và Phan Lãng. Chúng tôi xin chính lục nguyên văn như sau. Chúng tôi dịch rồi mấy tìm thấy bài nguyên văn này:  
Cưới vợ lễ tổ

Nay gặp:

Ngày lành tháng tốt, việc cưới đã xong,  
Nên vợ nên chồng, đẹp duyên, đẹp phận.  
Chỉ Tàn tơ Tấn, hai họ kết giao.  
Đông liễu tây đào, một nhà vui vẻ.  
Giao cầu kết chỉ, đôi lứa giao hoan.  
Tiếng trúc tiếng đàn, trăm xe đón rước.  
Đào hoa thắm biếc, vui chữ nghi gia.  
Mai quả bầy ba, mừng câu đãi cát.  
Vây nay bái yết, cáo khẩn Tiên linh.  
Xin tổ tác thành, giáng cho trăm phúc.  
Như mai như chúc, như phượng như loan.  
Chấp cánh riu ran, liền kèn quần quít.  
Giải đồng khăng khít, bể ai sâu dài.  
Điềm ngọc ứng ngay, mộng hùng báo sớm.  
Quế lan nên khóm, chặt cửa đầy nhà.  
Chi ngọc sinh hoa, đông đàn dài lũ.  
Muôn nhờ phúc tổ, lưu lại để dành.  
Trăm lạy anh linh, dám xin hâm hưởng.

Mấy cái mâm to đầy cỗ bàn, chỉ nháy mắt đã hết, khách ăn đông nghìn nghịt, truyện nói như pháo ran...

Đôi lứa tân hôn nhập phòng. Cứ theo phong tục ở xứ này, hai người ngồi cạnh giường, hơi xa nhau một chút, hơi quay lưng ra, hồi lâu chẳng nói chẳng rằng: đôi bên bờ ngõ nhìn nhau, hơi thẹn thùng. Một vú già bung cái mâm cỗ trên bàn thờ tổ vào, đặt ở giữa anh chị làm cho hai người sượng sùng. Hai người ngồi đối diện làm lễ động phòng. Cậu Lộc muốn tỏ rằng mình biết lễ nghi, bèn cầm đĩa, chỉ vào mâm cỗ, mời rằng:

- Mời “chị” soi bữa cơm soàng này:
- Không dám, rước anh lấy trước.

Mời mọc nhau mãi đến năm phút đồng hồ mới ăn. Cũng nhắm nháp loàng soàng, không nói gì khác, lấy câu khẩu đầu mời nhau ăn thôi. Sau cậu Lộc, suồng sã hơn một chút, dốc từng nĩa đĩa đồ ăn vào bát nhai nhồm nhoàm. Còn cô Được ra dáng nghĩ ngợi, thỉnh thoảng mới nhắm nhót một miếng.

Bây giờ mới làm cái lễ cuối cùng cái ngày long trọng này, để cho đôi bên cùng nhau tạc một chữ đồng từ đây: cái lễ này gọi là lễ Giao bôi hay là lễ Thành thân. Cậu Lộc rót một chén rượu, nghiêm trang uống một nữa, rồi đưa cho vợ. Cô Được trước còn có giáng lưỡng lự, sau dả cách uống cạn chén rượu, nhưng mà cô đưa gần cái khăn mặt lên miệng hình như muốn chùi mồm, rồi tia cả rượu vào đấy, không cho cậu Lộc biết. Cô lấy làm bằng lòng, trong mắt cô có một tia sáng hoan hỉ chiếu qua, vì đối với lương tâm cô thì như thế là đám cưới cô vẫn chưa định, vậy thì cô còn có thể đường phương tiện: muốn ở hay muốn đi tùy ý.

Cậu Lộc chẳng hiểu gì cả, mồm cứ việc nhai như thường. Chốc chốc cậu lại tợp một chén rượu nhỏ, đầu chệnh choáng, mặt đỏ gay, tửu nhập ngôn xuất. Cậu tỏ cho cô biết rằng cậu lấy được cô lấy làm vui mừng lắm, cậu nhắc lại cho cô nghe những sự sợ hãi của cậu khi xưa vì thấy việc hôn nhân không thành. Mà chính cô Được xưa kia tệ ác quá! Thấy cậu là lánh mặt, làm cho cậu chán nản... Thế mà nếu cô không thuận lấy cậu thì cậu khổ sở biết đường nào!

Khi cậu Lộc nói thì cô Được nhìn trộm. Cậu mặc cái áo mới lịch sự như áo mượn mà cậu thì nom như một người khác, cậu đội cái khăn chỉnh tề, khác hẳn cái anh chàng vị hôn nhân cục súc ngày xưa đã làm cho sợ hãi. Nay cậu được mãn nguyện thì đã hơi bạo dạn, cậu đã đỡ ngọng nghịu. Biết đâu đấy? Giá khuyên bảo cậu một đôi chút thì có lẽ cậu đã thành ra một anh chồng “thương được”. Đành rằng cô không thương yêu cậu. Nhưng mà thấy cậu vừa kể những nỗi khổ tâm ngày trước thì cô cũng động lòng thương, lúc cậu hỏi tưởng lại cái nông nỗi gian truân thì mặt cậu rầu rầu, đau đớn biết bao!... Cô Được dỗi lòng, lại thành ra người tử tế âu yếm và tự trách mình đã nghĩ ngợi những truyện nhảm nhí nực cười.

Cô tự nghĩ rằng:” Ta mơ tưởng cái cuộc ái tình viễn vông chả hoá ra điên dò sao? Cái người mà trí não ta tưởng tượng, cái lòng ta ao ước, liệu có khi nào ta gặp được không? Còn người này yêu ta, làm cho ta sung sướng, cho ta khỏi phải sinh hoạt vất vả ở trong cái túp lều của cha mẹ ta, sao ta lại không ưng thuận hẳn?”

Vả lại, cô vẫn sẵn lòng tham thanh chuộng lạ thật mà cô lại sợ. Giá anh chàng này biết điều ăn tiếng nói như ý cô sở ước thì cô cũng có thể bãi bỏ những điều dự định của cô đi mà ở lại. Bây giờ cô nhìn vào cậu chồng chọc, một cách lo buồn, hi vọng rằng cậu sẽ làm cho trong lòng cô lai láng cảm tình như ý cô sở nguyện, mong rằng cậu sẽ ngập ngừng nói ra những câu ân ái, những nhời tình tứ nồng nàn. Những câu huê tình ấy, chưa từng có ai rủ rỉ bên tai cô bao giờ mà cô cũng đoán ra được, cô cũng gần thuộc cả, vì những câu huê tình ấy vẫn thường hát ở trong làng. Cô rất là cảm động, con mắt nhìn cậu bấy giờ đã bớt cái vẻ nghiêm khắc, cô lại tìm tìm cười, cô làm thế để cho cậu nói truyện...

Cậu Lộc thấy cô khoan dung như vậy thì trong lòng phần khởi, cậu lại gần cô một chút và cầm lấy tay cô. Cô Được chiều lòng cậu, không động đậy nhưng mà cúi mặt xuống. Cô ngượng ngập bối rối quá đến nỗi cô nghe thấy trống ngực đánh thòm thòm. Sau cậu nói rằng:

- Này, em ơi, chúng ta sẽ được sung sướng. Từ rầy cả làng ao ước được như em, vì thầy me anh đã hứa tậu cho anh hai con trâu và cho anh mười mẫu ruộng. Nhà anh không ngại tốn đâu! Em có biết rằng hôm nay cưới chúng ta đã giết một con bò, hai con lợn và sáu mươi con gà. Còn rượu mua ở ty về một thùng đầy. Này chúng ta giàu nhất trong làng đấy và con chúng ta sẽ được hưởng gia tài to.

Cậu Lộc cứ nói hoài, không gãy gọn, liên thoáng kể cả của cải nhà mình, kể các ngôi thứ của thân thích.

Cô Được chán nản, dần dần rút tay ra. Con mắt cô lại nhìn một cách đăm đờ nghiêm khắc, nét mặt cô lại lãnh đạm. Cô dần dà xa cậu ta, và bấy giờ thấy cậu đã sau rượu.

Ấy cái cuộc sinh hoạt mà cô hi vọng là thế đấy. Ngày ngày cô sẽ phải chung chạ thân thiết với cái thằng thô tục ấy!.. Các chú nhà quê ấy trong trí chỉ chăm chăm nghĩ đến ruộng nương của cải thôi... Anh ta chỉ mong cho một ngày một giàu thêm... Cái sự tiêu khiển của anh ta chẳng qua chỉ là những bữa đánh chén thô tục ở trong làng, cùng nhau ăn cho no, uống cho đầy mà thôi.

Những tấn kịch mà cô đã thường mục kích ở trong nhà khi bác Thuận uống rượu say ở ngoài đình về, những tấn kịch như thế sẽ lại diễn ra ở trước mắt cô. Rồi cậu sẽ cũng gất gông, chửi rủa, đánh đập hung hăng. Cái mộng tưởng tốt đẹp của cô, cái sự hi vọng mong manh của cô còn soi mới đạt được. Thôi, cái thằng thô tục ấy, hễ mở mồm ra lại nói đến trâu đến lợn thì còn mong gì nó nói cho nghe những câu hữu tình, những nhời thành thực đằm thắm nữa. Chóc nữa cô sẽ trốn đi. Dù tương lai của cô thế nào mặc dầu, cũng còn hơn phải sinh hoạt ở đây.

Mà nếu cô không gặp được cái người chồng mà cô mong đợi thì cô cũng đành gửi mình của Phật để khỏi phải ăn ở với đồ hôi tanh...

Còn cậu Lộc cứ nói hoài, cứ mỗi câu lại ọ một cái râm rĩ:

- Em ơi, sang năm, anh khao dân làng một tiệc và anh “chạy” cái chân phó tổng. Mọi người sẽ bầu cho anh cả đến những người đi đạo nữa, vì anh sẽ nhường cho họ miếng đất giáp nhà thờ mà họ cần dùng... Đấy em xem... nhà ta hào phú...

Cậu nói đến đó, mồm líu lại, nói ngập ngừng vài câu nữa, rồi nằm dài ra giường, ngủ tít một mạch.

Cô Được lấy làm chán, đứng dậy. Ở bên cạnh buồng, khách nói to, cô nghe thấy họ nói ồn ồn cũng đủ biết rằng họ uống đã nhiều chai rượu lắm rồi.

Giờ sắp tối, lúc ấy có lẽ tiện cho cô. Cô lại gần cửa sổ, mở cái phen cửa sổ lên, sẽ sẽ gọi:

- Liên ơi! Liên ơi!

Cô Liên nấp sau hàng rào, chạy ra, đưa cho tôi một cái gói và nói rằng:

- Này, cái gói quần áo mà chị đưa cho tôi hôm qua đây. Đã có xe đợi chị ở góc chùa kia. Chào chị nhé” Cô Được vội vàng, chỉ một lát đã cởi bộ quần áo cô dâu ra và mặc quần áo thường của cô, cái bộ quần áo cô dâu hào nhoáng ấy là đồ sánh lễ của cái anh chồng mà cô khinh bỉ. Cô nhẹ gói bước qua cửa sổ rồi cứ men bờ giậu đi ra chùa. Cô thì thoả mặc cả xe, rồi trèo lên, đương đêm tối trốn đi.

## XVIII

*Bóng giăng mới mọc rù trong  
Mặt ai vẻ mặt nông còn hơn:  
Nhìn ai quên hết nỗi buồn.  
Bóng giăng mới mọc rù thanh,  
Giáng ai yếu điệu cho mình mê say:  
Nhìn ai quên hết đắng cay.  
Bóng giăng mới mọc êm đềm,  
Mặt ai sao khéo giải phiền lòng ta:  
Thuốc nào độ được ru mà?*

Thầy Vinh đang ngồi ngân nga, những chỗ hay thì đầu gật gà gật gù, miệng ngâm thơ, tay cầm quạt gõ nhịp. Bài thơ ấy là bài thơ ở trong Kinh Thi, ngày mai thầy phải giảng nghĩa cho những học trò lớn.

“Bài thơ mấy hay làm sao! À! Những bậc tiền bối thật là biết viết văn! Nghĩ đến rằng những bài văn ấy mai một đi thì buồn cả ruột... Ở những học đường bây giờ, gọi là duy tân học hiệu, mà nhồi cho trẻ con địa dư và toán pháp thì được kết quả gì? Dạy cho chúng nó bỏ gia đình hay dạy cho chúng nó tham tiền của à? Như thế thật là ích lợi biết bao!... Từ khi Tây sang, những con em chúng ta bỏ cả mỹ thuật văn chương mà xô vào kỹ hà học và cơ khí học... khốn nạn thật! Ông cha ngày xưa nằm cái chõng, nay chúng nó khinh cái chõng, chúng nó ưa giường đồng kia! Chúng nó phải có quạt máy và ăn bánh tây cơ... Nay đi xe tay chứ không đi cáng nữa!... Các cửa hàng lớn bày biện trang hoàng làm loạn cả óc đồng bào chúng ta, khiến người nào cũng muốn cực kỳ xa xỉ. Nhưng mà lấy cách gì để cho thoả cái lòng dục vọng những sự nhu yếu ấy được?... Tiền bạc có đâu lại rơi vào trong túi họ, họ muốn bao nhiêu cũng được! Vì đó thành ra cái lòng bất mãn, luân thường đảo ngược, làm tiêu diệt cái hạnh phúc thái bình nó đã làm cho ông cha chúng ta ngày xưa được ung dung tự tại... Tôi hãy hỏi lại làm sao lại làm cho người ta tham lam hão huyền chỉ cho người ta cái mục đích tối cao mà không thể thực hành được, sao lại làm cho chúng ta bỏ những sự lạc thú dẫn tiện và tự nhiên mà ông cha chúng ta xưa kia lấy làm mãn nguyện. Vậy thì cái tiếng: mau chóng mà người Âu châu say mê có phải là cái hạnh phúc tuyệt đối không?... Những người Tây muốn” đốt cháy cái đời người” như vậy, có phải là họ điên rồi không? Họ cũng giống như trẻ con, bao giờ cũng muốn các cái mình chưa có và lấy cái ý ngông cuồng của mình mà “quay cái bánh xe thì giờ” đi. Những người Tây khốn nạn ấy, cuộc đời này náo động ít lâu, một ngày kia tỉnh ra thì tuổi chưa mấy mà đã già, nhọc lữ người ra, bấy giờ mới biết rằng cố gắng cũng vô ích... Họ cho những cái phiền toái mà họ mục danh là tiến bộ ấy là hạnh phúc. Còn cái hạnh phúc mà chúng ta cần lấy ngày xưa là ở trong đôi câu đối hay, trong cuộc đấu văn, đấu trí. Còn gì bằng, dưới bóng giăng trong, ngồi ở ngoài sân, mùi hoa tốt hương thơm ngào ngạt, uống chén rượu cúc, làm mấy câu thơ réo rắt, tán tụng khách má đào?...

Bây giờ thì đi xem chớp bóng, uống rượu sâm banh... Thương hại thay!... Ngày xưa thì bằng hữu tổ chức những cuộc âm nhạc thanh nhã. Những ả đào theo tiếng sáo tiếng đàn mà nhảy múa rập rờn. Những người cao hứng thỉnh thoảng lại nằm ngả xuống giường, hút mấy điếu thuốc phiện ngon ở Vân Nam. Những đầy tớ có ý tứ và kính trọng, bung lại chén nước chè thơm hay cái điếu ăn thuốc Lào, điệu bộ có phép. Than ôi, tất cả những cái lịch sự ấy nay mất hết!... Cái lớp tân tiến này, nào các quan, nào người văn sĩ, nào người buôn bán, ngồi sêm sệp trên những cái trường kỷ mây, miệng tròn tròn như cái đít gà để ngâm cho vững cái điếu sị gà to bằng cái cột đình, ngồi nghe máy nói...” Ấy thầy Vinh ngồi trong thư phòng nói một mình như vậy. Chung quanh thầy toàn những sách, với tay ra là lấy được ngay mà sách là

những bạn thân của thầy. Thầy nói:” Chỉ có những sách vở này mới thật là bạn của ta, vì họ biết đàm luận hay im đi tùy theo ý ta”. Thầy thích bạn với sách vở hơn là bạn với người đời hay lắm điều, mà thầy cư xử như vậy là vì thầy theo như nhời giáo huấn trong sách Luận ngữ:”Hãy ghét những quân miệng lưỡi rộng dài làm cho tan nhà đổ nước”, (nhất ngôn khả dĩ táng bang).



Đương tháng sáu tây, giờ nắng chang chang, cả tỉnh bức sốt, mà ở trước cửa sổ treo màn màn thì trong nhà kẻ cũng mát mẻ dễ chịu. Ở ngoài thì mặt trời chiếu rọi vào trước cửa quét vôi trắng, quét vôi thế thì vì có lệnh của cảnh sát. Trong cái lúc trưa này mọi vật đều nghỉ ngơi cả mà ngoài đường vắng tanh, im lặng như tờ. Trên bờ hè, dưới mái hiên, có mấy con chó an nam nhỏ nằm bẹp bụng xuống đất, hai chân sau ruỗi dài, thiu thiu ngủ, lưỡi lè ra.

Thầy Vinh ngâm đi ngâm lại mãi bài thơ vịnh mỹ nhân:

*Bóng giăng mới mọc rù thanh,  
Mặt người thục nữ còn tình bằng trăm...*

Bỗng có tiếng gõ cửa làm cho thầy phải nín lặng: ấy là cô Vinh là người vợ đáng kính trọng của thầy. Cô Vinh nói:

Cô này là cô Được lại ở chơi nhà ta mấy hôm.

Thầy có tiếng người khác nói:

- Em chào thầy...
- Thầy Vinh ngừng đầu lên, nhìn thấy hai con mắt to và đen, nét mặt đã xanh ngắt, tóc lại đen nháy, thành ra mặt lại càng thêm xanh nữa. Thầy vừa giả nhời xong thì người con gái đã bước ra. Thầy trong theo một lúc rồi lại ngâm:

*Hễ mà gặp mặt tri âm,*

*Trong lòng rầu rĩ âm thầm cũng nguôi...*

Thầy đặt quyển sách xuống, trong bụng nghĩ rằng: “Người con gái này đẹp lắm, người nào được “cô ta đến ngồi trong nhà” thì sung sướng biết bao!... Giá ta không làm bạn với cụ Vinh, xấu tính xấu nét, chí lự hẹp hòi, thì có lẽ ta gặp được con người đào tơ lịch thiệp này... có lẽ ta... Nhưng mà thôi, nhất là đối với bọn đàn bà thì không nên nghĩ ngợi viển vông, thương tiếc hão huyền để mất thì giờ vô ích. Trong ngũ kinh có nói:” Không có một điều giáo huấn gì ích lợi, không có điều gì hay mà tự người đàn bà phát minh ra cả”. Vì thế mà người ta liệt đàn bà vào hạng quan thị đã làm cho triều đình bên Tàu khóc hại biết bao!... Chính cái đẹp của bọn phụ nữ là cái nguồn đau đớn thâm sâu. Người mỹ nhân mà can thiệp vào những vấn đề để riêng cho bọn nam nhi thì người mỹ nhân ấy là con cú độc ác... Kinh Thi nói rằng:”Xưa kia chúng ta có những ruộng tốt, bọn đàn bà đã chiếm của chúng ta. Xưa chúng ta là chúa tể, bọn đàn bà xô đẩy chúng ta vào vòng nô lệ. Cái điều họ ghét là sự vô tội, mà cái điều họ yêu là sự tội ác. Người chồng không ngoan thì xây tường chung quanh, nhưng mà người vợ tính hay thóc mách lại đập đổ. Than ôi! Đàn bà là con chim tiếng kêu sinh tai vạ, đàn bà là cái thang để cho những tội ác trèo xuống... Chúng ta bị tuyệt giết không phải tại giờ, chính là tại người đàn bà... Đàn bà làm hại loài người, đàn bà làm cho nhầm lẫn, họ còn nghĩ bụng rằng: ta có làm gì đâu?... Cho nên những chữ nho nghĩa là phản nghịch, gian trá, ghen ghét, gian dâm, dâm ô, đĩ thoả, tham lam, siểm nịnh, dục vọng, lẳng lơ, nhiễu loạn, trặc trở đều liệt vào loại chữ nữ cả. Đây là mới kể mấy chữ đó thôi.

Đạo Phật từ bi cũng không ưa bọn phụ nữ hơn đạo Khổng. Đạo Phật dạy rằng:”Ta phải lánh bọn đàn bà cho xa. Đừng nhìn đến những giống tà dâm ấy, tiếng họ nói dễ mê người. Thà rằng đành chịu thịt nát xương tan còn hơn để họ quyến dỗ vào đường dâm dục”. Ừ, thật quả thế...

Thế mà những nhà văn sĩ còn tán dương cái duyên cái đẹp của người đàn bà trong sách họ đây rầy những truyện ái tình... Vậy thì biết nghe ai được?

Cô Được sau khi ở nhà trốn đi, lên lần lút ở Hà Nội. Cô không dám đến nhà chị là cô Mai, sợ người nhà dò được ngay, cô đến nhà thầy Vinh, cô Vinh là người cô quen biết. Cô buồn rầu kể lể việc ăn hỏi và cưới xin cưỡng bách đã làm cho cô đau đớn trong lòng và việc cô vừa mới trốn đi.

Cô kết luận rằng: Bây giờ tôi còn hòng gì nữa, thôi thì nương thân cửa Phật, cho không ai biết đến mình nữa là xong.

Bà Vinh trả lời: Phải! nhưng mà trước hết em phải viết thư về nhà, nói cho nhà biết những cái ý nguyện của em và trong làng khỏi đàm tiếu.

Mấy tuần lễ trước cô khổ sở bao nhiêu thì bây giờ cô ở Hà Nội lại ung dung bấy nhiêu. Cô ở trong cái gia đình không có trẻ con ấy thì cô được quý hoá chiều chuộng, dần dà cô cũng yên thân. Cô được ở nơi bình tĩnh ấy, khỏi phải mẹ ác nghiệt hay mắng chửi, mà bố cô thì hiền lành quá, lại sợ vợ, thành ra không thể ngăn cản được trong gia đình khỏi xô sát luôn luôn, cô

khỏi phải nghe những nhời cãi nhau luôn luôn ở trong nhà vì sự túng bán keo cú thì cô hình như uống được một thứ rượu thần tiên nó làm cho cô quên hết cái nỗi trước, nó làm cho cô sinh lòng ham muốn sự sống, khác nào như cái cây đã héo lại mới được màu bón vào. Mới rồi cô chẳng buồn trang điểm, nay cô chải chuốt kỹ càng lắm.

Cô nắn nót cái làn khăn cho nó ưa nhìn, cô hết sức sửa sang thay đổi bộ cánh cho nó đẹp mắt. Cô sinh hoạt sung sướng như vậy vài tuần lễ mà dung nhan đã thấy khác, khi cô soi gương cô cũng khó lòng mà nhận ra rằng mới mấy tháng trước cô còn là một người con gái ẻo lả.

Tự lúc cô mới đến, trong nhà lắm việc, cô đã biết giúp đỡ, tỏ ra người hữu dụng, thế mà cô cũng còn nhiều lúc rỗi. Cô biết chữ, nên những lúc rảnh cô xem những tiểu thuyết và thơ phú ở trong tủ sách của thầy Vinh, những tiểu thuyết và thơ phú ấy nhiều lắm. Hoặc khi cô mượn thầy Vinh quyển sách, hoặc khi cô nhờ thầy Vinh cất nghĩa những đoạn khó hiểu, cô thường lại văn phòng thầy Vinh luôn luôn. Dần dà những lúc rảnh việc nhà, cô quen đến đó. Vì hàng ngày lân cận như thế nên thầy trò trước còn: tình trong như đã, mặt ngoài còn e, sau cô em và thầy Vinh cũng không ngờ mà những cái dây vô hình nó dần dần giàng buộc hai người lại, hai người có tình với nhau mà cái tình ấy êm đềm hơn cái lòng yêu quý và nồng nàn hơn cái nghĩa bạn bầu. Thầy Vinh thích kể cho cô nghe những truyện khẩu truyền hay của nước Cổ Việt, nhờ nhờ thầy bay bướm thật êm tai mà lại cũng hùng hồn và dạn dĩ, thầy kể truyện một cách vui vẻ lạ lùng mà cái khoái lạc của thầy lại vị kỷ hơn. Dần dà chính thầy lại mong được gặp mặt cô, thầy tuy lão mà tâm bất lão, đến gần cô thì lại thấy mình trẻ lại. Và chẳng thầy tuy đã có tuổi mà giáng điệu vẫn mềm mại xuân tình lắm. Đối với bọn phụ nữ thì thầy có cái điệu bộ vừa lịch sự vừa lễ phép, cái lối huê tình nhã nhặn, cái cách tán tụng có duyên, nhiều khi làm cho gái mê hơn là những tình tứ sâu sắc.

Cô Được cũng không thoát khỏi cái lối tán khéo của thầy, cô yêu cái bộ mặt nghiêm chỉnh và hơi buồn của thầy Vinh, cô yêu cái cặp mắt của thầy thường lừ đừ vì mộng tưởng xa xôi, cô yêu cái tiếng nói mặn mà và lạnh lạnh của thầy và cả cái cách thầy nghiêng đầu khi nói chuyện. Ấy cũng vì đồng tâm đồng chí như vậy cho nên cái cuộc đời của hai người càng ngày càng thêm thân mật.

Từ trước đến giờ thầy Vinh vẫn ở một mình trong cái nhà của nhà, thầy ở riêng trong văn phòng, chỉ trừ khi nào thầy cấp tiền giúp đỡ, hay vợ thầy, lằng loàn quá đỗi, nỗi tam bành lên mà thầy phải dẹp cho yên thì thầy mới can thiệp vào việc gia đình mà thôi. Thầy cũng như mọi người phương Đông, lấy vợ là theo chân lý chứ không phải theo ái tình, nên thầy không bao giờ nghĩ đến rằng người đàn bà là một sự bổ khuyết nhu yếu cho cái cuộc sinh hoạt của người đàn ông. Cứ như ý thầy thì người vợ và cha mẹ bắt thầy lấy chẳng qua là một hạng tôi tớ có nghĩa hơn mà thầy không được ngược đãi lắm. Vì vợ thầy không có con giai để sau khi thầy trăm tuổi có người cúng giỗ nên thầy không cho vợ thầy cái địa vị cao quý mà luật An Nam đã để dành cho những người mẹ ở chốn gia đình. Nội những người đàn bà mà thầy đã quen biết, ngoài chốn gia đình, trong lúc hội hè hay trong khi họp tập ở chốn văn đàn, không người nào đã làm cho thầy mê đắm lâu bền. Thầy yêu mến “hoa hàng” chứ cái kho báu tình ái ở tận dưới đáy con tâm của thầy thì thầy chưa từng đụng đến bao giờ...

Thị Thuận phải ở lại nhà quê vì còn bận gặt hái, mẹ đã đưa tin cho con gái mẹ biết rằng mẹ rất căm tức vì tại con mà mẹ bị cái nông nỗi khó khăn. Bố mẹ tên Lộc tức giận về nỗi con mình bị khinh dễ, dọa đi kiện, ít ra cũng phải hoàn lại cái thức lan giai xách lễ, nhưng vì cùng quẫn quá không sao giả lại được, bố mẹ cô Được sẽ tính ra làm sao đây? Không hiểu vì lẽ gì mà cô Được lại chê người con giai giàu nhất trong làng, cô là một người bạc tình. Cả nhà ai cũng căm tức cô, lại còn nỗi cô trốn đi như vậy làm cho người ta đàm tiếu thậm tệ. Giá cô trở

về ngay thì người chồng còn có lẽ đoàn tụ, nhưng mà bây giờ đừng có hòng nữa. Vậy cô chỉ còn việc thi hành mau mau cái chí nguyện đi tu mà thôi. Chỉ còn cái cấp ấy là bố mẹ tên Lộc có lẽ không thù hiềm nữa mà gia đình khỏi khánh kiệt. Vợ chồng bác Thuận thấy con đi ở chùa thì cũng đành thế cho thanh khoản ngay đi. Vợ chồng bác Thuận cũng tin ở cái bụng tốt của con không nỡ để cho cha mẹ khuyh gia bại sản. Và chẳng bác Thuận gái đã báo tin rằng con sắp sửa về.

Nếu cô Được, trong những lúc khó khăn vừa qua đó, đã nghĩ đến cái kế đi tu, cái kế còn lâu mới thi hành thì cô cũng không sợ hãi gì. Cô hãy còn trẻ người non dạ, cô nghĩ rằng thế nào sau này cũng sảy ra sự gì ngăn trở cô không cho cô thi hành cái điều dự định ấy.

Nhưng mà bây giờ cô bị bách thúc thì cô lo sợ lạ lùng. Mấy tuần lễ mới rồi cô sung sướng biết dường nào! Cái “thế giới” mà cô sắp sửa phải từ giả thì cô lấy làm vui vẻ biết bao mà cái cách sinh hoạt ở đây cô lấy làm khoái lạc lắm. Và trong lòng cô đã nảy ra một cái tính tình cô cũng còn chưa tả được, nhưng mà cô biết rõ rằng cái tính tình ấy đã phát sinh ra, cái tính tình ấy nó giàng buộc cô với cái nhà ấy mà người ta bắt cô phải từ biệt. Cô hết sức tìm cách để trì hoãn cái kỳ hạn ghê gớm ấy, cô có nói chuyện với chị cô là cô Mai để nhờ chị giúp hộ, nhưng cô Mai khánh kiệt vì thầy Vinh, thường thường túng bán, không còn ai giúp đỡ, đồ nữ trang cũng chẳng còn, có gì đem lên Vạn Bảo cả rồi. Ông May - e thấy cô xin mãi cũng chán, đã bảo cho cô biết rằng không cho một đồng kẽm nào nữa, cô đã vay mượn chị em bà con nhiều lắm rồi, nên cô cũng biết rằng từ rày không ai cho cô rật tạm nữa. Thế thì cô làm thế nào mà cho em cô bốn trăm đồng bạc để giả của tên Lộc cho xong chuyện được?

Cô Được không quen biết ai cả, mà việc thì cần cấp. Nói với thầy Vinh chẳng? Không những thầy không giàu có mà vợ thầy lại keo kiệt. Và chẳng cô Được không muốn lại hỏi vay thầy Vinh, và nói cho thầy biết việc hôn nhân của cô, cô vẫn ghê sợ những sự ấy mà cô cũng không hiểu vì lẽ gì.

Cô còn đang hết sức tìm cách ra khỏi cái cảnh ngộ khó khăn ấy, muốn ngày một ngày hai hoãn lại cái ngày phải bước chân ra thì mẹ Thuận đến. Vậy cô phải miễn cưỡng lên chùa Liên phải là cái chùa mà cô chọn từ trước. Mẹ cô giao cô cho bà sư trưởng, xin bà một tờ chứng nhận rằng cô đã vào tu chùa ấy để cho nhà Lộc khỏi thừa kiện hỏi han lời thôi. Rồi mẹ Thuận về làng Yên Hoà để cấy về vụ tháng năm.

...

Bà vải Hoà Phát đã cử về việc dạy dỗ cô Được, bà có trách nhiệm bảo ban cô ấy làm những chức vụ mới và dạy kinh kệ. Bà vải là một bà lão tinh quái thấy cô tiểu xinh đẹp, bắt đầu hỏi cô ta cặn kẽ để biết cho đích xác vì những cơ gì mà cô ta đã tránh nơi trần lụy. Bà vải hỏi han cô ta khôn khéo lắm thì cô ta thú thật cả đầu đuôi, bà vải khôn ngoan nghe thấy thế, nghĩ bụng rằng nên để thông thả hãy cho cô ta làm lễ tam quy ngũ giới thì hơn, vì cô ta chưa đến hai mươi tuổi.

Bà vải Hoà Phát đã thấy nhiều người đàn bà khốn nạn như cô ta rồi, những người đàn bà ấy, hoặc vì cái chủ nghĩa đảng phái, hoặc vì chán những nghĩa vụ trong gia đình, hoặc vì muốn ăn bơ làm biếng hay ham đường hoa nguyệt, đã đến gửi thân cửa Phật. Những người đàn bà vô hạnh ấy, những con cừ cái xấu xa ấy, chả bao lâu, hễ không trốn đi thì cũng vì lười biếng, hư thân mất nét, làm mất tiếng nhà chùa đã thu nhận họ! Những cô tiểu hổ mang ấy chỉ lo làm sao cho được miếng khẩu lắm, hay chỉ chăm đi cúng cho các tư gia, nhân những lúc được đi ra ngoài ấy để mà hoang dâm vô độ, chẳng có thì cũng được ăn uống cho sung sướng.

Vậy định rằng chỉ cho cô Được ở tạm nhà chùa mà thôi, trong một hai năm, nếu cô quyết chí tu hành thì mới cho cô làm lễ đi tu và cắt tóc.

Hôm sau, trước mặt các sư vải đông đủ, bà vải Hoà Pháp dẫn cô Được ra, bà nói rằng: "Này chị Được là người con gái hiền lành thật thà đây, cô ta khai rằng đã chịu cái quả kiếp luân hồi đê tiện, cô đã thác sinh ra làm kiếp đàn bà ô trọc đê liệt tại làng Yên Hoà, cô chịu cái quả kiếp ấy là vì tiền oan nghiệp trướng. Cô lấy làm tủi nhục và ân hận đã phạm phải nhiều điều tội ác nên phải đầy đọa tái sinh ở chốn trần ai. Muốn chóng được tiêu thoát, cô xin vào ở với chúng ta, kỳ thủy cô hãy học việc, ít lâu nữa cô mới được làm tiểu, sau làm sư, để lĩnh hội lấy những phép tu hành mà xuất đời cô phải tuân theo. Các sư các vải có thuận cho cô ấy vào ở chùa không?"

Khi cả chùa đã ngỏ nhời ưng ý thì cô Được ăn mặc nâu sồng. Rồi vải già để tay lên vai cô ấy thì cô ấy thề rằng: nhất nhất xin theo phép tắc nhà chùa.

Tự bấy giờ, cô ta ở chùa với các sư các vải. Sáng dậy thật sớm, ra phòng vải Hoà Pháp lấy ba đầu ngón tay, gõ cửa ba cái thật đều đặn. Cô vào và xem cái nạo lưỡi có dài đúng lệ không, đầu nó có ngọn không và có thật sạch không, rồi cô bày nước, khăn mặt và cái rửa mồm ấy để vải già mặc dục. Vải già mặc áo cà sa, cô ấy theo thứ tự đưa giầy để vải già đi, vải già đi giầy rồi đi ra. Bấy giờ cô Được tưới nước trong phòng, phải tưới cho hai bên thật đối nhau và quét, phải quét làm sao cho cái nhát chổi bao giờ cũng đi về một chiều. Tưới nước và quét nhà xong, cô làm những việc thường như là hái rau không được nhỏ rữa, vớt nước trước phải rửa tay đã, dóm bếp không bỏ củi tươi hay củi có mùi hôi vào bếp.

Mỗi ngày, hàng mấy tiếng đồng hồ vải già dạy cô những khuôn phép, lễ nghi và kinh kệ của đạo Phật. Mấy điều cấm kỵ như là cấm sát sinh, cấm ăn trộm, ăn cắp, cấm uống rượu hay là cấm ngồi ghế cao thì cô theo được ngay chẳng khó nhọc gì, còn như quá trưa cấm không được ăn gì, cấm không được nói dối, cấm không được hát, nhất là cấm không được làm đóm thì cô lấy làm khó khăn lắm.

Tuy cô bận nhiều việc, nhưng trong một ngày cô cũng còn nhiều thì giờ rồi, cô thơ thân nghĩ vợ nghĩ vãn ra ngoài những vườn nhà chùa.

Cô sinh hoạt một cách buồn rầu ở trong cái nơi vắng vẻ ấy, chung quanh chỉ có những vải già âu sầu thì cô lấy làm khổ lắm. Cô tranh lòng nhớ đến cái cảnh sinh hoạt ngày xưa và cô ao ước lại được trở về Yên Hoà. Không phải cô tiếc cái nhà cô đâu! Cô có nhớ đến nhà cha mẹ cô, chẳng qua cô chỉ nhớ rằng nếu cha cô không bị mẹ cô ra oai đàn áp, thì cha cô bao giờ cũng vẫn tử tế hiền lành. Nhưng mà mẹ Thuận là người hung tợn, lắm điều và keo sến, đến nỗi hèn tiện cả cái ăn để lấy tiền mua đồ ngon ngọt giầy đi ăn một mình, để cho những con gái ăn mặc như kẻ ăn mày để lấy tiền sắm xuyến vàng đeo cho mãn nguyện... Chao ơi! thật là không, cô không tiếc cái nhà cha mẹ cô đâu. Cô phiền về nỗi bị giam hãm chứ không được chạy rong, chỉ nghe thấy làm rằm kinh kệ luôn luôn chứ không được nghe những câu truyện mỹ đàm, những truyện phong tình, chiều đến người ta xúm lại kể cho nhau nghe, những tiếng cười rất huyền ảo, rất vui vẻ của các chị em bạn.

Cô bị phải ăn mặc nâu sồng xấu xí lấy làm ngượng ngập khó coi. Bởi vậy, tuy vải già quở mắng thậm tệ mà thường thường cô vẫn cố sửa sang một đôi chút để nom cho đỡ tội tệ. Nhất là trong khi cô đi quyên giáo hay đi cúng bái nơi nào, hay phải đi với những đàn bà khác vào trong những đám có đàn ông thì cô lại càng giáng tợn.

Cô đương mơ màng vợ vãn hồi lâu thì trong chí cô tưởng tượng ngay đến cái diện mạo một người đàn ông, hơi có vẻ buồn rầu, người đàn ông ấy giọng nói ôn tồn hãy còn sang sảng bên tai cô ta. Cô hồi tưởng lại những lúc cùng thầy Vinh chuyện trò ân ái giờ lâu thì cô khuây ngay được cái nỗi buồn hiện tại.

Còn thầy Vinh từ khi cô bước chân ra, thầy buồn bực khó thể tự giải được. Những sách trước kia thầy lấy làm hay, đến giờ thầy đọc cũng một thú. Thầy cũng chẳng phân giải những

cái nguyên nhân nó số đầy thầy, thầy không đến phòng văn nữa. Hàng ngày thầy đi lang thang khắp nhà hay phát phơ ngoài phố. Trong những giờ dạy học, lắm lúc thầy ngồi thờ người ra, mơ màng vờ vẩn chán rồi mới lại sực tỉnh lại.

Một ngày kia, thầy mới hiểu ra. Thầy có cái cảm giác rõ ràng rằng chỉ vì vắng mặt người thiếu nữ mà thầy đến nỗi rối loạn tâm thần như vậy. Thầy thấy thiếu mất cái thú câu cười tiếng nói của cô lan lợi và tự nhiên biết đường nào! Thầy lại muốn được cùng cô đoàn tụ một cách vui vẻ êm đềm và cao thượng như xưa. Thầy còn mê mẩn về cái tiếng lanh lảnh của cô mà tai thầy hình như còn nghe tiếng đồng vọng xa xa. Sau nữa thầy còn ước ao lại thấy ở trước mặt thầy cái diện mạo tươi tỉnh sáng sủa của cô, khác nào như cái hào quang của chạc thanh niên, của cuộc sinh hoạt vậy.

Thầy nghiệm ra thế rồi và thầy biết rằng cô thiếu nữ ấy không bao giờ sum vầy với thầy nữa, thầy lại bắt đầu hết sức làm việc, không để trí khôn được rỗi mà nghĩ ngợi vẩn vơ nhảm nhí nữa. Nhưng mà cũng là sự ngẫu nhiên kỳ quái hàng ngày nhất cử nhất động, những điều thầy định làm để khu trừ cô Được ra ngoài cái trí não của thầy thì nó lại làm cho thầy vẫn nhớ đến cô, nó làm cho thầy như ở trước mặt cô vậy. Thầy đi ra ngoài thì hình như trông thấy bóng giáng cô. Thầy bước đi một bước thì lại nhớ đến lúc cùng cô dạo chơi. Ở nhà thầy đọc sách thì mỗi trang, mỗi giòng, làm cho trí não thầy nhớ lại cô như in. Ở học đường, thầy đương mong rằng thoát ly cái áp bách của tình nhân thì một tên trong những học trò nhớn của thầy, đến đọc bài, bình luận bài thơ này:

(Bài thơ trong Kinh thi)

*Anh đi hái quả đỗ đen,  
Một ngày anh vắng mặt em,  
Tuồng chừng ba tháng, nỗi phiền xiết bao!  
Nhặt cây ích mẫu còn xanh,  
Một ngày vắng mặt cô mình,  
Anh coi đặng đặng như hình ba thu!  
Bẻ cành ngải cứu đắng cay!  
Biệt nhau một phút sầu đầy,  
Anh coi một phút lâu tầy ba năm!*

Bấy giờ thầy Vinh nghe thấy bài thơ ấy, buồn rầu, nát gan, nát ruột, ở học đường đi ra, như điên, như dại. Thầy bị cái mối tình nó làm cho trong lòng tê tái, nó cắn rứt, thầy cưỡng không nổi, đành phải nhớ thương, thầy tưởng nhớ đến tình nhân luôn luôn nhưng thầy thất vọng. Bấy giờ thầy chỉ còn cái thú nhớ lại những câu chuyện tri kỷ ngày xưa, thầy đem những câu cô giả nhời thầy bấy giờ ra, cố đoán xem những tình tứ cô thế nào. Thầy lại bắt đầu đi chơi luôn luôn những nơi mà thầy đã cùng cô dạo gót năm xưa. Ngày vui ngắn chưa đầy gang, thầy không thể lại được hưởng nữa thì thầy lấy làm bực dọc bội phần, thầy tự trách mình không biết lưu cô lại được lâu hơn nữa. Bởi vậy thầy trừ tính biết bao nhiêu những thủ đoạn ly kỳ vô lý để triệu cô về, đến khi thầy biết rằng những kế hoạch ấy không thể thi hành được thì thầy lại âu sầu.

Một buổi sáng cô Được tình cờ về nhà thầy Vinh, cô nói:

- Có một nhà giàu làm chay, thỉnh hai vị sư nữ ra tỉnh tụng kinh, tôi cũng đi ra với họ. Tụng kinh xong rồi tôi xin phép đến thăm thầy và ở lại đây với thầy hết ngày hôm nay. Ngày mai tôi mới sẽ về chùa!...

Thầy Vinh lấy làm sung sướng, nhìn thấy “món bở” quáng cả mắt lên, tự thề rằng nếu không được chuyện trò với cô để cùng nhau quyết định thì không để cho cô đi. Nhưng mà thầy tìm cái cơ hội để riêng một mình cùng cô tri kỷ mà không được, thì giờ thấm thoát nhanh

chóng không lường, thầy không thể thi hành được cái điều dự định... Mà ngày mai cô đã phải về chùa rồi!...

Thầy Vinh đi nằm, không còn hi vọng gì nữa, chỉ chực làm những sự rất là dở đại thì ngẫu nhiên công chuyện của thầy sắp đặt đâu vào đấy cả. Sáng ngày ra lúc cô Được phải dở dậy để về chùa thì cô sốt rét run cầm cập, không nhắc nổi chân tay, chắc là vì cô thức ba đêm dồng đã tung kinh. Thầy mời ông lang lại thăm bệnh thì ông lang bảo là sốt rét nặng, thầy đến báo cho những vị sư nữ kia biết thì những cô sư ấy trở về chùa một mình và nói rằng khi nào cô Được khỏi bệnh thì về sau.

Thầy lo sợ mất ít ngày, hai tuần lễ sau cô mới đỡ và nghe ông lang nói đã vững lòng, cô đã bớt nóng, ăn được ít đồ ăn dễ tiêu, ngủ đã yên giấc hơn.

Chả bao lâu cô đã khỏi bệnh. Trước kia cô tiếc cái cuộc sinh hoạt êm đềm ấy vô cùng, nay cô lại được cùng thầy sum vầy ân ái, nên cô chẳng vội vã nói rằng đã khỏi. Cô đã lại bắt đầu cùng thầy chuyện trò vui vẻ như xưa ở trong văn phòng của thầy, nhưng mà cái đề mục những cuộc nhàn đàm ấy càng thêm quan trọng. Cô Được nói về tình cảnh mình, lúc nói chuyện cô tỏ ý ân hận cho cái cuộc đời bỏ đi của cô, cô lấy làm thất vọng rằng đã bị đam hãm thân mình vào trong cái cuộc đời khổ hạnh mà cô không có một chút nào là hâm mộ cả.

Nghe cô nói thầy Vinh muốn tỏ tình ân ái nồng nàn mà không dám nói ra, em rằng nhờ miệng một câu thì làm hư hỏng, mà lại có lẽ tiết giết cái hạnh phúc mà thầy hiện đương được hưởng. Quang âm vì vụt, ấy hai thầy cô đã cùng nhau sum vầy được mấy tuần lễ như vậy...

...

Sáng hôm 14 tháng 7 tây tiết giờ nóng nực. Cô Được dậy sớm, đi với gia quyến thầy Vinh, dạo chơi trong các phố, xem điểm binh, xem các trò chơi, xem thi xe thi ngựa. Chiều đến lại đi xem đèn thấp ở bờ hồ và các công sở, xem đốt cây bông và pháo thăng thiên, đi xem mãi mà vẫn không thấy mệt, thấy chán. Đi khắp mọi nơi chẳng ra cái gì cũng xem, tí từng như con trẻ, đến mỗi hàng quà bánh lại dừng lại, có chỗ thì ăn bánh ngọt, có chỗ thì ăn kem, uống nước chanh nước đá.

Lúc về gặp cơn giông lại nhân bị đám đông xô đẩy, người nhà tán lạc, chỉ còn thầy Vinh và cô Được trơ ra với nhau một nơi. Hai người ẩn dưới mái hiên, chờ cho tạnh mưa mới lại đi. Đôi bên cùng nhau đứng riêng một chỗ thì lửa tình bốc lên một cách dị thường làm cho tâm thần mê mẩn say sưa. Bất thành linh, hoặc là sự tình cờ, hoặc là vì hai cái tình dục lâu ngày bị đè nén, thầy Vinh sẽ sẽ dờ vào tay cô Được, phải cái tàn lửa điện. Chẳng nói chẳng rằng, mó vào tay nhau mà thấy sự khoái lạc vô cùng, hai người cùng đi một cách sung sướng, tay cầm tay chẳng rời nhau. Hai người cùng đi, trong ban đêm, giờ tối, trên giờ lơ thơ có mấy ngôi sao, ánh sáng lờ mờ, chỗ này chỗ nọ nom thấy những bóng cây kỳ quái. Trên không có tiếng ve sầu kêu rít, tiếng các sâu trùng ban đêm rì rào, tiếng dơi bay ra kiếm ăn, đập cánh bành bạch. Mặt giăng từ từ ở chân giờ mọc lên, giăng không tỏ và có tán.

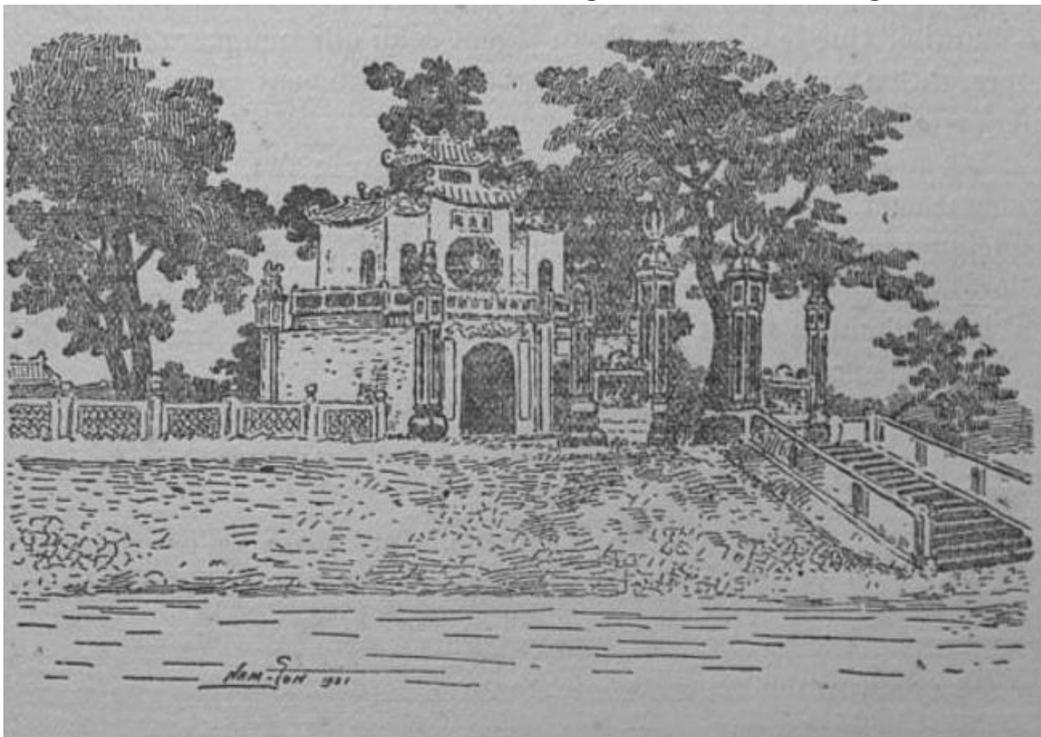
Còn mấy bước nữa thì về đến nhà, hai người gặp một bọn côn đồ, rượu say ngà ngà, quàng mỡ chòng gheo, cô Được mới ốm khỏi, người còn yếu lắm, lại vừa mới lúc này bị cảm động, trong trí còn rối loạn, gặp bọn ấy lấy làm kinh hãi, cô rùn người ra, lẩn vào trong cánh tay thầy Vinh. Thầy Vinh đỡ lấy cô như một cái vác nặng quý báu, chạy về nhà. Nhưng mà chân tay cô mềm mại và lấm gân, bám sát vào chân tay thầy, trống ngực cô đập thành thịch vào ngực thầy, cái thân thể khả kính khả ái của cô, chưa ai sờ mó hôn hít đến, đeo lưng lẳng ở bên cổ thầy như một chùm quả chín, thì trong não tuỷ thầy say sưa một cách lạ lùng. Thầy nghiên mình vào cái khổ mặt xanh xanh ấy, những lớp sóng tình điên cuồng hăng hái sôi lên sùng sục ở trong mình thầy. TỰ BẮY GIỜ, thầy không tự cưỡng nữa, thầy để mũi thầy vào má

cô rồi thầy hôn hít một hồi lâu theo như cái lối ở Á châu. Cô Được thấy thầy hôn hít thể bèn mở mắt ra, mỉm cười và dơ cặp môi ra cho thầy...

Tự hôm ấy hai người tha hồ mà ân ái. Trước còn dè dặt một cách thanh tịnh, được gần gũi nhau, tay cầm tay, miệng hôn miệng, lấy làm êm ái thoả thích lắm. Nhưng mà chẳng bao lâu cái tình dục của thầy gấp bội. Khi thầy ôm chặt cô vào trong cánh tay, quần áo cô mỏng mảnh, nom thấy ả nước da hồng hồng, cái đường chu vi những háng, cái ngực cô là người con gái mới dậy thì. Thầy ham mê nhìn vào trong cặp mắt cô lúc thì thấy trong trẻo, lúc thì thấy tối tăm, thầy ngắm cái trán cô xanh xanh, dưới những làn tóc nặng nề mùi nâu, thầy nhìn những răng cô nhấp nhánh trong cái môi đỏ chót. Thầy ngợi khen những cách cử động của cô như một cô đồng bà cốt dã man đương thịnh nộ, những cái dáng điệu mềm mại khoan thai mà ẻo lả của cô, khác nào những loài hổ báo chạy vòng quanh trong cái chuồng chật hẹp.

Cái tình âu yếm nó buộc chặt hai bên càng ngày càng thêm nồng nàn bồi rối. Một tối kia, thầy rỉ tai cho cô biết rằng thầy muốn được mãi nguyện thì cô tự hiến. Nào có thể mà thôi đâu, bởi vì nhiều người đàn bà cùng người đàn ông mây mưa một trận chung tình, thì kết cục đến đời cả bản lĩnh đi có người thất trinh thành ra chính thực có người con gái hoá ra lẳng lơ, cô Được tự bấy giờ hiến thân cho tình nhân mà tình nhân thì mê mẩn đời, một dây buộc ai ràng cho ra.

Về sau lúc cái môi tình ban đầu đã tắt lửa lòng thì hai người mới xét đến cái tình cảnh riêng của mình và nói đến sự tiền đồ. Hai người định làm sao đây? Cô Được hỏi hận vô cùng rằng mình đã nhu nhược quá và đã chiều lòng thầy. Thầy Vinh đã có vợ rồi, không đời nào có chiều về nhà làm lẽ thứ hai, cô đã đoán trước rằng thế nào bà Vinh cũng hành hạ cô.



- Thầy Vinh nói: Tôi muốn bỏ nhà tôi, nó không có con và cứ theo luật An Nam có thể ly dị.
- Phải, nhưng mà tôi không muốn làm hại chị ấy, chị ấy đã từ tể với tôi. Chao ôi! Khốn nạn! Chẳng biết cái thân em rồi ra làm sao?

Nhưng mà cô Được đương chạc thanh xuân. Thầy Vinh ôm cô vào lòng trong cánh tay, vuốt ve nâng niu, làm cho cô khỏi lo sợ và chùi nước mắt cho cô.

- Thầy bảo cô rằng: Làm sao em lại tự trách em như vậy? Trong cái sự ngẫu nhiên này không phải là lỗi em mà cũng không phải lỗi anh. Chả qua là lòng gười đã định liên hợp đôi ta, cái tình duyên của chúng ta tự nhiên mà thành lại chính đáng hơn, hợp thiên lý hơn là những sự hôn nhân mà hai gia đình đã dự bị cẩn thận. Anh đã nghĩ kỹ rồi. Em muốn sao, anh quyết chí làm như vậy. Nếu em cũng quyết tâm như vậy thì chúng ta sẽ đem nhau đi một xứ lạ cùng nhau hưởng hạnh phúc không cho ai biết. Em mà bằng lòng anh sẽ thu xếp việc khởi hành. Anh chỉ xin một cái kỳ hạn ngăn ngăn để liệu lý mọi việc!... Anh chỉ sợ một điều là trong cái thời kỳ ngăn ngui ấy em ở xa anh thì cái lửa tình dần dần tắt đi, rồi sau em cũng quên anh... Chao ôi! em đừng cãi nữa, em mới bước chân vào cuộc đời, em còn đương độ xuân xanh, anh đây đã sắp bước vào cảnh lão. Cuộc ái tình của đôi ta như bông hoa mùa thu, có rực rỡ thật, nhưng mà cũng ẻo lả chóng tàn như những bông hoa về mùa ấy... Ừ mà trong hai năm nữa, trong hai tháng nữa mà biết đâu trong hai tuần lễ nữa cũng nên, một chàng thiếu niên cùng em chung tình, em cũng chẳng biết vì lẽ gì, có lẽ em mê hắn, em theo hắn chỉ vì hắn còn trai trẻ thôi. Hắn sẽ nhắc lại cho em nghe những điều mà anh đã dủ dãi bên tai em rồi, nhưng mà những câu ấy ở miệng kẻ khác nói ra thì không những em không nhận biết được nữa mà hình như lại còn lấy làm thú vị, mới mẻ. Còn như anh thì em chóng quên... Chóng ta gặp gỡ nhau, chẳng qua cũng là một giác chiêm bao, em cứ việc đi ung dung trên con đường thế lộ, còn một mình anh đây, anh bị trói chặt trong cái chức vụ hàng ngày, anh sẽ bước dần dần vào nơi tịch giệt.
- Sao anh đa nghi thế! Vậy thì chúng ta có phải cùng nhau ra chùa, thề thốt nặng lời để cho anh được vững lòng tin em không?...
- Phải đấy! Lúc nào em muốn đi cũng được.

Sở dĩ chiều hôm sau, lúc mặt gười lặn, hai người cùng nhau đi ra đền đức thánh Trần Võ. Dưới cửa đền làm bằng gạch quét vôi, có mấy người đàn bà bán vàng hương, hai thầy cô mua đồ lễ, rồi đi qua cái sân rộng, trong sân đền có những con mẹ ăn mày nhặt lá đa vàng úa, ở trên những cây đa rung xuống, bị những bọn trẻ con chạy ầm nô đùa chúng nó xô vào.

Trong đền thì chanh tỏi chanh sáng, trong thắp cung, tháp thoáng nom thấy tượng đức Thánh to lớn, đằng trước có cái vải đỏ che ngai đi. Một lũ tín nữ, đến trước thầy Vinh cô Được, hỏi ông từ về chức vị của đức Thánh, rồi thì cứ sợ rằng nếu không biết cái oai linh của thần thánh hay ngạo mạn thần thánh thì ngài phạt, cho nên chạy đến trước tất cả các pho tượng, chắp tay, khấu đầu tận đất thì thụp lễ bái.

Khi những tín nữ đã ra rồi, cô Được thầy Vinh, đả ông từ ít tiền diêm thuốc (tiền hoả hồng) bảo ông từ đóng các cửa lại, bấy giờ mới đến lượt hai người lại gần ban thờ, đặt những lễ vật lên trên ở gần mình. Hai người quỳ trước cái đình, đốt hương cắm vào. Rồi thì tóc mây một món thầy cô cắt lẫn của nhau, đem chộn lẫn và cùng khấn rằng:” Tâu lạy đức thánh Trần võ, ngài là thần ủng hộ những vùng bắc phương, ngài thắng đoạt những ma quỷ ghê gớm, xin ngài chấp khấn chấp vái cho chúng tôi. Nguyên có non cao nước thăm, trời cao đất rộng, lại ở ngay trước đức Thánh đây, chúng tôi xin thề rằng trăm năm thủy chung như nhất, muôn đời tạc một chữ đồng. Ai mà đon bạc, xin trời đất chứng minh! Đức Thánh tối linh, xin ngài nặng tay hành tội.”

Những mớ tóc đen ném vào lửa rồi, hai người cúi xuống lễ hồi lâu, tái nam tái nữ, rồi ở đền đi ra. Khi đã đi ra khỏi đền, hai người thơ thẩn một lát, chẳng nói chẳng rằng, tay lại cầm tay, trên đầu thì những lá cây vàng vàng, gió thu bắt đầu thổi vào ào ào. Buổi chiều yên lặng, những lá cây rụng xuống đất, bay phấp phới, chạm vào nhau kêu rào rào hàng chóng canh.

- Cô Được nói một cách quả quyết: ngày mai em sẽ đi bàn với chị em, thế nào chị em cũng phải tìm cách làm cho gia đình nhà em thoát ly được tên Lộc và thân thích nhà hắn.

Hai người trở về tỉnh, cứ lẳng lẳng đi, hãy còn cảm động về sự cùng nhau thề thốt nặng nhời, và trong lòng rất tin cậy về cái tiền đồ của mình.

## XIX

Chồng chị Duyên là anh Phúc, được cô Mai có lòng nhân đức cu rư mang, ở chỗ tỉnh thành, chả bao lâu thành ra hư thân. Anh ta vốn là người nhà quê, chịu thương chịu khó, biết phục tòng, có lễ phép, thế mà thành ra lười biếng, cờ bạc, hõn láo. Và chẳng anh ta tưởng mình không ai quở phạt được vì đã thông tỏ cái sự bí mật của bà chủ thì anh ta lại càng quá tệ, mà cô Mai thấy anh ta ngạo ngược khả ố cũng không dám can ngăn. Có khi cô Mai mắng anh ta thì anh ta cãi lại một cách hơi xược.

Một hôm, đương giờ nghỉ trưa, ông May - e bảo cô Mai sai người đưa ngay vài quyển sách lại nhà một người bạn, cô Mai gọi tên Phúc đến sai đi. Tên Phúc đương đánh bài trong bếp, ván bài đương thích mà phải bỏ đấy thì nó phát khùng lên, nó tưởng ông May - e còn ngủ, nó cầm lấy bọc sách đi ra, vừa đi vừa cầu nhầu. Lúc nó dễ chỗ góc hè, nó nói phát câu lên.

Chó đ... mẹ con đĩ lấy Tây này! Lúc nào ông muốn đi thì ông đi!...

Bấy giờ ông May - e chưa ngủ, nghe thấy nó nói láo thế, nhảy xô ra, nắm lấy búi tóc nó và nện cho nó một trận nện thân. Tên thủ phạm ấy kêu gào lên, chực để cho những người đi qua vào bênh, rồi nó cáu lên, phát khùng lên như điên như dại, nó chửi cô Mai và chửi cả ông May - e nữa, thậm tệ. Chẳng nói thì ai cũng đoán ngay ra rằng cái số phận của nó định liệu xong ngay. Nó xuống nhà dưới, nó hơi hối hận về sự vừa sẩy ra, nó không bỏ nhà chủ đi ngay đâu, vì nó còn hi vọng rằng cô Mai sẽ xin tha lỗi cho nó, nhưng mà cô Mai cũng khôn, mặc nó không xin hộ. Đến chiều, anh chàng ta phải thoát đi thẳng một mạch đến xin nương thân ở nhà ông Quân.

Từ bấy giờ anh ta không được sinh hoạt một cách nhàn nhã êm đềm như mấy tháng trước nữa! Anh ta phải hầu hạ chiều chuộng một ông chủ, là người đồng chủng, ông nghiêm khắc và cay nghiệt, ông bắt làm nhiều mà chi công ít, chả bao lâu anh ta ghét ông.

Cái sự hoán cải trong cuộc sinh hoạt của anh ta chả bao lâu đã khiến anh ta đem lòng thâm thù cô Mai vì cô không bênh vực anh ta. Cái việc cãi nhau ngày xưa ở trong làng, trong những ngày ăn dung ngồi rồi, cơm no áo ấm thì anh ta đã quên đi rồi, nay anh ta lại nhớ đến, anh ta tự trách rằng: cái con mẹ ấy nó đã làm hại mình mà lại còn đi làm đầy tớ nó?

- “Anh ta nhắc đi nhắc lại trong bụng rằng: Nếu ta thành ra lêu lổng khôn nạn thế này, chả phải là tại nó dư? Chao ơi! năm mươi tuổi đầu rồi mà cửa nhà không có!... Ban thờ tổ tiên để cúng giỗ cũng không! Chỗn đình trung ở nơi quê quán cũng không có danh vị gì... Đó là cái kết quả về những mưu mô đê tiện của những quân ấy. Mà cái con đĩ ấy thì nghênh ngang xe cao xu! Ăn mặc là lượt! Thôi nhưng mà liệu hồn, ông báo thù cho mà xem”.

Thằng cha ấy định bụng thế, chả bao lâu được thực hành ngay. Ông May - e nhận được ở nhà giấy một phong thư nặc danh, nói cho ông biết số nhà thầy Nam và cái thời khắc mà cô Mai sẽ đến nhà thầy Nam. Thoạt kỳ thủy May - e định đốt cái thư mách lẻo ấy đi. Nhưng về sau trong trí ông sinh nghi. Ông nhớ rằng có một hôm bất thành linh ông ở nhà giấy về, không thấy cô Mai ở nhà. Được mấy phút chắc là có đũa nào làm nội công báo cho cô biết, nên cô mới trở về, cô áp a áp ứng, nói rằng đi thăm bạn, đi ra chùa lễ phật, ông lấy làm khó hiểu. Ông lại nhớ ra nhiều chuyện khác nữa, thành ra ông càng đem lòng nghi lăm tức khắc ông định làm cho ra việc. Một buổi sáng sớm dĩ ông May - e đến phố Hàng Bún, bỗng dung ông sấn vào trong vườn, xô đẩy thằng bé con đứng canh và bắt được cả hai tên thủ phạm.



*Đón gió*

Cô trở về nhà buồn rầu biết đường nào! Thôi cô từ đã cái nhà con, đẹp đẽ phong tiện có những cột hoa! Thôi cô từ đã cái cuộc sinh hoạt êm đềm, không điều gì trở ngại, không có việc gì khó nhọc, không lo sợ chi cả. Thôi cô từ đã cái sự bênh vực êm ái nhân từ! Nay cô Mai nhỏ bé, khốn nạn kia ơi! Thu xếp những bộ quần áo tầm thường của cô lại, cầm lấy món tiền lộ phí còn con này và đi đi mà không bao giờ được trở lại nữa!...

Cô Mai cũng toang phân trần đầu đuôi, nhưng mà cô vừa nói được mấy tiếng thì May - e mắng át đi không cho nói nữa. Khốn nạn cho cô, nom thấy nét mặt người Tây đã quyết định một cách lãnh đạm thì cô cũng không dám năn nỉ nữa. Cô sai người đem xếp cái hòm con của cô lên trên xe, rồi cô lại quỳ trước mặt May - e, vái chào và cúi đầu lủi thủi bước ra...

Thầy Nam, vợ thầy Nam và tên Phúc lẩn lút ở trong cái lều tranh tiêu tụy ở tận cuối tỉnh Hanoi, về mạn Hồ Tây.

Cái lều của họ ở trong một khu đất trơ vơ, có cái đê cao che khuất và những cây chuối phủ trung quanh. Cái nhà ấy quay lưng ra con đường, cửa mở về nhà quê, có những cánh đồng như một tấm thảm rộng mông mênh, rập rờ rập rờn, những ruộng lúa ấy phân biệt nhau ra cẩn thận bằng những bờ ruộng, một đôi khi cách từng quãng một có những bụi tre cao trót vót, làm giới hạn cho địa phận các làng.

Thầy Nam can về việc đánh bạc đã mất việc làm. Hàng ngày, trong khi hai người đàn ông chạy ra tỉnh nói rằng đi kiếm công ăn việc làm, cô Mai ở lại trong cái lều âu sầu ấy, nghĩ ngợi giờ lâu. Bây giờ không còn trông thấy ở trên nét mặt xinh đẹp của cô lộ ra cái mỉm cười xuân tình ngày xưa nữa. Dần dà, cô tuy tự cưỡng không muốn nhớ lại những sự đã qua mà không thể được, cô thiết nghĩ rằng lý ung ra thì cô không nên nghe lão Nam khi hắn ở Pháp về, mà cô nên nhờ ông May - e bảo hộ cô cho lão ấy không làm gì nổi mới là phải.

Ngày nay cô lại càng chán lăm vì đêm hôm trước cô nghiệm thấy một sự đáng buồn tênh. Cô đương ngủ, bất thành linh cái ác mộng nó làm cho cô sực tỉnh dậy, có lẽ vì trong lòng cô tự biết trước mà cô không hiểu tại sao đấy thôi: cô thấy cô ở nhà một mình, cửa lều bỏ ngõ, để cho bóng giăng tươi tỉnh, ánh sáng trắng lọt vào.

Tuy có bóng giăng như vậy, mà cô vẫn thấy trơ trọi một mình, nên cô có cái cảm giác rất là khó chịu, đến nỗi cô bỏ giường, đi ra khỏi cửa, nhưng mà cách đây một quãng đường ngắn, cô trông rõ một cái tia sáng tờ mờ chiếu lọt ra ở dưới cửa một cái nhà bỏ hoang. Cô đi lại cái nhà ấy, cô trông thấy thầy Nam và người bạn nằm ở dưới đất. Ở giữa hai người thấp một ngọn đèn dầu ta, gần đây có cái giọc tẩu, những hộp thuốc, những tiêm, những nạo và các đồ lặt vặt khác nữa.



Hai người thôi không hút nữa cũng chưa lâu lai gì, vì không khí trong phòng hãi còn sực những mùi thuốc phiện.

Cô thấy hai người nằm giải ra đây chẳng hề quan tâm đến chi hết, cô nhìn hồi lâu mà buồn mà chán, cô đã biết rằng xỉ nhục họ cũng vô ích nên cô vừa thở dài vừa lánh xa.

Cuộc sinh hoạt không được vui vẻ. Ăn uống chẳng có gì, thường thường chỉ có mấy củ khoai lụi hay bát cơm nhạt, cũng phải cam tâm vậy. Bỗng dưng tiền ở đâu dẫn đến, Cô Mai cũng không biết từ đâu, ăn uống phè phỡn được mấy ngày, rồi lại bị khổ sở, bóp mồm bóp miệng.

Lão Nam định bắt cô Mai trở về nhà bà Sen, cô Mai không chịu. Cô nói:” Con mẹ “ma cô” già ấy thấy quần áo tôi bẩn thỉu, mặt mũi tôi xanh xao xấu xa thế này, chắc mụ không chứa”. Nói của đáng tội, cô Mai ghê gớm cái đời kỹ nữ là cái đời sâu thẳm, không muốn quay đầu lại nữa, và cô cũng ghê sợ rằng ở nhà bà Sen thế nào cũng có ngày lại gặp May - e.

Đã có lúc cô thử làm cu li, nhưng mà vì cô đã yếu hơn ngày xưa nhiều, cho nên làm được mấy hôm cô nhọc lử lại phải thôi. Hai nữa là: tội gì kiếm tiền, vì kiếm được bao nhiêu cũng chui vào thuốc phiện cả.

Lại còn một điều nữa làm cô lo sợ đến cực điểm, là cô thấy khẩu súng lục giấu cẩn thận ở trong thất lưng phu quân. Tại làm sao mà phu quân lại có cái khí giới ấy mà ngày xưa cô không thấy có? Tại làm sao trong nhà đương nghèo khổ, không có một thứ gì mà lại đi mua cái vật vô ích ấy? Hai lão này làm những thủ đoạn ám muội hung ác chẳng?

Từ bữa ấy giờ đi, cho được tránh khỏi cái tai nạn sắp tới, cô bắt đầu dinh lão Nam và bạn lão...

Ở Vườn hoa cửa nam, đương đêm tối, hai thằng ấy lần đến một cái nhà, chúng nó phòng bị cẩn thận. Một thằng đứng ngoài canh, một thằng vào dưới hiên nhà. Tay phải nó sẽ tháo một mảnh ván ở cánh cửa chớp ra, thò tay vào trong, vặn cái chốt cửa, thế là cánh cửa mở ra.

Nó dón dón đi vào trong phòng, ngồi xổm ở dưới đất, lần theo cái giường, bỏ lại cái “bàn đêm” lấy khẩu súng lục ở cái bàn ấy ra giắt vào thắt lưng. Đoạn rồi, thằng ăn trộm ấy lại gài cái tủ kính, mở hé một cánh cửa tủ ra, êm như du. Lúc ấy lại có bóng người thấp thoáng ở trước cửa sổ, thì ra thằng kia cũng lại lên nốt vào trong buồng.

Bây giờ thằng kẻ trộm còn mãi lục cái hộp con vì nó biết rằng ông May - e để tiền ở đấy, không trông thấy gì cả. Nó lục đã mấy giây đồng hồ, muốn tìm tiền mà không thấy, nó mới sốt tiết lên, nó vội vàng, luống cuống chạm vào cái bàn xoay ở sau lưng, cái lọ lăn xuống sàn ván, vỡ tan tành.

- Ông May - e giật mình thức dậy, hỏi: Ai đấy? Rồi ông lạch cạch tìm cây súng lục mà thằng kẻ trộm đã nâng mắt rồi.

Thằng ăn trộm, tự trước đến giờ, vẫn ngồi xổm, bèn đứng phắt dậy và chĩa cái súng vào giường. Nhưng mà bỗng dưng có cái bóng người nhẩy lại lấy tay chực gạt cánh tay nó ra. Song gạt không kịp, tiếng súng nổ và cái thân người lăn bịch xuống đất.

Tiếng súng nổ đồm làm cho cả nhà thức dậy, ở ngoài nghe có tiếng người. Bây giờ thằng giết người, nhẩy qua cửa sổ, đương đêm biến mất. Cả cái tấn kịch ấy diễn ra chỉ trong mấy phút đồng hồ, đến lúc ông May - e bật được đèn điện lên thì ông trông ở dưới đất cái thi hài người đàn bà nằm sóng sượt. Ông vội vã tìm cách cứu người đàn bà hấp hối và lấy làm ngạc nhiên và kêu lên rằng:

- Mai!

Rồi cô bé khốn nạn ấy, nói chẳng ra nhời, ngập ngừng kể lể... Số là chiều hôm ấy cô đã làm cho lão Nam và tên Phúc không nghi tình. Cô giả hình ngủ, trông thấy phu quân lấy cái súng đi ra. Tức thì cô đi theo, họ đi một bước, cô theo một bước, như bóng theo người vậy. Bởi thế cô mới hiểu ngay rằng họ đi lại nhà ông May - e.

Bây giờ cô rối trí, lo sợ mê man mất một lúc... Biết làm thế nào? Giao hai người ấy cho cảnh sát ư? Hay đi theo họ để cố tránh cái đại tội ư? Vì thì giờ eo hẹp, cho nên trong trí cô cho cái chính sách sau cùng là hơn! Tên Phúc đứng cạnh, cô lẩn lút không để cho nó trông thấy, cô lẩn vào buồng ông May - e lúc lão Nam đương lục tủ. Lão Nam tưởng kẻ đồng đảng đến phù tá, nên không nghi ngờ gì cả.

Bây giờ cô tả cái tình cảnh cơ khổ mà đã mấy tuần lễ nay, cô cố thoát ly ra không được. Cô sắp từ trần... Thôi thế cũng là xong! Còn cái thanh thoi nào tầy! Từ khi cô bị May - e trục xuất thì cái thân cô cực khổ biết là bao! Nhưng mà cô là người An Nam, phải theo lão Nam là người chồng thứ nhất, người chồng đích thực của cô...

Ấy cô tắt nghĩ như thế, êm đềm mà không phản kháng, làm cho cô May - e rối loạn thần trí, vì cái thảm kịch hốt nhiên xảy ra ấy và cũng không ngờ cô Mai lại có lòng quyến luyến với ông như vậy...

Ở làng Yên Hoà, đâu đâu cũng thấy nói đến cái án mạng Vườn hoa của Nam - Cu theo như phong tục, ai cũng tỏ ra nhặt nhẹo không những đối với gia quyến thằng giết người mà thôi, lại đối với cả họ hàng nhà Thuận là những đồ không ra gì nữa. Mụ Thuận là một người lắm điều đàn hanh, hễ không cãi nhau với anh chồng là một thằng cha ngu ngốc thì cũng cãi nhau với những người hàng xóm luôn luôn!... Còn những con gái nó cũng đảo đẽ! Một con là vợ thằng ăn trộm, cái đời nó kết cục như thế cũng đáng kiếp!... Còn đứa con gái nữa, là con Được, khi kết hôn nó chả làm cho mang tai mang tiếng ở làng mạc đấy ư?... Mà cho đến bây giờ nữa, có ai biết được nó làm gì ở Hà Nội không?... Cái tình cảnh ấy dần dần không thể duy trì được nữa, thằng cha Thuận muốn cả quyết cho xong một bề, thu nhặt lấy mấy đồng bạc bện lấy hai ba cái lễ, chạy chọt khôn khéo, thế là đi được Nam kỳ.

Ruộng nương cầm xong, nhà Thuận một buổi kia, đi ra Hà Nội, tìm đứa con gái thứ hai, để đi ra Hải Phòng đáp tàu.

Những sự đột ngột xảy ra như vậy làm cho thầy Vinh và cô Đuộc lo sợ một đôi chút về nỗi phân ly. Một ngày đến hai mươi lần, hai người hỏi rằng: Làm thế nào? Tình cảnh bối rối như thế này, có phương kế gì gỡ ra được không? Thầy Vinh lăm lăm sốt tiết lên, bảo rằng: thầy sẽ định liệu: thầy bỏ người vợ cả không có con đi hay là thầy bắt vợ cả phải ưng cho thầy lấy vợ lẽ... Trong khi đến lúc ấy thì cô Đuộc và thầy Vinh chỉ có thể cùng nhau: hẹn hò ân ái, thề thốt nặng nề, thủy chung như nhất. Những bài ngâm rất là bi thảm, những câu thơ rút là não nùng, tự mỗi hai người tình thân khốn nạn ấy rơi ra rông rỗng như những hạt mưa đá vậy.

Tuy nhiên cái ngày thượng lộ đã tới nơi, thầy Vinh đành phải đem cái can đảm anh hùng ra tiễn chân các bạn ra ga..., mà trông thấy biến mất cái xe hoả nó mang cái khối tình rất quý báu của mình đi...

Lúc thầy đi thông thả trở về cái nhà âu sầu của thầy thì bỗng chốc một bọn đông người, cuồn cuộn như nước soáy, xô đẩy thầy đến chân thành (Cột cờ). Trước thầy còn điềm nhiên để cho họ xô đẩy đi, sau thầy nghe lỏm thấy họ nói truyện ở chung quanh mình, thầy mới biết rõ rằng họ đi xem xử tù.

Đến một chỗ đất không, rộng mông mênh thầy thấy mấy người đương đào cái hố. Mấy người nữa lấy cái vò đóng cọc, tiếng vò kêu chan chát, lát nữa tội nhân sẽ bị trói vào cái hố ấy.

Tuy rằng trong một lát nữa thì một tấn bi kịch sẽ diễn ra ở đây, thế mà những người đi xem vẫn cười nói và bông lơn như thường. Những người bán hàng rong, đi đi lại lại, bán hàng, những hàng cháo, hàng nước chè, bán đất hàng lăm. Ở xứ này, sự chết, dầu trong cái trường sở này cũng vậy, bao giờ cũng có cái quang cảnh hội hè đình đám vui vẻ lại có cả những cờ của các quan, cắm rải rác mọi nơi, những mùi xanh đỏ sắc sỡ, chói rọi ở ánh sáng mặt trời.

Về sau, thầy Vinh nghe thấy những người đi xem nói truyện với nhau, thầy mới hiểu rằng cái thằng tội nhân sắp sửa điếu ra ấy là lão Nam, tức là anh cô Đuộc yêu quý của thầy là người vào nhà ông May - e ăn trộm và chực giết ông ấy...

Tuy rằng sáng sớm, vài người Tây cũng đến đầu đội mũ trắng, cao hơn cả đám, ở giữa những người bản xứ mặc áo nâu mà nom thấy mấy cái mũ trắng kể cũng vui mắt.

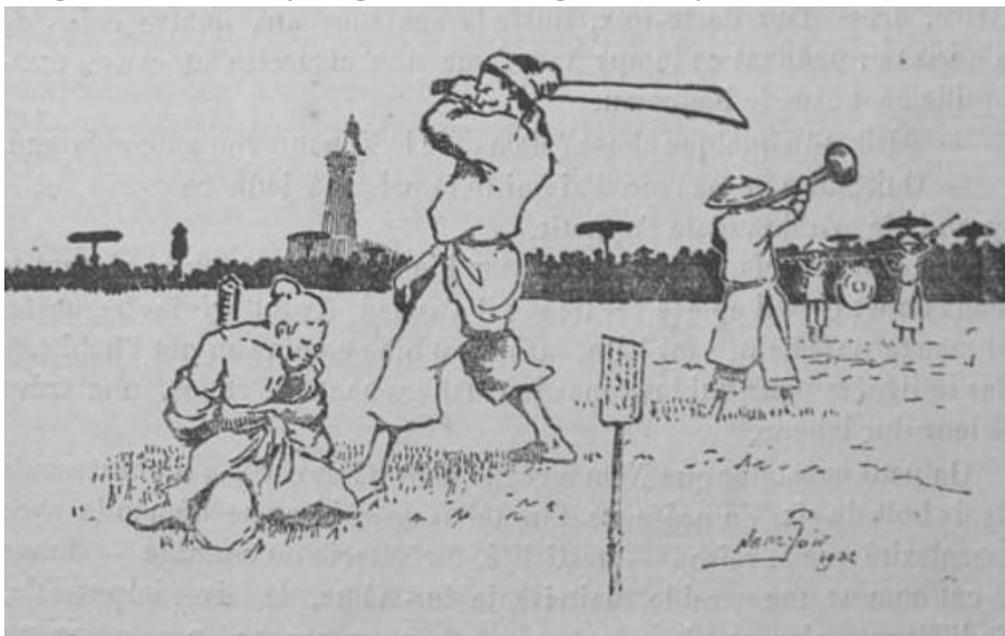
Hồi tám giờ, những người kéo đến xem đông ngồn ngồn. Ở đằng xa, nghe thấy tiếng cồng và trong khắp đám đông có tiếng ồn ào “ Nó kia kia! nó kia kia!”.

Một đám rước xuất hiện ra ở đầu phố. Những lính vác cờ đuôi nheo sắc sỡ đi tiên phong, ngay sau chúng nó có những thằng đánh cồng. Những lính cầm cờ và những lính đánh cồng đều mặc áo nẹp đỏ giải điềm thêm những hoa đen coi nổi lấm. Rồi đến Quan Án, có mấy tên lính khố xanh là lính thủ túc của ngài đi trước.

Quan Án mặc triều phục: áo địa theo, mũ cánh truồn. Trước ngực đeo cái thẻ ngà con con buộc bằng cái dây đỏ, cứ nom cái thẻ ngà ấy thì biết phẩm tước của ngài. Ngài cưỡi con ngựa gầy gò phủ một tấm chiên hồng, trên tấm chiên đặt cái yên cao ngất nghểu, bằng gỗ sơn son, nhiều chỗ nạm mặt kính và những miếng kim khí.

Sau đến tội nhân có mấy tên lính khố xanh đi vòng quanh, cách xa xa. Tội nhân, trói rất cánh tỉ, đi theo, đầu ngẩng cao, mắt nhìn xa. Nhìn vào mặt nó, không thể biết được tâm tình nó, không thấy nó cảm động chút nào, nó cứ bước đi phẳng phẳng sau lưng nó lúc nhúc những người như nôm cối, đám rước quan càng chảy qua nhiều phố thì người xem lại càng đông thêm.

Lão Nam, có lính canh đứng chung quanh, chèo lên cái mô đất nhỏ, ở trên đã đóng cái cọc, nó không sợ cũng không làm bộ, lại đứng gần cái cọc, còn người xử tù mặc cái áo dài thâm, ngoài áo thắt cái dây lưng lụa xanh, đứng xa nó mấy bước.



Những cái công đương đánh liên thanh bỗng chốc im tiếng, thầy đề cầm cái loa, tuyên án vang lừng tứ phía, trong lúc ấy lão Nam hút điếu thuốc lá và điềm nhiên nói chuyện với người xử tù.

Quan Án hỏi tội nhân rằng: Mi có muốn gì không?

- Có, tôi muốn ăn uống. Sáng hôm sau tôi ở nhà pha ra, chưa được ăn gì, ra đây, không khí quang đãng, tôi thấy đói bụng.

Lệnh quan truyền vắn tắt: một mâm cỗ khá lịch sự đã bày trước mặt tội nhân. Lính cởi trói cho nó, nó ngồi. Nó cầm đũa ăn nhẩn nha, không vội vã, như những người bản xứ thường có thói quen ăn như vậy, vì những bữa cơm thường nhật của họ là những lúc nghỉ ngơi là lúc đình hoãn công việc khó nhọc.

Xét ra thì lão Nam đói thật, vì chưa bao lâu nó đã ngốn hết ba bát cơm rồi. Trông thấy nó gan như thế cũng lấy làm ngạc nhiên và tự hỏi mình rằng: vì có gì, vì lòng cầu trệ, vì tính hay làm bộ hay vì can đảm? Mà thằng cha ấy tự kiềm thúc được như vậy, mà nó không cảm động, không quan tâm, trong mắt nó không thấy một chút hối hận, không thấy ngơ ngác lo sợ hay oán thù gì cả.

- Tội nhân mồm đương lúng búng hỏi:

Có thể cho tôi một chén rượu không?

Một thằng lính đưa rượu cho nó, nó uống lấy làm thoả thích, nó chỉ uống một “tách” thôi.

- Tôi xin một điếu thuốc lá...

Nó đứng lên, hút thông thả. Cách đây một ít, nó trông thấy một người canh tù, nó gọi lại và cảm ơn người ấy đã không xử tệ với nó.

- Nó vút cái mồi thuốc lá vừa nói:” Nào, thôi bây giờ xong cả rồi...”

Lão Nam lại bị trói, đi lại cái cọc, quỳ xuống chân cọc. Người xử tù trói nó vào cọc, cẩn thận và không hấp tấp. Nhưng mà cái cọc cao quá. Họ vội vàng đem cái cửa lại để cửa bốt đi, cái cửa rít lên ở sau gáy tội nhân. Còn tội nhân, trong lúc ấy, xê dịch đầu gối, chuyển động hai vai, để quỳ cho thoải mái.

Bồng chốc thấy lính bồng súng, ánh sáng thanh đao lấp loáng, thế là đã: cứ phép ra hình rồi. Cái tử thi rũ rượi, lúc côi trối ra, rơi gục xuống đất hình như kêu van một lần cuối cùng nữa.

Người xử tử lau thanh đao vào áo tội nhân, rồi cứ theo như lệ thường, liếm lưỡi đao cho người chết khỏi oán, phục xuống lạy trước mặt quan, rồi lui ra điềm nhiên như không, sau lưng có lũ trẻ con nhí nha, nhí nháu, đi theo.

## XX

Những người đi xem đã tản mạn rồi thầy Vinh mới có thể về nhà được thầy ngồi một mình trong văn phòng, thầy không định mà con mắt thầy tự nhiên nhìn vào cái ghế mà trước kia người yêu của thầy vẫn hay ngồi. Thầy nhìn cái ghế ấy hồi lâu rồi bỗng chốc thầy đoán trước một cách quái gở trong trí rằng thầy không bao giờ trông thấy tình nhân nữa. Thầy cố lý luận, thầy cố nhớ lại những lời đã cùng nhau thề thốt, cái ý tưởng biệt ly đã chôn chặt vào trong óc thầy, từ bấy giờ giở đi không còn cái gì có thể khu trừ được.

Mấy hôm trước thầy hết sức can đảm đến bây giờ thầy đã thất vọng, trước kia thầy không ngờ rằng tình nhân bước chân đi mà thầy đến nỗi đau đớn như vậy...

Trong những ngày tiếp sau thầy chờ tin tức cũng được yên ủi một đôi chút, thì thầy đi chơi liên miên, nhưng thầy đi lang thang, chung quy vẫn lại đến những nơi mà hai người cùng nhau thưởng ngoạn năm xưa, thầy vẫn băn khoăn rằng mắt người yêu chứ không thể đành lòng khuây khoả được. Thầy nhắc đi nhắc lại hồi lâu như người cầu kinh rằng: "Ta không trông thấy mặt nàng nữa". Bấy giờ thầy có cái cảm giác ghê gớm rằng: thầy lẻ loi một mình, thầy thấy trong mình khổ não muôn phần, thầy sống cho qua ngày chứ không có cái nghị lực thiết đến sự sống nữa.

Ở nhà thầy, mỗi cái bàn ghế, mỗi cái đồ vật như gợi tấm lòng nhớ thương: nào là cái gương ngày xưa cô soi để làm đóm, nào là những cái ghế cô ngồi, nào là những quyển sách tay cô dở, nói tóm lại tất cả các cái mà cô đã mó đến lướt qua hay trông vào đều là những vật kỷ niệm cả. Cái nhà mà cái tia sáng mặt trời ấy đã thoát ra thì lạnh lẽo buốt giá biết là dường nào!

Thầy bực dọc trong mình, thầy ngồi hàng mấy giờ đồng hồ, hồi tưởng lại những việc đã xảy ra trong mấy tháng vừa rồi. Thầy không có cái khí lực cũng không có cái trí khôn để thử đem cái nghị lực nó bưng bưng lên một chốc mà tránh cho khỏi sự đau đớn. Cái đau đớn ấy hình như mật thiết với thầy, cơ hồ thầy ra sức làm cho nó tăng thêm lên nữa. Rồi bỗng chốc thầy nổi cơn giận vì thầy trông thấy cả tạo vật đã không thương xót thầy thì chớ, lại cứ sinh hoạt vui vẻ rực rỡ, mà trong lúc thầy sầu thảm thì cây vẫn nở hoa, chim hót vang giời... Cảnh vật vô tình đẹp đẽ sáng sủa như vậy làm cho thầy tức bực.

Trước thầy còn thất vọng dữ dội, rồi kể đến không còn nhuệ khí gì nữa, sau đến sự quyết đấu của tình cảm cho đến khi những tình cảm ấy, chính vì nó mạnh quá mà hoá ra nhạt, không còn kích thích gì nữa, cũng như những ánh sáng kia chói lọi quá, trước còn làm cho hoa cả mắt lên chiếu vào màng mắt mà màng mắt không thấy cảm giác gì hết. Bấy giờ cái chí nguyện thần thờ những cái mãnh lực của bản thân thầy không hành động nữa, khác nào cái máy tự nhiên chuyển vận chứ không tư tưởng nữa. Thầy ngỡ ngác mỗi một hình như các cơ quan thiết yếu của sự sinh hoạt đều bị vỡ cả ở trong mình thầy...

Thì giờ thấm thoát biết bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng đã qua, tuy rằng cô Được đã hứa, đã thề rằng viết thư cho thầy luôn mà thầy chẳng nhận được âm tín gì của cô cả. Tuy nhiên cái nỗi đau lòng của thầy Vinh lâu ngày cũng dần dần, vì chỉ có cái thì giờ là hàn lại được những

vết thương trong tâm khảm, tích lũy bụi bậm lại, san phẳng những chỗ gồ ghề, làm mờ những nơi khắp khênh, làm nhạt những cái rực rỡ, làm kém cái tính ký ức, làm cho quên mọi sự. Ấy chính là thầy Vinh đã mấy tháng không nhận được tin tức gì của cô, mới nhất định viết thư cho một người anh em bạn. Mười lăm hôm sau thầy nhận được thư giả lời rằng.

*Thưa quý hữu,  
Trên song thấp thoáng giăng sương,  
Bóng thông bóng mạn bên đường rủ ngang.  
Mùa đông lạnh lẽo tuyết sương,  
Ngày đông như vải hết càng giải ra.  
Trắng phau sáu cánh tuyết hoa,  
Phủ chòm mặt đất như là áo toi.  
Đông thiên tuyết xuống phải thời:  
Mùa màng sau hẩn gấp mười năm nay.  
Chận gió bắc lạnh lòng thay!  
Nhớ người tri kỷ cũng khuây khoả lòng.  
Lọ là phải áo mền bông?  
Tương tri khao khát ta cùng gặp nhau.  
Con thuyền muốn đẩy cho mau,  
Tới nhà hợp mặt trước sau truyện trò.  
Lấy cái ấm, súp quanh lò,  
Đập hòn nước đá pha chà uống chơi.  
Chén quanh rượu cúc khuyến mời,  
Vui vậy sẽ được phi nhời ước ao.  
Phương nam rong ruổi bóng câu,  
Chuôi sao bắc đẩu quay đâu sang đôi.  
Kìa kìa xuân sắp tái lai,  
Tri âm ta lại gặp người tri âm.*

Bác ơi xem thư của bác, tôi vội vàng đi dò la tin tức, tôi đau đớn trong lòng như đứt ruột, tôi không dám viết thư cho bác.

Quý hữu khôn nạn ơi, bác đoán thật đúng, cái thị mà bác chờ đợi, không trở lại nữa đâu. Bó chị ta đi Thanh Trì, trong khi đi thuyền tự Sài Gòn đến Thanh Trì, chị ta gặp một nhà hàn mặc mới được bổ ra làm quan. Mụ Thuận thấy con gái mình lấy được chồng quan, chắc trong gia đình sẽ lừng lẫy danh giá thì híp mắt lại, mụ thu xếp mọi việc xong xuôi ngay lập tức, chắc bác cũng biết cái kế của hẩn. Cô Được bây giờ ở tỉnh Cần Thơ với người chồng là quan một hạt nhỏ. Cả gia quyến cô đến ở nhà người tân lang, cái đó là lý đương nhiên, mụ Thuận hừng mũi lên ra phết, như ta thường nói.

Nhưng mà bác là một nhà nho sĩ, sao bác lại đem cái tâm địa của bác phó thác vào trong tay một người đàn bà? Thế có phải là đem con chiên con giao cho con cọp không?

Bác đã biết cái tâm thần của chị ta...! Bác bảo rằng: chị ta đã cùng bác hẹn hò!... Ta có câu tục ngữ rằng: Dò xét cái lòng người đàn bà là một việc dò đại như tìm kim dưới đáy bể.

Bác ơi lệ luật của ta khôn ngoan lắm, luật bắt người đàn bà, khi còn con gái hay lúc có chồng có con rồi, bao giờ cũng phải phụ thuộc người đàn ông, những nhà làm luật ở nước ta đã biết rõ cái trí não yếu ớt, cái tâm tình nông nổi của người đàn bà.

Đã bao nhiêu lần, cái ảnh hưởng của người đàn bà làm cho người đàn ông khốc hại, cho nên trong bộ luật ta đã định trước rằng: ông quan nào lấy vợ là người ở trong địa hạt mình cai trị thì bị phạt tám mươi trượng.

Đàn bà có tính tự phụ, họ không tham ruộng cả ao liền, họ chỉ tham về cái bút nghiên anh đồ. Bác ơi, bác phải biết rằng: tự mấy mươi thế kỷ đến giờ, những câu hát của ta vẫn khuyên họ đừng ham mê như vậy.

*“Ai ơi, chớ lấy học trò,  
Giài lưng tốn vải ăn no lại nằm.  
Ngày thời cắp sách chạy nhăng,  
Đêm về thấp một ngọn đăng ngồi rù”.*

Ấy những câu hát răn họ như thế mà nào có ăn thua gì đâu. Họ vẫn hăm hở điên dồ như vậy, khác nào ruồi nhặng bay đến đống phân. Lúc họ có chồng rồi thì lại là một sự khác, mà cơ hồ bao giờ họ cũng vẫn ghen tuông quá đỗi. Ta chả thường nói rằng: “Ớt nào mà ớt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng” đấy ư? Lại cũng hiếm có những người đàn bà trinh thực, những người lỗi lạc như vậy ít quá, đến nỗi chính nhà vua hễ thấy những người đàn bà góa mà thủ tiết thì sắc phong chữ vàng: trinh tiết khả phong.

Cũng có khi tuy rằng họ yêu chúng ta thật mà chúng ta đã làm cho nhiều ơn huệ, thế mà họ cũng vì đại đột đến nỗi làm hại chúng ta.

Người chiến tướng là Từ Hải đã cứu cô Kiều ra khỏi nơi cực khổ, thế mà chẳng phải vì cô Kiều mà Từ Hải chết đấy ư?

Ư bác là người nho sĩ mà sao bác đã quên những lời giáo huấn của thánh hiền ở trong những sách mà chúng ta đã ngồi cạnh cùng nhau học ở nhà trường. Sách Ấu học dạy rằng: “Ở phương bắc có một mỹ nhân sẽ huỷ hoại của thế giới, rồi còn trở lại một mình, vì một cái nhìn của nàng làm nghiêng thành, một cái nhìn thứ hai của nàng làm nghiêng nước”. Kinh Dịch lại nói thêm rằng “mặt hoa da phấn chỉ làm cho chúng ta say mê đắm dục, ăn chơi quá độ”.

Bác hãy xem trong lịch sử Tàu hai cái thời kỳ xấu xa nhất về đời Đường là cái thời kỳ mà quyền chính ở trong tay đàn bà là những giống cái hoang dâm vô độ, đến nỗi một thị trong bọn ấy đã mục danh là con lợn cái hình người. Con gái vua An dương chả tiết lộ cho tình lang biết cái móng của thần quy cho là gì? Vua An dương bị thất bại nhà vua khác lấy nước An Nam! Lúc giờ muốn hại ông Nguyễn Trãi là một vị quan đại thần, giờ chả dùng đến tay một người đàn bà đấy ư? Chắc bác cũng còn nhớ cô hàng bán chiếu xinh đẹp mà vị lão thần ấy đã gặp ở bờ hồ Tây.

Cô là người đẹp, ông yêu cô. Bởi thế mà ông và cả gia quyến ông bị hại.

Bác ơi, bác cứ xem đấy thì biết, bác muốn chữa cái bệnh của bác thì bác phải tìm những bạn tốt bác hãy hội họp những văn chương đứng đắn. Lúc hội hữu, chuyện trò vui vẻ thì các bác uống rượu, rượu là cái chổi quét sạch mọi điều phiền não, các bác thi nhau làm những bài thơ bài phú hay, mà rượu là cái lưỡi câu để câu những câu thơ, đó là nhờ nhà thi hào Tô Đông Pha đã nói.

Mà cả đến lúc vắng bạn, bác cũng nên uống rượu, vì bầu rượu của bác sản xuất ra ở trong trí não bác biết bao nhiêu là ý tứ bóng bẩy, cảnh tượng ly kỳ đến nỗi bác không tự thấy mình là người bị phụ bạc nữa.

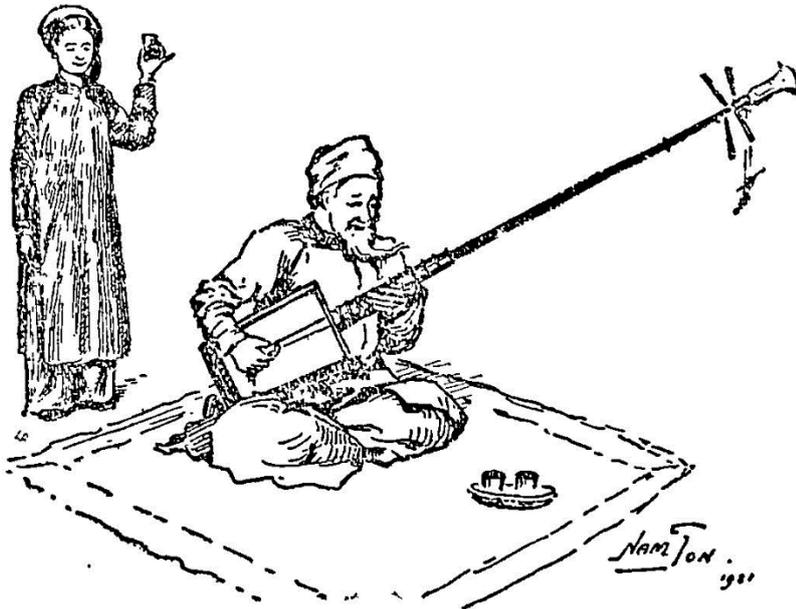
*“Ôm hồ rượu dưới rừng hoa,  
Một mình rót uống bạn đà vắng tanh.  
Chén nâng mời bóng trăng thanh,  
Nhìn ra trăng, bóng, với mình là ba”.*

Bài thơ ấy của ai? Chính là của Lý Bạch, những văn thơ của tiên sinh thì các nhà nho ai ai cũng lấy làm ngợi khen...

*Anh hãy gắng công!*

Anh hãy yên lòng!  
 Trời vừa rạng đông,  
 Em viết thư xong,  
 Sương xa lạnh lòng!  
 Buốt đá như đồng!  
 Canh năm xa nghe tiếng trống điểm thùng.  
 Tiếng gà rộn rã em thức rờng đêm thâu.  
 Em thức bấy lâu,  
 Đèn đã cạn dầu  
 Quán ngại chi đâu.  
 Bạn em xa vắng em sầu.  
 Tưởng ngày hội ngộ về sau mà mừng.  
 Bút hoa quê ketch mấy dòng,  
 Tờ mây một bức gửi cùng tri âm.

Mới cách đây vài năm, hãy còn thấy ở Thái hà ấp là xóm cô đầu, một ông lão người nhỏ bé, mặt răn rúm, làm nghề “kếp”, ấy là thầy Vinh. Thầy lạm dụng “cái thứ chổi quét sạch mọi nỗi âu sầu” cho nên thầy cũng thành ra hơi ngẩn ngơ, nhưng mà người ta chuộng thầy về cái tài âm nhạc.



Cũng có khi thầy đi với một “ngôi sao”, hát một bài trường thiên thì mặt thầy có giáng khác. Cặp mắt thầy đưa lên, rất là khoái lạc về phía người ca nhi, trước hết ai cũng tưởng là thầy ngợi khen cô ả đào, nhưng mà xét kỹ thì đoán được rằng thầy đương mơ màng kịch liệt trong thần trí, còn cái ả đứng trở tài đương hát đấy chỉ đủ làm cho thầy tưởng tượng đến cái dung nhan của một cô khác mà trong lòng thầy vẫn thường thường nhớ đến.

Lúc cô ả đào hát xong thì thầy âu sầu buồn bã. Nếu ép thầy uống rượu thì mặt thầy lại điềm nhiên như thường, mà trong những lúc ấy, thấy thầy hát những khúc sau này thì ai cũng lấy làm ngạc nhiên:

“*Sư về sư ôm tương tư,  
 Ôm lãng óm lóc cho sư trọc đầu*”.  
*Bụt ăn mặn sư hầu khát nước*

Kìa kìa cô Được  
Tha thướt lên chùa,  
A di đà phật! Cho cô xinh dòn.  
“Này anh ơi, em bon đến trước,  
Anh bước lại đây  
Xích thằng ta nguyện trao tay đến già.  
Non thê sông hẹn tro tro,  
Mà cô đi lấy anh đồ giải lưng.  
Kìa vua Trụ tự dưng mất nước,  
Chỉ vì tình, mới thực đáng cười,  
Cô kiêu chi mấy, thương ôi!  
Má hồng có lúc lại phai đó mà.  
Trên gương chiếc bóng thoản qua:  
Cái sắc cô đẹp, đẹp đà lâu chẳng?  
Cô già da cóc lần sần,  
Răng móm miệng giếng, rộng gằn mang tai.  
Má cô trẻ xuồng, cô ơi.  
Như quả bí héo, cô thòi hợm chẳng?  
Kiện nhau sách có chữ rằng:  
Được thua mười bốn mười lăm quan tiền”  
Đa mang chi lắm cho phiền:  
Đòn ông thường vẫn là bên bị lừa.  
Sao bằng cốc rượu thơm tho!

Vũ Văn Lễ dịch